

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải

Tập 4



Hoà thượng Tuyên Hoá



*Ồi chúng sinh có đủ thứ tánh,
đủ thứ dục, đủ thứ hạnh,
đủ thứ nghĩ nhớ phân biệt.
Đạt muốn khiến cho sinh các căn lành,
cho nên dùng đủ thứ nhân duyên,
ví dụ lời lẽ, đủ thứ thuyết pháp,
làm các Phật sự, chưa từng tạm xả bỏ.*

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cư Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 4



Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
e-mail: chuakimquang@aol.fr
<http://chuakimquang.com>

Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ
Nguyễn Văn Tuyền, pd Tâm Mãn
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển 5

Phẩm từ dưới đất vọt lên thứ 15.....	8
Phẩm thọ lượng của Như Lai thứ 16.....	73
Phẩm phân biệt công đức thứ 17.....	122

Quyển 6

Phẩm tùy hỷ công đức thứ 18.....	177
Phẩm công đức pháp sư thứ 19.....	206
Phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh thứ 20.....	285
Phẩm thần lực của Như Lai thứ 21.....	312
Phẩm chúc lữ thứ 22.....	332
Phẩm bốn sự Bồ Tát Dược Vương thứ 23.....	341

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM TỪ DƯỚI ĐẤT VỌT LÊN THỨ MƯỜI LĂM

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chia làm bảy quyển, tổng cộng có hai mươi tám phẩm. Mười bốn phẩm trước, là nói về nhân của một thừa. Mười bốn phẩm sau là nói về quả của một thừa. Cũng có thể nói mười bốn phẩm trước là khai quyền hiển thật (Mở bày phương tiện, để hiện ra tướng chân thật), mười bốn phẩm sau là khai cận hiển viễn (Mở bày gần để biết xa), đều nói pháp tối thượng thừa.

Phẩm này thuật lại vô lượng vô biên đại Bồ Tát, trụ ở trong hư không, ở thế giới phương dưới, các Ngài từ dưới đất vọt lên. Tại sao ? Vì muốn cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì phải hộ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đó là những pháp thân Đại Sĩ (đại Bồ Tát) ở trong quá khứ, đã từng làm đệ tử của đức Phật Thích Ca. Bây

giờ, các Ngài đều đến hoàng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bấy giờ, các vị đại Bồ Tát đến từ các cõi nước phương khác, số nhiều hơn số cát của tám sông Hằng, ở trong đại chúng đều đứng dậy chấp tay làm lễ, mà bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Xin Ngài lắng nghe, sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ ở tại thế giới Ta Bà này, siêng năng tinh tấn, hộ trì đọc tụng, biên chép cúng dường kinh điển này, sẽ ở cõi này mà vì chúng sinh rộng nói kinh này.

Lúc đó, tức cũng là sau khi nói xong Phẩm An Lạc Hạnh, chính là lúc phải nói phẩm ‘‘Từ dưới đất vọt lên’’, tức là vào lúc có rất nhiều các vị đại Bồ Tát, đến từ các cõi nước phương khác, số đông vô lượng nhiều hơn số cát tám sông Hằng. Các Ngài đến gặp đức Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca. Những vị đại Bồ Tát này, ở trong đại chúng cùng nhau đứng dậy, cung kính chấp tay mà bạch Phật rằng : ‘‘Đức Thế Tôn ! Xin Ngài nghe chúng con phát nguyện, sau khi Phật diệt độ, chúng con nhất định tu hành ở tại thế giới Ta Bà này, siêng năng tinh tấn hộ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, biên chép Kinh

Pháp Hoa, cúng dường Kinh Pháp Hoa. Chúng con ở trong cõi nước này, rộng vì tất cả chúng sinh, diễn nói đạo lý chân thật của Kinh Pháp Hoa, khiến cho tất cả chúng sinh gieo trồng căn lành, sớm thành tựu quả vị Phật.

Bấy giờ, đức Phật bảo các chúng đại Bồ Tát : Thôi đi ! Thiện nam tử ! Không cần các ông hộ trì kinh này, tại sao ? Vì thế giới Ta Bà của ta đây, đã có các đại Bồ Tát nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát đều có quyến thuộc, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Hết thảy những người đó, sau khi ta diệt độ, sẽ hộ trì, đọc tụng, rộng nói kinh này.

Lúc đó, đức Phật bảo các vị đại Bồ Tát số đông nhiều như số cát tám sông Hằng, đến từ các phương khác rằng : “Thôi đi ! Không cần đâu. Thiện nam tử ! Các ông đừng phát nguyện đến hộ trì Kinh Pháp Hoa.” Tại sao lại nói vậy ? Vì Đức Phật Thích Ca muốn khiến cho đệ tử của mình, gieo trồng nhiều căn lành, làm nhiều công đức. Lại nói tiếp : “Vì thế giới Ta Bà của ta đây, đã có các đại Bồ Tát, đông nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát đều có quyến thuộc (đệ tử) đông nhiều như số cát

sáu vạn sông Hằng. Hết thấy những người đó sớm đã phát nguyện, sau khi ta diệt độ sẽ hộ trì, đọc tụng, biên chép, rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này.

Khi đức Phật nói như thế, thì ba ngàn đại thiên thế giới Ta Bà, mặt đất rúng nứt, và trong sự rúng nứt đó, có vô lượng ngàn vạn ức đại Bồ Tát đồng thời vọt lên, các vị Bồ Tát đó, thân đều màu vàng, đủ ba mươi hai tướng, có vô lượng quang minh. Các vị Bồ Tát đó, đều trụ ở trong hư không, ở dưới cõi Ta Bà.

Khi Đức Phật Thích Ca nói những lời như thế, thì tại thế giới Ta Bà ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả đất đai đều chấn động nứt ra, trong sự đất nứt ra có vô lượng ngàn vạn ức đại Bồ Tát đồng thời vọt lên. Những vị đại Bồ Tát đó, đều là đệ tử của Đức Phật Thích Ca giáo hóa ở trong quá khứ.

Các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, thân đều màu vàng tía, đầy đủ ba mươi hai tướng đại nhân, lại có vô lượng quang minh. Các Ngài đều trụ ở trong hư không, ở dưới cõi Ta Bà.

Các vị Bồ Tát đó, nghe tiếng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni diễn nói diệu pháp, bèn từ phương dưới mà đến, mỗi vị Bồ Tát đều là đạo sư của đại chúng, ai nấy đều mang theo quyển thuộc, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng, có vị mang theo quyển thuộc, nhiều như số cát năm vạn, bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn sông Hằng.

Chỗ ở của các vị Bồ Tát đó, tuy nhiên cách thế giới của chúng ta ở rất xa, xong pháp âm của Đức Phật Thích Ca diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, các Ngài đều nghe được rất rõ ràng, cho nên từ phương dưới mà đến pháp hội Linh Sơn. Các Ngài đều là đạo sư giáo hóa chúng sinh, làm sư biểu của chúng sinh. Đều là thủ lãnh của đại chúng.

Mỗi vị Bồ Tát đều mang theo quyển thuộc (đệ tử theo Bồ Tát học Phật pháp) đến pháp hội. Có vị Bồ Tát đem theo quyển thuộc, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng, hoặc có vị mang theo quyển thuộc nhiều như số cát năm vạn, bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn, sông Hằng.

Hoặc có vị chỉ mang theo quyển thuộc, nhiều như số cát một sông Hằng, nửa sông Hằng, một phần tư, cho đến một phần ngàn vạn ức Na do tha. Lại có vị mang theo ngàn vạn ức Na do tha quyển thuộc, hoặc là ức vạn quyển thuộc, hoặc ngàn vạn, trăm vạn, cho đến một vạn, hoặc một ngàn, một trăm, cho đến mười, hoặc có vị chỉ mang theo năm, bốn, ba, hai, một vị đệ tử.

Có vị Bồ Tát mang theo ngàn vạn ức Na do tha quyển thuộc, hoặc ức vạn quyển thuộc, hoặc mang theo ngàn vạn quyển thuộc, hoặc mang theo trăm vạn quyển thuộc, cho đến một vạn quyển thuộc, hoặc có vị mang theo một ngàn quyển thuộc, hoặc mang theo một trăm quyển thuộc, cho đến mười quyển thuộc, hoặc mang theo năm vị đệ tử, hoặc mang theo bốn vị đệ tử, hoặc ba, hai, một vị đệ tử. Những số mục này chẳng nhất định. Theo biểu pháp mà giảng, thì năm là đại biểu cho năm uẩn, bốn đại biểu cho bốn đế, ba đại biểu cho ba độc, hai đại biểu cho hai đức (trí huệ), một đại biểu cho một thật đạo (chân như, chân lý tuyệt đối) .

Lại có vị Bồ Tát sống một mình, ưa thích hạnh xa lìa thế gian, hết thấy như thế vô lượng vô biên, không thể nào tính đếm, ví dụ, biết được số lượng.

Có vị Bồ Tát phát nguyện chẳng thu nhận đệ tử, tự mình sống một mình, tu hành ở trong rừng sâu núi thẳm, xa lìa sự ồn ào thế gian, đó là “ưa thích hạnh xa lìa”, tức cũng là tu hạnh đầu đà (khổ hạnh). Hết thấy như thế nhiều vô lượng vô biên, chẳng cách chi tính đếm, ví dụ để biết được số lượng chính xác.

Các vị Bồ Tát đó, từ dưới đất vọt lên rồi, đều đến chỗ tháp bảy báu trong hư không, của đức Đa Bảo Như Lai, và đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đến rồi, ai nấy đều hướng về hai đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, và đến dưới các cây báu chỗ của chư Phật, ngồi trên tòa sư tử cũng đều làm lễ, nhiều bên phải ba vòng, chấp tay cung kính, dùng đủ thứ pháp khen ngợi của các Bồ

Tát để khen ngợi, rồi lui về một bên chiêm ngưỡng hai đức Thế Tôn.

Vô lượng vô biên những vị đại Bồ Tát đó, sau khi từ dưới đất vọt lên rồi, mỗi vị Bồ Tát đều đến chỗ thắp bảy báu trong hư không, của đức Đa Bảo Như Lai và đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đến rồi, ai nấy đều hướng về hai đức Thế Tôn, đánh lễ năm thể sát đất, thân tâm cung kính. Lại đến dưới cây báu trước tòa sư tử, của chư Phật đến từ mười phương cuối đầu đánh lễ. Nhiều bên phải ba vòng, biểu thị cung kính. Sau đó, chấp tay lại cung kính chiêm ngưỡng tôn nhan của chư Phật, dùng những lời khen ngợi của các Bồ Tát để khen ngợi :

‘‘Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tử
Thế gian sở hữu ngã tận kiến
Nhất thiết vô hữu như Phật giả’’.

Nghĩa là:

*Trên trời nhân gian không ai bằng Phật
Mười phương thế giới không ai sánh bằng
Hết thấy thế gian ta thấy hết
Tất cả không ai như đức Phật.*

Chúng ta mỗi ngày niệm :

‘Phật A Di Đà Phật thân sắc vàng
Tương tốt chói sáng không ai bằng
Hào quang trắng chuyển động như Tu Di
Mắt Phật xanh biếc như nước bốn biển
Trong quang minh có vô số hoá Phật
Hóa Bồ Tát chúng cũng nhiều vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh
Chín phẩm sen vàng lên bờ giác’.

Đó là pháp khen ngợi Phật. Những vị Bồ Tát đó, sau khi đánh lễ khen ngợi rồi, bèn lui về một bên, chuyên tâm chiêm ngưỡng đức Đa Bảo Như Lai và Phật Thích Ca, mắt chẳng tạm rời.

Các vị đại Bồ Tát từ khi mới vọt lên, dùng đủ thứ pháp của các Bồ Tát, để khen ngợi Phật, thời gian như thế trải qua năm mươi tiểu kiếp.

Những vị đại Bồ Tát đó, bắt đầu từ dưới đất vọt lên, bèn dùng đủ thứ pháp khen ngợi của Bồ Tát, để khen ngợi đức Đa Bảo Như Lai, đức Phật Thích Ca và các đức Phật từ mười phương đến. Khen ngợi Phật như thế, trải qua thời gian năm mươi tiểu kiếp.

Tiểu kiếp là gì ? Tuổi thọ của con người bắt đầu từ mười tuổi, mỗi một trăm năm thì tăng một tuổi, thân cao thêm một tấc, tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì ngừng

(một tăng). Sau đó lại giảm xuống, cũng mỗi một trăm năm thì giảm một tuổi, thân cao cũng giảm xuống một tấc, giảm xuống còn mười tuổi thì ngừng (một giảm), do đó “Một tăng một giảm là một kiếp”.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn ngồi yên lặng, bốn chúng cũng đều yên lặng. Thời gian năm mươi tiểu kiếp rất dài, nhưng nhờ thần lực của Phật, khiến cho đại chúng cảm thấy như chỉ nửa ngày.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca vẫn ngồi yên lặng trong thời gian năm mươi tiểu kiếp, chưa từng nói pháp gì. Trong hội này có người hoài nghi : “Đức Phật Thích Ca thọ chỉ tám mươi năm, nói pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, cuối cùng nói Kinh Pháp Hoa, từ khi bắt đầu cho đến cuối chỉ nói tám năm. Tại sao ở trong kinh vẫn nói : Đức Phật Thích Ca diễn nói Kinh Pháp Hoa trải qua năm mươi tiểu kiếp ? Chẳng có căn cứ gì cả ! Thật khiến cho mọi người khó tin.”

Trong Kinh Duy Ma Cật có ghi rằng : “Ông Duy Ma Cật ở trong một căn nhà nhỏ, diện tích chiều dài chiều rộng chẳng quá một trượng. Song, có thể dung nạp được ba vạn hai ngàn tòa sư tử. Mỗi tòa sư tử cao khoảng

tám vạn do tuần (một do tuần khoảng bốn mươi dặm). Nhà một triệu vương làm sao có thể dung nạp được ba vạn hai nghìn tòa sư tử cao lớn như thế ? Đó là cảnh giới trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, viên dung vô ngại. Chẳng qua phàm phu chẳng minh bạch đạo lý này. Nếu minh bạch được, thì năm mươi tiểu kiếp, bất quá chỉ một niệm mà thôi. Nếu chẳng minh bạch thì tức là năm mươi tiểu kiếp. Do đó :

“Năm mươi tiểu kiếp tức một niệm,
Một niệm tức năm mươi tiểu kiếp.”

Năm mươi tiểu kiếp cũng chẳng phải là thời gian dài, một niệm cũng chẳng phải là thời gian ngắn. Tóm lại, đừng chấp trước, không nên có tâm phân biệt.

Bây giờ tôi kể một câu chuyện để cho mọi người nghe. Cao Phong Diệu Thiên Sư khi ngồi thiền, thì đến chỗ ven đỉnh núi mà ngồi thiền. Tại sao lại ngồi thiền ở chỗ nguy hiểm như thế ? Vì khi Ngài ngồi thiền, thì luôn luôn nhập mộng, chướng ngại sự tu hành. Cho nên, Ngài phát nguyện đến ven đỉnh núi ngồi thiền. Nếu mà ngủ gục, thì sẽ rớt xuống núi tan xương nát thịt, tức cũng là đề cao cảnh giác cho đừng ham ngủ. Một ngày trôi qua chẳng ngủ. Tại sao ? Vì chẳng dám ngủ, nếu mà ngủ thì sẽ rớt xuống vực thẳm, kết liễu tánh mạng. Vì sinh tồn cho nên không dám ngủ. Song, đến ngày thứ tám thì chịu hết nổi, mới ngủ trong lúc ngồi thiền, thân thể bèn

ngiên về phía trước rớt xuống vực thẳm ngàn trượng, trong tâm Ngài nghĩ lần này chắc chắn chẳng còn tánh mạng. Do đó, bèn buông bỏ thân tâm, chết thì chết ! Chẳng cần lo, ngủ bao lâu thì cứ ngủ !

Thân thể Ngài Cao Phong Diệu Thiên Sư rớt đến nửa đường, thì Bồ Tát Vi Đà đến hộ pháp, Bồ Tát Vi Đà đỡ Ngài ở trong hư không nâng Ngài đi lên. Ngài cảm thấy thân thể của mình lơ lửng thẳng đi lên, cuối cùng đến được nơi an toàn. Ngài mới hỏi ở trong hư không rằng : ‘‘Vị thiện Thần nào đó đến hộ pháp tôi ?’’

- Bồ Tát Vi Đà nói : ‘‘Hộ Pháp Vi Đà.’’

Ngài nghe tiếng của Bồ Tát Vi Đà thì bèn sinh tâm kiêu ngạo. Trong tâm nghĩ : ‘‘Ta cảm ứng được Bồ Tát Vi Đà đến hộ pháp, đại khái người tinh tấn tu hành như ta trên thế giới này chắc chắn chẳng bao nhiêu.’’ Do đó, mới hỏi Bồ Tát Vi Đà rằng : ‘‘Bồ Tát Vi Đà ! Trên thế giới này, người tu hành dũng mãnh tinh tấn như ta có được bao nhiêu’’?

Bồ Tát Vi Đà nói : ‘‘Người tu hành như thế nhiều như lông bò. Ông sinh tâm cống cao ngã mạn như thế, trong tám vạn đại kiếp tới ta cũng chẳng hộ pháp cho ông’’! Nói rồi bèn bỏ đi.

Lúc đó, Ngài Cao Phong Diệu Thiên Sư sinh tâm hổ thẹn rơi lệ, bèn nghĩ : ‘‘Bồ Tát vi Đà chẳng hộ pháp cho ta, ta cũng phải tham thiền đả tọa, tu hành đạo nghiệp. Do đó, phấn chấn tinh thần bắt đầu ngồi thiền. Ngồi chẳng bao lâu, nhịn ngủ chẳng đặng lại ngủ gục

nữa. Do đó, lại rớt xuống vực thẳm nữa. Ngài nghĩ : Lần này chẳng còn hy vọng nữa, tính mạng cũng chấm dứt. Trong lúc đó lại có hộ pháp Vi Đà đến đỡ Ngài, nâng đem lên trên núi. Ngài lại hỏi ở trong hư không rằng : “Vi hộ pháp nào vậy?”

- Bồ Tát vi Đà nói : “Hộ pháp Vi Đà.”

Ngài Cao Phong Diệu Thiên Sư nghe nói lại nổi giận nói : “Lão Vi Đà, ông nói trong tám vạn đại kiếp chẳng hộ pháp tôi, tại sao bây giờ lại đến cứu tôi ? Chẳng phải ông đã phạm giới nói dối chằng?” Bồ Tát Vi Đà nói : “Vi ông khóc sinh tâm sám hối rất kiên thành, mà còn chân thật, cho nên vượt hơn thời gian tám vạn đại kiếp. Tức đã vượt quá thời gian thì tôi phải đến hộ pháp ông.” Do đó có thể thấy, một niệm sám hối, có thể vượt quá tám vạn đại kiếp. Cảnh giới này thật là không thể nghĩ bàn.

Đức Phật Thích Ca ở trong năm mươi tiểu kiếp chẳng nói, bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ cũng chẳng nói. Thời gian năm mươi tiểu kiếp đó tuy rất dài, song vì nhờ thần lực của Phật nên khiến cho đại chúng cảm thấy giống như chỉ thời gian nửa ngày. Tóm lại, tuy trong nửa ngày có thể đã trải qua năm mươi tiểu kiếp; tuy năm mươi tiểu kiếp, mà giống như nửa ngày.

Bấy giờ, bốn chúng cũng nhờ thần lực của đức Phật, cho nên thấy các vị Bồ Tát,

của vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi nước, đầy khắp hư không.

Lúc đó, bốn chúng cũng nhờ thần lực của Đức Phật, nên nhìn thấy các vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên đầy khắp hư không của vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi nước. Cứu kính đông nhiều bao nhiêu ? Chẳng ai biết được.

Bây giờ nói về thời gian. Trong kinh nói : “Một ngày một đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương, là năm mươi năm ở tại nhân gian. Một ngày một đêm ở cõi trời Đao Lợi, là một trăm năm ở tại nhân gian.

Một ngày một đêm ở cõi trời Dạ Ma, là hai trăm năm ở tại nhân gian. Mỗi tầng trời cao hơn, thì thời gian gấp bội lên. Tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương là năm trăm tuổi, ở cõi trời Đao Lợi là một ngàn tuổi, ở cõi trời Dạ Ma là hai ngàn tuổi. Mỗi tầng trời cao hơn thì tuổi thọ gấp bội lên.

Khi Đức Phật còn tại thế, thì có một vị ngoại đạo hỏi tôn giả Ca chiên Diên rằng : “Tôi không tin có đời sau, nếu có đời sau, thì tại sao con người sau khi chết, chẳng về báo cáo sự chịu khổ như thế nào?”

- Tôn giả đáp : “Giống như người phạm tội, bị nhốt vào tù thì làm sao mà trở về?”

- Ngoại đạo lại hỏi : “Người sinh về cõi trời, tại sao chẳng trở về báo cáo sự hưởng thụ như thế nào?”

- Tôn giả đáp : ‘Ngày đầu tiên họ sinh về cõi trời, phải sắp xếp chỗ ở, ngày thứ hai lại phải nghỉ ngơi, ngày thứ ba trở về báo tin, thì ở nhân gian đã quá mấy trăm năm, làm sao mà bạn thấy được’? Lúc đó ngoại đạo chẳng có lời lẽ gì để nói, cáo từ đi về.

Trong chúng Bồ Tát đó, có bốn vị đạo sư, một tên là Thượng Hạnh, hai tên là Vô Biên Hạnh, ba tên là Tịnh Hạnh, bốn tên là An Lập Hạnh. Bốn vị Bồ Tát này là thượng thủ, là thầy xướng đạo ở trong chúng.

Ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng đại Bồ Tát, có bốn vị đại đạo sư. Vị đạo sư thứ nhất tên là Thượng Hạnh, vị đạo sư thứ hai tên là Vô Biên Hạnh, vị đạo sư thứ ba tên là Tịnh Hạnh, vị đạo sư thứ tư tên là An Lập Hạnh. Vì các Ngài tu hạnh môn cao thượng nhất, vô biên nhất, thanh tịnh nhất, an ổn nhất. Bốn vị đạo sư này là thủ lãnh ở trong những vị đại Bồ Tát đó, là thầy xướng đạo của họ.

Ở trước đại chúng, ai nấy đều chấp tay nhìn đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà hỏi thăm rằng : Đức Thế Tôn ít bệnh, ít

phiền não, an lạc hạnh chẳng ! Những người đáng độ có dễ giáo hóa chẳng ! Không khiến cho đức Thế Tôn mệt nhọc chẳng !

Bốn vị đạo sư Bồ Tát đó, ở trước đại chúng ai nấy đều chấp tay lại, nhìn tôn nhan của đức Phật Thích Ca mà hỏi thăm rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Hiện tại Ngài khỏe chẳng ? Chẳng có phiền não chẳng ? Đối với bốn hạnh an lạc (thân an lạc hạnh, khẩu an lạc hạnh, ý an lạc hạnh, nguyện an lạc hạnh) được an lạc chẳng ! Những chúng sinh đáng hóa độ, có dễ giáo hóa chẳng ? Chẳng có chướng ngại gì chẳng ! Chẳng khiến cho đức Thế Tôn mệt nhọc chẳng’!

Thân an lạc hạnh : Tức là thân phải xa lìa mười việc sau đây :

- 1). Giàu sang quyền thế.
- 2). Thần nhân tà pháp.
- 3). Hung hiểm giống cười.
- 4). Kẻ chiên đà la.
- 5). Chúng nhị thừa.
- 6). Dục niệm.
- 7). Năm thứ người bất nam.
- 8). Nơi nguy hại.
- 9). Việc chê bai nghi ngờ.
- 10). Nuôi dưỡng Sa di nhỏ tuổi.

Khẩu an lạc hạnh : Tức là miệng nên xa lìa bốn thứ lời nói :

- 1). Không nên nói lỗi của người và kinh điển.
- 2). Không khinh mạn kẻ khác.
- 3). Không khen ngợi kẻ khác, cũng chẳng hủy báng kẻ khác.
- 4). Chẳng sinh tâm bi hận.

Ý an lạc hạnh : Tức là ý nên xa lìa bốn thứ lỗi :

- 1). Đố kỵ xiêm nịnh.
- 2). Khinh khi mắng chưởi.
- 3). Dùng đại hạnh mắng chưởi người tiểu hạnh.
- 4). Cạnh tranh.

Nguyện an lạc hạnh : Là đối với chúng sinh chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay Kinh Pháp Hoa, thì khởi tâm từ bi. Ta muốn được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng sức thần thông và trí huệ, để dẫn dắt chúng sinh vào trong pháp này.

Bấy giờ, bốn vị đại Bồ Tát bèn nói bài kệ rằng :

Thế Tôn an lạc

Ít bệnh ít não

Giáo hóa chúng sinh

Được chẳng mệt nhọc.

**Và các chúng sinh
Thọ hóa dễ chẳng
Chẳng khiến Thế Tôn
Sinh mỗi nhọc chẳng !**

Lúc đó, Bồ Tát Thượng Hạnh, Bồ Tát Vô Biên Hạnh, Bồ Tát Tịnh Hạnh, Bồ Tát An Lập Hạnh, bốn vị Bồ Tát này, dùng kệ để hỏi thăm tình trạng của Đức Phật Thích Ca, tức cũng là vấn an.

Đức Thế Tôn ! Ngài an lạc chẳng ! Cũng chẳng có bệnh tật, cũng chẳng có phiền não. Giáo hóa chúng sinh chắc chắn rất an nhàn, chẳng có cảm giác mệt mỏi ! Lại nữa, tất cả chúng sinh dễ thọ sự giáo hóa chẳng ! Chẳng có khó khăn gì chẳng ? Họ chẳng khiến cho đức Thế Tôn sinh mỗi nhọc chẳng ?

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong chúng đại Bồ Tát, nói như vậy : Như thế, như thế ! Các thiện nam tử, Như Lai an lạc, ít bệnh, ít phiền não, hết thấy các chúng sinh dễ hóa độ, chẳng có mệt nhọc. Tại sao ? Vì các chúng sinh đó, đời đời kiếp kiếp đến nay, luôn luôn thọ sự giáo hóa của ta, ở trong quá khứ, họ cũng cung

kính tôn trọng các đức Phật, gieo trồng các căn lành.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca ở trong vô lượng đại chúng Bồ Tát nói như vậy : ‘Là như thế ! Là như thế ! Các vị thiện nam tử ! Như Lai rất an lạc, cũng chẳng có bệnh tật, cũng chẳng có phiền não. Hết thấy tất cả chúng sinh, đều rất dễ dàng giáo hóa độ thoát. Vì họ nỗ lực tu hành, tinh tấn dững mãi, cho nên ta chẳng cảm thấy mệt nhọc. Đây là nguyên nhân gì ? Vì hết thấy chúng sinh ở trong quá khứ, đời đời kiếp kiếp cho đến hiện tại, luôn luôn thọ sự giáo hóa của ta, họ cũng cung kính chư Phật, tôn trọng chư Phật, gieo trồng vô lượng vô biên căn lành.

Những chúng sinh đó, từ khi thấy thân ta, nghe lời của ta nói, thì đều tin nhận vào trí huệ của Như Lai. Những người trước kia tu tập tiểu thừa, nay ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này, mà vào trí huệ của Phật.

Đức Phật Thích Ca lại nói : ‘Hiện tại những chúng sinh mà ta đã giáo hóa, từ khi họ thấy thân ta, nghe tạng giáo, thông giáo, biệt giáo, viên giáo của ta nói rồi, thì họ lập tức sinh niềm tin, thọ giáo phụng hành, cho nên họ đã chứng quả A La Hán, đã chứng quả vị Duyên Giác, đã

chúng quả vị Bồ Tát. (ALa Hán phân ra: Sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả. Bồ Tát phân ra: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, năm mươi một quả vị). Chúng được năm mươi một quả vị pháp thân đại sĩ, sau đó vào trí huệ của Phật, chúng được quả vị Diệu Giác”.

“Vào trí huệ của Như Lai, trừ những người trước kia tu tập tiểu thừa, không ở trong đó. Hiện tại những người học pháp nhị thừa (tứ đế, mười hai nhân duyên), nay ta cũng khiến cho họ được nghe Kinh Pháp Hoa này, khiến cho họ hồi tiểu hướng đại, phát bồ đề tâm, hành Bồ Tát đạo, cũng được trí huệ của Như Lai”.

Kinh Pháp Hoa là con đường tắc tu hành thành Phật, cho nên phải nỗ lực nghiên cứu, đọc tụng, biên chép, ấn tống, cúng dường, hộ trì kinh này, y theo pháp mà tu hành, thì công đức vô lượng.

Bấy giờ, các vị đại Bồ Tát bèn nói bài kệ rằng :

Lành thay lành thay !

Đại hùng Thế Tôn

Hết thảy chúng sinh

Để dàng hóa độ.

Nghe được chư Phật

Trí huệ sâu xa

Nghe rồi tin hành Chúng con tùy hỉ.

Lúc đó, các vị đại Bồ Tát lại dùng kệ để khen ngợi đức Phật Thích Ca: Tốt lắm ! Tốt lắm ! Phật là đại Thánh Hùng của thế và xuất thế gian, bậc tôn quý nhất của thế và xuất thế gian. Hết thấy chúng sinh rất dễ tiếp thọ Phật hóa độ. Họ đều nghe được trí huệ sâu xa của chư Phật, sau khi nghe rồi thì tin nhận tu hành. Chúng con hết thấy Bồ Tát cũng tùy hỉ công đức đó, cũng nguyện y theo pháp của Phật dạy mà tu hành.

Khi ấy, đức Thế Tôn khen ngợi các vị đại Bồ Tát thượng thủ rằng : Lành thay, lành thay ! Thiện nam tử, các ông ở trước Như Lai phát tâm tùy hỉ.

Khi các vị đại Bồ Tát khen ngợi đức Phật Thích Ca rồi, thì đức Phật cũng khen ngợi các vị đại Bồ Tát, đó là cùng nhau khen ngợi. Tuy nhiên, Bồ Tát có thể tùy hỉ khen ngợi đức Phật, song Phật không thể tùy tiện khen ngợi Bồ Tát.

Đức Phật nói : “Lành thay ! Lành thay ! Các vị thiện nam tử ! Các ông ở trước Như Lai phát tâm tùy hỉ, khen ngợi Phật nói Kinh Pháp Hoa, công đức vô lượng,

lại đến núi Linh Thứu pháp hội Linh Sơn nghe Kinh Pháp Hoa’.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc và tám ngàn chúng Bồ Tát, nhiều như số cát sông Hằng, đều nghĩ như vậy : Chúng ta từ xưa đến nay, chẳng thấy chẳng nghe các chúng đại Bồ Tát như thế, từ dưới đất vọt lên, ở trước đức Thế Tôn chấp tay cúng dường, thăm hỏi đức Như Lai.

Lúc đó, Bồ Tát Di Lặc và chúng đại Bồ Tát nhiều như số cát tám ngàn sông Hằng, đều nghĩ như vậy : ‘Chúng ta từ xưa đến nay, chưa từng thấy qua nhiều vị đại Bồ Tát như thế, rất là kỳ lạ; cũng chưa từng nghe qua có nhiều vị đại Bồ Tát như thế, ở trong tâm của các Ngài có chỗ chưa minh bạch. Cứu kính những vị đại Bồ Tát này từ đâu đến ? Sao chúng ta lại chẳng biết ?

Khi ấy, đại Bồ Tát Di Lặc biết tâm niệm của các vị Bồ Tát, nhiều như số cát tám ngàn sông Hằng, cũng muốn tự mình hiểu rõ điều nghi này, bèn chấp tay hướng về đức Phật, dùng kệ hỏi rằng :

Lúc đó, đại Bồ Tát Di Lặc biết trong tâm của các vị Bồ Tát, nhiều như số cát tám ngàn sông Hằng có chỗ nghi vấn, và chính Ngài cũng muốn minh bạch điều nghi vấn này. Do đó, Ngài bèn chấp tay đi đến trước Phật, hướng về Phật thỉnh pháp, dùng kệ để hỏi rằng :

**Vô lượng ngàn vạn ức
Các đại chúng Bồ Tát
Xưa kia chưa từng thấy
Nguyện đức Thế Tôn nói.
Họ tử nơi nào đến
Do bởi nhân duyên gì ?
Thân lớn đại thần thông
Trí huệ không nghĩ bàn.
Chí niệm rất kiên cố
Có sức nhẫn nhục lớn
Chỗ chúng sinh ưa thấy
Tử xứ nào mà đến ?**

Vô lượng đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, có hơn ngàn vạn ức. Các đại chúng Bồ Tát tại pháp hội, thuở xưa chưa từng thấy cũng chẳng nghe qua. Chúng con xin nguyện đức Thế Tôn, vì chúng con nói nhân duyên này.

Vô lượng vị đại Bồ Tát này từ đâu đến đây ? Các Ngài tụ tập tại pháp hội, cứu kính có nhân duyên gì ? Các Ngài đều hiện thân lớn, có sức thần thông lớn. Trí huệ của các Ngài không thể nghĩ bàn.

Vô lượng đại Bồ Tát này chí nguyện, niệm lực chắc chắn rất kiên cố. Giới định huệ ba học của các Ngài chắc chắn kiên cố chẳng hoại. Các Ngài có sức đại bố thí, sức đại nhẫn nhục, sức đại trì giới, sức đại tinh tấn, sức đại thiên định, sức đại trí huệ. Chúng sinh đều hoan hỉ thấy các Ngài, nghe các Ngài nói pháp. Song, chúng con đại chúng chẳng biết các Ngài từ đâu đến ? Xin đức Thế Tôn từ bi khai thị cho đại chúng rõ.

**Mỗi mỗi vị Bồ Tát
Đem theo các quyền thuộc
Số đông nhiều vô lượng
Như số cát sông Hằng.
Hoặc có đại Bồ Tát
Đem sáu vạn Hằng sa
Các đại chúng như thế
Một lòng cầu Phật đạo.
Các đại sử đó thấy
Sáu vạn Hằng hà sa
Đều đến cúng dường Phật**

Và hộ trì kinh này.

Mỗi vị đại Bồ Tát mang theo quyển thuộc số nhiều vô lượng, nhiều như số cát sông Hằng. Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo đệ tử, nhiều như số cát sáu vạn sông Hằng. Cả đại chúng này đều một lòng một dạ cầu Phật đạo, tức cũng là cầu chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A La Hán chỉ chứng được quả vị Chánh giác, Bồ Tát chứng được quả vị Chánh đẳng, chỉ có Phật mới chứng được quả vị Vô thượng.

Các vị đại Bồ Tát đại pháp sư này, cùng nhau đến trước Phật, cúng dường Phật. Lại phát thệ nguyện hộ trì Kinh Pháp Hoa, suốt thuở vi lai cũng chẳng nghỉ ngơi, quán triệt thủy chung, chẳng bao giờ thay đổi.

**Đem năm vạn Hằng sa
Hoặc số lượng trội hơn
Bốn vạn và ba vạn
Hai vạn đến một vạn.
Một ngàn một trăm thầy
Cho đến một Hằng sa
Nửa và ba bốn phần
Hoặc một phần ức vạn.
Ngàn vạn na do tha**

**Vạn ức các đệ tử
Cho đến số nửa ức
Số lượng lại hơn trên.
Trăm vạn đến một vạn
Một ngàn và một trăm
Năm mươi và một mươi
Cho đến ba hai một.**

Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo quyển thuộc, nhiều như số cát năm vạn sông Hằng, hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo quyển thuộc nhiều hơn năm vạn, hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo ít hơn năm vạn quyển thuộc, hoặc là mang theo quyển thuộc nhiều như số cát bốn vạn sông Hằng, hoặc mang theo quyển thuộc nhiều như số cát ba vạn sông Hằng, hoặc quyển thuộc nhiều như số cát hai vạn sông Hằng, hoặc mang theo quyển thuộc nhiều như số cát một vạn sông Hằng, hoặc mang theo quyển thuộc nhiều như số cát một ngàn sông Hằng, hoặc mang theo quyển thuộc nhiều như số cát một trăm sông Hằng, cho đến quyển thuộc nhiều như số cát nửa sông Hằng, hoặc quyển thuộc nhiều như số cát một phần ba sông Hằng, hoặc quyển thuộc nhiều như số cát một phần tư sông Hằng. Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo ngàn vạn na do tha quyển thuộc, hoặc mang theo vạn ức quyển thuộc, cho đến nửa ức quyển thuộc, hoặc nhiều hơn, hoặc ít hơn

một chút, chẳng có số lượng nhất định. Hoặc có vị đại Bồ Tát mang theo một trăm vạn quyển thuộc, hoặc một vạn quyển thuộc, hoặc một ngàn quyển thuộc, hoặc một trăm quyển thuộc, hoặc năm mươi quyển thuộc, hoặc mười quyển thuộc, hoặc ba quyển thuộc, hoặc hai quyển thuộc, hoặc một quyển thuộc.

**Đón độc chẳng quyển thuộc
Ưu thích tu một mình
Đều đến chỗ đức Phật
Số đó lại hơn trên.
Các đại chúng như thế
Nếu ai muốn tính đếm
Trải qua Hằng sa kiếp
Không thể biết hết được.**

Có vị đại Bồ Tát chỉ đến một mình, chẳng mang theo quyển thuộc. Tại sao ? Vì thích tu hành một mình, chẳng muốn thu nhận đệ tử. Hiện tại đều đã đến trong pháp hội đạo tràng của đức Phật Thích Ca.

Đại chúng đông như thế, nếu như có ai dùng toán số để tính đếm, thì dù trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, cũng không thể biết được số mục chính xác là bao nhiêu.

**Các đại uy đức đó
Chúng Bồ Tát tinh tấn
Ai vì họ nói pháp
Giáo hóa mà thành tựu ?
Tủ ai sở phát tâm
Xưng dương Phật pháp nào
Thọ trì hành kinh gì
Tu tập Phật đạo nào ?
Các Bồ Tát như thế
Thần thông đại trí lực
Bốn phương đất rúng nứt
Đều từ đất vọt lên.**

Có những chúng Bồ Tát có đại uy đức, có chúng Bồ Tát tinh tấn tu hành, trước nhất ai vì họ nói pháp ? Ai giáo hóa họ thành tựu đạo nghiệp Bồ Tát ?

Những vị Bồ Tát này, trước hết theo vị pháp sư nào phát tâm nghiên cứu Phật pháp ? Theo vị pháp sư nào xuất gia tu đạo ? Theo vị pháp sư nào tu hành lục độ vạn hạnh ? Các Ngài xưng dương Phật pháp nào ? Các Ngài thọ trì kinh điển gì ? Các Ngài từ tông nào nhập môn ? Các Ngài tu Phật đạo nào ?

Những vị đại Bồ Tát này, do sức thần thông rộng lớn, sức trí huệ cũng lớn, cho nên đại địa bốn phương đều

rúng nứt. Các Ngài đều từ dưới đất vọt lên, giống như nước vọt lên, cảnh giới này diệu không thể tả.

**Thế Tôn con xưa nay
Chưa từng thấy việc này
Xin nói chỗ họ đến
Tên cõi nước họ ở.
Con thường đi các cõi
Chưa từng thấy chúng này
Con ở trong chúng này
Chẳng quen biết một người.
Đột nhiên từ đất lên
Xin nói rõ nhân duyên.**

Bồ Tát Di Lạc lại xưng một tiếng Đức Thế Tôn ! con từ xưa đến nay chưa từng thấy qua cảnh giới này. Con xin đức Thế Tôn từ bi nói rõ, những vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, các Ngài từ đâu đến ? Cõi nước của các Ngài tu tên là gì ? Bồ Tát Di Lạc lại nói : Tuy nhiên con thường du hành khắp các cõi nước, song con chẳng bao giờ thấy những vị đại Bồ Tát này, ở trong những vị đại Bồ Tát này, con chẳng quen biết một người nào cả. Các Ngài đột nhiên từ dưới đất vọt lên, khiến cho mọi người kinh ngạc, xin đức Thế Tôn vì đại chúng nói rõ nhân duyên này.

**Nay trong đại hội này
Vô lượng trăm ngàn ức.
Các Bồ Tát này thảy
Đều muốn biết việc này
Nhân duyên và gốc ngọn
Các chúng Bồ Tát đó.
Vô lượng đức Thế Tôn
Xin nguyện giải chúng nghi.**

Hiện tại ở trong đại hội này, có vô lượng trăm ngàn ức vị Bồ Tát đều muốn biết việc này. Những vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, nhân duyên cứu kính như thế nào ? Hy vọng vô lượng đức Thế Tôn, xin nguyện các Ngài vì đại chúng mà giải quyết sự nghi vấn này.

Bấy giờ, các phân thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đến từ vô lượng ngàn vạn ức cõi nước phương khác, ở dưới các cây báu trong tám phương, đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Thị giả của các đức Phật đó, đều thấy đại chúng Bồ Tát đó, trong ba ngàn đại thiên thế giới bốn

phương, từ dưới đất vọt lên trụ ở trong hư không. Các vị thị giả đều bạch với Phật của mình rằng : Đức Thế Tôn ! Vô lượng vô biên A tăng kỳ đại chúng Bồ Tát đó, từ đâu đến đây ?

Lúc ấy, vô số vô lượng phân thân hóa Phật Thích Ca Mâu Ni, từ vô lượng ngàn vạn ức cõi nước khác đến, đều ngồi kiết già trên tòa sư tử dưới các cây báu. Ngồi kiết già là pháp ngồi tôn quý nhất của Phật Giáo, có thể hàng ma, có thể nhiếp tâm. Mỗi vị thị giả của Phật, thấy vô lượng chúng đại Bồ Tát đó, từ bốn phương ba ngàn đại thiên thế giới, từ dưới đất vọt lên, trụ ở trong hư không, cảm thấy rất kỳ lạ, do đó mỗi vị thị giả đều hỏi với mỗi vị Phật của mình rằng : “Thế Tôn ! Vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng đại Bồ Tát đó, từ nơi nào đến đây ?” Chẳng những Bồ Tát Di Lạc và đại chúng trong pháp hội khởi nghi vấn, mà thị giả của Phật, cũng khởi tâm hoài nghi, cho nên mới hỏi như thế.

Bấy giờ, các đức Phật đều bảo thị giả rằng : Các thiện nam tử ! Hãy đợi giây lát, có đại Bồ Tát tên là Di Lạc, được đức Phật Thích Ca thọ ký sau này sẽ thành Phật, đã

hỏi việc đó. Đức Phật sẽ trả lời, các ông sẽ nhờ đó mà được nghe.

Lúc đó, các hóa Phật phân thân của Phật Thích Ca Mâu Ni, đều bảo thị giả của mình rằng : “Các thiện nam tử !Dừng gấp vội, hãy đợi một chút nữa, có vị đại Bồ Tát Di Lạc. Đức Phật Thích Ca đã thọ ký cho Ngài tương lai sẽ hạ sinh xuống thành Phật hiệu là Di Lạc. Ngài cũng đã hỏi Phật về việc này, Phật Thích Ca sẽ đáp. Các ông sẽ minh bạch về việc này.”

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Di Lạc : Lành thay ! Lành thay ! A Dật Đa mỗi có thể hỏi Phật việc lớn như thế. Các ông nên cùng một lòng mặc áo giáp tinh tấn, phát tâm kiên cố, nay Như Lai muốn hiển phát, diễn nói mở bày trí tuệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sử tử phấn tấn của chư Phật, sức oai mãnh đại thế của chư Phật.

Lúc ấy, đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Di Lạc nói : “Lành thay (trên khế với ý của Phật) ! Lành thay (dưới hợp với tâm chúng sinh) ! A Dật Đa (Vô Năng Thắng là tên của Bồ Tát Di Lạc) ! Phật gọi một tiếng A Dật Đa !

Ông có thể hỏi Phật việc lớn như thế, các ông mọi người nên cùng đồng một lòng, mặc giáp tinh tấn, dùng giải đãi tán loạn, phải phát tâm kiên cố, dùng thối chuyển.”

Sao lại nói là việc lớn ? Vì đây là pháp môn khai cận hiển viễn (mở gần hiểu xa). Thời Hoa Nghiêm chẳng nói về pháp môn này, thời A Hàm, thời Phương Đẳng, thời Bát Nhã, cũng chẳng nói về pháp môn này. Chỉ duy nhất thời Pháp Hoa, mới nói pháp môn khai quyền hiển thật (mở bày phương tiện để hiển lộ chân thật). Đây là pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên nói là việc lớn.

Đức Phật Thích Ca lại nói : “Hôm nay Như Lai muốn hiển phát diễn nói mở bày trí huệ của chư Phật.” Gì là trí huệ của chư Phật, tức là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Hôm nay Như Lai muốn hiển phát, diễn nói mở bày sức thần thông tự tại của chư Phật, sức sư tử phấn tấn của chư Phật, sức oai mãnh đại thế của chư Phật. Trí huệ là ngã đức, thần thông là lạc đức, sư tử phấn tấn là tịnh đức, oai mãnh đại thế là thường đức. Vì bốn đức Niết Bàn viên mãn, cho nên ở trong đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, đều có lợi ích đối với tất cả chúng sinh, cho nên gọi là lực.

Sức thần thông tự tại là vào nhà từ bi cứu kính, sức sư tử phấn tấn là ngồi tòa pháp vương cứu kính; sức oai mãnh đại thế là mặc y nhẫn nhục cứu kính. Đây là cảnh giới vào nhà Như Lai, ngồi tòa Như Lai, mặc y Như Lai.

**Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại
nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :**

**Hãy một lòng tinh tấn
Ta muốn nói việc đó
Chỗ đừng có nghi hối
Trí Phật không nghi bàn.
Nay ông sinh đức tin
Trụ ở trong nhân nhục
Pháp chỗ xưa chưa nghe
Nay đều sẽ được nghe.**

Lúc đó, Phật Thích Ca nói xong trường hàng rồi, e rằng đại chúng ở trong pháp hội có chỗ chưa minh bạch, cho nên không ngại nói lại rõ ràng đạo lý này, bèn dùng kệ để nói lại.

Đức Phật Thích Ca nói : ‘‘Đại chúng ở trong pháp hội và đại chúng đến từ mười phương ! Các ông mọi người hãy dừng mãnh tinh tấn, chuyên tâm nhất ý. Ta sẽ nói việc đó.’’ Việc gì ? Là đại nhân duyên ta thị hiện ra đời, do đó các ông đại chúng đừng sinh tâm hoài nghi. Trí huệ của ta và mười phương chư Phật đều không thể nghĩ bàn. Hàng phàm phu tục tử không thể tưởng tượng được trí huệ của Phật. Trí huệ của Phật chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không rõ. Trí huệ là gì ? Tức là

thông suốt các pháp là trí, đoạn hoặc chứng lý là huệ; cũng có thể nói thông đạt sự tướng hữu vi là trí, thông đạt lý không vô vi là huệ.

Bây giờ, các ông phải đem tín tâm và sức lực ra, trụ ở trong nhẫn nhục Ba la mật, tu hành việc lành :

‘‘Đừng làm các việc ác,
Hãy làm các việc lành.’’

Diệu pháp của Kinh Pháp Hoa trước kia các ông chưa nghe qua, chỉ có bây giờ mới được nghe. Pháp mà ta nói trước kia, đều là pháp môn thiện xảo phương tiện. Pháp mà hôm nay nói mới là pháp chân thật. Diệu pháp này: ‘‘Có thể tị hung hóa cát, có thể lìa khổ được vui.’’

**Nay ta an ủi ông
Chỗ đừng hoài nghi sợ
Lỗi Phật nói chẳng sai
Trí huệ không thể lường.
Đắc được pháp bậc nhất
Thâm sâu không phân biệt
Như vậy nay sẽ nói
Các ông một lòng nghe.**

Bây giờ, ta an ủi các ông, đừng sinh tâm hoài nghi sợ sệt. Pháp của ta nói chân thật không hư. Bây giờ nói về

pháp khai quyền hiển thật, khai cận hiển viễn. Các ông phải sinh tín tâm:

“Tín là nguồn đạo mẹ công đức,
Nuôi lớn tất cả các pháp lành.”

Phật nói lời chân thật, chẳng nói lời hư dối. Trí huệ của Phật không thể nghĩ bàn. Phật đắc được diệu pháp bậc nhất, như biển cả, sâu không thể dò. Bây giờ là lúc nên nói, các ông phải tụ tinh hội thần, chuyên tâm nhất ý để nghe.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Bồ Tát Di Lặc : Hôm nay ta ở trong chúng này nói với các ông : A Dật Đa ! Các chúng đại Bồ Tát đó, vô lượng vô số A tăng kỳ tử dưới đất vọt lên. Thuở xưa các ông chưa từng thấy, ta ở tại thế giới Ta Bà này, chúng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, bèn giáo hóa chỉ đạo cho các Bồ Tát đó, điều phục tâm của họ, khiến cho họ phát đạo tâm. Những vị Bồ Tát đó, đều ở dưới thế giới Ta Bà này, trụ ở trong hư không. Nói các kinh điển, họ

đều đọc tụng thông thuộc, suy gẫm phân biệt, nghĩ nhớ chân chánh.

Ta ở tại thế giới Ta Bà này, chúng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, ta bèn đến giáo hóa chỉ đạo những vị đại Bồ Tát đó, điều phục tâm của họ, khiến cho họ chẳng còn phiền não, chẳng còn vô minh, chẳng còn kiến tư hoặc, chẳng còn trần sa hoặc, chẳng còn tập khí, chẳng còn nóng giận, khiến cho họ đều phát bồ đề tâm, tu Bồ Tát đạo, đó là sở thành tựu của ta trong quá khứ, họ đều là đệ tử của ta ở trong quá khứ.

Những vị Bồ Tát đó, từ dưới đất vọt lên, họ đều ở dưới cõi Ta Bà, tức cũng là cõi phương dưới, ở trong hư không cõi nước đó. Cảnh giới này, phàm phu tục tử chẳng cách chi biết được. Nếu người đắc được ngũ nhãn lục thông, thì nhìn thấy ở trong hư không có đủ thứ cung điện, đủ thứ lầu các, đều dùng bảy báu tạo thành. Mỗi tòa cung điện, mỗi tòa lầu các, đều trở thành đạo tràng thuyết pháp của chư Phật, có các vị đại Bồ Tát ở tại đó nghe pháp, tu hành, cho nên gọi là pháp giới.

Đầy khắp hư không đều là nơi đầy dẫy Phật pháp. Ở dưới cõi Ta Bà cách mười sáu vạn tám ngàn do tuần, là nơi chốn trụ xứ của các vị đại Bồ Tát đó ở. Đối với tất cả kinh điển, họ đều đọc tụng thông thuộc, chẳng có gì chướng ngại, dù một câu một chữ, cũng không thiếu sót được, hoặc quên mất, còn có thể suy gẫm và phân biệt diệu nghĩa của kinh văn.

A Dật Đa ! Hết thấy các vị thiện nam tử đó, chẳng ưa thích ở nơi chúng nói nhiều, thường thích ở chỗ yên tĩnh, siêng hành tinh tấn, chưa từng nghỉ ngơi, cũng chẳng ở tại nhân gian, cũng chẳng ở trên trời, thường thích trí huệ thâm sâu, chẳng có chướng ngại, cũng thường ưa thích pháp của chủ Phật, một lòng tinh tấn cầu trí huệ vô thượng.

Đức Phật Thích Ca lại gọi một tiếng A Dật Đa ! Những vị thiện nam tử đó thấy, họ chẳng hoan hỷ ở trong chúng (tam giới). Có năm ám tức là ở tại chúng. Bồ Tát chiếu thấy năm uẩn đều không, tức là chẳng thích ở tại chúng. Tuy nhiên họ vượt ra ngoài tam giới, thấu rõ các pháp, song vẫn nói nhiều. Họ thích ở chỗ thanh tịnh, tức cũng là đệ nhất nghĩa đế. Họ đối với pháp đệ nhất nghĩa đế không nói không lời, rất siêng hành tinh tấn, thời khắc đều tu hành, một chút cũng chẳng giải đãi. Họ nghiên cứu Phật pháp, tu trì Phật pháp, chẳng khi nào nghỉ ngơi ; “Vì pháp quên mình,” vì Phật pháp mà quên hết tất cả, đó mới là bản sắc học Phật pháp.

Họ cũng chẳng ở tại nhân gian, cũng chẳng ở trên trời, mà ở trong hư không. Họ thích trí huệ thâm sâu,

chẳng có gì chướng ngại, cũng luôn luôn thích tu hành pháp của chư Phật nói, đối với Phật pháp một lòng tinh tấn, chẳng có hai niệm, chuyên tâm cầu trí huệ vô thượng của Phật.

Tại sao chúng ta gặp sự việc thì nhìn chẳng thấu, buông chẳng đặng ? Vì có sự chướng ngại. Chướng ngại có phiền não chướng và sở tri chướng.

Phiền não chướng là gì ? Chấp trước năm uẩn là ta, do vọng kiến ngã chấp này, dẫn đến sinh ra tất cả phiền não, hay chướng ngại chúng Niết Bàn.

Sở tri chướng là gì ? Chấp trước vào năm uẩn là thật có, sự vọng kiến chấp pháp này, hay che đậy chướng ngại sự hiểu biết, khiến cho con người chẳng biết, làm chướng ngại chúng bồ đề.

Lại có bốn thứ chướng :

1). Hoặc chướng : Tham dục, sân hận, ngu si, đó là tư hoặc.

2). Nghiệp chướng : Nghiệp ác tạo ra bởi thân khẩu ý.

3). Báo chướng : Khổ báo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác.

4). Kiến chướng : Các tà tri tà kiến chướng ngại chánh đạo.

Sáu thứ chướng ở trên, thì sở tri chướng là lợi hại nhất. Nếu không biết thì chẳng có chướng ngại; nếu biết nhiều thì ngược lại sinh ra chướng ngại, sinh ra tư tưởng cống cao ngã mạn. Giống như trước kia chưa học Phật

pháp, thì chẳng có chướng ngại, sau khi học Phật pháp được mấy năm, thì cảm thấy rằng mình hiểu nhiều hơn bất cứ ai, đó là bị sự hiểu biết làm chướng ngại. Mục đích học Phật pháp là học vô chướng ngại, song ngược lại học ra sự chướng ngại. Có chướng ngại thì không thể chứng nhập bồ đề chánh đạo. Vì tự tánh chân như bị che đậy. Người có đại trí huệ thì chẳng có chướng ngại gì cả. Bất cứ như thế nào cũng đều hoan hỷ.

**Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại
nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :**

Lúc đó, đức Phật từ bi, sợ đại chúng chẳng minh bạch đạo lý này, cho nên dùng kệ để thuật lại.

**A Dật Đa nên biết !
Các đại Bồ Tát đó
Tử số kiếp đến nay
Tu tập trí của Phật.
Đều do ta giáo hóa
Khiến phát đại đạo tâm
Họ đều là con ta
Nường trụ thế giới đó.
Thưởng tu hạnh đầu đà
Ý thích nơi chỗ vắng**

Bỏ đại chúng ồn náo Chẳng ưa thích nói nhiều.

Đức Phật thuật lại nghĩa lý kinh trường hàng ở trên, gọi một tiếng A Đạt Đa ! Các ông nên biết, các đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, họ từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, đều tu học trí huệ của Phật, dũng mãnh tinh tấn, chẳng khi nào giải đãi.

Các đại Bồ Tát đó, từ ban đầu phát tâm cho đến bây giờ thành đại Bồ Tát, đều do ta giáo hóa, khiến cho họ phát tâm tu Phật đạo vô thượng. Đó đều là những đệ tử thuở xưa ta giáo hóa, hiện tại họ nương trụ trong hư không, ở dưới cõi Ta Bà. Hiện tại từ dưới đất vọt lên, đến pháp hội làm ảnh hưởng chúng, ảnh hưởng đại chúng phát bồ đề tâm, tức cũng là trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh.

Những vị đại Bồ Tát đó, đều tu hạnh đầu đà, tức là tu khổ hạnh. Chí nguyện của họ thích nơi vắng lặng, xa lìa đại chúng ồn náo, tức cũng là xả bỏ phiền não. Tóm lại, đều bỏ lìa phiền não kiến tư (thấy nghĩ), phiền não trần sa, phiền não vô minh, họ chẳng thích nói nhiều, giữ sự yên lặng.

Hạnh đầu đà có quy định mười hai hạnh :

1). Y phẩn tảo : Lượm vải cũ rách mà người ta bỏ ở đồng rác, giặt sạch rồi may thành y.

2). Chỉ có ba y : Tức là tổ y (25 điều), y bảy điều, y năm điều. Ngoài ba y này ra, chẳng dùng y nào khác nữa. Hai điều trên là quy định thuộc về y phục.

3). Thường đi khát thực : Không nhận người khác thỉnh mời, chẳng ăn đồ vật của Tăng đoàn. Ôm bát đi khát thực, khiến cho chúng sinh gieo trồng vào ruộng phước.

4). Khất thực có thứ tự : Theo thứ tự từng nhà mà khất thực, chẳng lựa giàu nghèo, giới hạn là bảy nhà, chẳng khất thực nhiều hơn nữa.

5). Ngày ăn một bữa : Mỗi ngày chỉ dùng một bữa, quá giờ Ngọ không ăn.

6). Ăn uống có tiết lượng : Chỉ ăn một bát cơm, chẳng ăn quá no. Ăn ít thì dục niệm ít, duy trì được sinh mạng là được.

7). Quá Ngọ không uống nước có chất bổ : Tuyệt đối không uống sữa bò và mật đường .v.v...tức là nước trái cây và cà phê cũng cấm luôn. Năm thứ ở trên là thuộc về sự ăn uống.

8). Ở chỗ Alan nhã : Tức là ở trong thâm sơn cùng cốc, xa lìa sự náo nhiệt, khiến cho thân tâm thanh tịnh, an tâm mà tu đạo.

9). Ở nghĩa địa : Ở ngoài nghĩa địa, tu quán xương trắng, xa lìa năm dục, chẳng sinh tâm tham dục.

10). Ở dưới gốc cây : Đêm ngủ ở dưới gốc cây, song chẳng quá ba đêm, quá ba đêm thì dọn đi đến nơi khác, để tránh sanh tâm phan duyên.

11). Ở ngoài trời : Ở dưới gốc cây còn có sự che đậy. Nay vì trừ khử tâm tham nên ở ngoài trời.

12). Thường ngồi không nằm : Bất cứ ở đâu cũng đều ngồi thiền tư thế kiết già, lưng không đụng chiếu. Nằm điều ở trên là thuộc về chỗ ở.

Người tu khổ hạnh thì giữ gìn mười hai điều quy định này, bằng không thì sẽ sinh tâm tham đối với ăn mặc và chỗ ở, sẽ chướng ngại sự tu đạo. Song, pháp chẳng nhất định, trước hết phải giữ điều nào trong mười hai điều để tu hành, song phải triệt để, có trước có sau, từ từ tập quán sẽ thành tự nhiên, sẽ hoàn thành quy tắc hạnh đầu đà.

**Các con như vậy thầy
Tu học đạo pháp ta
Ngày đêm thường tinh tấn
Chỉ vì cầu Phật đạo.
Trụ ở trong hư không
Phưởng dưới cội Ta Bà
Sức chí niệm kiên cố
Thưởng siêng cầu trí huệ.
Nói đủ thứ diệu pháp
Tâm họ chẳng sợ sệt.**

Những vị đệ tử này, y giáo phụng hành tu học Phật đạo và Phật pháp do ta giáo hóa. Họ chỉ vì cầu Phật đạo, cho nên ngày đêm sáu thời dững mãnh dụng công, chẳng giải đãi.

Chúng sinh đều có xí đồ cầu tài sắc danh thực thù năm dục. Cầu chẳng được thì sinh phiền não, nên dùng ngũ đình tâm quán để không chế. Đối với chúng sinh nhiều tham, thì khiến cho họ tu quán bất tịnh. Quán sát thân này là túi da hôi thối, chín lỗ thường bài tiết đồ bất tịnh, chẳng có chỗ nào thanh tịnh. Đối với chúng sinh nhiều sân hận, thì dạy họ tu quán từ bi. Người có tâm từ bi thì đối với bất cứ ai cũng chẳng nóng giận. Xem tất cả chúng sinh như con cái, quán như thế thì sẽ sinh tâm từ bi. Đối với chúng sinh nhiều si mê, thì dạy họ tu quán nhân duyên. Quán mười hai nhân duyên thì sẽ ngộ lý sinh tử lưu chuyển. Đối với chúng sinh nhiều chướng, thì dạy họ tu quán niệm Phật, đừng tu pháp môn quán không, quán giả, quán trung, chỉ cần niệm danh hiệu ‘Nam Mô A Di Đà Phật’ thì có thể sẽ vãng sinh thế giới Cực Lạc. Đối với chúng sinh tán loạn, thì dạy họ tu quán sổ tức, đếm hơi thở, lâu dần thì sẽ không chế được vọng tưởng tâm viên ý mã, hết tâm tán loạn. Đây là quá trình người tu đạo phải tu trì.

Các vị đại Bồ Tát đó, trụ ở phương dưới của cõi Ta Bà, trụ ở trong hư không. Sức chí niệm của họ rất kiên cố, tuyệt đối chẳng thối chuyển. Tinh thần tập trung, mặc giáp tinh tấn, cầm kiếm trí huệ, dững mãnh hướng về

trước. Luôn siêng cầu trí huệ của Phật, nói đủ thứ các diệu pháp không thể nghĩ bàn. Họ thường hiện sư tử hống, khi nói pháp thì tâm chẳng sợ hãi.

**Ta ở thành Già Gia
Ngồi dưới cội bồ đề
Đắc được tối chánh giác
Chuyển pháp luân vô thượng.
Giáo hóa các Bồ Tát
Khiến họ sở phát tâm
Nay đều trụ bất thối
Đều sẽ được thành Phật.
Nay ta nói lời thật
Các ông một lòng tin
Ta từ lâu đến nay
Giáo hóa đại chúng đó.**

Đức Phật Thích Ca nói : “Ta ở nước Ma Kiệt Đề ngoài thành Già Gia, bên bờ sông Ni Liên, ngồi dưới cội bồ đề, khi bắt đầu thì ta phát nguyện : "Nếu ta không khai ngộ, thì vĩnh viễn chẳng đứng dậy khỏi chỗ này". Ngồi đến đêm thứ bốn mươi chín, thì thấy sao mai mọc ở hướng đông mà ngộ đạo, chúng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức cũng là thành tựu Phật đạo.”

Đức Phật thấy ngôi sao mai mọc mà ngộ đạo, bèn nói rằng : “Lành thay ! Lành thay ! Lành Thay ! Hết thảy chúng sinh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, song vì vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng đắc.” Tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì có vọng tưởng. Tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì có sự chấp trước. Vọng tưởng chấp trước này, che đậy chúng sinh làm cho chẳng đặng thành Phật. Làm thế nào mà Đức Phật được thành Phật ? Vì Ngài buông xả vọng tưởng chấp trước. Ngài vốn là Thái tử, ở trong cung hưởng thụ vinh hoa phú quý, tương lai sẽ làm chuyển luân thánh vương, thống trị bốn thiên hạ, song Ngài bỏ ngôi vua, mà còn bỏ vợ đẹp con xinh. Ngài cảm thấy sinh già bệnh chết quá khổ, cho nên xuất gia tu đạo, tìm cầu pháp chấm dứt sinh tử.

Sau khi Phật chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác rồi, trong thời gian hai mươi một ngày ở trong định, Ngài vì pháp thân Đại sĩ mà nói bộ Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật. Đáng tiếc, hàng tiểu thừa căn lành chẳng đủ, chẳng minh bạch đạo lý nhất chân pháp giới, do đó : “Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo viên đốn.” Phật vì lòng từ bi đến vườn Lộc Uyển, vì năm vị Tỳ Kheo nói pháp tứ diệu đế, về sau lại nói pháp mười hai nhân duyên, sau đó nói pháp lục độ vạn hạnh.

Ban đầu nói Kinh Hoa Nghiêm, song một số người chẳng tiếp thọ được. Phật lại nói Kinh A Hàm, rồi nói Kinh Phương Đẳng, rồi nói Kinh Bát Nhã, cuối cùng nói

Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là bản hoài của Phật, vốn muốn bắt đầu nói Kinh Pháp Hoa, nhưng vì quán sát căn cơ của chúng sinh chưa được chín mùi, cho nên trước hết nói về quyền giáo (pháp phương tiện), sau đó nói pháp thật giáo. Hiện tại căn cơ đã thành thực cho nên nói diệu pháp vô thượng.

Đương lúc đó, ta giáo hóa vô lượng vị đại Bồ Tát này, khiến cho họ sơ phát bồ đề đạo tâm. Bây giờ, họ đều trụ ở vị bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối, họ hoàn toàn sẽ chứng được quả vị Phật.

Trước kia, ta nói pháp phương tiện. Bây giờ ta nói pháp chân thật. Các ông đại chúng nên chuyên tâm nhất chí để tin nhận pháp của ta nói. Trong vô lượng kiếp về trước ta đã thành Phật đạo, do đó :

“Chẳng sinh mà thị hiện sinh,
Chẳng diệt mà thị hiện diệt.”

Vốn chẳng sinh mà thị hiện sinh ra, vốn chẳng diệt mà thị hiện diệt độ. Trong Kinh Phạm Võng có nói : “Ta đến thế giới Ta Bà đã tám nghìn lần.” Những vị Bồ Tát này, đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, đều do ta giáo hóa khi ta thành Phật trong quá khứ.

A Dật Đa ! Ông hỏi những vị Bồ Tát này từ dưới đất vọt lên, họ phát tâm với vị Phật nào ? Ai giáo hóa họ ? Họ tu trì pháp gì ? Họ đọc tụng kinh gì ? Họ tu pháp môn Pháp Hoa, họ tụng Kinh Pháp Hoa, họ đến hộ trì Kinh Pháp Hoa, họ đến cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Di Lạc và vô số các vị Bồ Tát khác, đều sinh tâm nghi hoặc, lạ chưa từng có, bèn nghĩ như vậy : Sao đức Thế Tôn ở trong thời gian ngắn, mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên A tăng kỳ các đại Bồ Tát như thế, khiến cho họ trụ Vô thượng chánh đẳng chánh giác ? Bèn bạch đức Phật rằng :

Lúc đó, đại Bồ Tát Di Lạc và vô số vô lượng các Bồ Tát, thấy đều sinh tâm nghi hoặc, tại sao lại có việc như thế ? Vì việc này rất là kỳ lạ, chưa từng thấy qua việc như vậy. Các Ngài đều nghĩ rằng : “Sao lại có chuyện như vậy ? Đức Thế Tôn trẻ như thế, còn các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên đều già nua, sao có thể ở trong thời gian ngắn mà giáo hóa nhiều vị Bồ Tát như thế, khiến cho họ đều trụ quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Đây là nghe việc lạ chưa từng nghe, do đó mới hướng về đức Phật xin khai thị, bèn bạch Phật nói.

Đức Thế Tôn ! Khi Như Lai làm thái tử, ra khỏi cung dòng họ Thích, cách thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi nói Đạo tràng, đắc được Vô thượng chánh đẳng

chánh giác, từ đó đến nay mỗi hỏn bốn mươi năm.

Di Lạc Bồ Tát hỏi Đức Phật : Đức Thế Tôn ! Như Lai trước kia làm thái tử, vì cầu đạo giải thoát mới ra khỏi hoàng cung, đến thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi dưới cội bồ đề, chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Từ khi Ngài thành Phật đến nay, bất quá chỉ hơn bốn mươi năm mà thôi.

Đức Phật mười chín tuổi xuất gia tu đạo. Sáu năm đầu tiên đi khắp nơi tìm thiện tri thức (ngoại đạo đương thời), chẳng được pháp giải thoát sinh tử. Đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, tự tìm pháp giải thoát, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè để duy trì mạng sống. Lúc đó, cùng tu với Ngài có năm người, bà con phía mẹ của Ngài hai người, bà con bên phía cha của Ngài ba người. Trong đó, có ba người chịu không nổi sự tu khổ hạnh, mới bỏ Đức Phật ra đi, đến vườn Lộc Uyển tu hành. Vườn này là Thánh địa của ngoại đạo tu hành đương thời. Còn lại hai người phát tâm cùng tu khổ hạnh với thái tử ở tại núi Tuyết, cho rằng tu hành thì phải chịu khổ, do đó :

“Thọ khổ thì hết khổ,
Hưởng phước thì hết phước.”

Ôm chặt lấy tông chỉ, chẳng nghĩ gì khác. Chuyên tâm nhất chí để cầu giải thoát. Giải hoặc nghiệp trôi buộc, thoát quả khổ ba cõi.

Sáu năm sau, thân thể của Phật gầy như cây củi. Một ngày nọ, thiên nữ dâng cúng bát sữa, Đức Phật thọ cúng dường. Hai vị đồng tu này bèn sinh tâm nghi, cho rằng Đức Phật đã sinh tâm thối chuyển, do đó hai người cũng bỏ Phật ra đi đến vườn Lộc Uyển.

Lúc đó, sau khi Đức Phật uống bát sữa xong, thì thân thể khôi phục khoẻ mạnh, mới xuống giòng sông Ni Liên tắm rửa. Sau đó, đến dưới gốc cây bồ đề tĩnh tọa bốn mươi chín ngày. Vào ngày mùng tám tháng mười hai, khi sao mai vừa mọc, thì Ngài ngộ đạo, lúc đó Phật vừa đúng ba mươi tuổi.

Sau khi Phật thành đạo, Ngài bèn quán sát nhân duyên, trước hết đến vườn Lộc Uyển độ năm người cùng tu, tức là năm anh em Kiều Trần Như. Ngài nói pháp tứ diệu đế, sau khi nghe xong họ lập tức chứng quả A La Hán. Có bài thơ rằng :

“Thập cửu du thành lục khổ hạnh,
Ngũ tuế du lịch tam thập thành,
Thuyết pháp độ sinh ngũ thập tuế,
Thị bát cộng thọ bát thập niên.”

Nghĩa là :

Mười chín tuổi xuất gia sáu năm khổ hạnh,

*Năm năm tầm đạo ba mươi tuổi thành đạo,
Năm mươi năm thuyết pháp độ sinh,
Cả thầy công lại tám mươi năm.*

Đức Thế Tôn ! Sao trong thời gian ngắn mà làm đại Phật sự, dùng thế lực của Phật, dùng công đức của Phật, để giáo hóa vô lượng đại Bồ Tát như thế, sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác ?

Bồ Tát Di Lặc lại gọi một tiếng Đức Thế Tôn ! Ngài thành Phật đến bây giờ, bất quá chỉ hơn bốn mươi năm, trong thời gian ngắn sao có thể làm đại Phật sự ? Độ rất nhiều Bồ Tát như thế ? Nhờ thế lực của Phật, nhờ công đức của Phật, mà giáo hóa đại Bồ Tát như thế, họ đều sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đó là đại giáo khai cận hiển viên (chỉ gần để hiển xa). Đạo lý này chẳng phải là cảnh giới của phàm phu thấp hiểu được.

Đức Phật nói pháp khoảng năm mươi năm, có bài kệ nói rằng :

‘‘Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
AHàm thập nhị Phương Đẳng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm,
Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.’’

Nghĩa là:

*Trước nói Hoa Nghiêm hăm một ngày
A Hàm mười hai Phưởng Đẳng tám
Hai mươi hai năm nói Bát Nhã
Pháp Hoa Niết Bàn chỉ tám năm.*

Ban đầu khi Phật chứng quả dưới cội bồ đề, trong hai mươi một ngày, nói bộ Kinh Hoa Nghiêm. Khi Phật ba mươi một tuổi, thì nói Kinh AHàm khoảng mười hai năm. Bốn mươi ba tuổi thì bắt đầu nói Kinh Phương Đẳng, trong vòng tám năm. Khi Phật năm mươi một tuổi, thì bắt đầu nói Kinh Bát Nhã khoảng hai mươi hai năm. Lúc Phật bảy mươi hai tuổi, thì bắt đầu nói Kinh Pháp Hoa. Lúc Phật tám mươi tuổi vào ngày rằm tháng hai, trong một ngày một đêm nói bộ Kinh Đại Bát Niết Bàn.

Đức Thế Tôn ! Chúng đại Bồ Tát đó, nếu như có người ở trong ngàn vạn ức kiếp tính đếm, cũng chẳng hết được, chẳng biết được bỏ mé. Những vị Bồ Tát đó, từ lâu xa đến nay, ở trong vô lượng vô biên chỗ chử Phật, gieo trồng các căn lành, thành tựu đạo bồ đề, thường tu phạm hạnh.

Bồ Tát Di Lặc lại gọi một tiếng Đức Thế Tôn ! Nếu như có người ở trong ngàn vạn ức kiếp, tính đếm số Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, cũng chẳng biết được cứu kính có bao nhiêu vị Bồ Tát. Những vị đại Bồ Tát đó, từ lâu xa đến nay, ở chỗ vô lượng vô biên các Đức Phật, gieo trồng rất nhiều căn lành, cho nên thành tựu Bồ Tát đạo. Các vị đó thường tu phạm hạnh, tức cũng là thanh tịnh hạnh.

Đức Thế Tôn ! Việc như thế, người thế gian khó tin. Ví như có người sắc đẹp tóc đen, mới hai mươi lăm tuổi, mà chỉ người trăm tuổi, nói đó là con ta, người trăm tuổi cũng chỉ người trẻ tuổi đó, nói là cha ta, sinh đẻ nuôi dưỡng chúng ta, việc đó khó tin.

Đại Bồ Tát lại gọi một tiếng Đức Thế Tôn ! Việc như thế, người thế gian không thể tin được. Ví như người mặt mũi xinh đẹp tóc đen, tuổi khoảng hai mươi lăm, chỉ người già trăm tuổi nói : Người này là con của ta sinh ra. Người già trăm tuổi đó nhận là sự thật, bèn chỉ người trẻ đó nói : Người này là cha sinh ra ta, việc như thế làm sao khiến cho người tin ? Thật là khó tin.

Đức Phật cũng như thế, từ khi đắc đạo đến nay chưa được bao lâu, mà các đại chúng Bồ Tát đó, đã ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, vì Phật đạo mà siêng tu hành tinh tấn, khéo nhập, xuất, trụ, ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức tam muội, được đại thần thông, từ lâu tu phạm hạnh, khéo tu tập các pháp lành theo thứ tự, khéo về vấn đáp, là báu trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Đức Phật cũng như thế, giống như người thanh niên chỉ người già. Từ khi Phật thành đạo đến nay, chưa quá hơn bốn mươi năm, những vị đại Bồ Tát đó, đã ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp về trước, vì cầu Phật đạo mà siêng tu hành dũng mãnh tinh tấn, thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, chẳng giải đãi. Các Ngài khéo nhập định, khéo xuất định, khéo trụ định. Có thể nhập chín thứ lớp định, tức bốn thiền định, bốn không định và diệt thọ tưởng định. Có thể xuất sự tử phấn tấn tam muội, có thể trụ siêu việt tam muội. Đó là nói theo giáo lý của tạng giáo và thông giáo. Nếu nói theo giáo lý của biệt giáo, thì từ sơ địa đến thập địa gọi là khéo nhập. Từ thập địa trở lại bằng con thuyền từ bi, nhập vào tu việc của hàng phàm

phu thì đây gọi là khéo xuất. Từ diệu giác viên mãn thì gọi là khéo trụ. Nếu nói theo giáo lý viên giáo thì nhập pháp tánh tam muội gọi là khéo xuất. Vô duyên tam muội gọi là khéo trụ. Đó là chiếu theo tạng, thông, biệt, viên, bốn giáo mà nói về tam muội. Kỳ thật, tam muội có rất nhiều hàng trăm, nghìn, vạn, ức.

Những vị đại Bồ Tát này, đều đắc được đại thần thông, nhậm vận tự tại. Thần thông có lớn nhỏ khác nhau. Đại thần thông là thần thông của Bồ Tát, tiểu thần thông là thần thông của A La Hán, chỉ có mười tám thứ biến hóa. Trên thân ra lửa, dưới thân ra nước, hoặc trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hoặc vào đất như vào nước, vào nước như vào đất, có thể đi đứng nằm ngồi ở trong hư không biến hóa mà thôi.

Những vị đại Bồ Tát này, từ lâu xa về trước tu hành pháp môn thanh tịnh hạnh, khéo tu tất cả pháp lành từ cạn vào sâu. Lại khéo léo trả lời những vấn đề. Đó là Bồ Tát ở trong người tôn quý nhất, rất ít có ở trong tất cả thế gian.

Hôm nay, đức Thế Tôn mới nói, khi đắc được Phật đạo, thì đầu tiên khiến cho các Bồ Tát đó phát tâm, giáo hóa chỉ bày, khiến cho họ hưởng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Hiện tại Đức Thế Tôn mới nói, khi chúng được Phật đạo, thì trước hết khiến cho những vị Bồ Tát đó phát bồ đề tâm, giáo hóa chỉ bày dẫn đạo, khiến cho họ đều hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác bồ đề đại đạo.

Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu, mà có thể làm được việc công đức lớn. Tuy chúng con tin đức Phật tùy nghi nói pháp, những lời Phật nói ra chưa từng hư vọng. Những gì Phật biết thảy đều thông đạt, nhưng những vị mới phát tâm Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ, nếu họ nghe lời này thì họ chẳng tin nhận, mà khởi tâm hủy báng pháp tạo tội nghiệp.

Đức Thế Tôn ! Ngài thành Phật chưa được bao lâu mà có thể làm được việc công đức lớn đó. Chúng con mọi người tuy nhiên tin pháp của Phật nói, là tùy thuận tâm của chúng sinh mà nói tất cả các pháp. Do đó :

“Phật nói tất cả pháp
Vi độ tất cả tâm
Nếu chẳng có tất cả tâm
Đâu dùng tất cả pháp.”

Lời của Phật nói ra chẳng bao giờ hư vọng. Những gì Phật biết, những gì Phật giác ngộ, đều thông đạt vô ngại. Song chúng con e rằng, tương lai hàng Bồ Tát mới phát tâm, sau khi Phật diệt độ, nếu họ nghe đạo lý này thì họ sẽ chẳng tin. Tại sao ? Vì Bồ Tát mới phát tâm cho rằng, Đức Phật tuổi trẻ không thể độ được Bồ Tát tuổi già. Họ sẽ không tin việc này, bèn sinh tâm hủy báng pháp, tạo tội nghiệp, tương lai sẽ đọa vào ba đường ác, do đó : “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo.”

Tuy vậy, xin đức Thế Tôn hãy giải thích nói, để trừ nghi hoặc của chúng con, và các thiện nam tử ở đời vị lai, nghe việc này rồi, cũng không còn nghi hoặc nữa.

Bởi nhân duyên đó, chúng con đại chúng thỉnh cầu Đức Thế Tôn, xin hãy giải thích nói, để giải trừ sự nghi hoặc của đại chúng trong pháp hội. Chẳng những giải trừ sự nghi hoặc của chúng con đại chúng, mà cũng giải trừ sự nghi hoặc của thiện nam tín nữ ở đời vị lai. Họ nghe được việc này rồi, thì họ không còn sinh tâm nghi hoặc nữa.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Bồ Tát Di Lặc muốn tường thuật lại đạo lý này, bèn dùng kệ để nói lại.

**Xưa Phật tử dòng Thích
Xuất gia gần Già Gia
Ngồi dưới cội bồ đề
Đến nay chẳng bao lâu.
Các Phật tử đó thấy
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật đạo
Trụ nổi sức thần thông.
Khéo học Bồ Tát đạo
Chẳng nhiệm pháp thế gian
Như hoa sen trong nước
Tử dưới đất mọc lên.**

Bồ Tát Di Lặc nói : Đức Phật Thích Ca sinh ra từ dòng dõi Thích Ca, sau đó xuất gia, ngồi dưới cội bồ đề gần thành Già Gia. Ban đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo thành Phật. Từ khi Đức Thế Tôn thành Phật đến nay, thời gian rất ngắn, không quá hơn bốn mươi năm.

Vô lượng vị Bồ Tát đó, từ dưới đất vọt lên, đều là con của Phật, số đông vô lượng, không thể nào dò lường được. Dù trí huệ của Bồ Tát, cũng chẳng cách chi thấu

triệt được cứu kính có bao nhiêu ? Các Ngài từ thuở xa xưa đã tu hành Phật đạo, cho nên có đại thần thông, biến hóa vô cùng.

Các vị Bồ Tát đó, khéo tu tập lục độ vạn hạnh Bồ Tát đạo, chẳng ô nhiễm pháp thế gian. Các vị đó tu pháp thanh tịnh xuất thế, giống như hoa sen ở dưới nước thanh tịnh, ra khỏi bùn mà chẳng nhiễm. Hiện tại, các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, đến pháp hội Linh Sơn, nghe Phật diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đây là cơ hội ngàn vạn ức kiếp khó gặp được.

**Đều khởi tâm cung kính
Trụ ở trước Thế Tôn
Việc đó khó nghĩ bàn
Làm sao khiến người tin ?
Phật đắc đạo gần đây
Mà thành tựu rất nhiều
Xin vì trừ chúng nghi
Như thật phân biệt nói.**

Các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, thấy đều sinh tâm cung kính đối với Phật, trụ ở trước Phật. Việc này thật là không thể nghĩ bàn, làm sao có thể khiến cho người tin ?

Vì sao khiến cho người không tin ? Vì thời gian Phật đắc đạo rất gần đây, mà thành tựu lại nhiều như

thế, giáo hóa vô lượng vô biên chúng Bồ Tát. Hy vọng Đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con đại chúng giải thích nói để trừ tâm nghi hoặc của đại chúng. Khẩn cầu Đức Thế Tôn thật thà phân biệt nói rõ cho chúng con biết.

**Ví như người thiếu niên
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người già là con
Tóc bạc và mặt nhăn.
Nói họ là ta sinh
Con cũng nói người đó
Chính là cha của ta
Cha trẻ mà con già
Khiến đời không thể tin.**

Ví như người thiếu niên, mới khoảng hai mươi lăm tuổi, song lại chỉ người trăm tuổi nói họ là con. Người già đó, tóc thì bạc mặt thì nhăn nhó.

Người thiếu niên đó nói : Người già này là con, do ta sinh ra; người già đó cũng nói : Người thiếu niên này là cha đẻ của ta. Việc cha trẻ mà con già, khiến cho tất cả mọi người thế gian không thể tin được.

**Thế Tôn cũng như thế
Đắc đạo chẳng bao lâu**

**Các Bồ Tát đó thấy
Chí bền chẳng suy nhược.
Vô lượng kiếp đến nay
Luôn hành Bồ Tát đạo
Khéo về nạn vấn đáp
Tâm họ chẳng sợ hãi.**

Đức Thế Tôn cũng như thế, từ khi thành Phật đến nay, thời gian chẳng bao lâu, mà có thể giáo hóa Bồ Tát, chí hướng rất vững bền như kim cang, phát thệ nguyện rất rộng lớn như biển cả. Tâm các vị đó chẳng có chút sợ hãi, ý chẳng suy nhược.

Các vị Bồ Tát đó từ vô lượng kiếp đến nay, phát tâm Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, khéo về giải đáp vấn nạn, biện tài vô ngại. Tâm của các vị đó chẳng sợ hãi, chẳng thọ uy hiếp, đều thành tựu bốn vô sở úy, đó là :

- 1). Tổng trì vô úy.
- 2). Tri căn vô úy.
- 3). Quyết nghị vô úy.
- 4). Đáp nạn vô úy.

**Tâm nhẫn nhục quyết định
Đoan chánh có uy đức
Được mười phương Phật khen
Khéo hay phân biệt nói.**

**Chẳng thích ở trong chúng
Thường thích nhập thiên đình
Do vì cầu Phật đạo
Trụ hủ không phưởng dưới.**

Các Ngài dùng tâm nhẫn nhục để quyết định, dung mạo của các Ngài rất đoan chánh, đầy đủ ba mươi hai tướng. Uy đức của các Ngài rất trang nghiêm, khiến cho người cung kính. Mười phương chư Phật cũng khen ngợi công đức của các Ngài. Các Ngài khéo phân biệt nói tất cả Phật pháp.

Các vị học Phật pháp, phải dùng Phật pháp mới đắc được lợi ích của pháp. Nếu không, khi cảnh giới đến khảo nghiệm thì hờ đồ. Nếu không nhận thức được cảnh giới, thì sẽ bị cảnh giới chuyển. Do đó có câu :

“Tất cả là khảo nghiệm,
Xem bạn làm thế nào ?
Trước mắt chẳng nhận ra,
Phải luyện lại từ đầu.”

Bất cứ là cảnh giới thuận, hoặc cảnh giới nghịch, bạn không cần chấp trước nó. Nếu tâm không động thì có công phu, đã đến trình độ hỏa hầu.

Cảnh giới thuận là gì ? Tức là có người khen ngợi bạn rằng: Vị pháp sư này giữ gìn giới luật, ngày ăn một bữa, ngủ ngồi, lại chẳng giữ tiền bạc, ngoài ba y bình bát

ra, chẳng có vật gì khác. Bạn nghe những lời khen như thế, trong tâm rất hân hoan, còn ngọt hơn là ăn mật, đó là bị cảnh giới chuyển.

Cảnh giới nghịch là gì ? Tức là có người phỉ báng bạn rằng: Vị pháp sư này ham ăn lười làm chẳng tu hành, ngủ suốt ngày chẳng làm việc, nói một cách khác là nương Phật ăn bám, nương Phật mặc y áo để qua ngày tháng. Bạn nghe rồi, trong tâm rất khó chịu, còn đắng hơn là ăn hoàng liên, đó là bị cảnh giới chuyển.

Chương ngại lớn nhất của việc tu đạo là chẳng nhận thức được cảnh giới, chẳng có định lực, rất dễ bị cảnh giới chuyển, làm mất đi đạo nghiệp.

Vô lượng đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên chẳng thích ở chỗ náo nhiệt, thích ở nơi yên tĩnh. Các Ngài luôn luôn ở trong thiền định, đắc được cảnh giới khinh an, thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Vì cầu Phật đạo, cho nên trụ ở phương dưới ở trong hư không.

**Chúng con tử Phật nghe
Việc này nên hết nghi
Xin Phật vì vị lai
Diễn nói khiến họ hiểu.
Nếu ở nơi kinh này
Có người nghi không tin
Tức sẽ đọa đường ác**

**Nay xin Phật giải nói.
Vô lượng Bồ Tát đó
Sao trong thời gian ngắn
Giáo hóa khiến phát tâm
Trụ vào bậc bất thối ?**

Bồ Tát Di Lặc lại nói : Chúng con đại chúng nghe Phật nói diệu pháp Kinh Pháp Hoa, lại thấy những vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên. Vì được thấy được nghe, cho nên đối với việc này chẳng còn hoài nghi nữa. Xin Đức Phật vì Bồ Tát sơ phát tâm ở đời vị lai, mà diễn nói đạo lý này. Vì tín căn của họ chẳng kiên cố, căn lành chẳng sâu dày.

Nếu như có người đối với Kinh Pháp Hoa không hiểu, mà sinh tâm hoài nghi, chẳng sinh tâm tín ngưỡng, thì tương lai sẽ đọa vào ba đường ác. Xin nguyện Đức Thế Tôn từ bi thương xót chúng sinh ở đời vị lai, mà giải thích nói nhân duyên này.

Vô lượng vô biên Bồ Tát đó, sao trong thời gian ngắn, mà giáo hóa họ phát tâm bồ đề, trụ vào bậc bất thối, hạnh bất thối, niệm bất thối.

Vị bất thối : Tức là bậc tu đạo chẳng thối thất, tức cũng là nhập bậc Bồ Tát, chẳng thối lùi về bậc nhị thừa. Nhập vào bậc thập trụ thì chẳng còn thối lùi bậc sinh tử.

Hạnh bất thối : Đối với hạnh pháp tu chẳng thối thất. Tu sáu pháp Ba la mật, chẳng thối lùi về pháp tứ đế. Nhập vào sơ địa thì hạnh bất thối lợi tha.

Niệm bất thối : Đối với chánh niệm chẳng thối thất. Từ bát địa trở đi được vô công dụng trí, niệm niệm nhập vào biển tánh chân như.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM THỌ LƯỢNG CỦA NHƯ LẠI THỨ MƯỜI SÁU

Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Mười danh hiệu là gì ? Tức là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, đủ mười hiệu này nên gọi là Thế Tôn. Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều gọi là Như Lai. Như Lai là gì ? Tức là :

“Thừa như thật chỉ đạo,
Lai thành chánh giác.”

Thừa là trí như như, lai là cảnh như như. Dùng trí như như để quán sát cảnh như như. Cảnh trí như như, cảnh trí hợp mà làm một. Tóm lại, cũng chẳng có cảnh, cũng chẳng có trí. Đạo là nhân, giác là quả. Đây là cảnh

giới nhân viên quả mãn, cho nên gọi là “Nhu Lai.” Nhu Lai có hai thân, tức là chân thân và ứng thân. Chân thân là pháp thân, ứng thân là hóa thân, tuy danh từ khác nhau, song thể dụng giống nhau. Theo căn cơ chúng sinh mà hiện thân, để vì chúng sinh nói pháp. Do đó :

“Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến.”

Ví dụ như : Chân thân cũng như mặt trăng sáng ở trong hư không, ứng thân giống như bóng mặt trăng ở trong nước. Do đó, có câu :

“Thiên đàm hữu thủy thiên đàm nguyệt.”

Nghĩa là :

“Ngàn ao hồ có ngàn mặt trăng hiện vào.”

Phàm là nơi nào có nước, chỉ cần lẳng trong không đục, thì mặt trăng đều hiện bóng vào. Song, mặt trăng trong nước chẳng đi, mặt trăng trên trời cũng chẳng đến. Cho nên nói:

"Nhu Lai chẳng đến chẳng đi".

Tuy Đức Phật thị hiện đến thế giới này, song cũng chẳng sinh; tuy thị hiện nhập diệt, cũng chẳng có diệt. Tại sao ? Vì bốn thể của Ngài chẳng động. Đó là cảnh giới không sinh mà thị hiện sinh, không diệt mà thị hiện diệt, khiến cho chúng sinh đừng chấp trước có sinh có

diệt. Phật thì không sinh không diệt, huệ mạng của Phật cũng chẳng có hạn lượng, về thời gian là vô hạn, về không gian là vô lượng. Như Lai có ba thân, tức là :

1). Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, dịch là "Biển mãn nhất thiết xứ" (đầy khắp mọi nơi). Trí huệ quang của Ngài chiếu khắp hư không, tận hư không biến pháp giới. Pháp thân của Phật vô tại vô bất tại. Tại sao ? Vì pháp thân của Phật không hình không tướng, thuần nhất thanh tịnh, chân Phật vô hình, cho nên không có chỗ nào mà chẳng phải là pháp thân ở tại chỗ đó.

Có người khởi vọng tưởng : ‘‘Đại khái nơi chẳng thanh tịnh, thì chẳng có pháp thân của Phật’’ ! Nói cho bạn biết ! Pháp thân của Phật chẳng có chỗ nào mà không có (vô sở bất tại). Thanh tịnh hay không thanh tịnh, là do tâm phân biệt của phàm phu mà nói. Tại cảnh giới của Phật mà nói, thì không thanh tịnh cũng biến thành thanh tịnh. Ở trước kinh này có nói về ba lần biến đất đai, tức là không thanh tịnh biến thành thanh tịnh.

2). Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, dịch là "Tịnh mãn". Tức là các hoặc đều tịnh, trí huệ viên mãn. Khi Đức Phật chứng đạo dưới cội bồ đề, thì hiện thân Lô Xá Na ngàn trượng, để vì pháp thân Đại sĩ (Bồ Tát) nói Kinh Hoa Nghiêm. Hàng tiểu thừa thấy Phật chỉ là tướng Tỳ Kheo một trượng sáu, do đó ‘‘Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na, có tai chẳng nghe giáo viên đốn.’’ Đây là hình dung hàng tiểu thừa chẳng có căn tánh đại thừa. Tuy nhiên ở tại hiện trường mà giống như kẻ mù kẻ điếc.

Có người hỏi : “Hàng nhị thừa là bậc Thánh nhân, sao chẳng thấy Phật chẳng nghe pháp; chúng ta là phàm phu, sao lại thấy được Kinh Hoa Nghiêm?” ?

Đáp : “Vì hàng nhị thừa cơ duyên còn chưa thành thực, cho nên chẳng nghe pháp đại thừa. Chúng ta gặp được Kinh Hoa Nghiêm, phải cảm kích ân điển của Bồ Tát Long Thọ. Trong quá khứ chúng ta đã gieo trồng căn lành, kết pháp duyên với Kinh Hoa Nghiêm, cho nên đời này được nghe kinh điển này.”

Sau khi Đức Phật vào Niết Bàn, khoảng sáu trăm năm sau, Bồ Tát Long Thọ ra đời ở Ấn Độ, Ngài có trí huệ hơn người, bất cứ kinh gì sách gì, qua mắt rồi thì không bao giờ quên, thuộc lòng như nước chảy. Ngài đọc hết tất cả kinh sách thế gian, chẳng còn sách gì để đọc, Long Vương thỉnh Ngài xuống lâu tạng kinh ở dưới Long Cung, để đọc kinh điển đại thừa. Ngài phát hiện bộ Kinh Hoa Nghiêm, gồm có quyển thượng, trung, hạ ba quyển. Quyển thượng và quyển trung quá nhiều bài kệ, người thế gian không thể tiếp thọ được, chỉ có quyển hạ có mười vạn bài kệ. Ngài tốn ba ngày thời gian, mới đọc xong mười vạn bài kệ và nhớ vào trong não hải, rồi trở về Ấn Độ, viết ra trên lá bối chẳng sót một chữ, trở thành bộ kinh “Không thể nghĩ bàn,” lưu truyền ở nhân gian. Kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta gặp là bộ kinh này. Nhân duyên của chúng ta thành thực, tương lai khi giảng xong bộ Kinh Pháp Hoa, thì chúng ta tiếp tục giảng bộ Kinh

Hoa Nghiêm. Tôi ước lượng khoảng mười năm mới giảng xong bộ Kinh Pháp Giới này.

Nói đến đây lại có người khởi vọng tưởng : ‘Bồ Tát Long Thọ làm sao mà xuống Long cung được ? Ngài lặn xuống nước chẳng’ ? Phàm là người chứng quả, đều có thần thông, vào đất như vào nước, đi trong nước như đi trên đất. Ngài đến bờ biển thì nước biển tự nhiên rẽ ra thành đường đi, chân Ngài chẳng dính nước, bèn đi đến Long cung, bạn nói có diệu chẳng ! Bạn có muốn xuống Long cung tham quan chẳng ? Hãy mau ngồi thiền nhập định, đắc được ngũ nhãn lục thông, thì bất cứ muốn đến đâu, cũng đều toại tâm như ý, chẳng bị vật gì hạn chế.

3). Thiên Bách Úc Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật, dịch là "Năng nhân tịch mặc". Nghĩa là thân khẩu ý ba nghiệp, lìa các lỗi ác được vắng lặng. Phật tùy loại chúng sinh mà hiện thân để giáo hóa. Tóm lại, theo cơ của chúng sinh mà hiện thân nói pháp, chẳng những ở thế giới này nói pháp, mà còn nói pháp ở khắp mười phương vô lượng thế giới, để giáo hóa chúng sinh.

Phẩm này là vì giải quyết lòng nghi của chúng mà nói : ‘Ta thành Phật đến nay rất là lâu xa, thọ mạng của Như Lai vô lượng Atăng kỳ kiếp.’ Phẩm này nói rõ công đức báo thân và trí huệ của Phật, trên thì hợp với thật tướng, dưới thì khế với chúng sinh.

Bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát và tất cả đại chúng : Các thiện nam tử ! Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai. Lại bảo đại chúng : Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai. Lại bảo đại chúng : Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai.

Sau khi Đức Phật nói xong Phẩm Từ Dưới Đất Vọt Lên rồi, bèn nói Phẩm Thọ Lượng của Như Lai. Lúc đó, Phật bảo tất cả Bồ Tát và đại chúng trong hội Pháp Hoa nói : “Các vị thiện nam tử ! Các ông hãy thanh tịnh tâm của mình, thu nhiếp ý của mình, chú ý lắng nghe ! Nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai.” Trước kia nói pháp ba thừa, là tùy phương tiện mà nói, bây giờ nói pháp một thừa, nên gọi là pháp chân thật.

Đức Thế Tôn sợ rằng hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trong pháp hội khởi vọng tưởng chẳng chú ý nghe pháp, cho nên lại nói lần nữa : “Các ông nên tin hiểu lời nói chân thật của Như Lai.”

Bấy giờ, trong đại chúng Bồ Tát, Bồ Tát Di Lặc làm thượng thủ, chấp tay bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Xin hãy

nói đi, chúng con sẽ tin nhận lời của đức Phật nói, bạch ba lần như thế rồi nói : Xin hãy nói đi, chúng con sẽ tin nhận lời của đức Phật nói.

Lúc đó, trong đại chúng Bồ Tát nghe Phật nói ba lần như thế. Bồ Tát Di Lặc đại biểu cho đại chúng, hướng về Đức Phật cung kính chấp tay mà bạch rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Xin Ngài hãy vì chúng con mà nói lời chân thật, chúng con sẽ tin sâu tiếp thọ lời nói của Phật, tuyệt đối chẳng hoài nghi pháp của Phật nói.’ Nói như thế ba lần, thì Phật yên lặng chẳng nói (ba lần thỉnh pháp để biểu thị chí thành khẩn thiết). Bồ Tát Di Lặc lại nói : ‘Xin Đức Thế Tôn hãy vì chúng con mà nói, chúng con nhất định tin nhận lời của Phật nói.’

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết các Bồ Tát ba lần thỉnh không ngừng, bèn bảo rằng : Các ông hãy lắng nghe, sức thần thông bí mật của Như Lai, tất cả thế gian trời người và A tu la, đều cho rằng hôm nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni, liả bỏ hoàng cung đến thành Già Gia chẳng bao xa,

ngồi nói Đạo tràng, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lúc đó, Phật biết các vị Bồ Tát ba lần thỉnh pháp không ngừng, bèn nói với các vị Bồ Tát rằng : ‘‘Các ông phải nghe cho kỹ ! Sức thần thông bí mật của Như Lai.’’ Tất cả thế gian trời người và A tu la đều nói rằng : ‘‘Hiện tại Phật Thích Ca Mâu Ni, lìa khỏi cung điện của vua Tịnh Phạn, đi đến thành Già Gia chẳng bao xa, ngồi dưới cội bồ đề, chúng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.’’

Thiện nam tử ! Thật ra, từ khi ta thành Phật đến nay, đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha kiếp. Ví như, năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ, ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử, có người nghiền ra thành bụi, đi qua phương đông, năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước, mới để xuống một hạt bụi, cứ theo hướng đông làm như thế, hết số hạt bụi đó.

Thiện nam tử ! Thật ra ta thành Phật đến nay, đã có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha kiếp. Chứ

chẳng phải hiện tại mới chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Ví như, có năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ (vô lượng số), ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử, có người đem hết các thế giới đó nghiền ra thành bụi, đi thẳng về phương đông, qua năm trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước, mới để xuống một hạt bụi, để hết số hạt bụi, chẳng còn hạt bụi nào cả.

Các thiện nam tử ! Ý của các ông thế nào ? Các thế giới đó, có thể suy nghĩ tính đếm biết được số bao nhiêu chăng ?

Các thiện nam tử ! Ý của các ông thế nào ? Những thế giới như thế có bao nhiêu ? Các ông có thể suy nghĩ, tính đếm cứu kính có bao nhiêu số mục, các ông có biết số chắc chắn là bao nhiêu chăng ?

Bồ Tát Di Lặc và hết thầy Bồ Tát, đều bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Các thế giới đó vô lượng vô biên, chẳng phải tính đếm mà biết được. Tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, dùng trí huệ vô lậu, cũng không thể suy nghĩ biết được số lượng. Chúng con trụ ở bậc bất thối, ở

nói việc này, cũng chẳng biết được. Đức Thế Tôn ! Các thế giới như thế vô lượng vô biên.

Bồ Tát Di Lạc và tất cả Bồ Tát đồng thời nói với Phật : “Đức Thế Tôn ! Những thế giới đó vô lượng vô biên, chẳng phải tính toán mà biết được số mục, cũng chẳng phải dùng sức tâm của một số người, mà tưởng tượng đến được. Dù tất cả hàng Thanh Văn và Duyên Giác, dùng trí huệ vô lậu để suy nghĩ cũng chẳng biết được số mục. Chúng con hàng Bồ Tát đều trụ ở bậc bất thối, ở nơi việc này cũng chẳng biết được. Đức Thế Tôn ! Những thế giới đó chẳng có số lượng, chẳng có bờ bến, không thể nói, không thể hình dung được.”

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng Bồ Tát : Các thiện nam tử ! Nay ta phân minh nói cho các ông nghe, các thế giới đó, hoặc để hạt bụi, hoặc không để, đều nghiên ra thành bụi hết, một hạt bụi là một kiếp. Từ ta thành Phật đến nay, còn nhiều hơn số đó, trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ kiếp. Từ đó đến nay, ta thường ở tại thế giới Ta Bà này, thuyết

pháp giáo hóa, cũng ở nơi trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước khác, giáo hóa lợi ích chúng sinh.

Lúc đó, Đức Phật bảo các đại Bồ Tát ở trong pháp hội rằng : “Các vị thiện nam tử ! Nay ta sẽ phân minh nói rõ cho các ông nghe. Đi về hướng đông, trải qua vô lượng thế giới như thế, hoặc để một hạt bụi xuống, hoặc không để hạt bụi xuống, lại đem tất cả những thế giới đó, đều nghiền ra thành bụi. Một hạt bụi là một kiếp, từ khi ta thành Phật đến nay, đã trải qua nhiều hơn số kiếp hạt bụi đó, khoảng trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ đại kiếp. Từ đó đến nay, ta thường ở tại thế giới Ta Bà này, thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, cũng ở những thế giới khác giáo hóa chúng sinh, tại trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ cõi nước, giáo hóa lợi ích tất cả chúng sinh.”

Các thiện nam tử ! Trong khoảng giữa đó, ta nói Phật Nhiên Đăng, và còn nói đức Phật đó vào Niết Bàn. Như thế đều dùng phương tiện phân biệt.

Các vị thiện nam tử ! Từ lúc ban đầu ta thành Phật, đến hiện tại pháp hội Linh Sơn, trong khoảng giữa này ta đã từng nói qua : “Ta ở vào thời Phật Nhiên Đăng, tên là Bồ Tát Thiện Huệ. Sau gặp Phật Nhiên Đăng thọ ký cho

ta, vào thời kỳ Hiền Kiếp, sẽ được thành Phật hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni.” Ta lại nói : “Phật Nhiên Đăng nhập Niết Bàn vào thời nào”? Những pháp ta nói đó, thật là pháp phương tiện, vì đối với căn tánh của chúng sinh mà nói ra nhân duyên đó, sự tích đó. Thật tế thì chẳng phải như thế, chẳng qua phương tiện phân biệt nói mà thôi. Các ông đừng cho nó là thật.

Các thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh đến chỗ ta, thì ta dùng mắt Phật quán sát, niềm tin và các căn lợi độn của họ, để độ họ. Nói nói tự nói danh tự khác nhau, tuổi tác lớn nhỏ, cũng hiện nói sẽ vào Niết Bàn, lại dùng đủ thứ phương tiện nói pháp vi diệu, khiến cho chúng sinh phát tâm hoan hỷ.

Các vị thiện nam tử ! Giả sử có chúng sinh đến chỗ ta, thì ta dùng mắt Phật để quán sát năm căn của họ, là lợi hay là độn, để thuyết pháp giáo hóa họ.

Nếu người có tín căn mà nghe Phật pháp, thì họ liền tin, chẳng sinh tâm hoài nghi, giữ quy cụ chẳng phóng dật. Sau khi tin Phật pháp rồi, thì còn phải tinh tấn nỗ lực tu hành. Bằng không, có tín căn mà chẳng tinh tấn thì đó là “khẩu đầu thiên.” Nói mà chẳng làm thì cũng

như không, chẳng ích lợi gì. Phải từ từ đi đứng nằm ngồi, niệm niệm không quên mới có công hiệu. Những pháp môn học được, chẳng thiết thực nghiên cứu, chẳng chuyên tâm đọc tụng, thậm chí một ngày nóng mười ngày lạnh, thì vĩnh viễn chẳng đắc được giải thoát. Niệm căn bất thối thì mới sinh ra định căn. Có định căn rồi thì mới sinh huệ căn. Năm căn này đều có mối quan hệ với nhau. Người chẳng có định căn, khi cảnh giới đến khảo nghiệm thì hồ đồ. Tại sao ? Vì chẳng có huệ căn, cho nên huệ căn rất là quan trọng. Do năm căn mà sinh ra năm lực, năm lực trợ giúp thành tựu đạo nghiệp.

Lợi căn là người thông minh, độn căn là người ngu si. Người thông minh thì không bị cảnh giới chuyển, mà chuyển được cảnh giới. Cảnh giới ác chuyển thành cảnh giới thiện, cảnh giới nghịch chuyển thành cảnh giới thuận. Người ngu si thì ngược lại, việc tốt làm thành việc xấu, việc thiện làm thành việc ác, cứ làm việc điên đảo. Tại sao lại thông minh ? Vì làm nhiều công đức, chẳng làm việc thất đức. Tại sao lại ngu si ? Vì chẳng làm việc công đức, cứ muốn chiếm tiện nghi, chẳng chịu thiệt thòi. Phải hiểu rằng :

“Thiệt thòi là chiếm tiện nghi.”

Đạo lý này các vị hãy nghiên cứu thì sẽ biết nghĩa của nó.

Lão Tử từng nói qua bài này rằng :

‘Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa.
Trí huệ xuất, hữu đại ngụy.
Lục thân bất hòa, hữu hiếu tử,
Quốc gia hỗn loạn, hữu trung thần.’”

Nghĩa đại khái là : Đại đạo chẳng còn, thì mới đi giảng về nhân nghĩa. Người có trí huệ xuất hiện, thì trên thế gian sẽ có việc gian ngụy phát sinh. Gia đình bất hòa thì mới hiển lộ người con có hiếu. Nước nhà hỗn loạn, thì mới xuất hiện trung thần. Tục ngữ có câu :

‘‘Chẳng có núi cao thì không hiển lộ đất bằng.’’

Khi nước nhà thái bình, thì ai ai cũng đều là người tốt, chẳng phân biệt được người trung kẻ gian. Khi đất nước đại loạn, thì mới biết rõ trung thần báo quốc, gian thần bán nước, xưa nay đều rõ ràng.

Phật tùy theo chúng sinh nào độ được, thì thuyết pháp giáo hóa họ, cho nên nơi nơi chốn chốn, tự nói danh hiệu của mình, hoặc là nói Tỳ Lô Giá Na, hoặc nói Lô Xá Na, hoặc nói Thích Ca Mâu Ni. Tuy danh hiệu khác nhau, song đều là một người. Tuổi tác của Phật ở đời, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc già, hoặc trẻ, đều khác nhau. Lại đối với hàng đệ tử nói : ‘‘Hiện tại ta sẽ vào Niết Bàn.’’ Kỳ thật, Phật cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt, thường ở tại cõi Thường Tịch Quang thuyết pháp. Lại dùng đủ thứ phương

tiện pháp môn, diễn nói pháp vi diệu không thể nghĩ bàn, khiến cho chúng sinh hoan hỷ.

Các thiện nam tử ! Như Lai thấy các chúng sinh ưa thích pháp tiểu thừa, đức mỏng, trần cấu nặng, thì vì người đó nói : Ta thiếu niên xuất gia, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nhưng thật ra, ta thành Phật đến nay, rất là lâu xa, nhưng dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ vào Phật đạo, mà nói như thế.

Các vị thiện nam tử ! Như Lai quán sát căn cơ của tất cả chúng sinh, để vì họ nói pháp. Có chúng sinh thích pháp tiểu thừa, thì vì họ nói pháp tiểu thừa. Có chúng sinh hoan hỷ pháp đại thừa, thì vì họ nói pháp đại thừa. Đối với chúng sinh phước mỏng đức cạn, hoặc phiền não cấu nặng, độn căn thì nói : ‘‘Ta lúc thiếu niên xuất gia tu đạo, đã chứng quả giác Vô thượng chánh đẳng chánh giác.’’ Song, thật ta thành Phật đến nay rất là lâu xa, đã vượt hơn số bụi A tăng kỳ kiếp. Nhưng dùng pháp môn quyền xảo phương tiện, để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ cải tà quy chánh, hồi tiểu hướng đại, phát tâm Bồ đề chứng nhập Phật đạo, cho nên mới nói pháp như thế.

Các thiện nam tử ! Như Lai nói tất cả kinh điển, đều vì độ thoát chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân của chư Phật, hoặc thị hiện thân mình, hoặc thị hiện thân Phật khác, hoặc nói việc của mình, hoặc nói việc của Phật khác. Những lời nói ra, đều chân thật không hư.

Các vị thiện nam tử ! Như Lai nói tất cả kinh điển, đều vì độ thoát tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui mà nói. Vì chúng sinh có tám vạn bốn ngàn trần lao, cho nên mới nói ra tám vạn bốn ngàn pháp môn. Mỗi pháp môn đối trị mỗi chúng bệnh. Đối với chúng sinh tâm tham nặng, thì nói quán pháp bất tịnh; đối với chúng sinh tâm sân nặng, thì nói quán pháp từ bi; đối với chúng sinh tâm si nặng, thì nói quán pháp nhân duyên. Tóm lại, theo bệnh cho thuốc, thì mới có công hiệu. Phật dùng đủ thứ pháp môn, đối trị đủ thứ tập khí ma bệnh của chúng sinh.

Phật giáo hóa chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân của chư Phật, dùng thân làm khuôn phép, làm mô phạm cho chúng sinh, hoặc thị hiện thân mình, hoặc thị hiện thân Phật khác, để làm mô phạm khiến cho chúng sinh học theo, hoặc nói nhân duyên bốn sinh bốn

sự của chư Phật, Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán. Những lời nói ra đều chân thật không hư.

Vì sao ? Vì Như Lai thấy biết tướng ba cõi như thật, chẳng có sinh tử, hoặc thối lùi, hoặc xuất hiện, cũng chẳng tại thế, hoặc diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng khác. Chẳng như ba cõi, mà thấy ba cõi. Những sự việc đó, chỉ có Như Lai mới thấy rõ, chẳng có sai lầm.

Đây là nguyên nhân gì ? Như Lai dùng tri kiến chân như thật trí, chiếu thấy tướng của ba cõi chẳng có sinh tử. Tại bản thân của Phật mà nói, thì chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, cũng chẳng có thối lùi, cũng chẳng có xuất hiện, cũng chẳng trụ thế, cũng chẳng diệt độ.

Một số phàm phu, quán tất cả pháp là thật có, hàng nhị thừa quán tất cả pháp là không tướng, Phật quán tất cả pháp là chẳng thật chẳng hư. Tóm lại, trung đạo mới là chân không diệu hữu; diệu hữu không ngại chân không. Cũng chẳng phải như, chẳng phải khác. Sao gọi là chẳng phải như ? Chẳng phải một. Sao gọi là chẳng phải khác ? Cũng chẳng phải hai. Chẳng giống như chúng sinh trong ba cõi, thấy ba cõi thì có ba cõi. Tại Phật mà nói, thì chẳng có sinh tử, chẳng có ba cõi. Những sự việc như thế chỉ có Như Lai mới thấy rõ chẳng có sai lầm.

Vì chúng sinh có đủ thứ tánh, đủ thứ dục, đủ thứ hạnh, đủ thứ nghĩ nhớ phân biệt. Phật muốn khiến cho sinh các căn lành, cho nên dùng đủ thứ nhân duyên, ví dụ lời lẽ, đủ thứ thuyết pháp, làm các Phật sự, chưa từng tạm phế bỏ.

Vì hết thảy chúng sinh đều có đủ thứ tập tánh, đủ thứ dục vọng, đủ thứ nghiệp hành, đủ thứ nghĩ nhớ phân biệt. Phật muốn khiến cho chúng sinh trồng tất cả căn lành, cho nên dùng đủ thứ nhân duyên, đủ thứ ví dụ, đủ thứ lời lẽ, đủ thứ thuyết pháp. Làm những Phật sự từ lâu xa đến nay, chưa từng tạm thời phế bỏ. Tóm lại, ngày ngày làm Phật sự chẳng có ngừng nghỉ.

Chúng sinh là gì? Phàm là có huyết, có khí, có mạng sống, đều là chúng sinh, tức cũng là do chúng duyên hòa hợp mà sinh. Phi, tiềm, động, thực, đều là hữu tình chúng sinh, cây, cỏ, vàng, đá, là vô tình chúng sinh, hữu tình chúng sinh đang nói pháp, vô tình chúng sinh cũng đang nói pháp, bất quá chúng ta phàm phu chẳng thấu được mà thôi, bậc Thánh nhân chứng được ngũ nhãn lục thông, đều biết đều thấy.

Như thế, từ khi ta thành Phật đến nay, rất là lâu xa, thọ mạng vô lượng A tăng kỳ kiếp, thường trụ bất diệt.

Như ở trên vừa nói, từ khi ta thành Phật đến nay, thời gian rất là lâu xa, tuổi thọ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, thường trụ ở cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, cũng chẳng sinh, cũng chẳng diệt. Và chẳng phải chỉ chứng đạo ở dưới cội bồ đề, nhập diệt tại Sa La song thọ. Đó bất quá là phương tiện thị hiện mà thôi.

Các thiện nam tử ! Thuở xưa, ta hành Bồ Tát đạo, được tuổi thọ đến nay vẫn chưa hết, lại tăng thêm. Nay chẳng phải thật diệt độ, mà nói là sẽ diệt độ. Như Lai dùng phương tiện đó, để giáo hóa chúng sinh.

Các vị thiện nam tử ! Thuở xưa, khi ta hành Bồ Tát đạo, được tuổi thọ đến nay vẫn chưa hết. Còn lâu dài hơn hạt bụi số kiếp đã nói ở trên. Hiện tại ta muốn vào Niết Bàn, chẳng phải thật diệt độ, chỉ là phương tiện nói pháp, bèn nói là sẽ diệt độ. Như Lai vì phương tiện giáo hóa chúng sinh, mà nói như thế.

Tại sao ? Nếu Phật sống lâu ở đời, thì người đức mỏng chẳng trồng căn lành, bần cùng hạ tiện tham trước năm dục, vào trong lưới vọng kiến nhỏ tưởng.

Tại sao Phật có diệt độ, mà nói là chẳng có diệt độ ? Phật vốn là chẳng sinh chẳng diệt. Nếu như Phật sống lâu ở đời chẳng vào Niết Bàn, thì người phước mỏng sinh tâm ý lại, chẳng muốn trồng căn lành. Tâm nghĩ : “Phật còn ở đời, mình từ từ trồng căn lành cũng chưa muộn, còn có nhiều thời gian.” Cho nên, bổn ý của Phật thị hiện Niết Bàn, là khiến cho chúng sinh sớm trồng căn lành, sớm thành Phật đạo.

Giảng đến đây, tôi nhớ lúc ở đông bắc bên Tàu, đệ tử quy y với tôi thì rất đông, song đệ tử tu hành thì rất ít. Dạy họ tu hành thì có người nói : “Tôi chẳng có thời giờ tu, khi về già tu cũng chưa muộn.” Sau khi tôi rời khỏi đông bắc đến Hương Cảng, thì có nhận thư của đệ tử gửi đến nói : “Người đó bây giờ tu hành, rất là nỗ lực, chẳng giải đãi nữa.” Vì sư phụ không có ở đó, thì họ mới tu hành. Nếu sư phụ ở đó, thì họ chưa chịu tu hành. Sau khi tôi đến Hương Cảng, cũng có rất nhiều người quy y, song tu hành chẳng nhận chân. Tôi rời khỏi Hương Cảng đến nước Mỹ, thì lúc này họ mới biết chẳng có sư phụ, thì phát sinh những việc khó khăn, chẳng cách gì giải quyết được. Do đó, thơ này thì thỉnh sư phụ trở về, thơ kia thì

thỉnh sư phụ giúp đỡ. Tóm lại, ngày ngày gặp mặt, thì chẳng cảm thấy quan trọng, khi không gặp thì mới biết là quan trọng.

Nguyên nhân Phật chẳng ở lại đời, là vì chúng sinh bần cùng hạ tiện, tham trước năm dục, chẳng biết chẳng hay, đọa vào trong lưới vọng kiến nhớ tưởng điên đảo, làm che lấp đi trí huệ quang minh, cứ làm việc điên đảo.

Tại sao người lại bần cùng ? Vì kiếp trước chưa làm việc công đức, cũng chẳng trồng căn lành, cứ nghĩ muốn chiếm tiện nghi, cho nên đời này chẳng có phước báo.

Nếu thấy Như Lai thường ở đời chẳng nhập diệt, thì họ sẽ sinh tâm kiêu mạn phóng túng, mà ôm lòng nhằm chán giải đãi, chẳng sinh tâm khó được gặp Phật, chẳng sinh tâm cung kính. Do đó, Như Lai dùng phương tiện nói : Tỳ Kheo nên biết, chư Phật ra đời rất khó được gặp.

Chúng sinh tham luyến năm dục, nếu thấy Phật thường ở đời mà không nhập diệt, thì họ bèn sinh tâm kiêu mạn phóng túng, chẳng giữ quy cụ. Họ ngày ngày thấy Phật, thời thời gặp Phật, thì sinh tâm nhằm chán giải đãi, mà chẳng sinh tâm khó được gặp Phật ở đời, chẳng sinh tâm cung kính Tam Bảo. Do đó, cho nên Như Lai

phương tiện nói : “Này các Tỳ Kheo ! Các ông nên biết, mười phương chư Phật xuất hiện ra đời, chẳng dễ gì gặp được.”

Tại sao ? Vì những người đức mỏng, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có gặp Phật, hoặc không gặp Phật. Nhờ việc đó mà ta nói rằng : Các Tỳ Kheo ! Như Lai khó có thể được gặp, những chúng sinh đó nghe lời như thế, thì sẽ sinh tâm khó được gặp Phật, ôm lòng luyến mộ khát ngưỡng đối với Phật, bèn trông căn lành. Do đó, tuy Như Lai chẳng thật diệt, mà nói là diệt độ.

Vì sao nói rất khó được gặp Phật ? Vì tất cả những người phước mỏng, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có gặp được Phật, hoặc không gặp được Phật. Vì lẽ đó, cho nên ta mới nói : “Này các Tỳ Kheo ! Như Lai rất khó gặp được.” Những chúng sinh đó, nghe ta nói như thế, thì bèn sinh tâm khó gặp Phật ra đời, trong tâm bèn luyến mộ Phật, khát ngưỡng Phật, bèn trông xuống căn lành. Vì lẽ đó, cho nên Như Lai tuy chẳng phải thật nhập diệt, mà phương tiện nói là nhập diệt. Kỳ thật, bây giờ Phật vẫn còn ở tại pháp hội Linh Sơn, diễn nói Kinh

Diệu Pháp Liên Hoa chưa tan hội. Có gì chứng minh ? Vào đời Tỳ, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, Ngài tụng Kinh Pháp Hoa đến Phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự, bèn nhập định thấy được cảnh giới này, do Ngài Huệ Tư Đại Sư ấn chứng rằng :

- “Phi nữ mạc thức, phi ngã mạc chứng.”

Do đó có thể biết, thật có việc đó chứ chẳng hư cấu. Tổ Sư đại đức chẳng nói dối.

Lại nữa ! Thiện nam tử ! Pháp của chư Phật Như Lai đều như thế, vì độ chúng sinh, đều thật chẳng hư.

Các vị thiện nam tử ! Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều nói pháp như thế, do đó “Phật Phật đạo đồng.” Vì giáo hóa chúng sinh mà nói pháp, đều chân thật chẳng hư. Trước hết nói pháp ba thừa, đó là vì thật thí quyền; bây giờ nói pháp một thừa, đó là khai quyền hiển thật. Trước ba sau một, vì khai ngọn hiển gốc, gốc ngọn chẳng lìa. Đây là pháp "hết ba về một, hết ngọn về gốc".

Ví như vị lương y trí tuệ thông đạt, biết luyện chế thuốc, khéo chữa lành các chứng bệnh. Có rất nhiều người con, hoặc

mười, hai mươi, cho đến một trăm người. Vì có duyên sự nên đi xa đến nước khác. Các người con sau này, uống nhầm thuốc độc, thuốc phát buồn bực điên loạn, lăn lóc trên đất.

Phật vì nói rõ đạo lý này, mới đưa ra ba mươi ví dụ để giải thích. Ví dụ tuy chẳng phải là chân lý, nhưng có thể nói rõ chân lý, cho nên có kinh ví dụ truyền bá trên thế gian.

Ví như có vị lương y trí huệ rất thông minh, biết rõ tính thuốc khéo điều trị tất cả nghi nan tạp chứng. Vị lương y này (đại biểu cho Phật), có rất nhiều con (đại biểu cho chúng sinh), hoặc mười (thập địa Bồ Tát) người con, hoặc hai mươi (nhị thừa) người con, cho đến một trăm (đại biểu cho trăm pháp giới) người con. Vị lương y này, vì có bệnh nhân đặc biệt, nên đi xa đến nước khác, do đó chẳng cách chi chiếu cứ các người con ở nhà. Các người con ở nhà đều rất thơ bé, chẳng ai chăm sóc, bèn lấy thuốc độc uống, bị trúng độc. Trong tâm phiền muộn điên loạn, nằm lăn lóc trên đất, thống khổ không thể tả.

Bấy giờ, người cha trở về nhà, các người con uống thuốc độc, hoặc có người mất bản tâm, hoặc có người không mất, ở

xa trông thấy cha về, đều rất vui mừng, quỳ lạy thăm hỏi cha được bình an trở về. Chúng con ngu si, uống lầm thuốc độc, xin cha hãy cứu chữa, khiến cho chúng con khỏi bệnh được sống lâu.

Trong lúc khẩn cấp, thì người cha từ nước khác trở về. Những người con này đã uống thuốc độc, có người đã mất tri giác, có người còn tỉnh táo, trúng độc chẳng nặng lắm. Họ ở đằng xa nhìn thấy người cha trở về, ai nấy đều rất mừng rỡ: ‘‘Ba Ba ! Ba được bình an trở về, không việc gì chứ ! Chúng con anh em quá ngu si, uống thuốc độc mà cứ tưởng là nước đường. Xin ba hãy tha thứ sự ngu si của chúng con, hãy cứu chữa khiến cho chúng con khỏi bệnh, để sống lâu trăm tuổi.’’

Người cha thấy các con đau khổ như thế, bèn y theo các phương pháp, tìm cỏ thuốc tốt, sắc vị thơm ngon thay đều đầy đủ, đấm giã sàng ròi hòa hợp cho các người con uống, mà nói rằng : Đây là thuốc hay, sắc vị thơm ngon thay đều đầy đủ, các con hãy uống đi, thì sớm sẽ hết khổ não, chẳng còn bị bệnh nữa.

Vị lương y đó từ nước ngoài trở về, phát hiện con của mình vì tham ăn mà trúng độc. Có người bất tỉnh như sượng, có người còn tỉnh, song đều rất đau khổ, thật đáng thương xót. Bèn y chiếu theo các phương pháp tìm cỏ thuốc giải độc hữu hiệu nhất, có màu sắc dễ nhìn, mùi vị ngon ngọt, cho nên nói là sắc vị thơm ngon đều đầy đủ, khiến các người con hoan hỷ uống thuốc giải độc này (Phật pháp). Vị lương y đem thuốc đâm giã rồi sàng lấy bột mịn, thêm mật ong hòa hợp làm thành viên. Các người con uống rồi bèn giải trừ độc tố, nhanh chóng khôi phục sức khỏe.

Về sau người cha nói với các con rằng : “Thuốc rất hay này, sắc cũng thơm, vị cũng ngon. Các con hãy mau uống vào, thì sẽ giải trừ được đau khổ lập tức hết bệnh, chẳng còn bị bệnh nữa, thứ thuốc này là vạn linh đan, trị được bá bệnh, có bệnh thì trị bệnh, không bệnh thì càng khỏe.”

Vị lương y đó tức là Phật, các người con tức là tất cả chúng sinh. Nói Phật đi đến nước khác, hoặc chẳng có Phật ra đời, hoặc đã vào Niết Bàn. Lúc đó, chúng sinh vì chẳng có trí huệ chân chánh, cho nên chẳng phân biệt được thức ăn có độc, hay không có độc, thấy là ăn, bèn ăn lầm thuốc độc. Thứ thuốc độc này, tức là tà kiến của bàng môn tả đạo, nói những đạo lý chẳng cứu kính. Chúng sinh vô tri nhận lầm thuốc độc, cho là thuốc trường sinh

bất lão. Tại sao phân biệt chẳng rõ ràng ? Vì si mê quá sâu nặng, chẳng cách chi tự cứu.

Chúng sinh bị si mê quá sâu nặng, khi gặp Phật trở về, bèn cúi đầu đánh lễ, thỉnh Phật từ bi thương xót cứu ra khỏi biển khổ. Vì có chúng sinh chịu uống thuốc, nên trừ sạch chất độc; có chúng sinh chẳng chịu uống thuốc, nên chất độc vẫn còn tồn tại. Cho nên, học Phật pháp quý tại thực hành, chẳng phải ở lời nói.

Lương y có thần hiệu “Diệu thủ hồi xuân,” bằng ngược lại, ngụ ý tức là kẻ giết người chẳng thấy máu. Tại sao lại nói như thế ? Vì bác sĩ bây giờ, đa số dùng bệnh nhân để làm vật thí nghiệm, thành công thì y có tiếng tăm, thất bại thì bệnh nhân mất mạng.

Bây giờ kể một câu chuyện, tuy là chuyện tiếu, nhưng cũng có tính chất giáo dục, có thể cảnh giác cho bác sĩ. Một ngày nọ, vua Diêm Vương mắc bệnh, sai tiểu quỷ đến dương gian mời bác sĩ.

- Tiểu quỷ nói : “Việc này tôi không thể đi”!

- Vua Diêm Vương hỏi : “Tại sao”?

- Tiểu quỷ nói : “Tôi không biết vị nào là lương y”?

- Diêm Vương nói : “Việc này rất đơn giản, mày đến trước cửa bệnh viện, thấy chỗ nào hờn quỷ ít, tức là lương y, thì hãy mời đến âm gian chữa bệnh cho ta.” Tiểu quỷ vâng lời đến dương gian tìm khắp nơi, cũng chẳng được lương y. Nhìn trước cửa chỗ chẩn mạch, đều có vô

số oan hồn khóc than đòi đền mạng. Tiểu quý thật chẳng có biện pháp, muốn trở về thì lại sợ Diêm Vương nóng giận, bèn đi về phía trước, phát hiện trước cửa một nhà chẩn mạch, chỉ có hai oan hồn. Tiểu quý bèn mời vị bác sĩ đó đến chỗ Diêm Vương, để chữa bệnh cho Diêm Vương.

Vị bác sĩ đó đến chỗ Diêm Vương được chiêu đãi rất ân cần, vừa mời thuốc, vừa mời trà, khiến cho ông ta chẩn mạch tử tế.

Vua Diêm Vương hỏi : “Xin ông hãy chẩn mạch, tôi mắc bệnh gì?”

Bác sĩ trả lời : “Không cần phải chẩn mạch, bất cứ bệnh gì, chỉ cần uống một viên thuốc đặc hiệu, thì sẽ khỏi bệnh.”

Diêm Vương nghe rồi cảm thấy mạo danh kỳ diệu, tâm nghĩ đâu có lý này, không chẩn mạch mà uống thuốc, thì chẳng phải là "lang trung" chăng ? Lang trung tức là bác sĩ giả, chuyên môn gạt những người thôn quê vô tri vô thức.

- Bèn hỏi : “Bác sĩ làm nghề y đã được bao lâu?”

- Bác sĩ nói : “Sáng sớm hôm nay khai trương, thì bị quý đại ca mời đến chữa cho Ngài.”

Diêm Vương nghe rồi bèn sinh hoài nghi, hỏi tiểu quý rằng : “Trước cửa của ông ta có bao nhiêu oan hồn?”

- Tiểu quý đáp : “Chỉ có hai, đang ở đó khóc kể, bị ông ta dùng thuốc độc làm chết, chết rất oan uổng.”

- Diêm Vương bèn nói với bác sĩ rằng : “Ông không cần trở về dương gian, hãy ở lại đây để khỏi hại độc người khác chết nữa.” Cho nên, vị bác sĩ đó cũng làm quý.

Trong số các người con, ai không mất bản tâm, thấy thuốc hay đó, sắc hương đều tốt bèn lấy uống, bệnh lành khỏi hẳn. Người mất đi bản tâm, thấy người cha về, tuy cũng vui mừng thăm hỏi, xin cha chữa bệnh, tuy cũng cho thuốc, mà chẳng chịu uống.

Trong số các người con, có người phát cuồng, có người tỉnh táo. Những người con chưa phát cuồng, thuốc hay sắc vị thơm ngon, thì lập tức uống vào. Chất độc trong người đều tiêu tan hết (tức là kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc đều phá trừ hết). Những người con trúng độc quá nặng, thấy người cha trở về, tuy cũng vui mừng thăm hỏi, cũng xin cha chữa bệnh. Nhưng người cha cho họ thuốc giải độc, mà họ chẳng chịu uống (biết Phật pháp là thuốc hay, chuyên trị tham sân si phiền não mà chẳng chịu y giáo phụng hành, giống như những đứa con thơ bé trúng độc, mà chẳng chịu uống thuốc).

Tại sao ? Vì chất độc vào sâu mất đi bản tâm. Do đó, thuốc hay thơm ngon, mà cho là không ngon. Người cha bèn nghĩ rằng : Những đứa con này thật đáng thương, vì trúng độc nên tâm điên đảo. Tuy thấy ta vui, xin ta cứu chữa, thuốc hay như thế, mà chẳng chịu uống. Nay ta sẽ bày phương tiện, khiến cho chúng uống thuốc này.

Đây là đạo lý gì ? Vì trúng độc quá nặng, chất độc đã xâm nhập vào ngũ tạng lục phủ, cho nên mất đi bản tâm tỉnh táo, biến thành hồ đồ. Đối với thứ thuốc hay sắc vị thơm ngon này, mà nói là chẳng ngon chẳng ngọt.

Phật là vị lương y, chuyên trị bệnh nhiệt não của chúng sinh, vì giải trừ khổ độc của chúng sinh, mà nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, song chúng sinh chẳng tin, Phật cũng chẳng có biện pháp. Phật bi tâm thiết thiết, khổ khẩu bà tâm, để giáo hóa chúng sinh: Đừng tham, đừng sân, đừng si, đây là ba chất độc hại người, nhưng chúng sinh xem lời vàng ngọc của Phật như gió thoảng qua tai, qua rồi chẳng lưu lại, thật là cô phụ Phật, Bồ Tát một phen khổ tâm.

Người cha (Phật) thấy những người con trúng độc (chúng sinh), thật là đáng thương xót. Vì trúng độc (tin pháp của ngoại đạo) quá nặng, cho nên tâm điên đảo (tà tri tà kiến). Tuy nhiên thấy ta về thì rất vui mừng, xin ta chữa trị, nhưng ta vì họ lựa cỏ thuốc thượng hạng (Kinh Diệu Pháp Liên Hoa), mà họ chẳng chịu uống. Bây giờ, ta bày pháp môn phương tiện, khiến cho những người con trúng độc quá nặng phát tâm uống thuốc giải độc này.

Bèn nói như vậy : Các con nên biết, nay ta già nua, thời kỳ chết đã đến, thuốc hay tốt này, nay để ở tại đây, các con có thể lấy uống, đừng có lo lắng là bệnh không lành. Dạy như thế rồi, lại đến nước khác, sai sứ về nói là cha của nhà người đã chết.

Người cha từ bi đó, bèn nói với các người con không nghe lời rằng : “Các con nên biết ta tuổi đã già, thân thể suy yếu, thời kỳ chết đã đến. Ta chế thuốc hay để lại đây cho các con, các con hãy tùy tiện mà lấy uống, đừng có lo lắng là bệnh sẽ không lành. Chỉ cần uống vào thì nhất định sẽ khỏi.”

Dặn dò xong rồi, từ giã các con, lại đi đến nước khác. Chẳng bao lâu, cố ý sai sứ về nói với các người con : “Cha của các người đã chết ở nước khác.” Đây là

pháp phương tiện, khiến cho các người con phản tỉnh, biết người cha dụng tâm lương khổ.

Bấy giờ, các người con nghe tin cha mất rồi, tâm rất buồn rầu đau khổ, mà nghĩ như vậy : Nếu cha mình còn sống, thì sẽ thưởng xót chúng ta, cứu hộ chúng ta. Nay đã bỏ chúng ta mất ở xứ người, chúng ta cô độc, lại chẳng có chỗ nương tựa, thường ôm lòng bi cảm, tâm bèn tỉnh ngộ, mới biết thuốc này sắc vị thơm ngon, lập tức lấy uống, bệnh độc đều khỏi.

Lúc đó, các người con trúng độc, nghe tin người cha đã chết ở nước khác, thấy đều buồn rầu đau khổ, mà nghĩ như vậy : ‘Nếu như cha mình còn ở đời, thì sẽ thương yêu chúng ta, cứu hộ chúng ta. Bây giờ, cha đã bỏ chúng ta đi qua đời ở nước khác. Bây giờ, chúng ta cô độc chẳng có chỗ nương tựa’! Vì trong tâm bi cảm đến cực điểm, cho nên đã tỉnh lại, biết rằng khi cha ở đời, có để lại thuốc hay, đầy đủ sắc vị thơm ngon, lập tức lấy uống, tức thời chất độc giải trừ, thân tâm thanh tịnh, khôi phục lại diệu minh chân tâm vốn có.

Lúc đó, trừ khử sạch pháp của ngoại đạo, chuyên tâm nhất chí tu học Phật pháp. Phật pháp là thuốc hay, cũng là phương pháp duy nhất chữa lành tâm lý triệt để.

Người cha nghe tin con đều đã khỏi bệnh, bèn trở về, khiến cho các người con gặp lại.

Vị lương y này xử dụng kế này, để khiến cho các người con uống thuốc. Các người con sau khi uống thuốc vào, thì chất độc được giải trừ, khôi phục lại sức khoẻ. Người cha ở nước khác nghe tin rất là an ủi, do đó bèn trở về. Các người con lại thấy mặt cha mừng rỡ vô cùng, bèn phát nguyện từ nay về sau, nhất định phải nghe lời cha dạy bảo, làm người con hiếu thuận.

Các thiện nam tử ! Ý các ông nghĩ sao ? Có người nào cho rằng, vị lương y đó phạm tội vọng ngữ chăng ? Không vậy, đức Thế Tôn !

Các vị thiện nam tử ! Ý của các ông thế nào ? Có ai nói : “Vị lương y đó nói dối phạm tội vọng ngữ chăng ?” Đại chúng khác miệng cùng lời đáp : “Không có tội, Đức Thế Tôn ! Ông ta vì phương tiện dạy con, cho nên mới nói như thế, chẳng phải nói dối.”

Đức Phật nói : Ta cũng như thế, ta thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ kiếp, vì chúng sinh mà dùng sức phương tiện, nói là sẽ diệt độ, cũng chẳng có ai có thể nói, ta có lỗi nói dối.

Đức Phật nói : “Pháp của ta nói cũng như thế. Trước hết nói Kinh A Hàm, Kinh Phương Đẳng, Kinh Bát Nhã, cuối cùng nói Kinh Pháp Hoa, tình trạng cũng giống như vị lương y. Từ khi ta thành Phật đến nay, đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ kiếp. Vì phương tiện giáo hóa chúng sinh, vì thật thí quyền, mới nói với chúng sinh : Ta sẽ diệt độ, song không ai có thể nói : “Phật nói dối, có lỗi hư vọng.” Ta nghĩ rằng, chẳng có ai có thể nói, ta có lỗi hư vọng không thật !”

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, mới nói lại lần nữa, khiến cho chúng sinh tương lai hiểu rõ ràng, cho nên bèn dùng kệ để thuật lại.

**Ta thành Phật đến nay
Trải qua các kiếp số**

**Vô lượng trăm ngàn vạn
Úc kiếp A tăng kỳ.
Thường nói pháp giáo hóa
Vô số ức chúng sinh
Khiến vào trong Phật đạo.**

Đức Phật nói : “Từ khi ta chứng quả vị Phật đến nay, trải qua các kiếp số vô lượng trăm ngàn vạn ức Na do tha A tăng kỳ. Ta luôn luôn diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, giáo hóa vô số ức chúng sinh, khiến cho họ vào Phật đạo, chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác.”

**Vô lượng kiếp đến nay
Vì độ hóa chúng sinh
Phương tiện hiện Niết Bàn
Mà thật chẳng diệt độ.
Thường ở đây nói pháp
Ta thường trụ nơi đây
Dùng các sức thần thông
Khiến chúng sinh điên đảo
Tuy gần mà chẳng thấy.**

Từ vô lượng kiếp đến nay, vì độ hóa chúng sinh, cho nên phương tiện thị hiện Niết Bàn. Kỳ thật, ta chẳng

có diệt độ, vẫn ở tại thế giới Ta Bà này, vì chúng sinh nói pháp. Tuy nhiên ta thường trụ ở hội Pháp Hoa trên núi Linh Thứu, dùng tất cả sức thần thông để vì chúng sinh điên đảo nói pháp. Song, họ gần mà chẳng thấy thân của ta. Tại sao ? Vì họ bị vô minh che đậy, trí huệ chẳng hiện tiền, chẳng có pháp nhãn thanh tịnh, cho nên chẳng thấy ta.

**Chúng thấy ta diệt độ
Rộng cúng dường xá lợi
Đều ôm lòng luyến mộ
Mà sinh tâm khát ngưỡng.
Chúng sinh bèn tin phục
Ý chất trực mềm dịu
Một lòng muốn gặp Phật
Chẳng tự tiếc thân mạng.**

Chúng sinh thấy ta diệt độ, đại chúng rộng cúng dường xá lợi (linh cốt), đều ôm lòng luyến mộ sinh tâm khát ngưỡng. Lúc đó, chúng sinh bèn tin, lại được điều phục, cá tính chất trực thật thà, tâm ý mềm dịu điều thuận, một lòng muốn gặp lại Phật, vì cầu Phật pháp, dù xả bỏ thân mạng cũng chẳng tiếc.

Người xuất gia có đốt liều ở trên đầu, đó là biểu hiện chẳng tiếc thân mạng, thành khăn đồng như đốt thân

cúng Phật, thành tâm một lòng quy y Tam Bảo. Khi đốt lễ, thì tinh thần tập trung quán tưởng, suốt đời vì Tam Bảo cống hiến xác thân; vì độ chúng sinh mà hy sinh tất cả. Nếu tập trung tinh thần quán chiếu như thế, thì đau cũng chẳng biết đau.

Có người hỏi : “Xá lợi là gì ?” Vấn đề này rất có ý nghĩa, nói đơn giản là “linh cốt” cũng gọi là “kiên cốt tử”, tinh thể từ tử thi thiêu ra, giống như hột xoàn, phát quang óng ánh, cứng chắc như kim cương. Bình thường có màu trắng, đó là cốt xá lợi, có màu đỏ là thịt xá lợi. Tóm lại, phàm là cao Tăng đại đức, tu hành đến cảnh giới viên mãn, sau khi viên tịch, thiêu đốt tử thi, từ cốt tro mà sàng ra xá lợi.

Xá lợi có hai thứ : Một là toàn thân xá lợi, như xá lợi của Phật Đa Bảo. Hai là vụn thân xá lợi, như xá lợi của Phật Thích Ca. Còn có sinh thân xá lợi, và pháp thân xá lợi hai thứ. Sinh thân xá lợi là do huân tu giới định huệ, pháp thân xá lợi là tất cả kinh điển. Cao Tăng đại đức thời xưa tụng kinh, thì từ trong miệng phun ra xá lợi, chép kinh thì từ ngòi bút nhả ra xá lợi, thật là không thể nghĩ bàn. Có khi đốt đèn cúng Phật, do đó có câu “đăng hoa báo hỷ,” từ đèn hoa cũng hiện ra xá lợi, chỉ cần thành tâm thì sẽ cảm ứng xá lợi hiện ra.

**Khi ta và chúng Tăng
Cùng ở tại Linh Thứu**

**Có lúc nói chúng sinh
Thường tại đây chẳng diệt.
Vì dùng sức phủng tiện
Hiện có diệt không diệt.**

Lúc đó, chúng sinh tâm thành sở chí, bèn có cảnh giới cảm ứng đạo giao. Ta và tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cùng xuất hiện tại pháp hội ở núi Linh Thứu. Ta thường nói với chúng sinh : “Ta thường ở trên núi Linh Thứu, vì chúng sinh nói pháp, chứ chưa diệt độ. Vì sức quyền xảo phương tiện, cho nên có khi thị hiện diệt độ, có khi thị hiện chẳng diệt độ.” Do đó : “Sinh mà chưa sinh, diệt mà chưa diệt,” tức là cảnh giới này.

**Nước khác có chúng sinh
Ai cung kính tin ử
Ta lại ở trong họ
Vì nói pháp Vô thượng.**

Ở trong cõi nước khác có chúng sinh, họ đều sinh tâm cung kính tin ử Phật pháp đại thừa, thì ta ở trong họ để diễn nói pháp vi diệu thâm sâu Vô thượng, khiến cho họ phát bồ đề tâm, thành tựu quả giác ngộ vô thượng.

**Các ông chẳng nghe đây
Cho rằng ta diệt độ**

**Ta thấy các chúng sinh
Trôi lăn nổi khổ não.
Nên chẳng vì hiện thân
Khiến họ sinh khát ngưỡng
Do tâm họ luyến mộ
Mỗi hiện thân nói pháp.**

Các ông chẳng nghe nói qua đạo lý này, bèn cho rằng ta diệt độ rồi. Kỳ thật, ta chưa diệt độ. Ta thấy tất cả chúng sinh đều trôi lăn ở trong biển khổ năm dục, cho nên chẳng hiện thân Phật vì họ nói pháp, khiến cho họ sinh tâm khát ngưỡng luyến mộ, sau đó lại hiện thân thuyết pháp giáo hóa chúng sinh.

Như thế, khiến cho chúng sinh biết Phật pháp khó nghe, thân người khó được, mà đề cao cảnh giác, không thể bỏ qua cơ hội. Cho nên :

“Thân người khó được nay đã được
Phật pháp khó nghe nay đã nghe
Đời này chẳng độ thân này
Còn đợi khi nào độ thân này”!

Khi Phật còn tại thế, cùng chúng đệ tử đi qua làng họ thuyết pháp, Phật bèn bốc lên một nắm đất hỏi đệ tử :

- “Các con xem ! Đất trong tay của ta nhiều, hay là đất ở ngoài đại địa nhiều ?”

- Chúng đệ tử đáp : “Đương nhiên đất đại địa nhiều.”

- Phật nói : “Được thân người như đất trong bàn tay của ta, mất đi thân người như đất ngoài đại địa.”

Lúc đó, chúng đệ tử tỉnh ngộ, từ đó về sau, dụng công tu hành, chẳng bao lâu chúng được quả A La Hán. Thuyết pháp không nhất định ở trên pháp tòa thuyết pháp, mà tùy thời tùy lúc đều là nơi thuyết pháp.

Sức thần thông như thế Trong A tăng kỳ kiếp Thưởng ở núi Linh Thứu Và ở các nơi khác.

Tại sao chúng sinh có thể gặp Phật, có chúng sinh không thể gặp Phật ? Chúng sinh có duyên với Phật, thì tùy thời tùy lúc có thể gặp Phật; chúng sinh chẳng có duyên với Phật, thì chẳng gặp Phật. Có người nói : “Tôi với Phật chẳng có duyên, vĩnh viễn chẳng được gặp Phật, vậy phải làm thế nào ?” Bạn phải tròng căn lành, làm nhiều công đức, thì kết duyên với Phật. Tròng căn lành như thế nào ? Kết duyên với Phật như thế nào ? Tức là cúng dường Tam Bảo, đó là biện pháp duy nhất. Thời gian lâu thì tự nhiên sẽ kết duyên với Phật.

Tại sao diệt độ lại nói là chẳng diệt độ; chẳng diệt độ lại nói rằng diệt độ, đó là đạo lý gì ? Đối với người

chưa khai ngộ mà nói, thì cho rằng diệt độ; đối với người khai ngộ mà nói, thì chẳng có diệt độ. Vì người khai ngộ chứng được ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, thường ở một chỗ với Phật, luôn luôn ở cạnh Phật, cho nên thường gặp Phật. Chưa chứng được cảnh giới này, thì đương nhiên chẳng nhìn thấy Phật. Phật nói chẳng có diệt độ, là đối với người khai ngộ mà nói. Tóm lại, đó đều là sức thần thông của Phật biến hiện.

Vì sức thần thông như thế, cho nên trong A tăng kỳ kiếp, thường ở trong hội Pháp Hoa tại núi Linh Thứu và ở các nơi khác, vì chúng sinh nói nghĩa chân thật Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, sớm sinh về cõi Thường Tịch Quang, ở với chư Phật Bồ Tát.

**Chúng sinh thấy kiếp tận
Khi lửa lớn thiêu đốt
Ta cõi này an ổn
Trời người thường đầy dẫy.
Vườn rừng những lâu các
Đủ thứ báu trang nghiêm
Cây báu nhiều hoa quả
Nổi chúng sinh dạo chơi.**

Khi chúng sinh thấy kiếp tận, thì phát sinh nạn lửa lớn, thiêu hủy đến cõi Sơ thiên. Lục dục thiên (trừ cõi trời Đâu Suất ra, vì là nơi ở của Bồ Tát Bồ Xứ Phật vị), các nơi khác đều thiêu hủy hết. Trên từ trời Đại Phạm, dưới đến địa ngục vô gián, chẳng tồn tại vật gì cả. Phật ở cõi Thường Tịch Quang rất an ổn, chẳng bị lửa lớn thiêu hủy, chư thiên và loài người đều đầy dẫy ở cõi đó, vườn rừng lâu các đều trang nghiêm bằng bảy báu, cây báu đơm hoa kết trái rất sum sê. Đây là nơi dạo chơi của những chúng sinh đầy đủ căn lành.

**Chư Thiên đánh trống trời
Thưởng tấu các âm nhạc
Mưa hoa mạn đà la
Rải Phật và đại chúng.
Cõi tịnh ta chẳng hủy
Mà chúng thấy thiêu sạch
Lo sợ các khổ não
Như thế đều đầy dẫy.**

Chư Thiên trong ba cõi thường đánh trống trời, vì Phật mà tấu âm nhạc. Trên trời mưa xuống hoa Mạn đà la rất là xinh đẹp, để rải lên Phật và đại chúng, biểu thị trang nghiêm đạo tràng, chúc mừng pháp hội. Khi cao Tăng đại đức giảng kinh thuyết pháp, cũng có điềm tốt

hoa trời rơi xuống, đất vọt lên hoa sen. Bất quá, phàm phu chẳng nhìn thấy cảnh giới này mà thôi. Nếu người chúng được pháp nhãn, thì nhìn thấy rất rõ ràng.

Phật lại nói : ‘‘Cõi Tịnh Độ của ta vĩnh viễn chẳng bị hủy hoại, mà vọng kiến của chúng sinh và phiền não kiến, đều bị kiếp lửa thiêu sạch, lo sợ và tất cả tâm khổ não đều đầy đầy.’’

**Chúng sinh có tội đó
Bởi nhân duyên nghiệp ác
Qua A tăng kỳ kiếp
Chẳng nghe tên Tam Bảo.
Những người tu công đức
Tâm nhu hòa chất trực
Thấy đều thấy thân ta
Ở tại đây nói pháp.**

Những chúng sinh đó có tội, bởi nhân duyên nghiệp ác, dù trải qua số kiếp A tăng kỳ, cũng chẳng nghe được danh hiệu Phật, cũng chẳng nghe thấy được Pháp, cũng chẳng nghe được danh từ Tăng. Ở thế giới này, trước khi Phật ra đời, chẳng có ai biết về Phật pháp, cho nên chẳng nghe tên Tam Bảo. Giống như Tu Đạt Đa (Cấp Cô Độc) tưởng giả, khi nghe được danh hiệu Phật, thì

toàn thân dựng lông lên. Vì chưa bao giờ nghe đến danh từ Tam Bảo, cho nên có hiện tượng như thế.

Tất cả những người tu hành, hết thầy những người trồng căn lành, đều có công đức, tính tình của họ nhu hòa và chất trực. Những người như thế, mới có thể thấy được thân ta, đang ở tại pháp hội Linh Sơn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Phàm là chúng sinh có tội nghiệp, chẳng những chẳng thấy được thân Phật, mà cho đến tượng Phật cũng chẳng thấy đặng. Nếu có thể thấy được tượng Phật, thì cũng giảm bớt tội nghiệp. Tóm lại, tu hành có công đức, mới có thể thấy được Phật, nghe được Pháp, gặp được Tăng.

**Có khi vì chúng đó
Nói Phật thọ vô lượng
Người lâu mới thấy Phật
Thì nói Phật khó gặp.
Trí lực ta như thế
Huệ quang chiếu vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp
Do tu lâu mà được.**

Hoặc có lúc, vì chúng sinh nói thọ mạng của Phật là vô lượng vô biên. Đối với chúng sinh thường gặp Phật, thì nói Phật sống vô lượng. Đối với chúng sinh lâu được

gặp Phật, thì nói chẳng dễ gì được gặp Phật, khiến cho họ sinh tâm khát ngưỡng. Trí lực của ta là như thế, trí huệ quang chiếu khắp vô lượng chúng sinh, trong vô lượng thế giới, khiến cho họ phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo. Thọ mạng lâu dài vô lượng đại kiếp, đó là quả báo tu thiện nghiệp lâu dài.

Muốn tuổi thọ lâu dài, thì phải siêng làm thiện nghiệp phóng sinh. Có công đức đó, mới có thể sống lâu trăm tuổi, nếu giết hại sinh linh, thì tuổi thọ ngắn ngủi. Trong bài khuyên đời nhân quả ba đời có nói rằng :

“Đời này trường thọ là nhân gì ?
Đời trước giữ giới sát, nhiều phóng sinh.
Đời này chết yểu là nhân gì ?
Đời trước giết hại chúng sinh linh.”

**Các ông người có trí
Chớ nên sinh hoài nghi
Hãy đoạn khiến dứt sạch
Lỗi Phật thật không hư.
Như lượng y phưởng tiện
Vì trị bệnh cho con
Thật còn mà nói chết
Không thể nói hư vọng.**

Các ông đều là người có đại trí huệ, đừng nên sinh hoài nghi đối với lời của ta nói, nên đoạn sạch tâm hoài nghi, khiến cho nó vĩnh viễn đừng sinh nữa. Các ông phải tin lời của Phật là chân thật không hư, Phật là bậc Thánh chẳng nói dối.

Giống như vị lương y, vì cứu bệnh điên cuồng của con, cho nên cố ý nói mình đã chết, vì khiến cho các con uống thuốc để giải trừ chất độc, đó là pháp phương tiện, chẳng có ai có thể nói vị lương y đó là người nói dối.

Một số người đều có tâm ý lại. Khi Phật còn ở đời, thì cho rằng chẳng cần nghe pháp. Sau khi Phật vào Niết Bàn, thì mới biết sự quan trọng của việc nghe pháp, mới bắt đầu học Phật pháp. Pháp của Phật để lại là thuốc hay, chuyên trị phiền não. Bây giờ, chúng sinh tu giữ giới luật, tham thiền đả tọa, tụng kinh lạy Phật, trì chú lễ sám, đó là chiếu theo toa thuốc mà uống, có thuốc đến thì bệnh tiêu trừ. Nếu như nghiên cứu Phật pháp mà chẳng tu hành, thì đó là khẩu đầu thiền, nói mà chẳng thực hành, thì giống như là người què. Nếu tu hành mà chẳng minh bạch Phật lý, thì thành là á dương Tăng, giống như người câm. Người tu hành bây giờ, chẳng chịu hợp tác với nhau, đều cho rằng pháp môn của mình là chánh tông, pháp môn của người khác tu chẳng phải là nghĩa chân thật của Phật. Tôi thì cho rằng đều là đệ tử của Phật, bất cứ pháp môn gì, cũng đều từ kim khẩu của Phật nói ra, đều khiến cho chúng sinh trừ chấp trước, bỏ tâm tham. Tôi đề xướng

thiền, tịnh, giáo tam tu, như thế mới có thể thành pháp môn giới định huệ tam học.

**Ta là cha cõi đời
Cứu những người khổ nạn
Vì phạm phu điên đảo
Thật còn mà nói diệt.
Do bởi thường thấy ta
Mà sinh tâm kiêu ngạo
Phóng dật chấp năm dục
Đọa trong ba đường ác.**

Đức Phật nói : “Ta là cha của tất cả người thế gian, cho nên phải cứu hộ tất cả chúng sinh khổ nạn. Vì phạm phu đều có ý nghĩ điên đảo, cho nên mới nói diệt độ. Thật tế thì ta chẳng diệt độ.”

Tại sao chúng sinh điên đảo ? Vì vô minh đang làm chủ nhân ông trong nhà, tống đuổi trí huệ đi, đúng mà nói là không đúng, không đúng mà nói là đúng. Tóm lại, tự tánh có đại quang minh tạng, thì đen tối sẽ biến thành quang minh. Tự tánh chẳng có đại quang minh tạng, thì quang minh biến thành đen tối. Đại quang minh tạng là gì ? Tức là tướng chân như. Chân như là gì ? Tức là bản thể của các pháp, lìa hư vọng là chân thật, thường trụ chẳng thay đổi, tức cũng là dục cùng tam tế, ngang khắp

mười phương, Phật tánh tại chư Phật chẳng tăng, tại chúng sinh chẳng giảm. Thật tướng là gì ? Tức là tướng như thật thanh tịnh. Tóm lại, chẳng có tâm chấp hai bên, chẳng có tâm bốn tướng tức là thật tướng.

Phật lại nói : ‘‘Tại sao ta nói diệt độ ? Vì chúng sinh hằng ngày nhìn thấy ta, cho nên sinh tâm kiêu ngạo, chẳng y theo pháp tu hành, chẳng giữ quy cụ, chấp trước vào cảnh giới năm dục, tương lai phải đọa vào trong ba đường ác.’’

**Ta biết rõ chúng sinh
Hành đạo chẳng hành đạo
Tùy chúng sinh độ được
Mà nói đủ thứ pháp.
Tự ý thưởng nghĩ rằng :
Làm sao khiến chúng sinh
Được vào vô thượng đạo
Sớm thành tựu thân Phật.**

Ta biết tâm niệm của tất cả chúng sinh, do đó trong kinh có câu :

‘‘Tất cả chúng sinh, bao nhiêu thứ tâm,
Như Lai đều biết đều thấy.’’

Chúng sinh hành đạo chẳng hành đạo, ta hoàn toàn biết hết. Chúng sinh này đáng dùng thân Phật độ được, thì ta bèn thị hiện thân Phật, để vì họ nói pháp. Chúng sinh kia đáng dùng thân chúng sinh độ được, thì ta thị hiện thân chúng sinh, để vì họ nói pháp. Tóm lại, đáng dùng thân gì độ được, thì ta thị hiện thân đó, mà vì họ nói pháp.

Phật thường quán tưởng, dùng phương pháp gì để giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh được vào vô thượng đạo ? Khiến cho chúng sinh sớm thành tựu pháp thân của Phật.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI BẢY

Trước hết, giải thích sơ lược về tên gọi Phẩm Phân Biệt Công Đức. Phân biệt là gì ? Phân là phân tích; biệt là khác biệt. Tức là phân biệt công đức có lớn nhỏ, có nhiều ít. Công đức là gì ? Công là đối với bên ngoài mà nói; đức là đối bên trong mà nói. Bên ngoài thường lập công, thì bên trong mới có đức. Công là việc thiện mà bạn thường làm, việc thiện này vốn có thể làm, cũng có thể không làm. Song, nếu bạn làm việc thiện, thì đó là công đức. Có công rồi, thì trong tự tánh sinh ra một cảm giác rất vui mừng, có cảm giác vui mừng đó tức là đức.

Công đức do tích lũy mà thành, từ nhỏ thành lớn, từ ít mà tích tụ thành nhiều. Do đó :

“Núi Thái Sơn là do từng hạt bụi,
Từng hạt bụi tích tụ mà thành;
Biển cả là do từng giọt nước,
Từng giọt nước tích tụ mà thành.”

Công đức cũng như thế. Bên ngoài lập công, bên trong bồi đức, thì đạo nghiệp mới có thể thành tựu.

Phẩm này nói về phân biệt công đức, trước khi công đức chưa viên mãn, thì hãy làm nhiều công đức. Chúng ta nghe rồi, thì phải cố gắng làm công đức thiện. Tông chỉ của phẩm này, khiến cho chúng ta phân biệt so sánh công đức thọ trì kinh này, tức cũng là ngày mới lại mới thêm, sức cầu của chúng ta tiến thêm.

Bấy giờ, đại chúng trong đại hội, nghe Phật nói số kiếp tuổi thọ lâu dài như thế, thì vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng sinh, đều được lợi ích.

Khi Đức Phật giảng xong Phẩm Như Lai Thọ Lượng, đại chúng trong đại hội, nghe Phật nói Như Lai thọ lượng kiếp số lâu dài như thế, thì vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng sinh, thấy đều đắc được lợi ích rất lớn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo đại Bồ Tát Di Lạc : A Đạt Đa ! Khi ta nói Như Lai thọ mạng lâu dài như thế, thì có sáu trăm

tám mươi vạn ức, Na do tha Hằng hà sa chúng sinh, được vô sinh pháp nhẫn.

Lúc đó, Đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lạc : “A Dật Đa (Vô Năng Thắng) ! Khi ta nói thọ mạng của Như Lai lâu dài, thì có sáu trăm tám mươi vạn ức, Na do tha Hằng hà sa số chúng sinh, đều chứng được vô sinh pháp nhẫn.”

Cảnh giới này chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Chứng được tứ quả A La Hán, mới đắc được vô sinh pháp nhẫn, tức cũng là cảnh giới bất thối chuyển. Hơn nữa, an trụ vào cảnh không sinh không diệt mà bảo trì bất động, do đó “Như như bất động, liễu liễu thường minh.”

Lại có gấp bội ngàn lần đại Bồ Tát, đắc được môn văn trì Đà la ni. Lại có số đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một thế giới, đắc được nhạo thuyết biện tài vô ngại. Lại có số đại Bồ Tát nhiều như hạt bụi của một thế giới, đắc được trăm ngàn vạn ức vô lượng toàn Đà la ni.

Lại có gấp bội ngàn lần đại Bồ Tát, đắc được môn văn trì Đà la ni. Đà la ni dịch là "tổng trì", tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Đà la ni có bốn ý nghĩa :

1). Pháp Đà la ni : Đối với giáo pháp của Phật, văn trì chẳng quên.

2). Nghĩa Đà la ni : Đối với nghĩa của các pháp, tổng trì chẳng quên.

3). Chú Đà la ni : Đối với Chú tổng trì chẳng quên.

4). Nhẫn đà la ni : An trụ đối với thật tướng của pháp, gọi là nhẫn, trì nhẫn gọi là nhẫn Đà la ni.

Lại có số đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một thế giới, đắc được nhạo thuyết biện tài vô ngại. Nhạo thuyết biện tài vô ngại là gì ? Tức là biện luận với bất cứ ai, cũng đều thắng lợi. Biện luận đều là chánh tri chánh kiến, khiến cho đối phương tâm phục khẩu phục, chứ chẳng phải là cường từ đoạt lý.

Bồ Tát thuyết pháp có bốn trí huệ, bốn thứ biện tài vô ngại :

1). Pháp vô ngại biện : Nói pháp thế gian và pháp xuất thế gian, đối với tất cả danh tướng, chẳng có gì mà không thông đạt, do đó : “Chẳng có gì mà không biết, chẳng có gì mà không thấu.” Tuy thấu rõ các pháp, nhưng chẳng chấp trước.

2). Nghĩa vô ngại biện : Giải nói nghĩa lý sai biệt của các pháp, thông đạt vô ngại. Tuy biết các nghĩa mà chẳng chấp trước.

3). Từ vô ngại biện : Đối với các lời lẽ thông đạt tự tại. Có thể nói một lời, mà bao hàm vô lượng nghĩa, dùng thế trí phân biệt nói rõ lý này.

4). Nhạo thuyết vô ngại biện : Tùy thuận sở thích của chúng sinh, phương tiện thiện xảo mà vì họ nói pháp, “Quán cơ thí giáo, vì người nói pháp.” Tóm lại, thấy người gì thì nói pháp đó, thấy người có tâm tham, thì nói pháp bố thí; thấy người có tâm sân, thì nói pháp nhẫn nhục; thấy người có tâm si, thì nói pháp Bát Nhã. Theo bệnh cho thuốc. Nếu không khế cơ, thì họ chẳng bao giờ tin.

Lại có đại Bồ Tát, số nhiều như hạt bụi của một thế giới, đều chứng được vô lượng toàn Đà la ni. Toàn Đà la ni là gì ? Tức là tại pháp môn đặc được sức toàn chuyển tự tại, cũng có thể nói là toàn chuyển không giả, pháp môn thông đạt vô ngại.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới, chuyển được pháp luân bất thối. Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của trung thiên thế giới, chuyển được pháp luân thanh tịnh. Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi của tiểu thiên thế giới, còn tám đời nữa, sẽ đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi của ba ngàn đại thiên thế giới (mười ức thế giới) chuyển được bánh xe pháp bất thoát, tức là tinh tấn hướng về trước, tuyệt đối không lùi về sau.

Thế nào là ba ngàn đại thiên thế giới ? Tức một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, một bốn đại bộ châu, làm một thế giới. Tích tập một ngàn thế giới, làm một tiểu thiên thế giới. Tích tập một ngàn tiểu thiên thế giới, làm một trung thiên thế giới. Tích tập một ngàn trung thiên thế giới, làm một đại thiên thế giới. Vì nói ba ngàn, cho nên là ba ngàn đại thiên thế giới, chứ chẳng phải ba đại thiên thế giới.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như số hạt bụi trung thiên thế giới (một trăm vạn thế giới), chuyển được bánh xe pháp thanh tịnh. Chuyển bánh xe pháp, tức là nói giáo pháp. Phạm là giảng kinh nói pháp, đều gọi là chuyển bánh xe pháp, do đó “Pháp luân thường chuyển.” Ý nghĩa chuyển bánh xe pháp, là chuyển pháp tự tâm để di động tâm người khác, giống như chuyển bánh xe. Cũng có thể nói là hồi chuyển tất cả chúng sinh giới, phá tan tất cả phiền não. Giống như luân bảo (bánh xe báu) của vua chuyển luân Thánh vương, hồi chuyển bốn thiên hạ, hàng phục các oán địch.

Lại có các đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của tiểu thiên thế giới (một ngàn thế giới), còn trải qua tám đời nữa (siêu nhập tứ địa, hướng đến ngũ địa, lục địa... thập

địa, đẳng giác, diệu giác) sẽ chứng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của bốn tú thiên hạ, còn bốn đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba tú thiên hạ, còn ba đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của hai tú thiên hạ, còn hai đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một tú thiên hạ, còn một đời nữa, sẽ được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của bốn tú thiên hạ (bốn tú đại bộ châu), còn trải qua bốn đời nữa, (siêu nhập bát địa, cửu địa, thập địa, đẳng giác, diệu giác), sẽ chứng được quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ba tú thiên hạ, còn trải qua ba đời nữa, (thập địa, đẳng giác, diệu

giác) sẽ chứng quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của hai tứ thiên hạ, còn trải qua hai đời nữa, sẽ chứng quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của một tứ thiên hạ, còn trải qua một đời nữa, sẽ chứng quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có chúng sinh, nhiều như hạt bụi của tám thế giới, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Lại có chúng sinh, nhiều như hạt bụi của tám thế giới, ngay lúc đó, họ đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Người tu học Phật pháp, nhất định phải phát bồ đề tâm, “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.” (Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh), mới có thể kết quả bồ đề. Bằng không, giống như hoa nở mà chẳng kết trái. Có người nói : “Mọi người đều là Phật,” song phải tu hành, mới có thể thành Phật. Chỉ nói mà chẳng thực hành, cũng giống như nói món ăn mà chẳng ăn, hoặc đếm tiền dùm cho người khác, cuối cùng cũng rơi vào không. Có người nói : “Thức ăn này ngon quá, mùi vị thơm ngon đều có đủ.” Nhưng họ chẳng ăn thì cũng chẳng ích gì. Lại giống

như người làm ở ngân hàng, suốt ngày đếm tiền thế cho người khác. Do đó có câu :

“Chung nhật số tha bảo,
Tự vô bán phân tiền,
Ư pháp bất tu hành,
Kỳ quá diệc như thị.”

Nghĩa là :

*Suốt ngày đếm tiền muốn,
Mình chẳng có xu nào;
Với pháp chẳng tu hành,
Lỗi làm vẫn trở trở.*

Khi đức Phật nói các vị đại Bồ Tát đó, được đại pháp lợi, thì ở trong hư không mưa xuống hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, dùng để rải lên vô lượng trăm ngàn vạn ức các đức Phật, ngồi trên tòa sư tử dưới các cây báu, và rải lên tháp bảy báu tòa sư tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và đức Đa Bảo Như Lai diệt độ đã lâu, cũng rải lên tất cả các đại Bồ Tát, và bốn bộ chúng.

Khi Đức Phật nói các đại Bồ Tát đó, đắc được đại pháp lợi, thì ở trong hư không mưa xuống hoa tiểu bạch và hoa đại bạch. Dùng hoa quý đó, để rải lên trên thân của vô lượng trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, ngồi trên tòa sư tử ở dưới cây báu. Các vị Phật đó, đều là Phật hóa thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hoa đó lại rải trong tháp bảy báu trên tòa sư tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, và Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu. Hoa đó cũng rải trên thân của tất cả các đại Bồ Tát và tất cả bốn bộ chúng.

Lại mưa xuống hương bột chiên đàn, và hương trầm thủy. Ở trong hư không trống trời tự kêu, âm thanh vi diệu sâu xa. Lại mưa xuống hàng ngàn thứ y trời, thòng rũ xuống các chuỗi ngọc, chuỗi trân châu, chuỗi châu ma ni, chuỗi châu như ý, khắp cả chín phương. Các lò hương báu đốt lên hương vô giá, tự nhiên tỏa khắp để cúng dường pháp hội.

Lại mưa xuống hương bột chiên đàn, hương trầm thủy. Đồng thời trống trời ở trong hư không tự kêu lên, âm thanh vi diệu truyền bá sâu xa. Lại mưa xuống hàng nghìn thứ y trời, thòng rũ tất cả các thứ chuỗi ngọc trân châu, chuỗi ma ni, chuỗi như ý, khắp cả bảy chín

phương, dùng các lò hương báu xông đốt hương thơm vô giá tự nhiên xông khắp cùng pháp giới. Tâm hương đốt lên thì có thể huân ác thành thiện, dùng tâm thành để cúng dường pháp hội.

Ở phía trên, mỗi vị Phật có các Bồ Tát cầm phan lọng, thứ tự thăng đến trời Phạm Thiên. Các vị Bồ Tát đó, dùng âm thanh vi diệu ca xướng vô lượng bài kệ, để khen ngợi các đức Phật.

Chư Phật đến từ mười phương (hóa thân của Phật Thích Ca), ở phía trên của mỗi vị Phật, đều có các Bồ Tát tay cầm phan báu và lọng báu, thứ tự thăng đi lên đến trên trời Đại Phạm. Những vị Bồ Tát đó, dùng âm thanh vi diệu ca xướng vô lượng bài kệ, để khen ngợi công đức của vô lượng chư Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Di Lạc từ tòa ngời đứng dậy, hớ vai bên phải, chắp tay cung kính hướng về đức Phật, mà nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Bồ Tát Di Lạc từ tòa ngời đứng dậy, hớ áo bên mặt, chắp tay lại cung kính hướng về Đức Phật, sau đó nói ra bài kệ dưới đây.

**Phật nói pháp ít có
Thuở xưa chưa từng nghe
Thế Tôn có thần lực
Tuổi thọ không thể lường.
Vô số các Phật tử
Nghe Thế Tôn phân biệt
Nói người được pháp lợi
Vui mừng khắp toàn thân.**

Pháp của Phật nói đều là pháp ít có, nhất là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là ít có trong sự ít có, thuở xưa vốn chưa từng nghe qua pháp vi diệu thâm sâu vô thượng. Đức Thế Tôn có sức đại thần thông, tuổi thọ của Phật không thể dò lường được. Vô số vô lượng con của đấng Pháp Vương, nghe đức Thế Tôn phân biệt nói công đức của Bồ Tát được pháp lợi, tâm của các Ngài đều vui mừng khắp toàn thân. Tóm lại, sự vui mừng không cách nào hình dung được.

**Hoặc trụ bậc bất thối
Hoặc được Đà la ni
Hoặc nhạo thuyết vô ngại
Vạn ức toàn tổng trì.**

**Hoặc có cõi đại thiên
Số hạt bụi Bồ Tát
Ai nấy đều chuyển được
Bánh xe pháp bất thối.**

Sau khi nghe được pháp này, có Bồ Tát trụ ở bậc bất thối, hoặc có Bồ Tát được Đà la ni, hoặc có Bồ Tát chứng được nhạo thuyết vô ngại biện tài, hoặc có Bồ Tát được vạn ức toàn tổng trì, hoặc có Bồ Tát nhiều như hạt bụi của đại thiên thế giới, ai nấy đều chuyển được pháp luân bất thối.

**Lại có cõi trung thiên
Số hạt bụi Bồ Tát
Ai nấy đều chuyển được
Bánh xe pháp thanh tịnh.
Lại có cõi tiểu thiên
Số hạt bụi Bồ Tát
Chỉ còn tám đời nữa
Sẽ chứng được Phật đạo.**

Lại có các Bồ Tát nhiều như hạt bụi của trung thiên thế giới, các Ngài đều chuyển được đại pháp luân thanh tịnh. Lại có các Bồ Tát nhiều như hạt bụi của tiểu thiên thế giới, các Ngài còn tám đời nữa, tức cũng là còn tám

phẩm vô minh vi tế chưa đoạn, nếu đoạn sạch thì sẽ chứng được Phật đạo.

Bồ Tát còn bốn mươi hai phần vô minh hoặc, đoạn một phần vô minh hoặc thì chứng được một phần pháp thân, thăng lên một bậc, đến bậc Đẳng giác thì còn có một phần sinh tướng (biến dịch sinh tử) vô minh chưa phá, nếu phá được thì lập tức đến bậc Diệu giác (Phật vị).

**Lại có bốn ba hai
Tứ thiên hạ như vậy
Các hạt bụi Bồ Tát
Theo số đời thành Phật.
Hoặc một tứ thiên hạ
Số hạt bụi Bồ Tát
Chỉ còn một đời nữa
Sẽ thành Nhất thiết trí.
Như thế thấy chúng sinh
Nghe Phật thọ lâu dài
Được vô lượng vô lậu
Các quả báo thanh tịnh.**

Lại có bốn tứ thiên hạ, ba tứ thiên hạ, hai tứ thiên hạ, số Bồ Tát nhiều như hạt bụi, tùy theo bốn, ba, hai đời nữa sẽ thành tựu quả vị Phật. Bốn tứ thiên hạ là bát địa Bồ

Tát, các Ngài còn bốn phẩm vi tế sinh tướng vô minh chưa phá. Ba tứ thiên hạ là cửu địa Bồ Tát, các Ngài còn ba phẩm sinh tướng vô minh chưa phá. Hai tứ thiên hạ là thập địa Bồ Tát, các Ngài còn hai phẩm sinh tướng vô minh vi tế chưa phá. Nếu phá sạch thì sẽ thành Phật đạo.

Hoặc có một tứ thiên hạ số hạt bụi Bồ Tát, các Ngài là đẳng giác Bồ Tát, còn một phẩm sinh tướng vô minh vi tế chưa phá. Nếu phá sạch sẽ lập tức thành Phật.

Những Bồ Tát vừa nói ở trên, nghe Phật nói thọ thọ của Như Lai lâu dài, đều chứng được vô lượng trí huệ vô lậu, đắc được quả vị Phật diệu giác thanh tịnh.

**Lại có tám thế giới
Số hạt bụi chúng sinh
Nghe Phật nói thọ mạng
Đều phát tâm vô thượng.**

Lại có chúng sinh, nhiều như hạt bụi của tám thế giới, nghe Phật nói thọ mạng của Như Lai lâu dài, đều phát tâm vô thượng, nguyện sẽ chứng đến quả vị Phật. Tóm lại, hàng phàm phu nghe được Phẩm Thọ Lượng của Như Lai trong Kinh Pháp Hoa, thì đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

**Thế Tôn nói vô lượng
Pháp không thể nghĩ bàn**

**Nhiều chúng được lợi ích
Như hư không vô biên.**

Bồ Tát Di Lạc nói : ‘Đức Thế Tôn ! Ngài nói vô lượng diệu pháp không thể nghĩ bàn, có rất nhiều chúng sinh đắc được lợi ích của pháp, giống như hư không chẳng có bờ bến.’

**Mưa hoa trời mạn đà
Ma ha mạn đà la
Thích Phạm như Hằng sa
Đến từ vô số cõi.**

Từ hư không mưa xuống hoa trời mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la. Lại có Thích Đề Hoàn Nhân và Đại Phạm Thiên Vương, nhiều như số cát sông Hằng, đến từ vô số cõi Phật.

**Mưa chiên đàn trầm thủy
Tấp nập rơi rớt xuống
Như chim bay không xuống
Cúng rải lên chư Phật.**

Lại từ hư không mưa xuống hương bột chiên đàn và hương bột trầm thủy, tấp nập rơi rớt xuống, giống như

chim từ không trung bay xuống. Những hương bột đó rải lên cúng dường các Đức Phật.

**Trống trời trong hư không
Tự nhiên vang diệu âm
Y trời ngàn vạn thứ
Chuyển động rơi rớt xuống.**

Trống trời ở trong hư không, tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, trống trời chẳng đánh mà tự kêu. Lại có ngàn vạn thứ y trời, xoay chuyển ở trong hư không, rồi rơi rớt xuống.

**Các lò hương báu đẹp
Xông đốt hương vô giá
Tự nhiên tỏa khắp nơi
Cúng dường các Thế Tôn.**

Lại có lò hương đẹp làm bằng bảy báu, xông đốt hương quý vô giá, mùi thơm tỏa khắp pháp giới, để cúng dường các Đức Phật và Đa Bảo Như Lai.

**Chúng đại Bồ Tát đó
Cầm phan lọng bảy báu
Cao đẹp vạn ức thứ**

Thứ tự đến Phạm Thiên.

Lại có đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, ai nấy đều cầm phan lọng bảy báu. Phan lọng này rất cao, tốt đẹp khác thường, có hàng vạn ức thứ, rất có thứ tự, từ phương dưới mà thẳng đến trời Phạm Thiên (cõi sơ thiên sắc giới).

**Trước mỗi các đức Phật
Tràng báu treo thẳng phan
Cũng dùng ngàn vạn kệ
Ca ngợi các Như Lai.
Đủ thứ việc như thế
Thuở xưa chưa từng có
Nghe Phật thọ vô lượng
Tất cả đều vui mừng.**

Ở trước tòa mỗi vị Phật, phát tâm cúng dường, treo tràng báu và phan báu thù thắng nhất, để làm đồ trang nghiêm. Cũng dùng ngàn vạn bài kệ, để ca ngợi công đức của các Như Lai, những việc không thể nghĩ bàn như thế, thuở xưa chưa từng có, nghe Phật nói Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, hết thấy đều sinh tâm vui mừng.

Danh Phật đôn mui phủng

**Rộng lợi ích chúng sinh
Hết tẩy đủ căn lành
Trợ phát tâm vô thượng.**

Danh hiệu của Phật, tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều nghe được. Nhưng chúng sinh có căn lành mới nghe được, bằng không, thì chẳng nghe được danh hiệu của Phật. Phật dùng từ bi làm bồn hoại, để rộng lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đầy đủ căn lành. Phàm là người không có căn lành, thì khiến cho họ trồng căn lành; người đã có căn lành thì khiến cho họ tăng trưởng; người đã tăng trưởng, thì khiến cho họ thành thực; người đã thành thực thì khiến cho họ được giải thoát. Trợ giúp chúng sinh phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc, A Dật Đa ! Những chúng sinh nào, nghe thọ mạng của Phật lâu dài như thế, cho đến sinh một niệm tin hiểu, thì được công đức chẳng có hạn lượng.

Lúc đó, Đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc : “A Dật Đa ! Có chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, mà nghe được thọ mạng của Phật lâu dài như thế, mà trong một

niệm sinh tâm tin hiểu, thì sẽ được công đức công đức chẳng có hạn lượng.”

Nếu có người thiện nam, thiện nữ, vì Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ở trong tám mươi vạn ức Na do tha kiếp, thực hành năm Ba la mật, trì giới Ba la mật, nhẫn nhục Ba la mật, tinh tấn Ba la mật, thiên định Ba la mật, trừ Bát Nhã Ba la mật ra, đem công đức này, so sánh với công đức ở trên, chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn vạn ức, cho đến tính toán ví dụ, cũng không thể biết được.

Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, giữ năm giới, thực hành thập thiện, họ vì cầu đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ở trong tám mươi vạn ức Na do tha kiếp, tu hành năm Ba la mật (dịch là đến bờ kia). Năm Ba la mật là gì ? Lược giải như sau :

1). **Bố thí Ba la mật** : Bố thí có ba thứ : Bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Bố thí tài gồm có nội tài và ngoại tài. Nội tài là đầu mắt tủy não; ngoại tài là đất nước

vợ con, thầy đều bố thí cho người cần. Bố thí pháp tức là giảng kinh thuyết pháp, do đó :

“Trong các sự cúng dường,
Cúng dường pháp là hơn hết.”

Bố thí tài là tu phước, bố thí pháp là tu huệ. Phước huệ song tu, thì công đức mới viên mãn. Đức Phật từng trải qua :

“Ba Atăng kỳ tu phước huệ,
Trăm kiếp trông tương tốt.”

Có công đức thì mới thành Phật. Nếu như tu phước mà không tu huệ, thì giống như voi được người trang sức chuỗi ngọc. Tuy trang nghiêm, nhưng mình chẳng cách gì thọ dụng được. Nếu chỉ tu huệ mà chẳng tu phước, thì giống như A La Hán ôm bát không, thường thường đi khát thực chẳng được thức ăn. Tại sao ? Vì thuở xưa chẳng tu công đức bố thí, tức chẳng kết duyên lành, cho nên đời này thọ quả báo đó. Bố thí vô úy là như có người gặp việc sợ hãi, thì giúp đỡ họ giải quyết sự khó khăn, khiến cho họ chẳng sợ hãi. Song, phải dùng tâm từ bi thương xót đi cứu giúp, không thể có tâm xí đồ đi trợ giúp.

2). Trì giới Ba la mật : Giới là ngừa điều ác, không làm việc quấy. Tức là :

“Đừng làm các việc ác,
Hãy làm các việc lành.”

Giới luật rất quan trọng ở trong Phật giáo, cho nên người xuất gia cần phải thọ giới cụ túc, do đó :

“Chúng sinh thọ Phật giới,
Tức nhập chư Phật vị,
Vị đồng đại giác dĩ,
Chân thị chư Phật tử.”

Nghĩa là :

*Chúng sinh thọ giới Phật,
Liên vào chư Phật vị,
Tuy chưa được giác ngộ,
Mà thật là Phật tử.*

Vào đời Đường, Đạo Tuyên luật sư là sơ tổ của luật tông. Ngài tu ở núi Chung Nam, nghiên cứu luật luận, giữ giới rất nghiêm minh, tư hào chẳng cầu thả, cảm ứng người trời mang thức ăn đến cúng dường. Do đó, đủ thấy quỷ thần cũng sùng bái, người xuất gia giữ gìn giới luật trong sạch, mà cung kính đánh lễ. Ngài Khuy Cơ đại sư (nhị tổ của Duy Thức tông) nghe Ngài Đạo Tuyên luật sư được người trời cúng dường, Ngài muốn thưởng thức món ăn của người trời mùi vị như thế nào ? Do đó, từ Trường An đến núi Chung Nam, song quá ngộ chẳng thấy người trời mang thức ăn đến, Ngài bèn trở về. Trưa ngày thứ hai, người trời mang thức ăn đến, Ngài Đạo Tuyên luật sư hỏi : “Sao hôm qua chẳng đến ?”

- Người trời nói : “Hôm qua tôi đến ở ngoài cửa, nhìn thấy trong nhà có một vị nhục thân Bồ Tát phóng hào quang rực rỡ, cho nên tôi không dám vào, do đó phải trở về.”

Học Phật pháp nhất định phải thọ giới. Thọ giới rồi phải giữ gìn cẩn thận, tức cũng là phải giữ quy cụ của Phật giáo, do đó “Vô quy cụ bất thành phương viên.” Nghĩa là : Chẳng có quy cụ thì chẳng thành vuông tròn. Người cư sĩ tại gia phải thọ năm giới, tám giới, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh của Bồ Tát giới. Người xuất gia trước hết thọ mười giới Sa Di, sau đó thọ giới Tỳ Kheo.

Bất cứ là người tại gia, hoặc người xuất gia, thọ giới rồi mà phạm giới, thì giống như chiếc thuyền ở giữa biển có lỗ thủng, sẽ chìm xuống đáy biển. Phạm là người thọ giới mà chẳng giữ giới, thì sau khi chết sẽ đọa vào ba đường ác, do đó có câu :

“Địa ngục môn tiền tăng đạo đa.”

Nghĩa là :

Dưới địa ngục rất nhiều ông Tăng ông Đạo.

Nhất là xuất gia rồi mà chẳng giữ giới luật, tùy tiện chẳng giữ quy cụ, thì nhất định đến địa ngục thọ khổ, chẳng có gì nghi ngờ.

Người thọ giới nếu trong sự vô ý mà phạm giới, thì tình có thể tha, có thể khai duyên, do đó có câu : “Khai

giá trị phạm.” Khai là khai duyên, giá là giá tội, trì là thọ trì, phạm là phạm giới. Ở đây lại có rất nhiều quy định chi tiết nhỏ, không thể nói ra.

3). Nhẫn nhục Ba la mật : Tức là những người khác nhẫn không được mà bạn nhẫn được. Nếu ai ai cũng nhẫn được thì đâu có gì lạ. Ví như, có người vô duyên vô cớ đến gây sự với bạn, hoặc mắng chửi bạn, hoặc đánh bạn, mà bạn chẳng động tâm, chẳng nổi lửa vô minh, chẳng sinh tâm báo thù, vẫn an nhiên tự tại. Đến được hỏa hầu như thế, thì mới xứng đáng là người xuất gia. Bằng không, nói nghe rất hay, tuyệt đối không nóng giận, khi cảnh giới đến khảo nghiệm, mà lý trí khống chế chẳng đặng, nổi giận lôi đình, làm cho công đức mình tu hằng ngày, bị lửa vô minh đốt sạch. Cho nên hy vọng các vị hãy cẩn thận.

4). Tinh tấn Ba la mật : Tức là không giải đãi. Bất cứ là tụng kinh, trì chú, hoặc tham thiền, tụng Phật, nhất định phải dững mãnh tinh tấn, không thể một ngày nóng mười ngày lạnh. Thời xưa, các vị cao Tăng đại đức đều thân tâm siêng tinh tấn, chứng được tất cả tự tại, chẳng giống như chúng ta giải đãi lười biếng, chẳng nhận chân tu hành, thì đừng nói đến thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày tinh tấn, đêm tinh tấn, thật là cách xa mười vạn tám ngàn dặm.

5). Thiền Ba la mật : Thiền dịch là "tư duy tu", còn dịch là "tĩnh lự", tức là ngưng bật mọi vọng tưởng, đừng để cho nó nổi sóng làm gió. Cho nên phải tham câu :

“Niệm Phật là ai ?” Đây là biện pháp lấy độc trị độc, do đó có câu :

“Vọng tưởng không sinh tức là Thiên.”

Vọng tưởng như mây trôi, dễ che lấp đi tự tánh ánh sáng mặt trời, tu thiên định khiến cho tâm thanh tịnh, không sinh vọng tưởng thì bồ đề sẽ hiện tiền.

Tại sao không nói Bát Nhã Ba la mật ? Vì Bát Nhã là mẹ của chư Phật. Nếu có Bát Nhã thì có cơ hội thành Phật. Hiện tại nói về công đức, chứ chẳng phải nói về thành Phật, cho nên chẳng nói về Bát Nhã. Bây giờ, người đó tu năm Ba la mật này, trải qua tám mươi vạn ức Na do tha kiếp thời gian, đắc được công đức so sánh với công đức nghe Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, mà sinh một tâm niệm tin hiểu, thì không thể nào bằng được, dù một phần trăm, một phần ngàn, cho đến một phần ngàn vạn ức, cũng không sánh được. Dù có tính toán, ví dụ để hình dung, cũng chẳng cách chi biết được cứu kính có bao nhiêu?

Nếu người thiện nam, người thiện nữ, có công đức như thế, mà chẳng đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì chẳng có lý đó.

Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, có công đức nghe Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, sinh một tâm niệm tin hiểu, mà chẳng đắc được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì tuyệt đối chẳng có đạo lý đó. Các vị chú ý ! Phật là bậc Thánh nhân chẳng nói dối, chúng ta phải tin lời từ kim khẩu của Phật nói, không thể hủy báng kinh nào đó là kinh giả, chẳng phải Phật nói, nếu không thì sẽ đọa vào địa ngục cất lưỡi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật e rằng đại chúng trong pháp hội không tin đạo lý này, đối với thọ lượng của Như Lai lâu dài, sinh một tâm niệm tin hiểu, làm sao lại có công đức lớn như thế ? Vì khiến cho đại chúng giải trừ tâm hoài nghi, bèn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, nói ra bằng kệ.

**Nếu người cầu Phật huệ
Trong tám mươi vạn ức
Na do tha số kiếp
Tu năm Ba la mật.**

Nếu như có người muốn cầu trí huệ vô thượng của Phật, ở trong tám vạn ức kiếp, tu hành pháp môn năm Ba

la mật. Công đức đó, chẳng bằng công đức sinh một tâm niệm tin hiểu.

**Ở trong các kiếp đó
Bố thí cúng dường Phật
Và Duyên Giác đệ tử
Cùng các chúng Bồ Tát.
Đồ ăn uống hảo hạng
Y tốt và đồ nằm
Chiên đàn làm tịnh xá
Dùng vườn rừng trang nghiêm.
Bố thí như thế thấy
Đủ thứ đều tốt đẹp
Hết các số kiếp đó
Hồi hưởng về Phật đạo.**

Trong thời gian dài như thế, bố thí cúng dường cho các Đức Phật và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thấy, dùng vật ăn thức uống ngon nhất, quần áo tốt đẹp nhất, thuốc thang hay quý nhất, để cúng dường cho bốn bậc Thánh. Dùng gỗ chiên đàn để làm tịnh xá, dùng vườn rừng để trang nghiêm chung quanh, khiến cho thanh tịnh u nhã. Những đồ bố thí này, đều vi diệu thù

thắng, bố thí hết thầy tám mươi vạn ức Na do tha kiếp số, đều hồi hướng công đức về Phật đạo.

**Nếu giữ gìn giới cấm
Thanh tịnh chẳng thiếu sót
Cầu chứng vô thượng đạo
Được chư Phật khen ngợi.**

Nếu như, lại hay giữ gìn giới cấm thanh tịnh viên mãn, chẳng có chỗ thiếu sót. Muốn cầu Phật đạo vô thượng, thì nhất định được chư Phật gia trì và khen ngợi. Giữ giới quan trọng như giữ đầu.

**Nếu tu hạnh nhẫn nhục
Trụ nơi chỗ điều nhu
Nếu kẻ ác nhiều loạn
Mà tâm chẳng lay động.
Có những người đắc pháp
Bị kẻ tăng thượng mạn
Khinh khi làm khổ não
Như thế cũng nhẫn được.**

Nếu như tu hành pháp môn nhẫn nhục, trụ ở chỗ điều thuận nhu hòa, tuyệt đối không sinh lửa vô minh. Nếu có người không biết đạo lý đến nhiều loạn bạn, hoặc

phỉ báng, hoặc nhục mạ, thậm chí đánh đập, cảnh giới nghịch như thế đến, thì phải có định lực, đừng để cảnh giới chuyển. Hoặc có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, bị họ khinh khi nhiều loạn khổ não, thì đừng sinh tâm sân hận, xem họ như thiện tri thức khai đạo. Quán như thế, thì tự nhiên sẽ sống yên gió lặng, bình an vô sự. Bằng không, nổi trận lôi đình, thì cả hai đều thảm bại thương đau, tạo thành chuyện cười cho thiên hạ. Cho nên có câu :

“Một niệm sân nổi lên,
Trăm vạn chướng ngại đều xảy ra.”

**Nếu lại siêng tinh tấn
Chí niệm thường kiên cố
Trong vô lượng ức kiếp
Một lòng chẳng giải đãi.
Lại trong vô số kiếp
Trụ ở chỗ vắng lặng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Trừ ngủ thường nhiếp tâm.**

Nếu như hay siêng tu tinh tấn Ba la mật, chí niệm kiên cố. Bất cứ gặp khó khăn gì, nhất định cũng không thối chuyển. Ở trong vô lượng ức kiếp, một lòng tinh tấn hướng về trước, vĩnh viễn không giải đãi. Lại ở trong vô lượng ức kiếp, trụ ở chỗ vắng lặng, hoặc là ngồi thiền,

hoặc là đi kinh hành, đều phải nhiếp tâm thu niệm. Trừ sự ngủ nghỉ ra, bình thường phải thu nhiếp tâm viên ý mã, đừng để chúng rong chạy bên ngoài, huấn luyện chúng giữ gìn quy cụ.

**Vì bởi nhân duyên đó
Hay sinh các thiên định
Tám mươi ức vạn kiếp
An trụ tâm chẳng loạn.
Đem phước nhất tâm đó
Nguyện cầu vô thượng đạo
Con được Nhất thiết trí
Hết các bờ thiên định.**

Nhờ nhân duyên đó, cho nên sinh tất cả thiên định, trải qua thời gian tám mươi ức vạn kiếp, trụ an ổn ở trong thiên định, khiến cho tâm chẳng tán loạn, tinh thần tập trung tại một chỗ, tư duy niệm Phật là ai ? Tham đến chỗ sơn cùng thủy tận, thì sẽ khai ngộ.

Như đem phước nhất tâm tu trì thiên định tam muội, thệ nguyện cầu Phật đạo vô thượng. Con nguyện đắc được nhất thiết trí, hết tất cả bờ mé thiên định, tức cũng là đắc được hết thủy thiên định tam muội.

Người đó trong trăm ngàn

**Vạn ức vô số kiếp
Tu các công đức đó
Như ở trên vừa nói.
Có thiện nam tín nữ
Nghe ta nói thọ mạng
Cho đến một niệm tin
Phước đây lại hơn kia.
Nếu có người chẳng có
Tất cả các nghi hoặc
Sinh tâm tin chốc lát
Phước đây đồng phước kia.**

Người tu hành đó, trong trăm ngàn vạn ức kiếp tu hành pháp môn năm Ba la mật, công đức đắc được rất là thù thắng. Nếu như, có người thiện nam, người thiện nữ, nghe ta nói thọ mạng dài lâu, cho đến sinh một tâm niệm tin hiểu, thì phước đức này thù thắng hơn công đức tu năm Ba la mật vừa nói ở trên. Nếu như có người chẳng có tất cả nghi hoặc, trong khoảnh khắc sinh tâm tin sâu, thì đắc được phước báu, đồng với công đức tám mươi vạn ức kiếp tu năm Ba la mật.

**Hết thầy các Bồ Tát
Vô lượng kiếp hành đạo**

**Nghe ta nói thọ mạng
Thì tâm sẽ tin nhận.
Những người như thế thầy
Tin thọ kinh điển này
Nguyện con đời vị lai
Sống lâu độ chúng sinh.**

Hết thầy các Bồ Tát trong vô lượng kiếp đến nay, tu hành Bồ Tát đạo, gieo trồng các căn lành. Các vị đó, nghe ta nói thọ mạng của Như Lai, thì sẽ tin hiểu thọ trì, chẳng sinh tâm hoài nghi. Những người như thế thầy, đều tin thọ bộ kinh điển này, phát nguyện hy vọng Phật thọ mạng vô lượng, ở đời vị lai độ tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, đồng lên bờ kia.

**Như Thế Tôn hôm nay
Vua trong dòng họ Thích
Đạo tràng sư tử hống
Thuyết pháp vô sở úy.
Chúng con đời vị lai
Được tất cả tôn kính
Khi ngồi nói đạo tràng
Cũng nói thọ như thế.**

Giống như Đức Thế Tôn hôm nay, là bậc Pháp Vương vô thượng ở trong dòng họ Thích. Ngồi ở nơi đạo tràng thuyết pháp như sư tử hống, chẳng có sợ hãi. Trong Chúng Đạo Ca có nói :

“Sư tử hống, vô úy thuyết,
Bách thú văn chi giai lão liệt,
Hương tượng bốn ba thất cước uy,
Thiên long tịch thính sinh hân duyệt.”

Lúc Phật còn ở đời, thì Đề Bà Đạt Đa và vua A Xà Thế liên kết hại Phật, lợi dụng uy lực của voi say để đập chết Phật. Khi Phật đến thành Vương Xá khát thực, thì thả bày voi say ra, để thực hành quỷ kế của họ. Voi say đó xông đến ở trước Phật, lúc đó thập phần nguy hiểm, Phật bèn dùng định lực, cũng chẳng tránh né, duỗi tay hướng ra ngoài, năm ngón tay lập tức biến thành năm con sư tử, hống lên một tiếng, thì bày voi nghe tiếng bèn quỳ xuống. Cảnh giới này cảm động đến các dân chúng, bèn quy y với Đức Phật.

Đức Phật lại nói : “Chúng con ở đời vị lai, được tất cả chúng sinh tôn kính, tương lai thành Phật sẽ ngồi ở tại đạo tràng, nói thọ lượng của Như Lai, cũng như Đức Thế Tôn nói pháp.”

**Nếu có người thâm tâm
Thanh tịnh lại chất trực**

**Đa văn hay tổng trì
Tùy nghĩa giải lời Phật.
Hết thầy người như thế
Nói kinh này chẳng nghi.**

Nếu như có người thâm tâm, một lòng thanh tịnh chẳng cấu nhiễm, chất trực thật thà, bác học đa văn, nghiên cứu kinh điển, tổng trì chẳng quên. Tùy theo nghĩa lý mà giải thích lời lẽ của Phật nói. Người đắc được đa văn tam muội, và tổng trì tam muội như thế, thì đối với Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng có hoài nghi, một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, truyền bá kinh này.

Lại nữa, A Dật Đa ! Nếu có người nghe được thọ mạng lâu dài của Phật, mà hiểu rõ nghĩa lý của lời nói, thì người đó được công đức chẳng có hạn lượng, hay sinh ra trí huệ vô thượng của Như Lai, hà huống là rộng nghe kinh này.

Đức Phật lại gọi một tiếng : “A Dật Đa ! Nếu có chúng sinh nghe được thọ mạng lâu dài của Phật, mà thấu hiểu nghĩa lý bên trong của lời nói, thì người đó được công đức chẳng có hạn lượng, hay trợ giúp họ sinh ra trí

huệ vô thượng của Như Lai. Hà hướng rộng nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ! Công đức đặc được không thể nói được.”

Hoặc dạy người đến nghe, hoặc tự mình thọ trì, hoặc dạy người thọ trì, hoặc tự mình biên chép, hoặc dạy người biên chép, hoặc dùng hương hoa, anh lạc, tràng phan, lọng lụa, dầu thơm, đèn, để cúng dường kinh quyển. Công đức của người đó, vô lượng vô biên, hay sinh ra nhất thiết chủng trí.

Hoặc dạy bảo người thân, bạn bè đến nghe Kinh Pháp Hoa, hoặc tự mình thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc dạy người thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc tự mình biên chép Kinh Pháp Hoa, hoặc dạy bảo người biên chép Kinh Pháp Hoa. Hoặc dùng hoa tươi, hương thơm, anh lạc, tràng báu, phan báu, lọng báu, dầu thơm, đèn .v.v... để cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Công đức của người đó, vô lượng vô biên, sẽ thành tựu nhất thiết chủng trí của Như Lai.

A Dật Đa ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, nghe ta nói thọ mạng dài

lâu, mà thâm tâm tin hiểu, tức là thấy Phật thường ở tại núi Kỳ Xà Quật, cùng với các chúng đại Bồ Tát, Thanh Văn, vây quanh nói pháp.

ADật Đa ! Nếu như có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe ta nói thọ mạng lâu dài của Như Lai, mà phát tâm tin hiểu, lại hay thấu rõ nghĩa lý bên trong, tức là thấy được pháp thân của Phật. Tại sao ? Vì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tức là chân thân của Phật, tức cũng là pháp thân của Phật. Thấy được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì giống như gặp được Phật, đừng cho rằng Phật vào Niết Bàn thì không thuyết pháp. Phật luôn luôn đều đang nói Kinh Diệu pháp Liên Hoa. Phật nói Kinh Pháp Hoa trong khoảng thời gian tám năm, từ khi Phật bảy mươi hai tuổi thì bắt đầu nói Kinh Pháp Hoa. Sau này, đem kinh văn biên trên lá bối, liên kết lá bối lại dài khoảng tám dặm. Do đó, kinh này là đại biểu cho chân thân của Phật.

Người này thường thấy Phật ở tại núi Kỳ Xà Quật (Linh Thứu) và các chúng đại Bồ Tát Thanh Văn vây quanh Phật, nghe Phật nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Lại thấy thế giới Ta Bà này, đất bằng lưu ly, mặt đất bằng phẳng, vàng diêm phù đàn dùng làm tám đường, cây báu

thẳng hàng, các đèn đài lâu các, đều dùng bảy báu tạo thành, các chúng Bồ Tát đều ở trong đó. Nếu có người hay quán như thế, thì nên biết người đó tin sâu hiểu kinh này.

Lại thấy thế giới Ta Bà này, đất bằng chất lưu ly, mặt đất bằng phẳng, chẳng có núi cao, chẳng có biển sâu. Tại sao thế giới có núi cao biển sâu, cao thấp chẳng bằng phẳng ? Vì tâm người chẳng bằng phẳng, do nghiệp báo cảm ứng hiện ra. Người chứng quả, tuy nhiên ở tại thế giới này, nhưng thấy những cảnh giới khác nhau. Họ thấy mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, chúng ta phàm phu thấy mặt đất lồi lõm chẳng bằng phẳng.

Tại châu Diêm Phù Đề có con sông lớn, bờ sông có cây đàn kim, khi lá cây này rơi xuống sông, thì làm cho cát dưới sông biến thành vàng, ánh sáng rất sáng đặc biệt, có thể nói là rực rỡ chói mắt. Dùng vàng này để làm tám con đường (biểu thị cho bát chánh đạo). Lại có cây bằng bảy báu, thẳng tắp thành hàng. Hết thủy đèn đài lâu gác, đều dùng bảy báu tạo thành. Các chúng Bồ Tát đều ở trong đó. Nếu như có người quán tưởng như thế, thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này, thì nên biết người đó tin hiểu sâu xa kinh này.

Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh này, mà chẳng hủy báng, phát tâm tùy hỷ, thì nên biết người đó, đã tin hiểu sâu kinh này, hà huống là người đọc tụng thọ trì, tức là người đó đầu đội đức Như Lai.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu như có người nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà tin sâu chẳng nghi ngờ, chẳng hủy báng, phát khởi tâm tùy hỷ, thì nên biết người đó, đã tin hiểu sâu xa. Hà huống, là người hay đọc tụng lại hay thọ trì, người đó cung kính như đầu đội Đức Như Lai.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ đó, chẳng cần vì ta mà tạo dựng chùa tháp, và làm phòng ốc cho Tăng, dùng tứ sự cúng dường chúng Tăng. Sở dĩ vì sao ? Vì người thiện nam, người thiện nữ đó, thọ trì đọc tụng kinh điển này, là đã xây dựng tháp, tạo lập phòng ốc cho Tăng, cúng dường chúng Tăng.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ đó, nếu hay thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép ấn tống kinh này, thì chẳng cần vì ta tạo dựng chùa tháp. Tại sao ? Vì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là chùa tháp của Phật. Có người nói : “Vậy kinh điển là chùa tháp thì chẳng cần làm chùa nữa.” Tuy nhiên Phật nói như thế, song phát tâm làm chùa tháp thì rất tốt. Vì tạo tháp để cúng dường xá lợi của Phật; tạo chùa để cúng dường tượng Phật vàng, biểu thị cung kính, khiến cho chúng sinh thấy trang nghiêm mà sinh tâm tín ngưỡng, mới phát tâm Bồ đề, do đó mà trồng xuống căn lành.

Cũng chẳng cần vì Tăng mà tạo phòng ốc, cũng chẳng cần cúng dường Tăng, tứ sự (quần áo, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang). Lời có thể nói lại, nếu chẳng cúng dường tứ sự lên chư Tăng, thì chẳng thể gieo trồng căn lành, chẳng đắc được công đức, chẳng có công đức thì chẳng có phước báo. Tại sao nói như thế ? Vì người thiện nam thiện nữ đó thọ trì, đọc tụng kinh này, thì đồng như đã tạo chùa tháp, tạo phòng xá cho Tăng, cúng dường chúng Tăng. Đây là nói về công đức thọ trì kinh điển, so với công đức cúng dường còn muốn lớn hơn. Nếu không thể thọ trì kinh điển, thì vẫn phải cúng dường Tam Bảo, nhờ phước lực này mà tăng trưởng căn lành.

**Tức là đem Phật xá lợi tạo dựng tháp
bảy báu, cao rộng nhỏ dần đến cõi trời**

Phạm Thiên. Lại treo các phan lọng, và các linh báu, hoa hương, anh lạc, hương bột, hương thoa, hương đốt, các thứ âm nhạc, ống tiêu, ống địch, đàn không hầu, đủ thứ kịch múa, dùng âm thanh vi diệu ca ngâm khen ngợi, tức là ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, đã từng cúng dường như thế.

Tức là đồng như đem xá lợi của Phật, tạo dựng tháp bằng bảy báu. Tháp đó dọc cao tam giới, ngang khắp mười phương, nền tháp cao rộng lên trên nhỏ dần, cao đến cõi trời Phạm Thiên thuộc cõi sắc. Lại treo các phan báu, lọng báu, linh báu, hoa tươi, hương quý, anh lạc, hương bột, hương thoa, hương đốt, ống tiêu, ống địch, đàn không hầu, các loại trống, các thứ âm nhạc, đủ thứ kịch múa, âm thanh ca rất hay, ngâm nga tán thán khen ngợi. Tức là ở trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, đã từng cúng dường xá lợi như thế.

A Dật Đa ! Nếu sau khi ta diệt độ, có người nghe được kinh điển này, có người hay thọ trì, hoặc tự mình biên chép, hoặc bảo người biên chép, tức là tạo dựng

phòng ốc cho chúng Tăng. Dùng gỗ chiên đàn đỏ, làm các điện đường ba mươi hai sở, cao khoảng tám cây đa la, cao rộng trang nghiêm tốt đẹp, có trăm ngàn vị Tỳ Kheo trụ ở trong đó.

A Dật Đa ! Nếu sau khi ta diệt độ, có người nào nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc tự mình biên chép, hoặc bảo người biên chép, thì đồng như tạo lập phòng ốc cho chư Tăng, dùng gỗ chiên đàn đỏ, làm các điện đường ba mươi hai sở (tạo lập điện đường trong tự tánh). Điện đường cao khoảng tám cây đa la, chẳng những cao rộng mà còn trang nghiêm tốt đẹp, có trăm ngàn vị Tỳ Kheo trụ ở trong đó.

Lại có vườn rừng ao tắm, lại có chỗ đi kinh hành, hang động ngòai thiên, y phục thức ăn uống, giường nệm thuốc thang, tất cả dụng cụ âm nhạc đầy đầy trong đó. Nhà Tăng lầu các như thế, hàng trăm ngàn vạn ức nhiều vô số. Dùng những thứ đó, hiện tiền cúng dường nói ta và Tỳ Kheo Tăng.

Lại có vườn rừng, lại có ao tắm, lại có chỗ đi kinh hành, lại có hang động ngồi thiền rất là đẹp đẽ. Lại có y phục, thức ăn uống, giường nệm, thuốc thang, muốn gì có nấy. Lại có đủ thứ dụng cụ âm nhạc đầy dẫy trong đó. Nhà Tăng lâu các như thế, nhiều hàng trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên. Dùng cảnh giới hiện tiền đó, cúng dường cho ta, và tất cả chúng Tỳ Kheo.

Vì lẽ đó mà ta nói, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, hoặc tự biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, cúng dường kinh quyển, không cần tạo lập chùa tháp, và tạo phòng ốc chư Tăng, cúng dường chúng Tăng.

Đức Phật lại nói, bởi nhân duyên đó, cho nên ta mới nói : “Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người hay thọ trì đọc tụng bộ Kinh Pháp Hoa này, hoặc vì người khác giải nói, hoặc tự mình biên chép, cúng dường bộ kinh này, thì không cần tạo lập chùa tháp, phòng chư Tăng, cúng dường chư Tăng. Vì công đức thọ trì kinh quyển đã vượt hơn công đức cúng dàng.”

Hướng lại có người hay thọ trì kinh này, và thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí huệ, được công đức tối thắng vô lượng vô biên. Ví như hư không, đông tây nam bắc, bốn hướng trên dưới, vô lượng vô biên, công đức của người đó, cũng lại như thế, vô lượng vô biên, sớm đắc được nhất thiết chủng trí.

Hà hướng lại có người, chẳng những thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa dũng mãnh tinh tấn, mà còn hay thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, sáu pháp môn Ba la mật, công đức này rất là thù thắng vô lượng vô biên, chẳng có biện pháp có thể tính toán là bao nhiêu. Ví như hư không, chẳng tìm được bờ mé của nó. Đông tây nam bắc, bốn hướng trên dưới, mười phương vô lượng vô biên. Công đức của người đó, cũng vô lượng vô biên như thế, sớm sẽ đắc được quả vị Nhất thiết chủng trí, tức cũng là quả vị Phật.

Nếu có người đọc tụng thọ trì kinh này, vì người khác nói, hoặc tự biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, lại hay tạo

dựng tháp, và tạo lập phòng ốc chư Tăng, cúng dường khen ngợi chúng Tăng Thanh Văn, cũng dùng trăm ngàn vạn ức bài pháp khen ngợi, để khen ngợi công đức của Bồ Tát. Lại vì người khác đủ thứ nhân duyên, tùy nghĩa mà giải nói Kinh Pháp Hoa này.

Nếu như có người, chẳng những đọc tụng kinh này, thọ trì kinh này, mà còn vì người khác giải nói kinh này, hoặc tự mình biên chép kinh này, hoặc bảo người khác biên chép kinh này. Lại hay tạo lập chùa tháp và phòng Tăng, cúng dường và khen ngợi đại chúng Thanh Văn, cũng dùng trăm ngàn vạn ức pháp khen ngợi, để khen ngợi công đức của Bồ Tát. Lại vì người khác đủ thứ nhân duyên tùy nghĩa lý của kinh, mà giải thích nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đây là pháp môn bố thí.

Nói đến đây tôi nhớ lại một câu chuyện. Thuở xưa, có một vị quan lớn, ông ta là Phật giáo đồ, rất kiên thành đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Kinh này có bảy quyển, ông ta tụng ba quyển đầu thuộc lòng rất nhanh, chẳng quên một chữ. Song, đọc tụng bốn quyển sau thì chẳng nhớ, chính ông ta cảm thấy rất kỳ lạ, suy nghĩ mãi chẳng hiểu. Do đó, bèn đi hỏi thiện tri thức, nguyên nhân như thế nào? Vị thiện tri thức đó chứng được túc mạng thông, biết nhân

quả trong quá khứ. Ông ta quán sát nhân duyên ở trong thiên định, biết rõ nhân duyên của ông quan. Bèn nói với ông quan rằng : “Nhân duyên của ông rất là đặc biệt, nói ra xin ông đừng sinh phiền não.”

- Ông quan nói : “Xin Ngài cứ nói thẳng, tốt xấu cũng chẳng sao.”

- Vị thiện tri thức nói : “Đời trước của ông là một con bò, do người ta đem đến chùa phóng sinh, tập tục ở trong chùa đó vào ngày mùng 6 tháng 6, thì đem đại tạng kinh, và tất cả các kinh khác ra ngoài sân phơi nắng, để cho kinh khỏi bị một ăn. Lúc ấy, con bò phóng sinh đó đi đến chỗ phơi kinh, dùng lưỡi liếm tới ba quyển đầu của Kinh Pháp Hoa, còn bốn quyển sau chẳng liếm tới.” Bởi nhân duyên đó, mà ông nhớ được ba quyển đầu của Kinh Pháp Hoa, còn bốn quyển sau chẳng nhớ được. Ông quan nghe rồi thì chẳng vui, đòi vị thiện tri thức đưa ra bằng chứng. Chẳng có bằng cứ khó khiến cho người tin.

- Vị thiện tri thức nói : “Ở sau ngôi chùa nọ có ngôi mộ con bò, tức là con bò phóng sinh đó. Đương thời, vị hoà thượng trụ trì chùa đó là vị cao Tăng, biết rõ con bò đó, vì chùa cây ruộng có công đức, nên được tái sinh làm người như thế nào, ở tại đâu, đều biên rõ ra giấy chôn đi theo với con bò. Nếu ông không tin thì hãy đào mộ con bò đó lên thì sẽ biết.”

Vị quan đó nửa tin nửa ngờ, bèn đến đào mộ con bò đó lên, thì quả nhiên có tờ giấy trắng, biên rõ hết mọi chi tiết.

- Vị quan đó lại hỏi : “Cứu kính thì nhân duyên gì mà được chuyển sinh làm người ?

- Vị thiện tri thức nói : “Kiếp trước ông làm bò, có công lao cày ruộng cho chùa, và có công đức liếm Kinh Pháp Hoa, cho nên đời này được sinh làm người, còn được làm quan.” Vị quan đó mới khoát nhiên đại ngộ tiền nhân hậu quả tư hào chẳng sai. Từ đó về sau, trở thành vị đại hộ pháp, cúng dường Tam Bảo hộ trì Phật giáo.

Do đó đủ thấy, phàm là người làm công quả cho chùa, cống hiến sức lực, thì đời sau phần đông được chuyển sinh làm người giàu có, có thể làm quan làm tướng. Các bạn hãy xem ! Một con bò vì chùa mà cày ruộng, đời này được làm quan, hà huống là người, hiến thân cho Phật, đời sau chẳng cần nói cũng biết, tuyệt đối chẳng đọa vào ba đường ác.

Lại hay giữ giới thanh tịnh, và nhu hòa ở chung với nhau, nhẫn nhục chẳng sân hận, ý chí kiên cố, thường thích ngồi thiền, được các thiên định thâm sâu, dũng mãnh tinh tấn, nhiếp các pháp lành, lợi căn trí huệ, khéo đáp các vấn nạn.

Lại hay giữ giới thanh tịnh, tức là thanh tịnh cả thân lẫn tâm. Tâm thanh tịnh tức là trong tâm chẳng có phiền não, sân hận, nhiễm ô. Thân thanh tịnh tức là chẳng

làm những việc phi lý, nhu nhuyễn hòa thuận, nhẫn nhục ở với nhau, chẳng sinh tâm sân hận, ý chí đặc biệt vững chắc, vĩnh viễn chẳng sinh tâm thối chuyển. Thời gian ngồi thiền rất quý báu, dù một phút một giây cũng chẳng để trôi qua lãng phí. Tại sao ? Vì chẳng biết giây nào phút nào sẽ khai ngộ. Nếu không, thì bỏ qua cơ hội khai ngộ. Thường ngồi thiền thì hay vào cảnh định thâm diệu. Thường tinh tấn thì hay khắc phục mọi khó khăn. Dũng mãnh tinh tấn tuyệt đối không giải đãi, thì hay nhiếp thọ tất cả pháp lành. Người lợi căn thì có đại trí huệ, khéo giải đáp các vấn nạn mà đáp trôi chảy, thì khiến cho người hỏi vừa ý mà sinh tâm hoan hỷ.

A Dật Đa ! Nếu sau khi ta diệt độ, các thiện nam tử, thiện nữ nhân, hay thọ trì đọc tụng kinh này, lại có các ông đức lành như thế, thì nên biết người đó, đã hưởng về đạo tràng, gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ngồi dưới bồ đề đạo tràng.

A Dật Đa ! Nếu như sau khi ta diệt độ, tất cả các thiện nam, thiện nữ, hay thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này. Lại có công đức lành như thế, thì nên biết người đó đã hưởng về đạo tràng, gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ngồi dưới bồ đề đạo tràng, chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sinh.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ đó, chỗ của họ ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, đều nên xây tháp, tất cả trời người, đều nên cúng dường như tháp của Phật.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì chỗ của họ ngồi, hoặc chỗ của họ đứng, hoặc chỗ của họ đi kinh hành, đều nên xây bảo tháp. Trời người đều nên cúng dường tháp đó, đồng như cúng dường cung kính tháp của Phật, đều đắc được công đức.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, cho nên nói ra bài kệ dưới đây.

**Nếu sau ta diệt độ
Hay phụng trì kinh này
Người đó phước vô lượng
Như đã nói ở trên.
Tức là được đầy đủ**

**Tất cả sự cúng dường
Vì xá lợi xây tháp
Bảy báu rất trang nghiêm.
Nền tháp rất cao rộng
Nhỏ dần đến Phạm Thiên
Linh báu ngàn vạn ức
Gió động vang diệu âm.**

Nếu như, sau khi ta diệt độ, có người hay phụng trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì người đó đắc được công đức vô lượng vô biên, đồng như công đức đã nói ở trên.

Hay phụng trì Kinh Pháp Hoa, thì đầy đủ tất cả sự cúng dường. Vì cúng dường xá lợi của Phật, mà xây dựng tháp báu trang nghiêm, đắc được công đức nhiều chẳng bằng phụng trì Kinh Pháp Hoa.

Nền tháp xây vừa rộng vừa cao, dần dần nhỏ đến cõi trời Phạm Thiên. Các góc tháp có treo linh báu nhiều hàng nghìn vạn ức, gió thổi làm vang ra âm thanh vi diệu rất êm tai, khiến cho người nghe sinh chánh niệm, khởi tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

**Lại trong vô lượng kiếp
Cúng dường nơi tháp đó
Hoa hưởng các chuỗi ngọc**

**Y trời các âm nhạc.
Hương đốt dầu thơm đèn
Thường chiếu sáng quanh tháp
Vào đời ác mạt pháp
Người hay trì kinh này.
Tức như trên đã nói
Đầy đủ sự cúng dường.**

Lại ở trong vô lượng kiếp về trước, cúng dường tháp đó, dùng đủ thứ hoa tươi, hương thơm, chuỗi ngọc, y trời, âm nhạc, dầu thơm, đèn .v.v... thường chiếu sáng chung quanh tháp.

Vào đời ác năm trước thời mạt pháp, người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, tức đầy đủ tất cả mọi sự cúng dường như đã nói ở trên, đắc được tất cả công đức như trên đã nói.

**Nếu hay trì kinh này
Tức như Phật tại thế
Dùng ngưu đầu chiên đàn
Làm nhà Tăng cúng dường.
Gồm ba mươi hai sở
Cao tám cây đa la
Thức ăn ngon y đẹp**

**Giường nằm đều đầy đủ.
Trăm ngàn chúng ở đó
Vườn rừng các ao tắm
Kinh hành động ngồi thiền
Các thứ đều trang nghiêm.**

Nếu như hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì công đức giống như công đức Phật ở tại thế. Dùng gỗ ngưu đầu chiên đàn để làm nhà Tăng, nhà gồm có ba mươi hai sở (biểu thị cho ba mươi hai tướng). Tháp cao khoảng tám cây đa la (biểu thị cho tám mươi vẻ đẹp). Cúng dường thức ăn uống thượng hảo hạng, quần áo đẹp nhất, giường nệm thuốc thang đều đầy đủ. Có thể cúng dường cho ngàn vạn ức chúng ở trong đó. Lại có vườn rừng và ao tắm, lại có chỗ đi kinh hành và có hang động ngồi thiền, hết thảy các thứ trang bị đều thập toàn thập mỹ, thù thắng trang nghiêm, thật là đạo tràng lý tưởng nhất.

**Nếu người tâm tin hiểu
Thọ trì đọc tụng biên
Và cúng dường kính quyền
Rải hoa thơm hương bột.
Hoa tu mạn chiêm bặc
A đề mục đa già**

**Đốt đèn dầu cháy mãi
Người cúng dường như thế.
Được công đức vô lượng
Như hư không vô bờ
Phước đó cũng như thế.**

Nếu có người đối với Phẩm Thọ Lượng của Như Lai, mà phát tâm tin hiểu, hoặc tự mình thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống, hoặc dạy người khác biên chép và cúng dường kinh quyển. Rải hoa tươi, hương thơm, hương bột, dùng hoa duyệt ý, hoa kim sắc, hạt cây vừng chế thành đầu, xông đốt chỗ có Kinh Pháp Hoa, chiếu sáng bốn phía. Cúng dường như thế, sẽ được vô lượng công đức, giống như hư không chẳng có bờ bến.

**Huống lại trì kinh này
Và bố thí trì giới
Nhẫn nhục thích thiên định
Chẳng sân chẳng chưởi mắng.
Cung kính nơi chùa tháp
Khiêm nhường các Tỳ Kheo
Xa lìa tâm kiêu ngạo
Thưởng suy gẫm trí huệ.
Có vấn nạn chẳng sân**

**Tùy thuận làm giải thoát
Nếu làm được hạnh đó
Công đức không thể lường.**

Hà hướng lại thọ trì Kinh Pháp Hoa, lại hay bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, năm Ba la mật này. Đối với tất cả chúng sinh chẳng sanh tâm sân hận, chẳng mắng chửi chúng sinh, dùng tâm từ bi đối đãi với chúng sinh.

Gặp chùa cũng cung kính, thấy tháp cũng cung kính, đối với hàng Tỳ Kheo cũng cung kính khiêm nhường, chẳng có tâm tăng thượng mạn, xa lìa hành vi cống cao ngã mạn. Luôn luôn suy gẫm trí huệ, không thể suy gẫm ngu si. Tu hành tức là tu trí huệ, có trí huệ thì tất cả phiền não đều tiêu trừ, đoạn sạch phiền não thì sẽ được giải thoát.

Nếu có người đến vấn nạn, thì phải hòa nhan duyệt sắc mà vì họ giải đáp, không được sinh tâm sân hận. Tùy thuận mọi nhân duyên lấy làm giải thoát, khiến cho họ minh bạch mới thôi. Nếu hay tu hành hạnh môn như thế, thì công đức đặc được không thể lường được.

**Nếu thấy pháp sư đó
Thành tựu đức như thế
Nên dùng hoa trời rải
Y trời che thân họ.**

**Cúi đầu cung kính lễ
Tâm sinh nghĩ như Phật
Lại nên nghĩ như vậy:
Chẳng lâu đến đạo tràng.**

Nếu như thấy vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp, tu hành lục độ, vị đó thành tựu công đức như thế, thì nên rải hoa trời để cúng dường, dùng y trời che trên thân của vị pháp sư đó. Đối với vị pháp sư đó, phải đánh lễ sát đất, sinh tâm cung kính nghĩ như Phật. Lại nên nghĩ như vậy : Vị pháp sư đó, chẳng bao lâu sẽ đến dưới cội bồ đề chuyển bánh xe pháp, giáo hóa chúng sinh.

**Được vô lậu vô vi
Rộng lợi các trời người
Chỗ của người đó ở
Hoặc kinh hành ngồi thiền.
Cho đến nói bài kệ
Đều nên xây dựng tháp
Trang nghiêm khiến tốt đẹp
Dùng các thứ cúng dường.
Phật tử trụ nơi đó
Tức là Phật thọ dụng**

Thưởng ở tại trong đó Kinh hành và ngồi nằm.

Vị pháp sư đó đã chứng được vô lậu tam muội, diệu pháp vô vi. Vị đó rộng làm lợi ích cho hàng trời người. Chỗ của vị đó ở, chỗ đi kinh hành, chỗ ngồi nằm, cho đến chỗ vị đó nói một bài kệ, đều nên xây dựng tháp báu, dùng bảy báu để trang nghiêm khiến cho tốt đẹp. Dùng đủ thứ đồ cúng, để cúng dường tháp đó, biểu thị cung kính.

Chỗ của Phật tử đó ở thọ dụng giống như Phật, luôn đi kinh hành và ngồi nằm ở trong đó, chẳng lìa khỏi đạo tràng.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 6

PHẨM TÙY HỖ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI TÁM

Tùy hỷ là gì ? Tùy là tùy thuận. Tùy sự, tùy lý, tùy quyền, tùy thật. Hỷ là hỷ khánh, khánh nhân, khánh quả, khánh hạnh, phụng hành Phật pháp, hồng dương Phật pháp. Nói một cách rõ hơn, tùy sự tức là tùy thuận sự tướng; tùy lý là tùy thuận lý tánh. Lý tức là lý thể thực tướng, bản tánh của pháp giới. Bản tánh pháp giới chẳng ngoài một tâm niệm hiện tiền. Một tâm niệm hiện tiền, bao quát tánh pháp giới và thể pháp giới. Một tâm niệm hiện tiền, tùy công đức của pháp giới, cho nên nói tùy hỷ công đức.

Bốn thể của Phật tức là lý, lý của Phật cũng tức là pháp thân. Phật xuất hiện ra đời để giáo hóa tất cả chúng sinh trong mười phương, đó là sự. Do lý mà tùy sự, do sự mà tùy lý, đây gọi là lý sự không hai. Sự chẳng lìa lý, lý

chẳng rời sự. Nhìn lại là hai, song kỳ thật là một, nhìn lại là một, nhưng lại có thể phân làm hai. Cho nên nói hai chẳng phải hai, chẳng phải hai mà hai. Hai mà chẳng phải hai, chẳng phải hai mà hai, tức là lý trung đạo.

Tùy quyền tùy thật công đức, tức là công đức tùy hỷ của Phật nói về quyền, công đức tùy hỷ của Phật nói về thật. Minh có nhân lành thì mới nghe được diệu pháp, đây là nhân của sự hỷ khánh mà gặp được diệu pháp này. Sau khi gặp được diệu pháp mà chuyên tâm tu trì, thì tương lai sẽ đắc được quả bồ đề.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Di Lạc bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ, nghe Kinh Pháp Hoa này mà tùy hỷ, thì đắc được bao nhiêu phước đức ? Bèn nói bài kệ rằng :

Sau khi nói xong Phẩm Phân Biệt Công Đức, thì lúc đó đại Bồ Tát Di Lạc bèn bạch với Đức Phật Thích Ca rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, giữ năm giới hành thập thiện, nghe được Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ công đức, thì họ đắc được bao nhiêu phước đức ? ‘Đại Bồ Tát Di Lạc lại nói ra bài kệ.

Sau khi Phật diệt độ

**Có người nghe kinh này
Mà sinh tâm tùy hỷ
Được bao nhiêu công đức ?**

Sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, tương lai có người nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà sinh một tâm niệm tùy hỷ, thì người đó đắc được bao nhiêu phước đức ? Xin Thế Tôn từ bi khai thị.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc : A Dật Đa ! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, và những người có trí khác, hoặc già, hoặc trẻ, nghe kinh này mà tùy hỷ. Từ pháp hội ra đi đến nơi khác.

Lúc đó Đức Phật bảo đại Bồ Tát Di Lặc rằng : “A Dật Đa ! Sau khi Như Lai vào Niết Bàn rồi, ngoài các hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng này ra, như có những người trí huệ, bất cứ là già hoặc trẻ, từ trong pháp hội nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ rồi, từ trong pháp hội ra đi đến những nơi khác, vì người khác giải nói nghĩa lý của kinh này, thì sẽ đắc được phước đức không thể nghĩ bàn.”

Hoặc tại nhà của chư Tăng ở, hoặc tại chỗ vắng vẻ, hoặc tại thành ấp đường xá, xóm làng ruộng nương, đem sự nghe của mình mà vì cha mẹ, người thân, bạn bè, tri thức, tùy sức mà diễn nói, khiến cho họ nghe rồi mà tùy hỷ, lại đi diễn nói với người khác, người khác nghe rồi cũng tùy hỷ, lại đi diễn nói với người khác nữa, cứ như thế cho đến người thứ năm mươi.

Hoặc tại chỗ chư Tăng ở, hoặc ở tại chỗ vắng vẻ trong thâm sơn cùng cốc, hoặc tại thành ấp, đường xá, xóm làng, ruộng nương .v.v... Đem Phật pháp mà mình nghe được ở tại pháp hội, vì cha mẹ, người thân, bạn bè, tri thức, tùy sức hiểu biết của mình, mà vì họ giải nói nghĩa lý của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho họ gieo trồng căn lành, đắc được lợi ích công đức tùy hỷ.

Những người tùy hỷ kinh điển đó, nghe rồi lại đi giáo hóa người khác, vì họ giải nói nghĩa lý trong kinh, khiến cho họ nghe rồi lại tùy hỷ, cứ như thế cho đến người thứ năm mươi, người đó đắc được phước đức nhiều không thể nói đặng.

A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ, thứ năm mươi đó, tùy hỷ công đức, nay ta nói ra ông nên lắng nghe.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ‘ ‘A Dật Đa ! Người thiện nam, người thiện nữ, thứ năm mươi đó, tùy hỷ công đức, bây giờ ta vì ông mà nói ra. Ông nên tập trung chú ý nghe.’ ’

Nếu bốn loài sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới, loài sinh bằng trứng, loài sinh bằng thai, loài sinh bằng âm uốt, loài biến hóa sinh ra, hoặc loài có hình, loài không có hình, loài có nghĩ tưởng, loài không có nghĩ tưởng, loài chẳng có nghĩ tưởng chẳng phải không có nghĩ tưởng, loài không chân, hai chân, loài bốn chân, nhiều chân, như vậy hết thảy loài chúng sinh. Có người cầu phước, tùy theo sự ưa muốn của họ, mà cung cấp cho đầy đủ.

Nếu như có bốn loài sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới. Bốn loài là loài sinh

bằng trứng, bằng thai, bằng ẩm ướt, bằng biến hóa sinh ra. Sáu đường chúng sinh là trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Loài sinh bằng trứng thì trứng do tưởng mà sinh ra, loại sinh bằng thai thì thai do tình mà có, loài sinh bằng ẩm ướt thì nhờ ẩm ướt mà hợp cảm, loài biến hóa thì nhờ hóa mà ly ứng. Tóm lại, loài sinh bằng trứng, thai, ẩm ướt, biến hóa, đều là nghiệp quả sở cảm; tình tưởng ly hợp, đều là nghiệp nhân năng cảm.

Loài sinh bằng thai : Do ái tình mà sinh ra. Loài sinh bằng trứng : Chỉ nhờ loạn tưởng mà sinh ra. Loài sinh bằng ẩm thấp : Người hương tham vị phối hợp mà cảm. Loài sinh bằng biến hóa : Chán cũ vui mới, nhờ đó mà ứng. Đây là chúng sinh của dục giới. Chúng sinh có hình thuộc về sắc giới; chúng sinh vô hình thuộc về cõi vô sắc, chúng sinh không thức nhị biên xứ. Vô tướng là chúng sinh vô sở hữu xứ. Phi hữu tướng phi vô tướng là chúng sinh phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là tên gọi của chín loài chúng sinh.

Loài không chân là loài giun .v.v... Loài hai chân là chó, gà, chim .v.v... Loài bốn chân là cọp, sư tử .v.v... Loài nhiều chân là rết, cuốn chiếu .v.v... Hết thấy các loài chúng sinh. Có người vì cầu phước mà tùy thuận sự ưa muốn của họ, đều cung cấp cho họ đầy đủ, chẳng thiếu món gì.

Mỗi mỗi chúng sinh đều cấp cho đầy cõi Diêm Phù Đề : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ

mã nã, san hô, hổ phách các thứ châu báu, và voi ngựa xe cộ, cung điện lầu các làm bằng bảy báu .v.v...

Hết thấy chúng sinh đều bố thí đây Diêm Phù Đề : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã nã, san hô, hổ phách hết thấy các thứ châu báu đá quý và voi, ngựa, xe cộ, cung điện, lầu các, làm bằng bảy báu .v.v... Phàm là những gì chúng sinh cần, thì vị đại thí chủ đó đều bố thí tất cả, tuyệt đối không có tâm san tham.

Đại thí chủ đó, bố thí như vậy, mãn tám mươi năm rồi, bèn nghĩ như vậy : Ta đã bố thí cho chúng sinh những đồ vui thích, tùy ý sự ưa muốn của họ, nhưng những chúng sinh này đều đã già nua, tuổi đã quá tám mươi, tóc bạc mặt nhăn, sự chết chẳng còn bao lâu. Ta nên dùng Phật pháp để giáo hóa họ.

Vị đại thí chủ đó, lại bố thí bảy báu, bố thí xe cộ, bố thí cung điện cho chúng sinh. Người nhân gian đi du hành phải đi bằng xe, thuyền; người trên trời đi du hành bằng cung điện. Tóm lại, người ở trên trời ngồi ở trong cung điện, thì có thể đi du hành khắp nơi, tốc độ còn

nhanh hơn hỏa tiễn hiện đại. Có người khởi vọng tưởng : ‘‘Cung điện làm sao di động được ?’’ Cảnh giới này, đợi khi nào bạn chứng được ngũ nhãn lục thông, thì tự nhiên sẽ biết. Đây chẳng phải là việc bí mật, mà là việc bình thường, chỉ cần dụng công tu hành, nỗ lực tham thiền thì sớm sẽ hiện thực.

Bố thí như thế trải qua tám mươi năm. Vị đại thí chủ đó bèn nghĩ như vậy : ‘‘Ta đã bố thí cho chúng sinh những đồ vui thích, đều tùy thuận tâm ý của họ. Họ muốn gì thì ta bố thí cái đó. Song, những chúng sinh đó đã già nua, tuổi tác đã hơn tám mươi, tóc bạc mặt nhăn, cái chết chẳng còn bao lâu. Ta nên dùng Phật pháp để dạy họ, khiến cho họ kịp thời tu hành, thoát khỏi biển khổ sinh về Tịnh Độ.’’

Bèn triệu tập những chúng sinh đó, truyền bá Phật pháp giáo hóa, khiến cho họ được lợi ích sinh tâm hoan hỷ. Nhất thời đều đắc được đạo Tu Đà Hoàn, đạo Tư Đà Hàm, đạo A Na Hàm, đạo A La Hán, sạch các hữu lậu, nới thiền định thâm sâu, đều đắc được tự tại, đủ tám giải thoát. Ý của ông thế nào ? Vị đại thí chủ đó, đắc được công đức có nhiều chẳng ?

Vị đại thí chủ đó nghĩ rồi, bèn lập tức triệu tập hết thầy chúng sinh lại, tuyên bố Phật pháp, chỉ dạy giáo hóa họ, khiến cho họ đắc được lợi ích Phật pháp, sinh tâm hoan hỷ. Những chúng sinh đó, sớm đắc được quả vị A La Hán.

Thời gian chẳng bao lâu, có người chứng được đạo quả Tu Đà Hoàn (sơ quả), dịch là "dự lưu", vào dòng Thánh nhân pháp tánh, ngược dòng phàm phu lục trần, chẳng cùng dòng hợp ô, thân tâm thanh tịnh, chẳng bị cảnh giới chuyển. Đã đoạn sạch dục giới tám mươi tám phẩm kiến hoặc. Còn bảy lần sinh tử, mới chứng được tứ quả vô học vị. Có người chứng được đạo quả Tư Đà Hàm (nhị quả), dịch là "nhất lai vãng", còn một lần thọ sinh lên trời và sinh xuống nhân gian, đã đoạn dục giới tư hoặc sáu phẩm trước. Tại tam giới có cửu địa, mỗi địa có chín phẩm tư hoặc, cộng thành tám mươi một phẩm tư hoặc. Có người chứng được đạo quả ANa Hàm (tam quả), dịch là "bất lai", chẳng đến dục giới thọ sinh tử nữa. Đã đoạn sạch dục giới (ngũ thú tạp cư địa) tư hoặc ba phẩm sau, còn sắc giới và vô sắc giới bảy mươi hai phẩm tư tưởng chưa đoạn. Có người chứng được đạo quả A La Hán (tứ quả), dịch là "sát tặc", tức là giết tặc phiền não. Lại dịch là "Ứng Cúng", tức là xứng đáng thọ nhận trời người cúng dường. Còn có nghĩa nữa là "vô sinh", tức là chẳng thọ quả báo sinh tử.

Cảnh giới của A La Hán đã đoạn sạch tất cả hữu lậu ba cõi, do đó : “Chư lậu đã tận, phàm hạnh đã lập, sở tác

dĩ biện, bất thọ hậu hữu.” (Các lậu đã sạch, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa). Ở trong thiên định thâm diệu đều được tự tại. Lại có đủ tám giải thoát. Tức là xả bỏ tham ái ba cõi, giải thoát khỏi tám thứ thiên định trói buộc:

- 1). Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
- 2). Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc giải thoát.
- 3). Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ.
- 4). Không vô biên xứ giải thoát.
- 5). Thức vô biên xứ giải thoát.
- 6). Vô sở hữu xứ giải thoát.
- 7). Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
- 8). Diệt thọ tưởng định thân tác chứng cụ túc trụ.

Phật nói với Bồ Tát Di Lạc : “Ý của ông như thế nào? Vị đại thí chủ đó, đắc được công đức có nhiều chăng?”

Có người hỏi : “Cửu địa là gì? ”Đáp : Tại dục giới có nhất địa, gọi là ngũ thú tạp cư địa, tức là trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, thế giới của năm loài chúng sinh ở lộn lạo. Tại sắc giới có tứ địa.

1). Sắc giới trời sơ thiên, gọi là Ly sinh hỷ lạc địa, vì lìa khỏi dục giới thọ sinh, cho nên trong tâm cảm thấy vừa hoan hỷ vừa khoái lạc.

2). Sắc giới trời nhị thiên, gọi là Định sinh hỷ lạc địa. Vì từ trong định, sinh ra một thứ hoan hỷ, chẳng gì sánh bằng, mà được cảnh giới khoái lạc.

3). Sắc giới trời tam thiên, gọi là Ly hỷ diệu lạc địa. Đã lìa khỏi hoan hỷ thô, đắc được khoái lạc vi diệu.

4). Sắc giới trời tứ thiên, gọi là Xả niệm thanh tịnh địa. Xả bỏ diệu lạc niệm đầu của tam thiên, thân tâm thanh tịnh, một bụi trần không nhiễm. Tại vô sắc giới có tứ địa

1). Không vô biên xứ địa. Tuy cảm giác chẳng có thân, nhưng có tâm thức tác dụng.

2). Thức vô biên xứ địa, sáu thức trước hoàn toàn diệt tận, chỉ có hai thức sau tồn tại.

3). Vô sở hữu xứ địa. Chế phục được thức thứ bảy, chỉ còn thức thứ tám tồn tại.

4). Phi tướng phi phi tướng xứ địa. Định lực không chế thức thứ tám, không thể hoạt động là phi tướng. Định lực chẳng đủ, thức thứ tám lại hoạt động là phi phi tướng. Bất động tức chẳng có sinh tử, có động thì có sinh tử. Tóm lại, đem ba cõi vẽ thành cửu địa, làm tiêu chuẩn tiến lên của người tu hành, dụng công tu hành thành tựu, thì thăng lên một giai đoạn. Vượt quá phạm vi cửu địa, thì chứng được tứ quả A La Hán, hoặc sơ trụ Bồ Tát, chấm dứt phân đoạn sinh tử, chưa đoạn được biến dịch sinh tử. Tu đến Đẳng giác Bồ Tát vị, thì vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa đoạn. Nếu đoạn sạch thì lập tức đến Diệu giác quả vị (quả vị Phật). Song, Bồ Tát chẳng muốn đoạn một phần vô minh cuối cùng. Vì Bồ Tát phát tâm đảo giá từ thuyền, phổ độ chúng sinh, do đó:

“Chúng sinh độ hết, mới chúng bồ đề.”

**Bồ Tát Di Lặc bạch đức Phật rằng :
Đức Thế Tôn ! Công đức của người đó rất
nhiều, vô lượng vô biên. Nếu vị thí chủ đó,
chỉ bố thí tất cả đồ vui thích, thì công đức
đã vô lượng, hà huống khiến cho họ đắc
được quả A La Hán.**

Bồ Tát Di Lặc nói với Phật rằng : “Đức Thế Tôn !
Công đức của vị thí chủ đó rất nhiều. Vì vị đó chẳng
những bố thí tất cả đồ vui thích, mà còn khiến cho tất cả
chúng sinh chúng được tứ quả A La Hán, cho nên nói
công đức vô lượng vô biên.”

**Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lặc : Nay ta
phân tích rõ cho ông nghe, người đó đem
tất cả đồ vui thích, bố thí cho sáu đường
chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng
kỳ thế giới. Lại khiến cho họ đắc quả A La
Hán, công đức của người đó, chẳng bằng
người thứ năm mươi, nghe một bài kệ
Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỷ công đức,
trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức**

phần, cũng chẳng bằng một phần, cho đến tính đếm thí dụ, cũng không thể biết được.

Đức Phật bảo Bồ Tát Di Lạc : ‘‘Bây giờ ta phân tích rõ ràng đạo lý này cho ông rõ. Vị đại thí chủ đó, đem tất cả đồ vui thích, bố thí cho sáu đường chúng sinh, trong trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới, lại khiến cho những chúng sinh đó, đều chứng được quả vị A La Hán, công đức của người đó đặc được, chẳng bằng người thứ năm mươi, nghe một bài kệ Kinh Pháp Hoa, công đức tùy hỷ trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cũng chẳng bằng một phần, cho đến tính toán, ví dụ, để hình dung, cũng chẳng cách chi biết được cứu kính có bao nhiêu ?’’

A Dật Đa ! Như người thứ năm mươi đó, lần lượt được nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, công đức còn vô lượng vô biên A tăng kỳ, hà huống là người đầu tiên, ở trong pháp hội nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ. Phước người này, còn hơn phước người thứ năm mươi, vô lượng vô biên A tăng kỳ, không thể sánh được.

Đức Phật lại gọi một tiếng : “A Dật Đa ! Như người thứ năm mươi đó, lần lượt nghe được Kinh Pháp Hoa, mà phát tâm tùy hỷ, còn đắc được công đức vô lượng vô biên A tăng kỳ. Hà huống là người đầu tiên, trực tiếp nghe Kinh Pháp Hoa ở trong pháp hội, mà phát tâm tùy hỷ, công đức của người này, đương nhiên phải thù thắng hơn công đức của người gián tiếp nghe Kinh Pháp Hoa (người thứ năm mươi vô lượng vô biên A tăng kỳ, cũng không thể so sánh được).” Tóm lại, ở trong đạo tràng nghe Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, thì công đức không thể nói, không thể nói, tức là dù nói, cũng nói không ra cứu kính có bao nhiêu.

Lại nữa, A Dật Đa ! Nếu có người vì kinh này, mà đi đến phòng Tăng, hoặc ngồi, hoặc đứng, nghe trong giây lát, thì nhờ công đức đó, mà tái sinh đời sau, được voi ngựa, xe cộ, châu báu, kiệu cang, đồ thượng hạng và cung điện.

Đức Phật lại gọi một tiếng : “A Dật Đa ! Nếu như có người, vì ngưỡng mộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà đến chỗ chư Tăng ở, hoặc là ngồi, hoặc là đứng, để nghe Kinh Pháp Hoa trong chốc lát. Do công đức đó, mà tái sinh đời sau, được sinh vào nhà vua, có đủ voi ngựa, xe

cộ, châu báu, kiệu cang, hoặc được sinh về cõi trời có cung điện bảy báu.”

Nếu lại có người, ngồi ở nơi giảng pháp, có người đến mà khuyên bảo, khiến cho họ ngồi nghe pháp, hoặc phân chia chỗ cho họ ngồi, thì công đức của người đó, khi chuyển thân khác, sẽ được chỗ ngồi của trời Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương, hoặc chỗ ngồi của vua Chuyển luân thánh vương.

Nếu lại có người, ngồi ở nơi giảng pháp nghe Kinh Pháp Hoa, sau đó lại có người đến bèn khuyên họ ngồi xuống nghe kinh, hoặc phân chia nửa chỗ của mình cho họ ngồi, hai người cùng ngồi một chỗ, hoặc nhường chỗ ngồi cho họ ngồi, thì công đức của người đó, khi tái sinh đời sau, sẽ được chỗ ngồi của trời Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Thiên Vương hoặc chỗ ngồi của vua Chuyển Luân Thánh Vương.

Các vị ! Nếu như có người đến Phật Giáo Giảng Đường nghe kinh, phải chiêu đãi giúp tìm chỗ ngồi. Nếu có người không có chỗ ngồi, thì hãy chia nửa chỗ ngồi của mình cho họ ngồi, hoặc là nhường chỗ ngồi của mình cho họ ngồi, thì tương lai chắc chắn sẽ có phước báu.

Tóm lại, phàm là người đến nghe kinh thì phải chiêu đãi, đừng giống như người gõ, chẳng đếm xỉa gì đến họ, khiến cho họ sinh sợ, lần sau họ chẳng dám đến nữa. Phải biết chiêu đãi khách, là lễ phép chứ chẳng phải phan duyên, điểm này phải chú ý.

A Dật Đa ! Nếu lại có người, nói với người khác rằng : Có kinh tên là Pháp Hoa, chúng ta có thể cùng nhau đến nghe, người đó nghe lời, bèn đến nghe trong chốc lát. Công đức của người đó chuyển thân sau, được sinh cùng một chỗ với Bồ Tát Đà La Ni, có lợi căn trí huệ.

Phật lại gọi một tiếng : “A Dật Đa ! Nếu như lại có người, nói với người khác rằng : Hiện nay có đạo tràng giảng Kinh Pháp Hoa, chúng ta có thể cùng nhau đi đến nghe. Người đó nghe lời khuyên, đi đến nghe Kinh Pháp Hoa trong chốc lát. Người khuyên và người nghe kinh đó, đắc được công đức, khi sinh thân sau sẽ cùng sinh một chỗ với Bồ Tát Đà La Ni, được trí huệ sáu căn thông lợi.”

Hiện tại Phật Giáo Giảng Đường đang giảng Kinh Pháp Hoa. Các vị có thể khuyên các người thân bạn bè, khiến cho họ đến nghe kinh. Chẳng những các vị có công đức, mà người thân bạn bè của quý vị, cũng được công

đức, trông xuống căn lành, phước báu tương lai không thể hạn lượng.

Trong trăm nghìn vạn đời, chẳng bao giờ bị câm, hỏi miệng chẳng hôi thối, lưỡi thường chẳng có bệnh tật, miệng cũng chẳng có bệnh tật, răng chẳng đỏ, chẳng đen, chẳng vàng, chẳng thưa, cũng chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng cong. Môi chẳng thòng xuống, cũng chẳng co rút lại, chẳng thô rít, chẳng ung nhọt, cũng chẳng khuyết xấu, cũng chẳng cong vẹo, chẳng dày chẳng lớn, cũng chẳng đen xám, chẳng có các sự đáng chê.

Trong trăm nghìn vạn đời chẳng mắc bệnh câm. Trong miệng chẳng có mùi hôi, thân chẳng tỏa ra mùi hôi. Người tu hành mà chẳng giảng kinh thuyết pháp, thì sẽ mắc bệnh câm; người tu hành chẳng giữ gìn giới luật, thì sẽ tỏa ra mùi hôi thối. Nếu khuyên người khác nghe kinh, thì được công đức lưỡi chẳng bị bệnh tật, miệng chẳng bị bệnh tật, răng chẳng dơ, chẳng đen, chẳng vàng, chẳng thưa, chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng cong, rất ngay thẳng và trắng sạch.

Môi rất đẹp, chẳng thòng xuống, cũng chẳng co rút lại, cũng chẳng thô rít, cũng chẳng bị nhọn, cũng chẳng khuyết xấu, cũng chẳng cong vẹo, cũng chẳng dày lớn, cũng chẳng đen xám, chẳng có chỗ khiến cho người nhàm chán. Có người môi thì trời bao đất (môi trên thì dài môi dưới thì ngắn), hoặc đất bao trời (môi trên thì ngắn môi dưới thì dài), đó là do tiền kiếp thích nói chuyện thị phi mà bị quả báo.

Mũi chẳng đẹp, cũng chẳng cong. Sắc mặt chẳng đen, cũng chẳng dài hẹp, cũng chẳng cong trũng, chẳng có những tướng khiến cho người thấy chẳng vui.

Mũi ngay thẳng, cũng chẳng đẹp, cũng chẳng cong. Sắc mặt chẳng đen cũng chẳng dài hẹp, cũng chẳng trũng ngắn. Chẳng có những tướng khiến cho người thấy chẳng vui. Muốn khiến cho sáu căn trang nghiêm, thì hãy làm nhiều công đức lành, đừng làm việc tội ác. Phạm là người có ngũ quan đoan chánh, thì không cần hỏi mà vẫn biết, nhờ công đức vậy.

Môi lười rảnh thả đều tốt đẹp trang nghiêm, mũi thì cao thẳng. Mặt mày tròn đầy, mi cao mà dài, trán rộng bằng phẳng, nhân tướng đầy đủ. Đồi đồi sinh ra

đều gặp Phật, nghe pháp tin nhận lời của Phật dạy.

Đây là người khuyên người khác đi nghe kinh, và người nghe lời khuyên đi nghe kinh, đều được môi lưỡi răng tốt đẹp trang nghiêm. Mũi thì cao thẳng, mặt mày tròn đầy, mi cao mà dài, trán rộng bằng phẳng, tướng tốt đầy đủ, đời đời sinh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe pháp, sinh niềm tin, tiếp nhận lời Phật dạy, tức là y giáo phụng hành.

A Dật Đa ! Ông xem đó, khuyên một người khiến cho họ đến nghe pháp, mà được công đức như thế, hà huống là một lòng nghe giảng, đọc tụng, rồi ở trong đại chúng, vì mọi người phân biệt giải nói pháp tu hành.

Phật lại gọi một tiếng : “A Dật Đa ! Ông hãy xem, chỉ khuyên một người đến đạo tràng nghe pháp, mà được công đức nhiều như thế. Hà huống là chuyên tâm nghe giảng, đọc tụng, ở trong đại chúng lại hay phân biệt vì người giải thích pháp tu hành, công đức đó càng rộng lớn.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý trường hàng ở trên, bằng kệ dưới đây.

**Nếu người trong pháp hội
Được nghe kinh điển này
Cho đến một bài kệ
Tùy hỷ với người nói.
Như vậy lần lượt dạy
Đến người thứ năm mươi
Người cuối cùng được phước
Nay sẽ phân biệt nói.**

Nếu như có người, ở trong pháp hội được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho đến một bài kệ, mà có sở tâm đắc, tùy hỷ đối với người khác giảng nói nghĩa lý bài kệ đó. Cứ như thế truyền dạy đến người thứ năm mươi, thì người đó đắc được phước báu như thế nào ? Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói, mong rằng các ông hãy lắng nghe.

**Như có đại thí chủ
Bố thí vô lượng chúng**

**Tròn đủ tám mươi năm
Tùy ý muốn của họ.
Thấy họ tướng già nua
Tóc bạc và mặt nhăn
Răng rụng hình khô gầy
Nghĩ họ chết sắp đến.**

Lần lượt nói ra, như có vị đại thí chủ, dùng đủ thứ của cải vật chất, để bố thí cho vô lượng vô số chúng sinh đã hơn tám mươi năm, tùy ý muốn cần dùng của họ, đều khiến cho họ mãn nguyện.

Vị đại thí chủ đó, thấy những chúng sinh đó đã già nua, tóc bạc mặt nhăn, răng rụng, hình hài khô gầy. Lại biết họ sống chẳng còn bao lâu, bèn khởi tâm thương xót, khiến cho họ thoát khỏi biển khổ sinh tử, đến được bờ Niết Bàn bốn đức : Thường, lạc, ngã, tịnh.

**Nay ta nên dạy họ
Khiến cho được đạo quả
Bèn dùng phương tiện nói
Pháp Niết Bàn chân thật.
Đòi đều chẳng lâu bèn
Như bọt nước ngọn lửa
Các ông phải nên biết**

Sớm sinh tâm nhằm lia.

Bây giờ ta phải dạy họ pháp môn tu ra khỏi thế gian, khiến cho họ đều đắc được đạo quả A La Hán. Lập tức dùng phương tiện, vì họ nói từ sinh tử bờ bên này, vượt qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia.

Tất cả sự tướng thế gian đều chẳng vững bền, đều hư vọng huyễn hóa chẳng thật. Giống như bọt nước ngọn lửa đều vô thường. Các ông nên biết đều là không, đừng tham luyến hồng trần, hãy mau nhằm lia thế giới Ta Bà, trở về ngôi nhà tự có sẵn; cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Mọi người nghe pháp đó

Đều đắc A La Hán

Đầy đủ sáu thần thông

Ba minh tám giải thoát.

Người năm mươi cuối cùng

Nghe bài kệ tùy hỷ

Người này phước hỏn kia

Không thể ví dụ được.

Những chúng sinh đó, nghe pháp của vị đại thí chủ đó rồi, bèn phát tâm tu hành, sau đó hết thấy đều đắc

được quả A La Hán. Họ có đủ sáu thần thông, sáu thần thông là gì ?

1). Thiên nhãn thông : Nhìn thấy được cảnh giới khoái lạc của trời người, lại thấy được tình hình thọ khổ dưới địa ngục, rõ ràng như xem truyền hình.

2). Thiên nhĩ thông : Chẳng những thấy được hành động của trời người, mà còn nghe được trời người nói chuyện, giống như nghe máy thu băng.

3). Tha tâm thông : Biết được trong tâm kẻ khác nghĩ việc gì.

4). Túc mạng thông : Quán sát được nhân duyên quá khứ, và nhân quả tương lai của chính mình và người khác.

5). Thần túc thông : Có thể hành động ở trong định, hoặc đi đứng ở trong hư không, đến đi tự tại, nhập vận tự tại, chẳng bị điều kiện hạn chế nào.

6). Lưu tận thông : Tức là quét trừ tất cả phiền não, chẳng có mọi vọng tưởng. Các lậu đã sạch, chẳng thọ thân sau nữa. Ngoại đạo chỉ có năm thần thông, mà chẳng có lậu tận thông.

Lại có đủ ba minh và tám giải thoát. Ba minh :

- 1). Túc mạng minh.
- 2). Thiên nhãn minh.
- 3). Lưu tận minh.

Tức cũng là biết tướng sinh tử đời quá khứ của mình, và của người khác; lại biết tướng sinh tử vị lai của

mình, và của kẻ khác; lại biết tướng khổ hiện tại, trí huệ đoạn sạch tất cả phiền não. Ba minh ở tại Phật là ba đạt, ở tại A La Hán là ba minh. Trí biết pháp hiển rõ là ba minh. Tám giải thoát đã giải thích ở trước rồi, chẳng cần nói nữa.

Lần lượt đến người thứ năm mươi, họ chỉ nghe được một bài kệ Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỷ công đức, thì đắc được phước báu, lớn hơn so với vị đại thí chủ gấp trăm lần. Phước báu đó chẳng cách chi nói hết được, dù dùng ví dụ để hình dung, cũng chẳng nói được bờ mé của nó.

**Lần lượt nghe như vậy
Phước đức còn vô lượng
Hà hướng trong pháp hội
Người đầu nghe tùy hỷ.**

Lần lượt nghe kinh như thế, còn được vô lượng phước báu, hà hướng là người đầu tiên ở trong pháp hội nghe, mà tùy hỷ công đức, công đức của người đó càng lớn hơn. Các vị chú ý ! Phạm là nơi nào có giảng kinh thuyết pháp, mà tùy hỷ tham gia, thì nhất định có phước đức không thể nghĩ bàn.

**Nếu khuyên được một người
Dẫn họ nghe Pháp Hoa**

**Nói kinh này thâm diệu
Ngàn vạn ức khó gặp.
Bèn nghe lời đến nghe
Cho dù nghe chốc lát
Phước báu của người đó
Nay sẽ phân biệt nói.**

Nếu như có người dẫn họ đến đạo tràng (chùa) nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, và nói với họ : “Kinh Pháp Hoa là kinh thâm áo vi diệu nhất, trong trăm nghìn vạn kiếp khó gặp được.” Tóm lại, chẳng dễ gì gặp được cơ hội có người giảng Kinh Pháp Hoa. Cho nên, tôi khuyên các vị phải tùy hỷ nghe kinh, bất cứ người nào giảng kinh gì, ở trong phạm vi có khả năng, thì phải tham gia pháp hội, được phước báo chẳng nhỏ. Có cơm có thể không ăn, nhưng kinh thì không thể không nghe, có tư tưởng như thế, thì mới là tiêu chuẩn của Phật giáo đồ. Nên nhớ, không thể một bên thì nghe kinh, một bên thì khởi vọng tưởng, hoặc là ngủ gục, do đó có câu: “Tâm chẳng chú ý, thì thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe.” Pháp sư giảng giải nghĩa kinh mà chẳng hiểu biết. Tại sao như vậy ? Vì chẳng lọt vào tai.

Người đó nghe lời bèn đến đạo tràng nghe Kinh Pháp Hoa, dù trong thời gian rất ngắn, mà chuyên tâm nghe giảng, thì người đó đắc được phước báu, nay ta

(Đức Phật) sẽ phân biệt nói cho ông (Bồ Tát Di Lặc) nghe.

**Đời đời miệng chẳng bệnh
Răng chẳng thưa vàng đen
Môi chẳng dày co thiếu
Chẳng có tướng đáng chê.
Lưỡi chẳng khô đen ngắn
Mũi vừa cao lại thẳng
Trán rộng và bằng phẳng
Mặt mày rất đoan nghiêm.
Khiến người hoan hỷ thấy
Hỏi miệng chẳng hôi thối
Thơm như hoa ưu bát
Thưởng tử trong miệng ra.**

Người tùy hỷ nghe Kinh Pháp Hoa, đắc được phước báu đời đời miệng chẳng có bệnh, răng chẳng thưa, chẳng vàng, chẳng đen, rất ngay thẳng, đều trắng sạch. Bạc Thánh nhân có bốn mươi cái răng, phàm phu có ba mươi hai cái, Phật có bốn mươi cái răng. Bồ Tát Hoa Nghiêm (Đường Chứng Quán Quốc Sư) có bốn mươi cái răng. Có gì chứng minh Bồ Tát Hoa Nghiêm là Chứng Quán Sư, còn gọi là Thanh Lương Quốc Sư, Ngài là thầy của bảy vị

vua nhà Đường. Tướng của Ngài rất trang nghiêm, chẳng những có bốn mươi cái răng, mà con mắt sáng như sao, ban đêm phóng quang, hai tay dài quá đầu gối, mắt nhìn một lần mười hàng, thiên sinh dị bẩm (trời sinh khác thường). Sau khi Ngài viên tịch, thì ở Ấn Độ có vị Tăng đã chứng đắc A La Hán, đến Trung Quốc hoàng dương Phật pháp, tục Phật huệ mạng, đi ngang qua Thông Lĩnh, đột nhiên thấy có hai đồng tử đang vân đi qua, vị Tăng đó dùng thần thông chặn hai vị đồng tử lại, mới hỏi họ đang đi đâu ? Và có việc gì ? Hai vị đồng tử đáp : “Chúng tôi đến Trung Quốc thỉnh răng của Bồ Tát Hoa Nghiêm về an trí tại Điện Văn Thù ở Ấn Độ để cúng dường.” Vị Tăng hỏi : “Ai là hóa thân của Bồ Tát Hoa Nghiêm ?” Hai vị đồng tử đáp : “Chúng Quán Quốc Sư.” Nói xong hai vị đồng tử đang vân mà đi.

Vị A La Hán đó đến Trường An, đem việc đó tấu rõ cho vua nghe, cho phép mở quan tài của Ngài Chứng Quán Quốc Sư, quả nhiên phát hiện thiếu hai cái răng cửa. Do đó, mọi người đủ biết Ngài Chứng Quán Pháp Sư là hóa thân của Bồ Tát Hoa Nghiêm, thừa nguyện đến để giáo hóa chúng sinh.

Người tùy hỷ Kinh Pháp Hoa thì môi chẳng dày, cũng chẳng mỏng, vừa đẹp. Lại chẳng co chẳng thiếu, rất đoan chánh, chẳng có tướng đáng chê. Lưỡi chẳng khô khan, chẳng đen xạm, chẳng ngắn nhỏ. Mũi vừa cao vừa thẳng, chẳng cong gãy. Trán thì rộng bằng phẳng. Mặt như trăng rằm, mắt màu xanh biếc, hoàn toàn trang

nghiêm. Ngũ quan của người đó đoan chánh, ai ai cũng hoan hỷ thấy họ. Trong miệng của người đó, chẳng có hơi hôi thối, thường tỏa ra hương vị thơm của hoa ưu bát, vì thường đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

**Nếu đi đến nhà Tăng
Muốn nghe Kinh Pháp Hoa
Hoan hỷ nghe chốc lát
Nay sẽ nói phước đó.
Sau sinh trong trời người
Được voi ngựa xe báu
Châu báu và kiệu cang
Và ngồi cung điện trời.**

Nếu như có người muốn nghe Kinh Pháp Hoa, mà đến chỗ của chư Tăng ở, dù nghe kinh này trong thời gian chốc lát, mà sinh tâm tùy hỷ, y giáo phụng hành, nay ta sẽ vì ông nói ra phước báu của họ đắc được. Sau khi người đó chết đi, chẳng sinh về cõi trời, thì sinh vào cõi người, được voi ngựa xe báu. Ở cõi trời thì được ở cung điện trời, đắc được phước báu như thế.

**Nếu ở nơi giảng pháp
Khuyên người ngồi nghe kinh
Nhỏ phước đó nên được**

**Tòa Thích Phạm chuyên luân.
Hà hướng một lòng nghe
Giải nói nghĩa lý kinh
Như lời nói tu hành
Phước đó chẳng hạn lượng.**

Nếu như ở chỗ giảng kinh thuyết pháp, mà khuyển họ ngồi xuống nghe kinh, do nhân duyên đó nên được phước báo, tương lai có thể ngồi ở chỗ ngồi của trời Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Đại Phạm Thiên Vương, hoặc chỗ ngồi của vua Chuyển Luân Thánh Vương. Hà hướng tự mình chuyên tâm nghe kinh, giải nói được nghĩa lý của Kinh Pháp Hoa, y theo pháp nói trong Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì được phước báu không thể hạn lượng.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM CÔNG ĐỨC PHÁP SƯ THỨ MƯỜI CHÍN

Pháp sư là gì ? Nói đơn giản là tinh thông Phật pháp, vì người làm thầy. Pháp sư có năm loại :

1). Thọ trì pháp sư : Đối với Phật pháp, thọ nơi tâm trì nơi thân, nghiêm cách thực tiễn.

2). Đọc kinh pháp sư : Đối với kinh điển, hằng ngày lấy sự đọc kinh làm sự tu trì.

3). tụng kinh pháp sư : Học thuộc kinh điển, hằng ngày lấy sự tụng kinh làm sự tu trì.

4). Giải nói pháp sư : Vì chúng sinh mà giải thích nghĩa kinh, nói rõ đạo lý, khiến cho chúng sinh y pháp tu hành.

5). Biên chép pháp sư : Cung kính biên chép kinh điển, hoặc cúng nơi tháp miếu, khiến cho chúng sinh lễ bái, gieo trồng căn lành, hoặc ấn tống kinh điển, truyền

bá cho đời, khiến cho chúng sinh đọc tụng, chiếu theo nghĩa kinh mà tu hành. Tay tự biên chép kinh điển mới có công đức không thể nghĩ bàn.

Đầy đủ mười đức hạnh sau đây, thì là đại pháp sư :

- 1). Khéo biết nghĩa của pháp.
- 2). Rộng tuyên nói được.
- 3). Trong đại chúng chẳng sợ.
- 4). Biện tài vô ngại.
- 5). Khéo nói phương tiện.
- 6). Pháp tùy đức hạnh.
- 7). Oai nghi đầy đủ.
- 8). Dũng mãnh tinh tấn.
- 9). Thân tâm chẳng mệt.
- 10). Thành tựu nhẫn nhục.

Công đức là gì ? Hết việc ác là công, đầy việc lành là đức. Tức cũng là tu công đức có sở đắc. Lại có thể nói, công là chỉ hành vi thiện mà nói; đức là chỉ tâm lý thiện mà nói. Phẩm này nói rõ về công đức thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khiến cho sáu căn thanh tịnh, có công năng hỗ dụng sáu căn.

**Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát
Thượng Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam,
người thiện nữ, thọ trì Kinh Pháp Hoa
này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói,**

hoặc biên chép, thì người đó sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý, nhờ công đức đó, trang nghiêm sáu căn đều khiến cho thanh tịnh.

Đức Phật nói xong Phẩm Tùy Hỷ Công Đức, thì lúc đó, bảo đại Bồ Tát Thường Tinh Tấn rằng : “Nếu người thiện nam, người thiện nữ, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoặc là đọc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì người đó được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, được tám trăm công đức nơi mũi, được một ngàn hai trăm công đức nơi lưỡi, được tám trăm công đức nơi thân, được một ngàn hai trăm công đức nơi ý.”

Sáu căn của chúng ta, mỗi một căn, đều có một ngàn hai trăm công đức, ở trước có ba trăm công đức, ở sau có ba trăm công đức, ở bên trái có ba trăm công đức, ở bên phải có ba trăm công đức, hợp lại có một ngàn hai trăm công đức. Có người hỏi : “Tức nhiên mỗi một căn có một ngàn hai trăm công đức, tại sao con mắt chỉ có

tám trăm công đức ?” Vì cái thấy của con mắt chẳng viên mãn, thấy trước mà chẳng thấy sau, thấy bên trái chẳng thấy bên phải, cho nên chỉ có tám trăm công đức. Lỗ tai có thể nghe được âm thanh trước sau, bên trái bên phải, chẳng có chướng ngại, đầy đủ viên mãn, cho nên có một ngàn hai trăm công đức. Lỗ mũi giữa sự hít vào thở ra có chỗ ngừng nghỉ, cho nên chỉ có tám trăm công đức. Lưỡi nếm mùi vị công đức đầy đủ viên mãn, cho nên có một ngàn hai trăm công đức. Thân thể có xúc giác thuận nghịch hai duyên, nghịch thì chẳng thích xúc trần, thuận thì thích xúc trần. Giữa thuận và nghịch thiếu bốn trăm công đức. Ý thức có tư tưởng, có phân biệt, đầy đủ viên mãn cho nên có một ngàn hai trăm công đức.

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa có sáu ngàn công đức, để trang nghiêm sáu căn, khiến cho sáu căn đều được thanh tịnh. Mắt thấy rõ, tai thính, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tốt đẹp, ý thông đạt, đắc được phước báu thù thắng.

Phẩm này, dùng Bồ Tát Thường Tinh Tấn làm đương cơ chúng. Nếu muốn có công đức, thì phải thường tinh tấn. Thân tinh tấn, tâm tinh tấn, ngày tinh tấn, đêm tinh tấn, thời thời siêng tinh tấn. Nếu chẳng tinh tấn thì chẳng có công đức, cho nên người tu đạo, phải ngày đêm sáu thời thường tinh tấn.

**Người thiện nam, người thiện nữ đó,
mắt thịt cha mẹ sinh ra, thấy ba ngàn đại**

thiên thể giới, trong ngoài hết thấy núi rừng, sông biển, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, cũng thấy tất cả chúng sinh trong đó, và nghiệp nhân duyên quả báo, nơi sinh đều thấy đều biết.

Người thiện nam, hoặc người thiện nữ đó, nhờ mắt thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, thấy trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, hết thấy núi rừng và sông biển. (Tứ quả A La Hán mới nhìn thấy được ba ngàn đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là một cõi Phật. Sơ địa Bồ Tát thấy được một trăm cõi Phật).

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, có thể thấy dưới địa ngục A Tỳ. Địa ngục này, là ở tầng dưới nhất địa ngục bát nhiệt. Tại sao gọi là địa ngục vô gián ? Vì địa ngục này chẳng có không gian, một người cũng đầy chật ních, chẳng có lỗ trống; một vạn người cũng đầy chật ních. Vô gián có năm thứ :

- 1). Thú quả vô gián.
- 2). Thọ khổ vô gián.
- 3). Thời vô gián.
- 4). Mạng vô gián.
- 5). Thân hình vô gián.

Tóm lại, đọa lạc vào địa ngục vô gián, thì thời gian thọ khổ chẳng có gián đoạn, trừ khi gặp hào quang của

Phật chiếu đến, bằng không, thì chẳng cách chi có thể ra được.

Có người hỏi : ‘‘Phạm tội nghiệp gì thì đọa lạc vào địa ngục này ?’’ Chúng sinh phạm đại tội ngũ nghịch, thì sẽ đọa vào địa ngục này. Ngũ nghịch là gì ? Tức là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu (phá hoại tượng Phật), và phá hòa hợp Tăng. Phạm một tội nghịch, thì sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Vị pháp sư đó, trên có thể nhìn thấy trời Hữu Đỉnh (tầng trời cao nhất trong tam giới), tức cũng là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Dùng định lực để không chế thức thứ tám. Tựa như hết gọi là phi tướng, định lực giao động, thì thức thứ tám tựa như tồn tại, nên gọi là phi phi tướng. Ngoại đạo cho rằng, cõi trời này là cảnh giới cao nhất, song chẳng cứu kính, vẫn còn sinh tử.

Vị pháp sư đó, có thể nhìn thấy địa ngục vô gián, và cõi trời Hữu Đỉnh, hết thấy chúng sinh ở trong đó hành động làm gì, nghiệp nhân duyên quả báo, nơi sinh đều thấy biết rõ ràng. Vị pháp sư đó, tuy chưa chứng được thiên nhãn thông, nhưng nhờ mắt thịt của cha mẹ sinh ra, mà có thể thấy tất cả cảnh giới. Đó là nguyên nhân gì ? Do thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói ra.

**Nếu ở trong đại chúng
Chẳng có tâm sợ sệt
Nói Kinh Pháp Hoa này
Ông lắng nghe công đức.**

Nếu như ở trong đại chúng chẳng có tâm sợ sệt, mới có thể giảng giải Kinh Pháp Hoa cho đại chúng nghe. Nếu sinh tâm sợ sệt, thì không thể nào giảng được Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Ông phải lắng nghe công đức của vị pháp sư đó, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nay ta vì ông mà nói.

**Người đó được tám trăm
Công đức mắt thù thắng
Nhờ vậy mà trang nghiêm
Con mắt rất thanh tịnh.**

Vị pháp sư đó, đắc được tám trăm công đức nơi mắt, chứng được con mắt thù thắng, thấy được trong ngoài tất cả ba ngàn đại thiên thế giới, chẳng cần có thiên nhãn thông. Vì có công đức này trang nghiêm, cho nên con mắt của vị đó rất thanh tịnh.

**Mắt cha mẹ sinh ra
Thấy được ba ngàn cõi
Trong ngoài núi Di Lô
Tu Di và Thiết Vi.
Và các núi rừng khác
Nước biển cả sông ngòi.**

Mắt thịt do cha mẹ sinh ra, có thể thấy được cảnh giới trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới. Giống như núi Di Lô (núi Quang Minh), núi Tu Di (núi Diệu cao), núi Thiết Vi (núi Vi ở ngoài bốn đại châu) và các núi rừng khác, nước biển cả sông ngòi, thấy đều nhìn thấy rất rõ ràng.

**Dưới đến ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đỉnh
Các chúng sinh trong đó
Hết thấy đều thấy rõ.
Tuy chưa được thiên nhãn
Sức nhục nhãn như thế.**

Vi đặc được con mắt thanh tịnh, cho nên dưới có thể nhìn thấu địa ngục vô gián, trên có thể nhìn thấy cõi trời Hữu Đỉnh, tất cả chúng sinh trong đó, từng cử chỉ nói năng hành động, đều thấy rất rõ ràng. Tuy chưa chứng

được thiên nhãn thông, nhưng sức mắt thịt của cha mẹ sinh ra cũng được như thế.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi tai. Nhờ tai thanh tịnh, nên nghe được tất cả các thứ tiếng, trong ba ngàn đại thiên thế giới, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, trong đó hết thảy các thứ lời nói âm thanh, đều nghe rõ hết.

Đức Phật lại gọi một tiếng Thường Tinh Tấn ! Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc đọc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì người đó đắc được một ngàn hai trăm công đức nơi tai, nhờ lỗ tai thanh tịnh, mà nghe được tất cả âm thanh, trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, dưới đến địa ngục vô gián, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, trong đó hết thảy các thứ âm thanh lời nói, thảy đều nghe được, chẳng những rõ ràng, mà còn có thể phân biệt được là âm thanh gì.

Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng khóc lóc, tiếng vui buồn, tiếng pháp loa, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng người nam, tiếng người nữ, tiếng đồng tử, tiếng đồng nữ, tiếng pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phàm phu, tiếng Thánh nhân, tiếng hoan hỷ, tiếng không hoan hỷ.

Giống như tiếng voi rống kêu, tiếng ngựa hí kêu, tiếng bò, tiếng xe, tiếng khóc lóc, tiếng vui buồn, tiếng pháp loa, tiếng trống pháp, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng người nam, tiếng người nữ, tiếng đồng nam, tiếng đồng nữ, tiếng như pháp, tiếng phi pháp, tiếng thống khổ, tiếng vui vẻ, tiếng phàm phu, tiếng Thánh nhân, tiếng hoan hỷ, tiếng bi ai. Những thứ tiếng như thế, vị pháp sư đó thụ trì Kinh Pháp Hoa, thấy đều nghe được, lại có thể phân biệt rõ ràng.

Tiếng trời, tiếng rồng, tiếng Dạ Xoa, tiếng Càn Thát Bà, tiếng A Tu La, tiếng Ca Lô La, tiếng Khẩn Na La, tiếng Ma Hầu La Già, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng

gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sinh, tiếng ngạ quỷ.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, có thể nghe được tiếng ở trên trời. Người tu hành pháp năm giới và thập thiện, thì sau khi chết sẽ được sinh về cõi trời, hưởng thọ khoái lạc sung sướng, song phước trời hết, thì phát hiện năm tướng suy, vẫn phải đọa lạc thọ sinh tử trong luân hồi.

Năm hiện tượng suy là gì ? Tức là :

1). Mũ hoa trên đầu héo úa : Người trời đội cái mũ trên đầu được làm bằng hoa tươi, vĩnh viễn tươi tốt, thanh tịnh chẳng bụi bặm. Khi sắp hết tuổi thọ, thì mũ hoa tự nhiên héo úa.

2). Quần áo dơ bẩn : Quần áo của người trời mặc rất sạch sẽ, chẳng cần giặt. Vì ở trên trời sạch sẽ chẳng có bụi bặm. Khi tuổi thọ sắp hết, thì quần áo tự nhiên dơ bẩn.

3). Hai nách ra mồ hôi : Vì trên trời mát mẻ, người trời vĩnh viễn chẳng ra mồ hôi. Khi tuổi thọ sắp hết, thì dưới nách ra mồ hôi.

4). Thân thể tỏa mùi hôi : Thân của người trời thường tỏa mùi thơm, thiện nhiều thì tỏa mùi thơm nhiều, thiện ít thì tỏa mùi thơm ít, mùi thơm gấp mấy lần đầu thơm ở nhân gian. Khi tuổi thọ sắp hết thì tỏa ra mùi hôi, như mùi tử thi, khiến cho người trời khác không dám lại gần.

5). Ngồi chẳng yên : Người trời thường ngồi thiền, chẳng động chỗ ngồi, com áo một khi nghĩ đến là có liền, do đó có câu :

“Nghĩ quần áo thì quần áo đến
Nghĩ món ăn thì món ăn đến.”

Quần áo chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng rộng chẳng chật, vừa với thân thể. Thức ăn chẳng nhiều chẳng ít, chẳng mặn chẳng nhạt hợp với khẩu vị. Nghĩ muốn đi đến đâu thì sẽ đi đến đó. Vì người trời có thần túc thông, toại tâm sở dục, chẳng bị gì hạn chế. Nhưng khi tuổi thọ sắp hết, thì chẳng có định lực, biết đã phát sinh bốn thứ hiện tượng, tâm thần tán loạn, ngồi chẳng yên, ngồi xuống đứng dậy, bèn đọa lạc vào trong luân hồi, đi thọ sinh tử, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đầu thai làm người, chẳng nhất định mà tùy theo nghiệp lực quyết định.

Các bạn đừng cho rằng, sinh về cõi trời là có bảo hiểm, chẳng tu hành ngồi thiền, như thế thì rất dễ đọa lạc vào ba đường ác. Dù Thích Đề Hoàn Nhân (Ky tô giáo xưng là Thượng Đế, Đạo giáo xưng là Ngọc Hoàng Đại Đế, Thiên Chúa giáo xưng là Thiên Chúa) cũng không thể tránh khỏi, chiếu theo nghiệp lực mà đi đầu thai.

Hôm nay, tôi kể một câu chuyện về Thiên Chúa cõi trời Đạo Lợi. Một ngày nọ phát hiện mình có năm tướng suy, buồn rầu vô hạn, đột nhiên nghĩ tới Đức Phật Thích Ca có thể có biện pháp giải cứu. Bèn đến chỗ Đức Phật

nói rõ lai ý. Đức Phật nói với ông ta : ‘Định nghiệp đã tạo, chẳng cách chi cải được. Con phải quy y Tam Bảo, rồi đi đầu thai để tiêu nghiệp chướng, rồi trở về Thiên cung làm Thiên Chúa.’ Thiên Chúa bèn đến nhân gian đầu thai làm lừa. Lừa mẹ mang thai rồi sơ ý đập bể đồ sứ của chủ nhân. Chủ nhân nổi giận dùng gậy đánh con lừa, do đó mà sẩy thai. Thiên Chúa trở về thiên cung làm Thiên Chúa. Từ đó về sau kính tin Phật pháp, trở thành thần hộ pháp của Phật giáo.

Vị pháp sư đó lại nghe được tiếng rồng. Trong quá khứ, rồng tu hành vì "thừa cấp giới hoãn", cho nên có thần thông, nhưng là súc sinh. Vị pháp sư đó, nghe đến tiếng người thì biết tiền nhân hậu quả, hoặc quá khứ là thân rồng, bây giờ là thân người, cũng có thể bây giờ là thân người, vị lai là thân rồng. Một khi nghe tiếng thì biết tiền nhân hậu quả.

Tiếng Dạ Xoa dịch là "Tiệp tạt quỷ", loài quỷ này có ba loại :

1). Địa hành Dạ Xoa : Không bay được nhưng chạy rất nhanh.

2). Không hành Dạ Xoa : Bay được.

3). Thiên hành Dạ Xoa : Cũng bay được. Chúng thường làm nhiễu loạn người. Sau khi chúng quy y Phật rồi, bèn trở thành thần hộ pháp, bảo vệ an toàn những người tu đạo.

Tiếng Càn Thát Bà : Dịch là "thần ngữ hương", chúng chẳng ăn mặn mà ăn chay, thích ngữ mùi hương.

Khi Trời Đế Thích có pháp hội lớn, thì đốt hương ngưu đầu chiên đàn, chúng ngửi hương mà đến Diệu Pháp Đường, để diễn tấu âm nhạc, biểu diễn ca múa, khiến cho chư thiên đều hoan hỷ.

Tiếng A tu la : Dịch là "vô đoan chánh". Tướng mạo người nam A tu la, xấu xí vô cùng, ngũ quan chẳng đoan chánh, cho gọi là vô đoan chánh. Song, người nữ A tu la rất đẹp, cho nên vợ của Thích Đề Hoàn Nhân, là con gái của vua A tu la. Do đó đủ thấy, người nữ A tu la rất đẹp, nếu không thì Thích Đề Hoàn Nhân tuyệt đối chẳng cưới người nữ A tu la làm vợ. Chúng có phước trời, mà chẳng có đức trời, tính tình thích đấu tranh. Vị pháp sư đó, một khi nghe tiếng thì biết quả báo ba đời.

Tiếng Ca Lô La : Dịch là "chim cánh vàng". Vì cánh của nó màu vàng, chuyên ăn rồng.

Tiếng Khẩn Na La : Dịch là "nghỉ thần", vì trên đầu có một sừng, khiến cho người hoài nghi, nên gọi là nghỉ thần. Chúng là thần nhạc của trời Đế Thích, diễn tấu nhạc khúc trang nghiêm, khiến cho người nghe, sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Tiếng Ma Hầu La Già : Dịch là "thần mãng xà", còn gọi là "đại phục hành". Trước khi chúng chưa quy y Phật, thì chuyên phóng khí độc để hại người, hại súc vật để làm thức ăn. Sau khi quy y Phật rồi, cải tà quy chánh, trở thành thần hộ pháp.

Ở trên là Thiên long bát bộ, ai nấy đều có nhân quả riêng. Các thứ tiếng đó, pháp sư giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều biết đều thấy rõ ràng.

Tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, vị pháp sư đó nghe, thì biết được nhân quả ba đời. Hoặ ở trong quá khứ đã phát sinh tai nạn gì ? Hoặ hiện tại muốn phát sinh tai nạn gì ? Hoặ vị lai sẽ phát sinh tai nạn gì ? Biết rất rõ ràng. Vì đắc được công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa gia trì, nên mới có sức thần thông như thế.

Tiếng địa ngục, tiếng súc sinh, tiếng ngạ quỷ, vị pháp sư đó, khi nghe đến âm thanh của người đó, thì biết kiếp trước là gì ? Hoặ vị lai là gì ? Đều biết trước, tơ hào chẳng sai.

Trước khi chúng ta ăn cơm phải niệm :

“Phật chế Tỳ Kheo,
Thực tồn ngũ quán,
Tán tâm tạp thoại,
Tín thí nan tiêu.”

Nghĩa là : “Phật dạy hàng Tỳ Kheo, khi ăn phải quán năm điều, nếu phóng tâm nói bậy, thì thức ăn của đàn na thí chủ khó tiêu.”

Năm điều quán tưởng là :

1). Kế công đa thiếu, lượng bỏ lai xứ. Nghĩa là :
Xem xét công lao bao nhiêu, thức ăn từ đâu đến !

2). Thôn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng. Nghĩa là : Tính xem đức hạnh của mình, có xứng đáng thọ dùng chăng !

3). Phòng tâm ly quá, tham đảng vi tông. Nghĩa là : Phòng ngừa tâm tạo tội, tham lam là gốc.

4). Chánh sự lương dục, vi liệu hình khô. Nghĩa là : Xem thức ăn như thuốc hay, để cho thân thể khỏi kiệt sức.

5). Vi thành đạo nghiệp, ứng thọ thử thực. Nghĩa là : Quyết thành đạo nghiệp, mới thọ cơm này. Nếu có sự quán tưởng năm điều này, thì thức ăn chắc chắn sẽ tiêu hóa. Nếu chẳng quán tưởng năm điều này, thì chắc khó mà tiêu hóa, do đó có câu :

“Tam tâm bất liễu thủy nan tiêu,
Ngũ quán nhược minh kim dịch hóa.”

Nghĩa là : Nếu ba tâm chẳng rõ, thì dù uống một ly nước của thí chủ, cũng chẳng tiêu hóa đặng. Nếu minh bạch năm điều quán tưởng này, thì dù một bữa ăn đáng giá một cân vàng, cũng tiêu hóa dễ dàng. Cho nên người xuất gia khi ăn cơm trưa, thì phải niệm chú cúng dường.

Người xưa có câu rằng :

“Thí chủ nhất lạp mễ
Trọng như Tu Di sơn,
Thực hạ bất liễu đạo
Phi mao đãi giác hoàn.”

Nghĩa là :

*Hột gạo thí chủ cho,
Nặng như núi Tu Di,
Ăn xong chẳng tu đạo,
Mang sủng đội lông trâu.*

Các vị hãy xem ! Ăn cơm mà chẳng tu hành, thì tội lỗi lớn cỡ nào ! Tương lai phải biến làm trâu làm ngựa để trả nợ, thật là đáng sợ. Các vị phải nhận thức rõ ràng quả báo đó, không thể nương Phật mặc y, dựa Phật ăn cơm, tương lai tội lỗi không thể tưởng tượng được.

**Tiếng Tỳ Kheo, tiếng Tỳ Kheo ni,
tiếng Thanh Văn, tiếng Bích Chi Phật,
tiếng Bồ Tát, tiếng Phật.**

Tiếng Tỳ Kheo : Tỳ Kheo dịch là "khất sĩ", bên ngoài khất thực để (nuôi) dưỡng sắc thân, bên trong khất pháp để nuôi huệ mạng. Người Trung Quốc gọi Tỳ Kheo là hòa thượng. Đời sống của hòa thượng làm những việc mà người không làm được, nhẫn những việc mà người chẳng nhẫn được, tu nhẫn nhục Ba la mật, tuyệt đối chẳng nóng giận, thanh tâm quả dục, đời sống đạm bạc, đối với đời chẳng tranh, đối với người chẳng cầu. Chỉ cầu giải thoát tự tại, cho nên chẳng tham tiền tài, chẳng kết hôn, chẳng cầu danh lợi, chẳng ăn thịt, chẳng ngủ nhiều,

chẳng luyện ái năm dục, chuyên tâm tu đạo, thì dễ dàng thành tựu. Do đó, mới nói người xuất gia là làm việc của bậc trượng phu, chẳng phải một số người làm được.

Tiếng Tỳ Kheo Ni : Người nữ xuất gia tu hành gọi là Ni sư. Tôn giả A Nan khẩn cầu Đức Phật cho phái nữ xuất gia tu đạo, nhưng phải giữ tám pháp kính. Vị pháp sư đó khi nghe tiếng của họ, thì biết nhân quả ba đời, hoặc trong quá khứ là người xuất gia, hoặc hiện tại là người xuất gia ? Hoặc vị lai muốn xuất gia ? Thấu rõ tỷ mỉ.

Tiếng Thanh Văn : Các Ngài nghe Phật nói pháp tứ diệu đế mà ngộ đạo, cho nên gọi là Thanh Văn. Song, các Ngài tự độ mà chẳng độ kẻ khác, tự giác mà chẳng giác ngộ kẻ khác, tự lợi mà chẳng lợi ích kẻ khác, cho nên làm tự liễu hán. Tư tưởng của tiểu thừa là chẳng lo việc của kẻ khác, do đó có câu :

“Ma ha tát bất quản tha,
Di Đà Phật các cố các.”

Đó là tác phong của người tiểu thừa.

Tiếng Bích Chi Phật : Tức cũng là Duyên Giác, quán sát mười hai nhân duyên mà giác ngộ, nên gọi là Duyên Giác. Khi có Phật ra đời gọi là Duyên Giác, lúc Phật không ra đời gọi là Độc Giác. Các Ngài ở trong thâm sơn cùng cốc, nghiên cứu lý vạn vật sinh diệt, mùa xuân quán trăm hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi, giác

ngộ tất cả là vô thường, chẳng có thầy dạy mà chúng được chân lý, liễu sinh thoát tử.

Tiếng Bồ Tát : Các Ngài tu lục độ vạn hạnh, hành Bồ Tát đạo, rộng cứu giúp chúng sinh lìa khổ được vui, mới đảo giá từ thuyền, từ cõi Thường Tịch Quang mà đến thế giới Ta Bà, để phổ độ chúng sinh, và còn phát đại nguyện :

"Chúng sinh độ hết mới chúng bồ đề".

Lại nói :

“Địa ngục chưa trống không,
Thề không thành Phật.”

Lại nói :

“Ta chẳng vào địa ngục thì ai vào ?”

Thật là tinh thần vĩ đại biết bao ! Chúng ta là người xuất gia, phải học theo Bồ Tát Địa Tạng, phải có tâm từ bi. Trong Phật giáo có hai câu rằng :

“Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi.”

Phải hướng theo con đường này tiến tới, dù gặp gian nan khó khăn, cũng chẳng hồi đầu, phải đạt đến mục đích, chẳng còn chúng sinh để độ thì ngừng. Tư tưởng đại thừa là vì người mà chẳng vì mình do đó :

“Xả mình cứu người.”

Có hành vi như thế, thì mới chân chánh là Phật giáo đồ. Bằng không, thì từ bi là khẩu đầu thiền, nói mà làm chẳng được, đi ngược lại trách nhiệm và nghĩa vụ của người xuất gia.

Tiếng Phật : Phật là người giác ngộ, vì ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp trông tướng tốt, cho nên đắc được ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Đức Phật đã viên mãn ba giác, đầy đủ vạn đức, được hết thấy trời người tôn kính, cho nên gọi là Thế Tôn.

Người xuất gia tu đạo, phải tu phước và tu huệ, không thể thiên lệch. Nếu chỉ chuyên tu một bên, thì công đức chẳng thể viên mãn, do đó có câu :

“Tu phước chẳng tu huệ,
Làm voi mang chuỗi hạt;
Tu huệ chẳng tu phước,
Khát thực ôm bát không.”

Tu phước như thế nào ? Tức là làm nhiều công đức, cứu tế người khổ nạn. Tu huệ như thế nào ? Là giảng kinh thuyết pháp, ấn tống kinh điển lưu truyền.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, một khi nghe được tiếng này, thì biết nhân quả ba đời. Hoặc là tiếng Thanh Văn, hoặc là tiếng Bích Chi Phật, hoặc là tiếng Bồ Tát, hoặc là tiếng Phật. Đây là tiếng của bốn bậc Thánh, hoàn toàn biết rõ và còn phân tích rất rõ ràng, tuyệt đối chẳng lầm.

Tóm lại, trong ba ngàn đại thiên thế giới, hết thấy tất cả các thứ tiếng trong ngoài, tuy chưa được thiên nhĩ, dùng tai thường thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, thấy đều nghe biết. Phân biệt các thứ tiếng như vậy, mà chẳng hư nhĩ căn.

Tóm lại, hết thấy tất cả các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới. Vị pháp sư đó, tuy chưa chứng được thiên nhĩ thông, song dùng tai bình thường thanh tịnh của cha mẹ sinh ra, đều hoàn toàn nghe biết. Phân biệt các thứ âm thanh như thế, mà chẳng phá hoại nhĩ căn. Vì chẳng bị thanh trần sở chuyển, cho nên chẳng hư nhĩ căn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Lúc đó, Đức Phật bi tâm thiết thiết, muốn dùng kệ nói lại nghĩa lý trường hàng ở trên.

**Tai cha mẹ sinh ra
Thanh tịnh chẳng ô nhiễm
Dùng tai thường này nghe**

Tiếng ba ngàn thế giới.

Pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dùng tai thính của cha mẹ sinh ra rất thanh tịnh, chẳng ô trược cấu uế. Dùng tai bình thường này, nghe các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới rất rõ ràng.

**Tiếng voi ngựa xe trâu
Tiếng chuông linh loa trống
Tiếng cầm sắt không hầu
Tiếng ống tiêu ống địch.**

Hoặc là tiếng voi, hoặc tiếng ngựa, hoặc tiếng xe, hoặc tiếng trâu. Hết cả tiếng chuông, tiếng linh, tiếng loa, tiếng trống, cũng phân biệt được dễ dàng. Và tiếng cầm (đòn năm dây hoặc bảy dây), tiếng không hầu (đòn hai mươi ba dây), tiếng ống tiêu (sáo thổi dọc trước có năm lỗ, sau có một lỗ), tiếng ống địch (sáo thổi ngang có bảy lỗ), đủ thứ tiếng nhạc khí. Vị pháp sư đó, hoàn toàn đều nghe được, lại phân biệt được rõ ràng là tiếng khí cụ gì.

**Tiếng ca hay thanh tịnh
Nghe mà chẳng chấp trước
Tiếng vô số loại người
Nghe thấy đều hiểu rõ.**

Tiếng ca thanh tịnh êm tai, nhưng sau khi nghe rồi, chẳng chấp vào tiếng ca. Bất cứ tiếng ca của loại người nào, vị pháp sư đó đều phân biệt hiểu rõ, chẳng có ngôn ngữ chướng ngại không thông.

**Lại nghe tiếng chú Thiên
Âm thanh ca vi diệu
Và nghe tiếng nam nữ
Tiếng đồng tử đồng nữ.**

Vị pháp sư đó, lại nghe được âm thanh của chú Thiên, lại nghe được tiếng ca vi diệu, lại nghe được tiếng của con trai con gái, lại nghe được tiếng của đồng nam đồng nữ. Tóm lại, bất cứ là tiếng gì đều nghe được hết, và còn phân biệt được rất rõ ràng.

**Trong núi sông hang hiểm
Tiếng ca lảnh tần già
Cộng mệnh các thú chim
Đều nghe rõ các tiếng.**

Ở trong núi sông hang cốc, có tiếng của chim ca lảnh tần già, tiếng hót rất là êm tai, còn gọi là tiên điều (tiên của loài chim) phát ra âm thanh rất hay, chẳng phải một số người có thể nghe được. Chim cộng mệnh có hai

cái đầu, hai cái mỏ, đồng thời ăn uống, đồng thời hót. Tất cả tiếng hót của mọi loài chim, vị pháp sư đó hoàn toàn nghe được hết.

Các thống khổ địa ngục Đủ thứ tiếng rên la Quý đói khát bức bách Tiếng tìm cầu ăn uống.

Địa ngục có địa ngục bát nhiệt, địa ngục bát hàn, mười tám địa ngục .v.v... Trong địa ngục đủ thứ tiếng khổ sở, vị pháp sư đó đều nghe được. Tiếng ngạ quỷ đói khát bức bách, tiếng đi khắp nơi tìm cầu ăn uống, vị pháp sư đó đều nghe được. Ngạ quỷ vì nghiệp lực chiêu cảm, cổ nhỏ như kim, bụng to như trống, chẳng khi nào ăn no. Tại sao ? Vì thức ăn vào miệng, thì biến thành lửa than, thấy nước là máu, chẳng uống đặng, cho nên gọi là ngạ quỷ (quỷ đói). Nguyên nhân gì mà làm quỷ đói ? Vì người đó lúc còn sống, phỉ báng Tam Bảo, phá hoại Tam Bảo, cho nên chết rồi đọa làm quỷ đói. Tôn giả Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất. Một ngày nọ, Ngài đi tìm mẹ của Ngài sau khi chết sinh về đâu ? Thì phát hiện mẹ của Ngài đọa làm ngạ quỷ, thân gầy như cây củi, rất đáng thương xót. Tôn giả mới mang bát cơm đến cho mẹ của Ngài dùng, bất hạnh cơm lại biến thành lửa than, chẳng cách chi nuốt xuống được. Tôn giả thấy như vậy đau đớn

roi lệ, đến hỏi Đức Phật : “Đó là nhân duyên gì ?” Phật bảo rằng : “Vì mẹ của ông lúc còn sống, thì chẳng những chẳng tin Phật pháp, mà còn hủy báng, cho nên phải thọ khổ treo ngược.” Phật lại nói : “Vào ngày rằm tháng bảy, ngày chư Tăng tự tứ, ông nên sắm trăm thứ vật để cúng dường chư Tăng, thỉnh chư Tăng tụng kinh trì chú. Nhờ công đức đó, chẳng những mẹ của ông được cứu, mà cha mẹ bảy đời quá khứ cũng được cứu.” Do đó, hàng năm mỗi chùa đều cử hành lễ Vu Lan (dịch là giải đảo huyền, mở trói treo ngược), siêu độ cha mẹ bảy đời, là khổ được vui.

**Các A tu la thấy
Ở ven cạnh bờ biển
Khi chúng cùng nhau nói
Vang ra âm thanh lớn.**

Hết thấy A tu la, tính nóng giận rất lớn, chẳng có công phu hàm dưỡng; cho nên thích đấu tranh. Chúng ở ven cạnh bờ biển, khi cùng nhau nói chuyện, thì phát ra âm thanh rất lớn. Vì chẳng có tâm từ bi, chỉ có tâm cừu hận.

**Người giải nói kinh này
An trụ vào nỗi nghe
Nghe xa các tiếng đó**

Mà chẳng hủ căn tai.

Vị pháp sư giải nói Kinh Pháp Hoa, an trụ nơi từ bi, hay nghe được tất cả các thứ tiếng rất xa, mà chẳng hư căn tai, vì nhờ công đức thuyết pháp gia trì.

**Trong mười phương thế giới
Tiếng cầm thú kêu la
Người đó hay nói pháp
Hoàn toàn nghe được hết.**

Trong mười phương tất cả thế giới, hết thảy loài phi cầm, và tẩu thú tranh nhau kêu la, vị pháp sư đó nói pháp, đều hoàn toàn nghe được hết mọi thứ tiếng rất rõ ràng.

**Trên các trời Phạm Thiên
Quang Âm và Biến Tịnh
Cho đến trời Hữu Đỉnh
Lời nói và âm thanh.
Pháp sư ở tại đây
Thấy đều nghe được hết.**

Sắc giới trời Đại Phạm, đã lìa khỏi tâm dâm dục của dục giới, ở đó rất yên tĩnh lại thanh tịnh. Thiên chủ tên Thi Khí tin sâu chánh pháp. Mỗi khi có Phật ra đời,

thì ông ta đầu tiên đến thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp. Bà la môn giáo sùng bái trời Phạm Thiên, cho rằng Bà la môn là từ miệng của trời Phạm Thiên sinh ra, là người tôn quý nhất, xưng là quý tộc. Sát đế lợi (vua chúa) là từ vai của trời Phạm Thiên sinh ra, cho nên thống trị nhân dân toàn quốc. Phệ xá (công thương nông) là từ ngực của trời Phạm Thiên sinh ra, hay sinh sản tất cả vật ứng dụng. Thủ đà (nô lệ) là người hạ tiện nhất, xưng là tiện tộc, chẳng có tự do tín ngưỡng tôn giáo, chẳng có quyền lực về chính trị, giáo dục, kinh tế, đối đãi đều bất bình đẳng.

Trời Quang Âm là trời thứ ba của nhị thiên, cõi trời này chẳng những thân tâm phóng quang thay thế cho lời nói, mà còn phóng trí huệ quang để giáo hóa chúng sinh. Truyền thuyết nói rằng, tổ tiên của địa cầu là từ Trời Quang Âm đến. Người ở cõi này thích đi du hành, đến khắp nơi tham quan. Một lần nọ, đến quả địa cầu (thời kiếp thành) phát hiện một thứ nước như sữa bò rất ngon ngọt thơm mát, giống như nước cam lồ. Nhất thời, khởi tâm tham mà uống quá lượng, do đó mà mất đi thần túc thông, không thể trở về trời Quang Âm, bèn ở lại quả địa cầu trở thành tổ tiên của nhân loại.

Trời Biến Tịnh là trời thứ ba của tam thiên. Cõi trời này, đã đắc được khoái lạc phổ biến thanh tịnh, tuy nhiên diệu lạc vô cùng nhưng là sự vui hữu lậu. Một số hành giả cho rằng đó là nơi an thân lập mạng, tham đồ khoái lạc, mà quên đi ngôi nhà thanh tịnh, dễ bị đọa lạc. Người

chân chánh tu hành thì chẳng ở cõi trời này hưởng thụ, cấp tốc ra khỏi cõi trời này đến trời tứ thiên.

Đến cõi Trời Hữu Đỉnh có hai lối, một là con đường chánh : Người tu định vô lậu thì có thể chẳng đến Trời Quảng Quả mà tiến vào Trời Ngũ Bát Hoàn. Một lối nữa là đường tà : Người tu định vô tướng thì có thể đến Trời Vô Tướng (Trời Trường Thọ), đây là chỗ của ngoại đạo ở, chẳng phải là chỗ cứu kính. Tạm thời tịch nhiên bất động, khi định lực nhiếp trì chẳng đủ, thì tự nhiên sẽ đọa vào trong luân hồi thọ sinh tử. Giống như đạo lý "đá đè cỏ, băng phủ lên cá".

Chư Phật đấng Đại Thánh
Giáo hóa các chúng sinh
Ở trong các đại hội
Diễn nói vi diệu pháp.
Người trì Kinh Pháp Hoa
Hoàn toàn đều nghe được.

Mười phương chư Phật là đấng Đại Thánh, giáo hóa tất cả chúng sinh. Ở trong tất cả pháp hội diễn nói vi diệu pháp, vì thật thí quyền, khai quyền hiển thật. Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều hoàn toàn nghe được.

Ba ngàn đại thiên giới

**Trong ngoài các thứ tiếng
Dưới đến ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đỉnh
Đều nghe được tiếng đó
Mà chẳng hư căn tai.**

Trong ba ngàn đại thiên thế giới trong và ngoài, hết thấy tất cả thứ tiếng, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh. Vị pháp sư đó, đều nghe được các thứ tiếng đó, mà chẳng hư hoại căn tai.

**Vì căn tai thông lợi
Đều phân biệt biết được
Người trì Pháp Hoa này
Tuy chưa được thiên nhĩ
Dùng tai cha mẹ sinh
Công đức đã như thế.**

Vì căn tai của vị pháp sư đó rất thông lợi, cho nên phân biệt biết được. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, tuy chưa chứng được thiên nhĩ thông, nhưng dùng tai thật cha mẹ sinh ra, có thể nghe được tất cả thứ tiếng. Tại sao ? Do công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Ngũ nhĩ là: Nhục nhĩ, thiên nhĩ, huệ nhĩ, pháp nhĩ và Phật nhĩ. Do đó có câu :

“Thiên nhân thông phi ngại,
Nhục nhân ngại phi thông,
Pháp nhân duy quán tục,
Huệ nhân liễu chân không,
Phật nhân như thiên nhật,
Chiếu dị thể hoàn đồng,
Viên minh pháp giới nội,
Vô xứ bất hàm dung.”

Trời Hữu Đỉnh là vô sắc giới, cõi trời cao nhất, tức cũng là Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Lúc Đức Phật tu ở tại núi Tuyết, thì vị thầy hướng dẫn Ngài tu, tu đến cảnh giới cõi trời này, Phật nhận rằng chẳng phải là pháp thoát khỏi sinh tử, bèn bỏ ông ta ra đi. Tự mình tu khổ hạnh sáu năm, vẫn chẳng đắc được pháp liễu sinh thoát tử, do đó bỏ tu khổ hạnh đến dưới cội bồ đề, tĩnh tọa tu duy, đến đêm thứ bốn mươi chín, Ngài nhìn thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, chứng được lý mười hai nhân duyên, là bánh xe của sinh mạng.

Lời nói âm thanh của chư thiên, vị pháp sư ở tại đây hoàn toàn nghe được, thậm chí vị trời nói tiếng gì cũng phân biệt được rõ ràng.

**Tất cả chúng Tỳ Kheo
Và chúng Tỳ Kheo ni
Hoặc đọc tụng kinh điển**

**Hoặc vì người khác nói.
Pháp sư ở tại đây
Hoàn toàn đều nghe được.**

Tất cả Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni xuất gia, hoặc đọc tụng kinh điển, hoặc cung kính biên chép kinh điển. Vị pháp sư đó ở nơi đây, đều hoàn toàn nghe được họ tu trì pháp môn đó.

**Lại có các Bồ Tát
Đọc tụng kinh pháp này
Hoặc vì người khác nói
Tuyên tập giải nghĩa kinh.
Các âm thanh như thế
Hoàn toàn đều nghe được.**

Lại có tất cả Bồ Tát, hoặc đọc kinh này, hoặc tụng kinh này, hoặc vì người khác giải nói kinh này, hoặc tuyên chọn kinh này, hoặc tập giải nghĩa của kinh này. Các thứ âm thanh như thế, vị pháp sư đó hoàn toàn đều nghe được rất rõ ràng.

Tai cũng có căn tai. Vị pháp sư đó dùng tai thường của cha mẹ sinh ra. Vì giải nói Kinh Pháp Hoa có công đức, chẳng những nghe được tất cả các thứ tiếng, mà còn biết được tất cả các thứ tiếng.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc tụng giải nói, hoặc biên chép, thì thành tựu tám trăm công đức nơi mũi. Dùng căn mũi thanh tịnh đó, ngửi được các thứ mùi hương trong ngoài, trên dưới trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Đức Phật gọi một tiếng Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu như có người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa dù là đọc, là tụng, là giải nói, là biên chép, đều thành tựu tám trăm công đức nơi mũi. Dùng căn mũi thanh tịnh này, có thể ngửi được tất cả mùi hương trên dưới, trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới.

Hương thơm của hoa tu mạn na, hương thơm hoa xà đề, hương thơm hoa mặc lợi, hương thơm hoa thiền bạch, hương thơm hoa ba la la, hương thơm hoa sen đỏ, hương thơm hoa sen xanh, hương thơm hoa sen trắng, hương thơm cây có hoa, hương thơm cây có quả, hương chiên đàn, hương trầm thủy, hương đa ma la

**bạt, hưởng đa già la, và hàng ngàn vạn
thủ hưởng hòa hợp, hoặc hưởng bột, hoặc
hưởng viên tròn, hoặc hưởng xoa. Người
trì kinh này, trụ ở nơi này, đều phân biệt
được.**

Hương thơm hoa tu mạn na, dịch là "hoa duyệt ý". Hoa này vừa thơm lại vừa đẹp, hình sắc rất là mỹ lệ, khiến cho tâm người hoan hỷ thích thú, cho nên được tên này. Lại có mùi hương của hoa xà đề, dịch là "hoa kim tiền", hoa này màu vàng như là tiền vàng, cho nên được tên này. Lại có mùi hương của hoa mặc lợi, dịch là "hoa tóc mượt", hoa này có thể chế biến thành hoa tóc mang trên thân, dùng để trang nghiêm. Hiện tại còn lưu hành ở vườn hoa, để tặng cho khách, biểu thị sự hoan nghênh; tặng cho người chết là biểu thị phúng điếu. Lại có mùi hương hoa thiềm bạc, dịch là "hoa kim sắc", hoa nhỏ mà thơm, theo gió bay đi xa mà hương thơm chẳng tan. Lại có mùi hương ba la la, dịch là "hoa trọng sinh", vì loài hoa này khi nở qua một lần rồi, thì lại nở qua một lần nữa, cho nên được tên này. Mùi hương hoa sen đỏ tức là hoa ba đầu ma. Mùi hương hoa sen xanh tức là hoa ưu bát la. Mùi hương hoa sen trắng tức là hoa phân đà lợi. Mùi hương của cây có hoa, mùi hương của cây có quả. Lại có mùi hương của ngưu đầu chiên đàn, mọc ở núi Ngưu Đầu bên Ấn Độ, cho nên được tên này. Mùi hương như xạ

hương, cách bốn mươi dặm mà có thể ngửi được mùi hương. Tính của nó rất mát mẻ, có thể trị bệnh, dùng làm thuốc. Lại có mùi hương trầm thủy chiên đàn, vì chất cây cứng mà nặng như sắc thuốc về kim loại, bỏ vào trong nước thì lập tức chìm xuống, cho nên được tên này. Lại có mùi hương Đa ma la bạt, dịch là "hoắc hương", rất thơm có thể dùng làm thuốc. Lại có mùi hương Đa già la, dịch là "căn hương", rễ của nó rất thơm lạ thường, tụ lâu chẳng tan. Và hàng ngàn vạn mùi hương hòa hợp, hoặc là hương bột, hoặc hương viên tròn, hoặc hương xoa. Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đều hoàn toàn ngửi được và phân biệt được là mùi hương gì.

Lại phân biệt biết được mùi hương của chúng sinh, mùi hương của voi, mùi hương của ngựa, mùi hương của bò dê, mùi hương của con trai, mùi hương của con gái, mùi hương của đồng tử, mùi hương của đồng nữ và mùi hương của cỏ cây lùm rừng, hết thấy các mùi hương, hoặc gần hoặc xa, đều ngửi được, phân biệt chẳng sai lầm.

Lại có thể phân biệt biết được tất cả mùi hương của chúng sinh. Như mùi hương của voi, mùi hương của

ngựa, mùi hương của bò, mùi hương của dê. Mùi hương của con trai, mùi hương của con gái, mùi hương của đồng tử, mùi hương của đồng nữ. Và mùi hương của cỏ, mùi hương của cây, mùi hương của lùm rừng. Bất cứ là gần hay xa, hết thấy tất cả các mùi hương đều hoàn toàn ngửi được, phân biệt được là mùi hương gì chẳng có sai lầm.

Người trì kinh này, tuy ở nơi đây, mà cũng ngửi được mùi hương của chư Thiên ở trên trời, mùi hương cây ba lợi chất đa la, mùi hương cây câu tì đà la, và mùi hương hoa mạn đà la, mùi hương hoa ma ha mạn đà la, mùi hương hoa mạn thù sa, mùi hương hoa ma ha mạn thù sa, các thứ hương bột chiên đàn trầm thủy, các thứ hương của các loại hoa. Các mùi hương trời hòa hợp tỏa ra như thế, chẳng có mùi hương nào mà chẳng ngửi biết được.

Pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tuy nhiên ở tại nhân gian, nhưng cũng ngửi được mùi hương của chư Thiên. Mùi hương cây ba lợi chất đa la, dịch là "thiên thụ vương". Ở ngoài thành Hỷ Kiến trời Đạo Lợi, các thiên chúng nghỉ ở dưới cây này, vì mùi hương thơm ngát

mũi, có công hiệu mát mẻ cho phổi. Mùi hương cây câu tì đà la, dịch là "cây đại du hí", chư thiên chúng du hí vui đùa ở dưới cây này. Lại có mùi hương hoa mạn đà la, dịch là "hoa tiểu bạch". Lại có mùi hương hoa ma ha mạn đà la, dịch là "hoa đại bạch". Lại có mùi hương hoa mạn thù sa, dịch là "hoa tiểu hồng". Lại có mùi hương hoa ma ha mạn thù sa, dịch là "hoa đại hồng". Lại có mùi hương ngư đầu chiên đàn, lại có mùi hương trầm thủy chiên đàn, đủ thứ các hương bột, đủ thứ mùi hương của các loài hoa. Các thứ hương trời đó hòa hợp lại, tỏa ra mùi hương. Vị pháp sư đó, chẳng có mùi hương nào mà chẳng người biết được là mùi hương gì.

Lại người được mùi hưởng thân của chư Thiên, mùi hưởng khi Thích Đề Hoàn Nhân ở trong Thắng Điện, đùa giỡn vui chơi hưởng thụ năm dục, hoặc mùi hưởng khi ở trong Diệu Pháp Đờng, vì chư Thiên trời Đạo Lợi thuyết pháp, hoặc mùi hưởng khi ở trong vườn dạo chơi, và mùi hưởng người nam, người nữ, của các vị trời khác, thấy đều người biết được.

Vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lại người được mùi hương thân của chư thiên. Chư thiên vì trì

giới rất tinh nghiêm, tư hào chẳng phạm, cho nên thân tỏa ra mùi hương. Chúng ta người xuất gia tu đạo, nhất định phải giữ gìn giới luật, thì thân thể tự nhiên sẽ tỏa hương thơm, bằng không thì sẽ tỏa ra mùi hôi. Mùi hương đại biểu cho điều thiện, mùi hôi đại biểu cho điều ác. Muốn biết người nào đó có giữ giới không, ngửi mùi thân của họ thì sẽ biết. Nếu làm việc thiện nhiều thì thơm, còn nếu làm việc ác nhiều thì hôi, tư hào chẳng sai lầm. Phạm là người thân thể hôi thì phải mau giữ giới, làm nhiều công đức, từ từ thân sẽ biến thành thơm, tuyệt đối chẳng dọa người. Trong quá khứ, có vị Tỳ Kheo Ni tụng đọc chẳng biết bao nhiêu bộ Kinh Pháp Hoa, về sau miệng của vị đó tỏa ra hương thơm. Đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Tóm lại, kiếp trước là người tu hành thì đời này thân thể chẳng có mùi hôi.

Thích Đề Hoàn Nhân là thiên chúa trên cõi trời Dao Lợi, ông ta quản hạt trời Tam Thập Tam. Mùi hương khi vui chơi đùa giỡn hưởng thụ năm dục ở tại Thắng Điện, hoặc mùi hương khi vì chư thiên nói pháp ở tại Diệu Pháp Đường, hoặc mùi hương khi dạo chơi ở trong tất cả vườn hoa, hoặc mùi hương của tất cả người nam người nữ chư thiên khác. Vị pháp sư đó, đều ngửi được các mùi hương đó, và còn phân biệt biết được là mùi hương gì.

Chúng sinh ở cõi dục giới đều có tâm dâm dục, dù lục dục thiên cũng thế, bất quá tâm dâm dục giảm bớt hơn ở nhân gian mà thôi. Khi đến cõi sắc giới thì chẳng

còn ăn và dâm hai thứ. Cho nên, sắc giới tuy có hình thể mà chẳng có phân biệt nam nữ, nhưng vẫn có dục niệm về vật chất, cho nên vẫn có lầu gác cung điện. Khi đến cõi vô sắc giới thì chẳng những chẳng có ăn uống và dâm dục, tức là hình thể cũng chẳng có, chỉ có tâm thức mà thôi. Do đó, có thể chứng minh người tu đạo nhất định phải đoạn dục khử ái, mới có thể ra khỏi tam giới. Chư thiên chưa đoạn dục niệm, cho nên vẫn còn sinh tử.

Như thế, lần lượt đến trời Đại Phạm. Trên đến trời Hữu Đỉnh, mùi hương nơi thân của chư thiên cũng đều ngửi được, mùi hương đốt của chư thiên, và mùi hương của Thanh Văn, mùi hương của Bích Chi Phật, mùi hương của Bồ Tát, mùi hương thân của chư Phật, cũng đều ngửi được, và biết ở đâu. Tuy ngửi được những mùi hương đó, mà căn mũi chẳng hửi, chẳng sai lầm. Nếu muốn phân biệt giải nói cho người khác, thì nhớ nghĩ chẳng quên.

Lần lượt như thế, đến sắc giới trời Đại Phạm, trên đến trời Hữu Đỉnh, mùi hương nơi thân của chư thiên

cũng ngửi được. Chẳng những ngửi được, mà còn phân biệt được rất rõ ràng. Và cũng ngửi được mùi hương xông đốt của chư thiên. Và mùi hương đốt của Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật. Bạc Thanh Văn đốt hương Tứ Diệu Đế, Bích Chi Phật đốt hương mười hai nhân duyên, Bồ Tát đốt hương lục độ vạn hạnh, chư Phật đốt hương giải thoát bồ đề. Những mùi hương đó, tuy ở xa (cõi Thường Tịch Quang), nhưng pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, đều ngửi được mùi hương của bốn bậc Thánh vừa nói ở trên, và cũng biết được mùi hương đó ở đâu. Tuy ngửi được mùi hương đó, cũng chẳng tổn hại căn mũi, cũng chẳng phán đoán sai lầm. Nếu như đem cảnh giới của mình thấy, phân biệt vì người khác nói, thì sẽ nhớ chẳng quên, nhớ rõ ràng ở trong đầu óc, chẳng có sai lầm.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa lý vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói.

**Người đó mũi thanh tịnh
Ở trong thế giới này
Hoặc vật thơm hay hôi
Các thứ đều ngửi được.**

Vị pháp sư đó thọ trì Kinh Pháp Hoa, có căn mũi rất thanh tịnh. Ở trong thế giới này, hoặc là vật thơm, hay là vật hôi thối, các thứ mùi vị đều hoàn toàn ngửi được, chẳng có sai lầm.

Căn mũi chẳng bị hương trần làm ô nhiễm, thì sẽ có cảnh giới sáu căn hỗ dụng với nhau. Sáu căn dụng với nhau như thế nào? Tức là con mắt có thể nghe được, lỗ tai thấy được, lỗ mũi nếm được, lưỡi ngửi được mùi hương, thân thể biết các pháp, ý thức xúc giác. Đó là cảnh giới sáu căn dụng với nhau. Mỗi một căn đều có tác dụng sáu căn, bạn nói có diệu chăng? Kỳ thật, một chút cũng chẳng diệu, người tu đạo tu đến hỏa hầu, thì đều sinh ra tác dụng như thế, chẳng có thần bí gì cả, chỉ bất quá phương diện sinh lý khởi biến hóa mà thôi.

Một số người chỉ biết mắt thấy hình sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp. Nếu nói với họ cảnh giới sáu căn hỗ dụng với nhau, thì họ cho rằng là người ngu nói mộng, việc chẳng thể nào có. Đến khi họ tu đến cảnh giới này, thì chẳng nói họ cũng biết; cho nên Phật pháp chẳng phải ở lời nói, mà ở tại thực hành. Đến lúc đó, thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, ngửi mà chẳng ngửi, nếm mà chẳng nếm, xúc mà chẳng xúc, duyên mà chẳng duyên. Chẳng bị cảnh giới chuyển, mới có sự sáu căn hỗ tương dụng với nhau.

Tu mạn na xa đề

**Đa ma la chiêm đàn
Trầm thủy và hương quế
Các thứ hương hoa quả.**

Hương hoa tu mạn na, hương hoa xà đề, hương đa ma la, mùi hương chiêm đàn, mùi hương trầm thủy, mùi hương cây quế, các thứ hương của hoa, các thứ mùi hương của trái cây. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa ngữ, thì sẽ biết được là mùi hương cây cỏ gì.

**Và hưởng các chúng sinh
Hưởng người nam người nữ
Người thuyết pháp ở xa
Ngửi hưởng biết chỗ nào.**

Lại biết được mùi hương của chúng sinh, như mùi hương của ngựa, trâu, dê .v.v... lại biết được mùi hương của người nam người nữ. Vị pháp sư diễn nói Kinh Pháp Hoa, tuy ở nơi xa mà khi ngửi đến mùi hương, thì biết được mùi hương ở đâu.

**Đại thế chuyển luân vương
Tiểu chuyển luân và con
Quần thần các cung nhân
Ngửi hưởng biết chỗ nào.**

Chuyển Luân Thánh Vương phân làm bốn loại : Kim luân vương cai trị bốn thiên hạ, Ngân luân vương cai trị ba thiên hạ, Đồng luân vương cai trị hai thiên hạ, Thiết luân vương cai trị một thiên hạ. Kim Luân Vương là đại thể chuyển luân vương, có một ngàn thái tử, lại có bảy báu :

- 1). Bánh xe báu.
- 2). Voi báu.
- 3). Ngựa báu.
- 4). Châu báu.
- 5). Nữ báu.
- 6). Kho tàng báu.
- 7). Binh báu.

Còn ba luân kia đều là tiểu chuyển luân vương. Đại chuyển luân vương, tiểu chuyển luân vương, ngàn người con, quần thần, cung nhân .v.v... Vị pháp sư đó, một khi ngủ mê thì biết được chỗ nào. Do đó, có thể chứng minh lỗ mũi cũng có công năng của mắt.

**Thân mang các châu báu
Và tạng báu trong đất
Chuyển luân vương nữ báu
Ngủ hưởng biết ở đâu.**

Trên thân mang tất cả châu báu, tất cả kho tàng châu báu ẩn tàng dưới đất và hành tung của chuyển luân

thánh vương và nữ báu ở đâu, khi vị pháp sư đó ngửi mùi hương thì sẽ biết rõ.

**Mọi người thân trang sức
Quần áo và chuỗi ngọc
Và các thứ hương xoa
Ngửi hương đều biết rõ.**

Những người ở trên trời và ở tại nhân gian, dùng đồ vật để trang sức, như quần áo, chuỗi ngọc, và các thứ hương xoa. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi thì sẽ biết thân họ trang sức đồ gì.

**Chư thiên đi hoặc ngồi
Đùa giỡn và thần biến
Người trì kinh pháp này
Ngửi hương đều biết được.**

Chư thiên trong ba cõi, hoặc đi, hoặc ngồi thiền, hoặc đùa giỡn, hoặc thần biến. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì sẽ biết được họ đang làm gì.

**Các cây hoa quả thật
Và dầu tô hương vị
Người trì kinh ở đây**

Biết rõ ở chỗ nào.

Hết thấy tất cả cây, hoa, quả thật và mùi hương đầu tồ thấp đèn. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa ở nơi đây, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết được ở chỗ nào.

**Núi núi sâu nguy hiểm
Cây chiên đàn nở hoa
Chúng sinh ở trong đó
Ngửi hưởng đều biết được.**

Ở chỗ thâm sơn cùng cốc rất nguy hiểm, có cây chiên đàn nở hoa rất sum sê rất thơm tho. Tất cả chúng sinh ở trong thâm sơn làm gì, vị pháp sư đó ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết rõ.

**Núi Thiết Vi biển cả
Các chúng sinh trong đất
Người trì kinh ngửi hưởng
Đều biết ở chỗ nào.**

Núi Thiết Vi và biển cả, và tất cả chúng sinh ở trong đất. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết họ đang ở đâu, chẳng sai lầm.

**Nam nữ A tu la
Và quyến thuộc của họ
Khi đấu tranh vui đùa
Ngửi hương đều biết được.**

Nam nữ A tu la đều có tâm thích đấu tranh. Nếu có việc bất như ý thì họ nổi giận, như phu nhân của Đế Thích là con gái của vua A tu la, cô ta rất đố kỵ, thường nổi giận với Đế Thích, thậm chí phát sinh chiến tranh. Nam nữ A tu la và quyến thuộc khi đùa giỡn, tranh đấu để làm trò chơi, nổi giận để làm tiêu khiển, vẫn làm thường xuyên chẳng thấy có gì quái lạ. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì biết được tình hình của họ.

**Nơi khoáng dã nguy hiểm
Sử tử voi hổ lang
Bò hoang trâu nước thảy
Ngửi mùi biết chỗ ở.**

Ở nơi khoáng dã không có người, hoặc ở nơi nguy hiểm. Hoặc có sư tử, voi, cọp, sài lang, hoặc bò hoang, trâu nước .v.v... Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì biết nơi của chúng ở.

**Nếu có người mang thai
Chưa biết trai hay gái**

**Vô căn và phi nhân
Ngửi hương đều biết được.**

Nếu như có người nữ đã mang thai, mà chẳng biết được là trai hay gái, hoặc là quý thai hoặc là quái thai. Vì pháp sư đó vì thọ trì Kinh Pháp Hoa, một khi ngửi mùi hương thì sẽ biết được rõ ràng, chẳng phán đoán sai lầm.

**Bởi nhờ sức ngửi hương
Biết được sự mang thai
Thành tựu chẳng thành tựu
An lạc sinh quý tử.**

Vì nhờ sức ngửi hương mà biết được tình hình khi mang thai, thành tựu hay chẳng thành tựu, ngửi mùi hương thì sẽ biết. Giống như trái cây, chín thì sẽ rụng xuống, chưa chín thì không thể rụng xuống. Đây là hiện tượng tự nhiên, không thể ép buộc để sinh ra thì rất nguy hiểm cho mẹ và con. Hiện tại sự phá thai rất là nhiều, đây là việc bất nhân đạo nhất. Những người đó đã gieo trồng xuống nhân quả rất là ác độc.

Thai nhi ở trong bụng mẹ mười tháng mới thành tựu, có thể sinh ra, mẹ con nhất định bình an. Nếu bảy tháng mà sinh ra thì chẳng thành tựu, đứa bé khó mà nuôi sống, người mẹ khi sinh con thì rất nguy hiểm. Nếu quý y

Tam Bảo, đọc tụng kinh điển, thì sẽ an lạc sinh ra con có phước báu.

**Bởi nhờ sức ngửi hương
Biết nam nữ nghĩ gì
Tâm nhiễm dục si sân
Cũng biết người tu thiện.**

Bởi nhờ sức ngửi mùi hương, nên biết được người nam nghĩ gì ? Và biết được người nữ nghĩ gì ? Chẳng ngoài những sự nghĩ tưởng là nhiễm dục. Vì ngu si mới nghĩ việc trai gái hoặc sân hận. Các tâm lý như thế, vị pháp sư đó hoàn toàn biết rõ và cũng biết người nào tu pháp lành.

**Trong đất có kho tàng
Vàng bạc các châu báu
Đồ đồng dùng đựng chứa
Ngửi hương đều biết được.**

Lại biết kho tàng châu báu ẩn tàng dưới lòng đất, hoặc là mỏ vàng, mỏ bạc, hoặc các châu báu. Trong đồ đồng đựng chứa những gì ? Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì đều biết được.

Đủ thú các chuỗi ngọc

**Không biết được giá cả
Ngửi hương biết tốt xấu
Xuất xứ và ở đâu.**

Đủ các thứ chuỗi ngọc, chuỗi ngọc dùng bảy báu (vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não) chế thành, thường đeo ở trên cổ, là đồ trang sức. Lúc Phật còn tại thế, ở Ấn Độ nhà quý tộc đều mang, đó là biểu thị sự trang nghiêm. Các vị thấy đó! Các vị Bồ Tát trên thân đều có chuỗi ngọc. Trong Phẩm Phổ Môn có nói: ‘‘Bồ Tát Vô Tận Ý, cỡi sáu chuỗi quý báu trên cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng, cúng dường cho Bồ Tát Quán Thế Âm!’’

Giá trị của chuỗi ngọc, phàm phu chẳng biết được giá cả, chẳng biết là quý, cũng chẳng biết là chẳng quý, chẳng cách chi biết được giá là bao nhiêu. Nhưng vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì biết được là quý báu, hay tầm thường, hạt châu báu sinh sản ở đâu, và bây giờ ở đâu?

**Các thứ hoa trên trời
Mạn đà mạn thù sa
Cây ba lợi chất đa
Ngửi hương đều biết được.**

Trên cõi trời Đao Lợi có rất nhiều cây hoa, như hoa tiểu bạch và hoa tiểu hồng, hoặc cây thiên thụ vương .v.v... Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết được.

**Các cung điện trên trời
Thượng trung hạ khác nhau
Các hoa báu trang nghiêm
Ngửi hương đều biết được.**

Trên cõi trời Đao Lợi có rất nhiều cung điện, nhưng phân ra ba hạng, thượng trung và hạ khác nhau. Bất cứ cung điện gì, dùng thứ báu gì, và các thứ hoa gì để trang nghiêm. Vị pháp sư đó ngửi mùi hương thì sẽ biết được.

**Vườn rừng Thắng Điện trời
Các quán Diệu Pháp Đường
Vui đùa ở trong đó
Ngửi hương đều biết được.**

Trong vườn hoa trên trời Đao Lợi, tất cả cây lớn đều dùng bảy báu trang nghiêm. Gốc cây dùng ngọc làm thành, lá dùng vàng bạc làm thành, hoa dùng trân châu làm thành, quả dùng mã não làm thành. Thắng Điện trong vườn là nơi vui đùa của người trời. Các quán và Diệu Pháp Đường là nơi luận sự của người trời. Vị pháp sư đó,

một khi ngửi mùi, thì biết tình hình người trời đang vui đùa trong đó.

Hoặc chư thiên nghe pháp

Hoặc khi thọ năm dục

Lai vãng đi ngòai nằm

Ngủ hưởng đều biết được.

Chư thiên thường đến Diệu Pháp Đường, nghe Thích Đề Hoàn Nhân giảng Phật pháp, hoặc khi ở tại Thắng Điện hưởng thọ năm dục, hoặc đi, hoặc đến, hoặc ngòai thiên, hoặc nằm, các thứ tư thế. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi thì đều biết rõ.

Y phục thiên nữ mặc

Hưởng hoa quý trang nghiêm

Khi đi dạo du hí

Ngủ hưởng đều biết được.

Y phục của thiên nữ mặc, vừa nhẹ lại rất đẹp, đều dùng hoa hương quý để trang nghiêm, hương thơm tỏa khắp, họ chẳng những xinh đẹp mà còn duyên dáng. Khi họ đi dạo, du hí nhảy múa, khoái lạc vô cùng. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương, thì hoàn toàn biết được tình hình khi họ du hí.

**Như vậy lần lượt lên
Cho đến trời Phạm Thế
Người nhập thiên xuất thiên
Ngửi hương đều biết được.**

Như vậy, lần lượt lên cho đến sắc giới trời Phạm Thế, hoặc người nhập thiên định, hoặc người xuất thiên định. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi hương, thì hoàn toàn biết được. Người trên cõi trời đều tu thiên định. Ấn chiếu theo sự thô tế sâu cạn của thiên định để quyết định, hoặc thăng đi lên, hoặc đi xuống. Trời sơ thiên gọi là Ly sinh hỷ lạc địa, tức là lìa khỏi sự khoái lạc của chúng sinh cõi dục giới, mà sinh ra khoái lạc đặc biệt. Trời nhị thiên gọi là Định sinh hỷ lạc địa, ở trong định đắc được sự hỷ lạc không gì sánh bằng. Đây là thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn, chẳng đói chẳng khát. Trời tam thiên là Ly hỷ diệu lạc địa, lìa khỏi cảnh giới nhị thiên, đắc được sự khoái lạc không thể tả. Trời tứ thiên gọi là Xả niệm thanh tịnh địa, xả bỏ tâm niệm khoái lạc, đạt đến chỗ vô vi mà vô bất vi, trong tâm rất thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm. Đây là cảnh giới sơ bộ của thiên định, vẫn còn là cảnh giới của phàm phu, chứ chẳng phải là cảnh giới của Thánh nhân. Nếu tiếp tục nỗ lực dụng công, thì khi đạt đến trời Ngũ Bất Hoàn, mới nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính, ngược dòng phàm phu lục trần.

Trời Quang Âm Biến Tịnh Cho đến trời Hữu Đỉnh Sở sinh và đến chết Ngủ hưởng đều biết được.

Một số người chỉ biết trời ở trên đầu, mà chẳng biết ngoài cõi trời, lại có cõi trời khác, trong vũ trụ có vô lượng cõi trời. Trong kinh Phật có nói, tại dục giới có sáu cõi trời, tại sắc giới có mười tám cõi trời, tại vô sắc giới có bốn cõi trời, tổng cộng có hai mươi tám cõi trời, đó là nói theo nghĩa hẹp. Nếu nói theo nghĩa rộng, thì có vô lượng cõi trời. Trong mỗi cõi trời có một Thiên chúa. Ngoại đạo chỉ biết một Thiên chúa, kỳ thật có vô lượng Thiên chúa.

Thiên chúa ở trong Phật giáo, bất quá là một vị thần hộ pháp mà thôi, địa vị rất thấp, thân phận ở trước Phật chỉ có đứng, chứ chẳng có tư cách ngồi. Tại sao ? Vì ông ta là thần hộ pháp ! Giống như Bồ Tát Vi Đà, Bồ Tát Già Lam, tay cầm chùy báu kim cương, đứng ở trước Phật để bảo hộ Phật.

Trời Quang Âm là tầng trời thứ sáu của sắc giới. Người trời ở đây dùng ánh sáng (hào quang) để nói chuyện, đại biểu cho tiếng nói. Trời Biến Tịnh là tầng trời thứ chín của sắc giới, người trời ở cõi này, biến khắp đặc được an lạc thanh tịnh. Trời Hữu Đỉnh là tầng trời thứ tư của vô sắc giới, cũng là tầng trời thứ hai mươi tám của

tam giới, là tầng trời cao nhất, gọi là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Tuổi thọ của cõi trời là tám vạn đại kiếp, song đến lúc đọa lạc thì chiếu theo sự thọ khổ luân hồi. Ngoài đạo cho rằng đây là cảnh giới cao nhất. Ra khỏi cõi trời này, mới có thể chấm dứt phân đoạn sinh tử, đến bậc vô học thì chứng được tứ quả A La Hán, đoạn sạch kiến tư (thấy, nghĩ) hai hoặc. Do đó, có câu : ‘‘Các lậu đã sạch, phạm hạnh đã vững, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa.’’ Đây là cảnh giới A La Hán.

Cõi trời mà chúng ta thấy là trời Tứ Thiên Vương. Hướng đông là Trì Quốc Thiên Vương, hướng tây là Quảng Mục Thiên Vương, hướng nam là Tăng Trưởng Thiên Vương, hướng bắc là Đa Văn Thiên Vương. Mỗi vị Thiên vương có tám đại tướng quân, trấn giữ bốn hướng cõi trời Đao Lợi, phòng giữ binh A tu la xâm phạm. Bồ Tát hộ pháp Vi Đà, là một trong ba mươi hai đại tướng, Ngài ở trong một ngàn vị Phật ở Hiền kiếp, sẽ là vị Phật cuối cùng, danh hiệu là Lô Chí Phật.

Thời gian một ngày đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương, thì đồng ở nhân gian năm mươi năm, tuổi thọ ở cõi trời này là năm trăm tuổi, như vậy tính theo ở nhân gian, tức là chín trăm hai mươi hai vạn năm ngàn năm. Còn tuổi thọ của các cõi trời khác cứ theo số này mà nhân lên.

Từ sơ sinh ban đầu đến cõi trời và đến lúc chết, năm tướng suy phát hiện là ngừng. Vị pháp sư đó, một

khi ngửi mùi hương thì hoàn toàn biết được rất rõ ràng chẳng có sai lầm.

**Các chúng Tỳ Kheo thấy
Với pháp thưởng tinh tấn
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Và đọc tụng kinh điển.**

Tất cả Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni .v.v... đối với Phật pháp rất dũng mãnh tinh tấn, tu trì học tập, chẳng có giải đãi, hoặc ngồi thiền, hoặc đi kinh hành, hoặc đọc tụng kinh điển, rất dụng công chẳng có lười biếng giải đãi, do đó :

“Siêng tu giới định huệ,
Diệt trừ tham sân si.”

**Hoặc dưới cây trong rừng
Chuyên tinh tấn ngồi thiền
Người trì kinh ngửi hương
Đều biết họ ở đâu.**

Họ ở dưới cây lớn trong rừng, chuyên nhất tinh tấn ngồi thiền. Vì trong rừng thanh tịnh, không khí mát mẻ, dễ đắc được tam muội khinh an. Có người hỏi : “Nhập định và ngủ có gì khác nhau ?” Khi nhập định thì trong

tâm biết, ngồi ngay ngắn, thân chẳng lay động, đầu chẳng cúi chẳng nghiêng. Đó là cảnh giới tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Khi ngủ thì gì cũng chẳng biết, thậm chí còn ngáy như sấm, tư thế ngược lại. Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, một khi ngửi mùi hương, thì biết họ đang ở đâu, tu trì pháp môn gì.

**Bồ Tát chí vững chắc
Ngồi thiền hoặc đọc tụng
Hoặc vì người nói pháp
Ngửi hương đều biết được.**

Bồ Tát phát bồ đề tâm hành Bồ Tát đạo, chí nguyện rất vững chắc, bất cứ gặp chướng ngại gì cũng chẳng sinh tâm thối chuyển. Bất cứ là ngồi thiền, hoặc đọc tụng kinh điển, hoặc vì người nói pháp. Vị pháp sư đó một khi ngửi mùi hương thì biết rõ.

**Thế Tôn trong mười phương
Được tất cả cúng kính
Thưởng chúng mà nói pháp
Ngửi hương đều biết được.**

Trong thế giới mười phương, bất cứ Đức Thế Tôn ở phương nào, đều được tất cả chúng sinh cúng kính. Vì thương xót chúng sinh, nên Phật vì chúng sinh mà diễn

nói diệu pháp liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Vị pháp sư đó một khi ngửi mùi hương, thì biết được Đức Phật đó ở phương nào.

**Chúng sinh ở trước Phật
Nghe kinh đều hoan hỷ
Như pháp mà tu hành
Ngửi hương đều biết được.**

Hết thầy chúng sinh ở trước Phật, nghe Phật diễn nói kinh điển, đều hoan hỷ nhảy nhót vui mừng. Sau khi nghe kinh rồi, y theo pháp mà tu hành. Vị pháp sư đó, một khi ngửi mùi đều biết được người nào y theo pháp tu hành. Lỗ mũi thì có công năng của mắt và tai, thấy được nghe được. Bạn nói có diệu chăng ? Kinh Diệu Pháp Liên Hoa diệu không thể tả !

**Tuy chưa được vô lậu
Pháp sinh tử Bồ Tát
Mà người trì kinh này
Trước được tướng mũi này.**

Vị pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, tuy chưa chứng được Bồ Tát vô lậu pháp sinh tử. Vì thọ trì kinh này nên trước hết đắc được tướng mũi này.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi lưởi. Hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc ngon, hoặc dở, và các đồ đắng cay, khi đến căn lưởi, thì đều biến thành vị thượng diệu như là cam lồ, chẳng có gì mà không ngon.

Đức Phật gọi một tiếng Thường Tinh Tấn Bồ Tát ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng kinh này, hoặc giải nói kinh này, hoặc biên chép kinh này. Y chiếu theo đạo lý của Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì sẽ chứng được một ngàn hai trăm công đức nơi lưởi. Lưởi chẳng những nói pháp được, mà còn nói diệu pháp viên dung vô ngại, cho nên công đức của lưởi rất lớn, đầy đủ viên mãn.

Lưởi có công đức nói pháp, cũng nói chuyện thị phi tạo tội nghiệp. Nếu không nói pháp mà nói thị phi, thì có một vạn hai ngàn tội lỗi. Tại sao ? Vì lưởi có thể nói dối, nói lời thù ghét, nói hai lưởi, chưởi mắng, càng tạo càng nhiều, tạo thành vô lượng vô biên tội lỗi. Lưởi tạo nghiệp ác, thì ăn đồ vật chẳng biết mùi vị, chẳng phân biệt được đắng cay chua mặn ngọt năm vị. Bất cứ hương

vị đồ ăn như thế nào cũng chẳng biết. Nếu lưỡi tạo công đức lành, thì biết mùi vị của vật ăn ngon hay là dở. Bất cứ là tốt hoặc là xấu, chẳng màng là vị đắng, hay vị cay, một khi đến căn lưỡi, thì thức ăn thức uống đều biến thành vị ngon thượng diệu, hương thơm ngon ngọt như là cam lồ, chẳng có mùi vị không ngon.

Chữ đắng và chữ khổ tuy khác, song nghĩa vẫn là một, do đó có câu :

“Ăn khổ trong sự khổ,
Mới là người hơn mọi người khác.”

Có hai câu thơ hình dung người siêng năng khổ sở học hành :

“Thọ tận thập niên hàn song khổ
Nhất cử thành danh thiên hạ tri.”

Nghĩa là :

*Mười năm khổ cực để học hành,
Một khi đỗ đạt thiên hạ đều biết.*

Người thời xưa học hành là một người khổ học tại thư phòng, học Tứ Thư, Ngũ Kinh; ngày cũng học đêm cũng học, chẳng có nghỉ ngơi, chẳng có chơi lêu lổng với bạn bè, cũng chẳng vui đùa tiêu khiển, do đó có câu :

“Tam canh đăng hỏa ngũ canh kê,
Chánh thị nam nhi lập chí thời.”

Dụng công như thế trải qua mười năm khổ sở lạnh lẽo, học vấn phong phú. Đến khi thi cử thì tam nguyên cập đệ, bằng vàng đề danh tiếng trạng nguyên. Lúc đó, thiên hạ ai ai cũng biết người đó trúng trạng nguyên, sáng lạng tỏ tông. Trước kia chẳng có ai biết là khổ, bây giờ thiên hạ biết là ngọt, do đó ‘khổ tận cam lai.’ Nghĩa là hết khổ đến sướng. Trước kia người nghèo thì học văn, người giàu thì học võ, cho nên mới nói hàn song khổ.

Hoặc dùng căn lưỡi ở trong đại chúng diễn nói pháp thâm sâu vi diệu, khiến cho tâm của người nghe, đều hoan hỷ sung sướng.

Hoặc dùng căn lưỡi ở trong đại chúng diễn nói pháp thâm sâu vi diệu, tiếng âm thanh vi diệu đó, nhập vào tâm của người nghe, khiến cho họ sinh tâm hoan hỷ, sung sướng đến cực điểm, tình chẳng tự chủ được bèn nhảy nhót lên.

Lại có các Thiên tử Thiên nữ, các vị trời Đế Thích Phạm Thiên .v.v... nghe được âm thanh diễn nói pháp vi diệu như thế, lời nói có thứ lớp thì đều đến nghe.

Lại có tất cả Thiên tử Thiên nữ, lại có trời Đế Thích, trời Đại Phạm và các thiên chủ của các cõi trời khác, họ nghe được âm thanh thâm diệu đó, thì tâm sinh hoan hỷ. Phàm là vị pháp sư đó, diễn nói trước sau đều có thứ lớp, phân môn biệt loại, chẳng phải tạp loạn lộn xộn, cho nên họ đều đến nghe giảng.

Và các rồng, rồng nữ, Dạ Xoa, Dạ Xoa nữ, Càn Thát Bà, Càn Thát Bà nữ, A Tu La, A Tu La nữ, Ca Lô Na, Ca Lô Na nữ, Khẩn Na La, Khẩn Na La nữ, Ma Hầu La Già, Ma Hầu La Già nữ, vì nghe pháp mà đến gần gũi cung kính cúng dường.

Lại có rồng và rồng nữ, lại có Dạ Xoa và Dạ Xoa nữ, lại có Càn Thát Bà và Càn Thát Bà nữ, lại có A tu la và A tu la nữ, lại có Ca Lô Na và Ca Lô Na nữ, lại có Khẩn Na La và Khẩn Na La nữ, lại có Ma Hầu La Già và Ma Hầu La Già nữ. Những vị trời rồng tám bộ đó, vì nghe vị pháp sư đó diễn nói Kinh Pháp Hoa, mà đến gần gũi cúng dường vị pháp sư đó.

Và Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, thái tử, quần thần

quyến thuộc, tiểu chuyển luân vương, đại chuyển luân vương, bảy báu, ngàn người con, quyến thuộc nội ngoại, đều ngồi cung điện đến để nghe pháp.

Lại có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam cư sĩ nữ, ông vua, thái tử, quần thần quyến thuộc, tiểu chuyển luân vương, đại chuyển luân vương, bảy báu, ngàn người con, quyến thuộc nội ngoại, thấy đều ngồi cung điện đến để nghe pháp. Nghe pháp gì? Nghe diệu pháp của Kinh Pháp Hoa.

Bởi Bồ Tát đó khéo nói pháp, cho nên các Bà la môn, cư sĩ nhân dân trong nước, suốt đời theo hầu hạ cúng dường.

Vì vị pháp sư đó là Bồ Tát pháp sư, do khéo giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên các Bà la môn (tu hạnh thanh tịnh) và cư sĩ (người tại gia tu đạo), cùng với nhân dân trong nước, họ suốt đời lúc nào cũng hầu hạ và cúng dường vị Bồ Tát pháp sư đó.

Lại nữa, các vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật, thường ưa thấy vị pháp sư đó. Vị đó ở đâu, thì chư Phật đều

hướng về vị đó nói pháp, vị đó đều thọ trì tất cả Phật pháp, lại có thể nói ra pháp âm thâm sâu vi diệu.

Lại tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật bốn bậc Thánh đều hoan hỷ thấy vị pháp sư đó, bất cứ ở đâu, mười phương chư Phật đều hướng về chỗ của vị đó nói pháp. Vị pháp sư đó hoàn toàn thọ trì tất cả Phật pháp của chư Phật nói. Lại có thể nói ra pháp âm thâm sâu vi diệu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Đức Phật bi tâm thiết thiết, muốn tường thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn nói ra bài kệ rằng:

**Căn lưỡi người đó tịnh
Trọn chẳng thọ vị dỏ
Người đó ăn những gì
Đều biến thành cam lồ.**

Vị pháp sư đó, căn lưỡi đặc được thanh tịnh, tự tánh cũng thanh tịnh, chẳng bao giờ thọ vị dỏ, còn chuyển được vị dỏ thành vị thượng diệu. Bất luận là ăn

vật gì, một khi vào căn lưỡi thì đều biến thành diệu vị cam lồ, tức cũng là diệu vị đề hồ vô thượng.

**Dùng tiếng diệu thâm tịnh
Trong đại chúng nói pháp
Dùng nhân duyên ví dụ
Dẫn dắt tâm chúng sinh.
Người nghe đều hoan hỷ
Sấm các thứ cúng dường.**

Vị pháp sư đó, dùng lời nói thâm sâu thanh tịnh vi diệu, ở trong đại chúng diễn nói diệu pháp. Dùng đủ thứ nhân duyên và đủ thứ ví dụ dẫn dắt chúng sinh, khiến cho họ phát bồ đề tâm thành tựu quả vị Phật. Chúng sinh nghe pháp đều hoan hỷ, chúng sinh sấm tất cả đồ cúng dường tối thượng, để cúng dường vị pháp sư đó.

**Các trời rồng Dạ Xoa
Và A tu la thấy
Đều dùng tâm cung kính
Cùng đến để nghe pháp.**

Trời rồng tám bộ chúng vốn có tâm đấu tranh, nhưng sau khi quy y Phật rồi, thì tâm sân hận biến thành tâm từ bi, phát nguyện làm thiện thần hộ pháp. Họ đều dùng tâm cung kính để nghe vị pháp sư đó nói pháp.

**Người đó diễn nói pháp
Hoặc muốn dùng diệu âm
Vang khắp ba ngàn cõi
Tùy ý bèn đến được.**

Vị pháp sư đó giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, muốn dùng pháp âm thâm sâu vi diệu, thì sẽ vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Chỉ cần quán tưởng như thế, thì diệu âm sẽ tùy ý đến lỗ tai của hết tất cả chúng sinh, trong ba ngàn đại thiên thế giới.

**Vua luân vương lớn nhỏ
Và ngàn con quyền thuộc
Chấp tay tâm cung kính
Thưởng đến nghe thọ pháp.**

Vua đại chuyển luân và vua tiểu chuyển luân, cùng với ngàn người con và quyền thuộc, đều chấp tay cung kính đến pháp hội để nghe thọ Phật pháp của vị pháp sư đó giảng. Những người đó nghe vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp, thì cảm thấy hơn là đọc kinh điển, do đó có câu:

“Thính quân nhất tịch thoại,
Thắng độc thập niên thư.”

Nghĩa là :

*Nghe một buổi giảng pháp,
Hơn mười năm đọc sách.*

**Các trời rồng Dạ Xoa
La sát Tỳ xá xà
Cũng dùng tâm hoan hỷ
Thưởng thích đến cúng dường.**

Chư thiên trong tam giới, Long vương trong bốn biển và Dạ Xoa, La sát, Tỳ xá xà .v.v... Loài quỷ vốn chẳng sinh tâm hoan hỷ, nhưng hiện tại cũng sinh tâm hoan hỷ, luôn luôn thích muốn đến cúng dường vị pháp sư đó.

**Trời Phạm Thiên ma vương
Tự Tại Đại Tự Tại
Hết thấy các Thiên chúng
Thường đến chỗ người đó.**

Trời Đại Phạm Thiên (Thi Khí) và Ma vương (Ba Tuần) cùng với trời Tự Tại (trời Tha Hoá Tự Tại), trời Đại Tự Tại (trời Cứu Kỉnh), hết thấy các Thiên chúng thường đến chỗ vị pháp sư đó, nghe Phật pháp và cúng dường pháp sư.

Chư Phật và đệ tử

**Nghe người đó nói pháp
Thường nhớ mà bảo hộ
Hoặc có khi hiện thân.**

Mười phương chư Phật và hàng đệ tử (Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát), nghe âm thanh của vị pháp sư đó diễn nói diệu pháp, thì thường nghĩ nhớ vị pháp sư đó mà bảo vệ đạo tràng, hoặc có khi mười phương chư Phật, và chúng đệ tử hiện thân để cho vị đó thấy. Đó là cảm ứng của sự thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì kinh này, hoặc đọc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được tám trăm công đức nôi thân, được thân thanh tịnh như lưu ly, chúng sinh đều thích thấy.

Đức Phật lại gọi một tiếng Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu như có người nam tu hành, và người nữ tu hành, hoặc thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc đọc kinh này, hoặc tụng kinh này, hoặc giải nói kinh này, hoặc biên chép kinh này, thì đắc được tám trăm công đức nôi thân, được thân thể thanh tịnh như lưu ly. Hết thấy chúng sinh đều hoan hỷ thấy vị pháp sư đó.

Vì thân người đó thanh tịnh, cho nên chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, khi sinh, khi chết, trên trời, dưới địa ngục, tốt xấu, sinh về chỗ lành, sinh về chỗ dữ, thấy đều hiện ra trong thân người đó.

Vì thân thể vị pháp sư đó thanh tịnh, cho nên chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc khi sinh, hoặc khi chết, hoặc ở trên trời, hoặc ở dưới địa ngục, tướng mạo tốt hay xấu, sinh về chỗ lành hay chỗ ác, thấy đều hiện ra trong thân thể thanh tịnh, rõ ràng chẳng tạp loạn. Thân thanh tịnh này là một tấm gương tròn lớn, hiện ra tất cả hình bóng.

Và núi Thiết Vi, núi đại Thiết Vi, núi Di Lô, núi đại Di Lô, hết thấy các núi, và chúng sinh ở trong đó, đều hiện ra trong đó.

Và núi Thiết Vi (ngoài bốn đại châu có núi bao quanh), núi đại Thiết Vi (ngoài ba ngàn đại thiên thế giới có núi bao quanh), núi Di Lô và núi đại Di Lô, hết thấy các núi, chúng sinh ở trong đó hoàn toàn hiện ra ở trong thân thanh tịnh. Thân thanh tịnh đó lại giống như máy lôi

đạt (radar), bất cứ máy bay ở đâu bay đến, đều nhìn thấy rất rõ ràng.

Dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đỉnh, hết thấy cảnh giới và tất cả chúng sinh, đều hiện ra ở trong đó.

Dưới đến địa ngục vô gián, trên đến cõi trời Phi Tướng Phi Tướng Xứ, hết thấy cảnh giới và hết thấy chúng sinh, hoàn toàn hiện ra ở trong thân thanh tịnh. Lại giống như máy truyền hình, chỉ cần bấm nút thì hình ảnh sẽ xuất hiện, người tu đạo mà nghiên cứu minh bạch Phật pháp, thì sẽ có cảnh giới như thế xuất hiện.

Hoặc hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật thuyết pháp, đều hiện ra hình bóng ở trong thân người đó.

Hoặc là hàng Thanh Văn, hoặc là Bích Chi Phật, hoặc là Bồ Tát, hoặc là chư Phật, ở trong mười phương thế giới thuyết pháp, đều hiện ra hình bóng ở trong thân thanh tịnh của vị pháp sư đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn tường thuật lại nghĩa ở trên vừa nói, bèn dùng kệ nói ra.

**Nếu người trì Pháp Hoa
Được thân rất thanh tịnh
Tịnh như là lưu ly
Chúng sinh đều ưa thấy.**

Nếu như vị pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì sẽ được thân thể rất thanh tịnh, chẳng có nhiễm ô, giống như lưu ly thanh tịnh sáng chói. Hết thấy chúng sinh đều hoan hỷ thấy vị pháp sư đó nói pháp.

**Lại tịnh như gương sáng
Đều thấy các hình bóng
Bồ Tát nổi thân tịnh
Đều thấy toàn thể giới.
Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác chẳng thấy được.**

Thân thanh tịnh đó, lại giống như gương sáng, hoàn toàn thấy được tất cả hình bóng. Hình bóng đến thì hiện, đi thì chẳng có, chẳng lưu ảnh lại. Ở trong thân thanh tịnh của Bồ Tát, nhìn thấy được hình bóng toàn thể giới. Cảnh giới đó, chỉ riêng Bồ Tát tự mình thấy rõ, ngoài ra người khác chẳng thấy đặng.

**Trong ba ngàn thế giới
Tất cả hữu vô tình
Trời người A tu la
Địa ngục quỷ súc sinh.
Các hình bóng như thế
Đều hiện ra trong thân.**

Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, hết thấy tất cả chúng sinh và tất cả cảnh giới như người ở trên trời, người ở nhân gian và A tu la (đây là ba đường lành), và địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh (đây là ba đường ác). Tất cả hình bóng trong sáu đường như thế, đều hiện ra ở trong thân thanh tịnh lưu ly của Bồ Tát, chẳng những rõ ràng mà còn chẳng tạp loạn.

**Cung điện của chư Thiên
Cho đến trời Hữu Đỉnh
Núi Thiết và Di Lô
Các biển cả sông ngòi
Đều hiện ra trong thân.**

Cung điện của chư Thiên trong ba cõi, cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, núi Thiết Vi và núi Di Lô, núi đại Du Lô. Hết thấy tất cả biển cả sông ngòi,

đều hiện ra trong thân thanh tịnh của vị pháp sư trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

**Chư Phật và Thanh Văn
Phật tử Bồ Tát thấy
Hoặc riêng hoặc trong chúng
Nói pháp đều hiện ra.**

Mười phương chư Phật và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát thấy, hoặc độc thân một người, hoặc ở trong đại chúng, nói pháp giáo hóa chúng sinh, đều hoàn toàn hiện ra trong thân thanh tịnh như lưu ly. Cảnh giới đó thật là không thể nghĩ bàn; diệu không thể tả.

**Tuy chưa được vô lậu
Và pháp tánh diệu thân
Dùng thân thanh tịnh thưởng
Tất cả hiện trong đó.**

Người đó thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tuy chưa chứng được Thánh quả vô lậu, và diệu thân pháp tánh. Song, thân thường của cha mẹ sinh ra, mà hết thấy tất cả đều hiện ra ở trong thân thanh tịnh. Cảnh giới đó chỉ có vị đó mới biết được, còn người khác chẳng thấu được.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn ! Nếu người thiện nam, người thiện nữ, sau khi Như Lai diệt độ, mà thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Nhờ ý căn thanh tịnh đó, cho đến nghe một bài kệ, một câu, mà thông đạt được nghĩa lý vô lượng vô biên.

Đức Phật lại gọi một tiếng Bồ Tát Thường Tinh Tấn ! Nếu như người nam, người nữ tu hành, sau khi Phật diệt độ, có ai thọ trì bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, hoặc đọc, học tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thì được một ngàn hai trăm công đức nơi ý. Nhờ căn ý thanh tịnh đó, cho đến nghe được dù một bài kệ, hoặc nghe được một câu kinh văn, thì có thể thông đạt được toàn bộ nghĩa lý kinh văn.

Hiểu nghĩa lý đó rồi, mà có thể diễn nói một câu kinh, một bài kệ, thậm chí giảng đến một tháng, bốn tháng, cho đến một năm. Các pháp nói ra, tùy theo nghĩa lý đều hợp với thật tướng, chứ chẳng trái ngược với thật tướng, hoặc nói kinh sách

thế gian, lời lẽ trị thế, nghề nghiệp làm ăn, thầy đều hợp với chánh pháp.

Thấu hiểu minh bạch nghĩa lý đó rồi, lại vì chúng sinh diễn nói diệu pháp, giải thích diệu lý dù một bài kệ, hoặc một câu kinh, mà phát huy được vô lượng vô biên đạo lý. Một câu kinh văn, một bài kệ, thậm chí giảng đến một tháng (đại biểu cho pháp một thừa thật tướng), hoặc giảng đến bốn tháng (đại biểu cho pháp tứ đế tiểu thừa), hoặc giảng đến một năm (đại biểu cho pháp mười hai nhân duyên). Tuy là một câu pháp, mà khiến cho hợp với tất cả các pháp. Tất cả pháp nói ra, đều tùy thuận nghĩa lý thú hướng. Đạo lý nói ra đều hợp với thật tướng, hợp với đệ nhất nghĩa đế, tuyệt đối chẳng đi ngược lại nghĩa lý thật tướng.

Hoặc là giảng nói tất cả kinh sách của thế gian, như Tứ Thư Ngũ Kinh, hoặc lời lẽ trị thế, hoặc sinh sống làm ăn, thầy đều thuận với chánh pháp, chẳng trái ngược. Tất cả đều chiếu theo bát chánh đạo mà thực hành, dùng bát chánh đạo làm mô phạm.

Sáu đường chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, tâm nghĩ gì, tâm khởi làm những gì, và tâm hí luận, thầy đều biết rõ. Tuy chưa được trí huệ vô lậu, mà căn ý của người đó thanh tịnh như thế.

Người đó có suy nghĩ tính toán nói năng, đều là Phật pháp, chẳng có gì mà chẳng chân thật, cũng là đạo lý ở trong kinh trước kia Phật đã nói.

Hết thấy sáu đường chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, trong tâm của họ nghĩ làm gì, khởi lên việc gì, vọng niệm sinh ra, hết thấy mọi hí luận, vị pháp sư đó đều biết rõ. Vị đó tuy chưa chứng được trí huệ vô lậu, nhưng thẳng ý căn của vị đó đắc được thanh tịnh. Vị pháp sư đó nghĩ gì, tính toán, nói năng, đều là Phật pháp, diệu pháp, pháp không nghĩ bàn. Tại sao ? Vì vị đó thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có nghĩ gì và làm gì, đều là chân thật không hư. Pháp nói ra và sự tu đạo, đều là pháp môn chân thật, đều là đạo lý trước kia Phật nói. Tuy toàn bộ kinh Phật chưa đọc hết, nhưng đã thấu rõ đại ý trong kinh. Vì đắc được cảnh giới diệu tam muội.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật muốn tường thuật lại nghĩa lý kinh văn ở trên vừa nói, cho nên dùng kệ để diễn nói lại.

**Người đó ý thanh tịnh
Sáng suốt chẳng vấn đục**

**Nhờ căn diệu ý đó
Biết pháp thượng trung hạ.**

Căn thắng ý của vị pháp sư đó rất thanh tịnh, chẳng những sáng mà còn suốt thấu, chẳng có vẩn đục ô ố. Nhờ thắng ý căn vi diệu đó, nên biết Phật pháp thượng trung hạ, do đó có câu : “Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.”

**Cho đến nghe bài kệ
Thông đạt vô lượng nghĩa
Thứ lớp như pháp nói
Tháng bốn tháng một năm.**

Dù chỉ nghe được một bài kệ, mà thông đạt được vô lượng nghĩa lý. Thứ lớp như pháp mà giải nói, tuyệt đối chẳng nói pháp lộn xộn, chẳng có đầu đuôi. Giải nói một bài kệ, hoặc giảng đến một tháng, hoặc giảng đến bốn tháng, hoặc giảng một năm, đắc được cảnh giới nhạo thuyết vô ngại.

**Trong ngoài thế giới đó
Tất cả các chúng sinh
Hoặc trời rồng và người
Chúng Dạ Xoa quỷ thần.**

Trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới, hết thủy tất cả chúng sinh, hoặc người ở trên trời, hoặc người ở nhân gian, hoặc các loài rồng, Dạ Xoa, quỷ thần .v.v...

**Tất cả trong sáu đường
Khởi suy nghĩ những gì
Nhờ trì Kinh Pháp Hoa
Đồng thời đều biết rõ.**

Tất cả chúng sinh luân hồi trong sáu đường, nghĩ nhớ những gì. Nhờ thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên biết rõ tất cả chúng sinh khởi tâm động niệm. Chúng sinh nào phải làm bò, làm ngựa, chúng sinh nào phải làm cọp, sư tử, chúng sinh nào phải làm cá, rùa, tôm, cua, chúng sinh nào phải làm gà, vịt, ngỗng, chim, thì đều biết được, một khi nghĩ, thì biết tiền nhân hậu quả.

**Vô số Phật mười phương
Trăm phước tướng trang nghiêm
Vì chúng sinh nói pháp
Khiến họ nghe thọ trì.**

Mười phương thế giới có vô số ức chư Phật, vì thuở xưa các Ngài đã từng trải qua ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp gieo trồng tướng tốt, cho nên có tướng trăm phước trang nghiêm thân. Vì hết thủy chúng sinh diễn nói

diệu pháp, khiến cho họ nghe rồi, thì thọ trì và y theo pháp mà tu hành.

**Suy gẫm vô lượng nghĩa
Thuyết pháp cũng vô lượng
Trọn chẳng quên hoặc sai
Do nhờ trì Pháp Hoa.**

Có thể từ một đạo lý, mà liên tưởng đến vô lượng đạo lý; từ vô lượng đạo lý, mà quy về viên ngộ một đạo lý, do đó có câu :

“Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù quy về một gốc.”

Thuyết pháp cũng vô lượng vô biên, thủy chung chẳng quên Phật pháp, hoặc giảng sai lầm, tuyệt đối chẳng có chuyện đó xảy ra. Bởi do thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

**Đều biết tướng các pháp
Theo nghĩa nói thứ lớp
Rõ danh tử lỗi lẽ
Theo sự biết diễn nói.**

Vì có đại trí huệ, nên thông đạt liễu ngộ đạo lý thật tướng của các pháp. Thật tướng là gì ? Tức là vô tướng :

Chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng. Có bốn tướng đó là phàm phu; chẳng có bốn tướng tức là Thánh nhân. Chẳng có bốn tướng này, cũng chẳng phải là chẳng có tướng như thật thanh tịnh, chỗ này phải hiểu cho rõ.

Tùy theo nghĩa kinh mà giảng pháp có thứ lớp, trước sau đều có thứ tự, khiến cho người nghe dễ hiểu. Thông đạt danh từ giải thích, lời lẽ khéo léo, đặc được văn tự Bát Nhã, ngôn ngữ tam muội, chiếu theo đạo lý mà mình liễu ngộ hiểu biết, để vì chúng sinh diễn nói diệu pháp.

**Người đó nói những gì
Đều là pháp Phật nói
Bởi nhờ nói pháp đó
Nên trước chúng chẳng sợ.**

Pháp sư thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nói những pháp gì, đều là diệu pháp trước kia Đức Phật đã nói, bất quá vị đó nói lại nữa mà thôi. Vì vị đó diễn nói diệu pháp, cho nên ở trước đại chúng chẳng có sợ sệt, mà thao thao bất tuyệt, vì chúng sinh nói pháp, đầu đầu thị đạo, phân tích rõ ràng, có cảnh giới hoa trời rải xuống, hoa sen từ dưới đất vọt lên.

Người trì Kinh Pháp Hoa

**Được căn ý thanh tịnh
Tuy chưa được vô lậu
Trước có tướng như thế.**

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa được căn ý thanh tịnh. Tuy nhiên chưa chứng được trí huệ vô lậu, nhưng trước hết đắc được tình hình như thế.

**Người đó trì kinh này
An trụ nơi hi hữu
Được tất cả chúng sinh
Hoan hỷ và thưởng kính.**

Pháp sư thọ trì Kinh Pháp Hoa, an trụ ở nơi hy hữu nhất, được tất cả chúng sinh hoan hỷ thương mến và cung kính.

**Hay dùng ngàn vạn thứ
Lời lẽ rất khéo léo
Để phân biệt diễn nói
Bồi trì Kinh Pháp Hoa.**

Hay dùng hàng ngàn vạn thứ lời lẽ, ví dụ phương tiện khéo léo, phân tích rõ ràng để vì chúng sinh giải nói diệu pháp. Tại sao lại có trí huệ như thế? Vì thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM BỒ TÁT THƯỜNG BẤT KHINH THỨ HAI MƯỜI

Sao lại gọi là “Thường Bất Khinh”? Kỳ thật “Thường Bất Khinh” là tên của một vị Bồ Tát, có phải là danh từ thông dụng của Bồ Tát? Chẳng phải. Chỉ bất quá là một biệt danh, tức là một ngoại hiệu. Vì vị Bồ Tát này, một khi thấy người thì cúi đầu đánh lễ. Do đó, có những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni gán cho Ngài một cái tên gọi là “Thường Bất Khinh.” Đó là trong đời quá khứ của Đức Phật Thích Ca khi hành đạo Bồ Tát, gặp người thì năm thể sát đất đánh lễ họ, song một số Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni dùng “Thường Bất Khinh” để gọi Ngài, chứ chẳng phải là danh hiệu vốn có của Bồ Tát đó. Vì khi Đức Phật hành Bồ Tát đạo, thì thấy người bèn nói: “Tôi không dám khinh các vị, vì các vị đều sẽ thành Phật.” cho nên được

tên là “Thường Bất Khinh,” thường chẳng khinh khi người khác vậy.

“Thường Bất Khinh” lại có thể phân làm bốn thứ giải nói :

- 1). Bao hàm ý niệm chẳng khinh mạn.
- 2). Tự đầy đủ trí huệ chẳng khinh địch.
- 3). Ngoài thân hành hạnh môn cung kính tất cả.
- 4). Đối với tất cả cảnh giới đều tất cung tất kính, chẳng có tâm phóng dật, cho nên nói :

“Tất cả là khảo nghiệm,
Xem thử bạn thế nào,
Trước mắt mà chẳng ngộ,
Phải luyện lại từ đầu.”

Vì Bồ Tát Thường Bất Khinh nhận thức được đủ thứ cảnh giới và sự khảo nghiệm, nên thực hành hạnh môn Thường Bất Khinh, đây là thuộc về thế giới tất đàn (bố thí khắp). Thân của Ngài thực hành hạnh bất khinh, cung hành thực tiễn, đây gọi là vị nhân tất đàn. Miệng của Ngài nói giáo lý bất khinh, những gì nói ra, đều là pháp môn giáo hóa chẳng khinh người khác, đây gọi là đối trị tất đàn. Ngài có một pháp nhìn chẳng khinh mạn đối với người khác, đây gọi là đệ nhất nghĩa tất đàn. Do đó “Thường Bất Khinh” lại bao quát bốn thứ tất đàn này.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại Bồ Tát Đắc Đại Thế ! Ông nay nên biết, nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, thọ trì Kinh Pháp Hoa, nếu có người ác khẩu mắng chửi phỉ báng, thì sẽ mắc tội báo lớn, như trước đã nói. Người trì Kinh Pháp Hoa được công đức, cũng như ở trước đã nói, mắt tai mũi lưỡi đều thanh tịnh.

Đắc Đại Thế ! Vào thuở xa xưa, đã trải qua vô lượng vô biên số kiếp A tăng kỳ, không thể nghĩ bàn, có vị Phật hiệu là Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Kiếp đó tên là Ly Suy, nước đó tên là Đại Thành.

Khi Đức Phật nói xong Phẩm Pháp Sư Công Đức, thì bắt đầu nói Phẩm Thường Bất Khinh. Trước hết, Phật bảo đại Bồ Tát Đắc Đại Thế, tức cũng là Bồ Tát Đắc Đại Thế

Chí. Vị Bồ Tát này chỉ cần cất chân lên một bước, thì mặt đất có sáu thứ chấn động, biểu thị uy thế lực mạnh của vị Bồ Tát này. Đức Phật nói : ‘Đại Thế Chí ! Bây giờ ông nên biết, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đọc tụng, biên chép Kinh Pháp Hoa, nếu như có người ác khẩu đến mắng chưởi, hoặc phỉ báng họ, thì những người này mắc tội báo lớn như núi Tu Di, như kinh văn đã nói ở trên. Còn công đức của người trì Kinh Pháp Hoa, cũng như đã nói ở trong Phẩm Pháp Sư Công Đức ở trên, đắc được công đức mất tai mũi lưỡi thân ý thanh tịnh.

Bồ Tát Đại Thế Chí ! Vào thuở xa xưa, đã trải qua vô lượng vô biên số kiếp A tăng kỳ không thể nghĩ bàn, có một vị Phật hiệu là Uy Âm Vương Như Lai. Vì vị Phật đó đủ đại uy đức, thậm chí âm thanh của Ngài cũng khiến cho ba ngàn đại thiên thế giới chấn động, đại chúng đều cung kính lắng nghe vị Phật đó nói pháp. Mỗi vị Phật đều đầy đủ mười hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.’”

❖ Như Lai : Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác.

❖ Ứng Cúng : Xứng đáng thọ trời người cúng dường.

❖ Chánh Biến Tri : Chẳng những chánh tri (biết chân chánh) mà còn biến tri (biết khắp hết thảy), chẳng có gì mà chẳng biết, chẳng có gì mà chẳng thấu.

❀ Minh Hạnh Túc : Trí huệ cũng sung túc, tu hành cũng viên mãn.

❀ Thiện Thệ : Ở nơi tốt lành nhất.

❀ Thế Gian Giải : Bắc hiểu rõ thế gian nhất.

❀ Vô thượng Sĩ : Là người có học vấn nhất, có đạo đức nhất trên thế gian.

❀ Điều Ngự Trượng Phu : Điều ngự ba cõi, là đại trượng phu của tất cả chúng sinh.

❀ Thiên Nhân Sư : Thầy dẫn đường của trời, người.

❀ Phật : Là ba giác tròn, vạn đức đầy.

❀ Thế Tôn : Bậc tôn kính của thế và xuất thế.

Khi Đức Phật Uy Âm Vương Như Lai còn ở đời, thì kiếp đó tên là Ly Suy, tức là lìa khỏi mọi tướng suy, nước tên là Đại Thành.

Đức Phật Uy Âm Vương ở trong cõi nước đó, vì các hàng trời, người, A tu la mà nói pháp. Vì người cầu Thanh Văn nói pháp tứ diệu đế, độ thoát sinh già bệnh chết, đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật nói pháp mười hai nhân duyên. Vì các Bồ Tát cầu Vô thượng

chánh đẳng chánh giác, nói pháp sáu Ba la mật, đạt đến trí huệ cứu kính của Phật.

Vào kiếp Ly Suy, trong nước Đại Thành, vị Phật Uy Âm Vương đó, vì trời, người, A tu la nói pháp siêng tu giới định huệ, tiêu diệt tham sân si. Vì A tu la chẳng tu giới, chẳng tu định, cũng chẳng tu huệ, mà chỉ biết tham, sân, si. Vì tham, sân, si, nên có ngu si mới đọa vào đường A tu la. Nổi giận là bản lãnh của chúng, vì chúng mất đi giới định huệ. A tu la là tiếng Phạn, dịch là "chẳng đoan chánh", mặt mũi rất là xấu xí, đây là quả báo của tâm sân hận.

Đức Phật đó, lại vì người cầu quả vị Thanh Văn nói pháp tứ diệu đế. Tứ diệu đế là : Khổ, tập, diệt, đạo. Thanh Văn là người nhị thừa, thuộc về tiểu thừa, vì họ được ít mà cho là đủ, chẳng nghĩ tiến tới cầu đại thừa, cho rằng những gì làm đã làm xong, làm rằng trên chẳng có Phật đạo để thành, dưới chẳng có chúng sinh để độ. Do đó, Phật vì họ nói chân lý tứ diệu đế.

A. Khổ đế : Khổ có vô lượng sự khổ, ba sự khổ (khổ khổ, hoại khổ, hành khổ), tám thứ khổ (khổ về sinh già bệnh chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về ngũ ấm sí thạnh). Nay lược giải như sau :

Ba thứ khổ :

1). Khổ khổ : Ví như người nghèo đến cực điểm, lại thêm vào chẳng có nhà ở, chẳng có quần áo mặc, hoàn cảnh như thế gọi là khổ trong sự khổ.

2). Hoại khổ : Ví như có người rất giàu có, nhưng bị nạn lửa thiêu sạch tài sản nhà cửa, đó gọi là hoại khổ về giàu có.

3). Hành khổ : Từ nhỏ đến lớn rồi già nua, rồi chết đi, niệm niệm thay đổi như sóng sau đẩy sóng trước, chẳng khi nào ngừng, nên gọi là hành khổ.

Tám thứ khổ :

1). Khổ về sinh : Khi sinh như rùa lột mai. Cho nên khi đứa bé mới sinh ra, chỉ kêu khổ “oa oa.”

2). Khổ về già : Khi già thì mất tai mũi lưỡi thân và ý sáu căn, đều chẳng còn linh mẫn.

3). Khổ về bệnh : Thân tâm đều chẳng được khoẻ, ngồi đứng không yên.

4). Khổ về chết : Chết giống như bò sống lột da, tứ đại phân tán.

5). Khổ vì thương yêu mà phải xa lìa : Những người mình thương yêu đành phải phân ly, không được đoàn tụ.

6). Khổ vì người mình ghét mà gặp mặt : Người thù địch mà bạn ghét nhất lại gặp nhau.

7). Khổ về cầu chẳng được : Trong tâm muốn đắc được mà chẳng đắc được.

8). Khổ về năm ấm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm ấm, như lửa dữ thiêu đốt con người, khiến cho điên đảo.

B. Tập đế : Tức chiêu cảm.

C. Đạo đế : Tức là tu vô thượng đạo.

D. Diệt đế : Tức là chứng được sự vui tịch diệt Niết Bàn. Đó là lược nói về pháp tứ diệu đế. Phật dạy hàng Thanh Văn dùng pháp tứ đế mà độ sinh già bệnh chết, đắc được diệu đức Niết Bàn thường lạc ngã tịnh.

Lại vì người tu Bích Chi Phật nói pháp mười hai nhân duyên. Bích Chi Phật gọi là Duyên Giác. Duyên Giác có hai :

1). Lúc có Phật ra đời, tu pháp mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, nên gọi là Duyên Giác.

2). Lúc chẳng có Phật ra đời, tu ở trong thâm sơn cùng cốc, mùa xuân quán hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi mà ngộ đạo, nên gọi là Độc Giác.

Mười hai nhân duyên là : Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, ưu bi khổ não.

Phật vì các Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên vì các Bồ Tát nói pháp môn sáu Ba la mật. Sáu Ba la mật là pháp của Bồ Tát tự độ độ tha, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha. Ba la mật

là tiếng Phạn, dịch là "Đến bờ kia". Nếu tu sáu Ba la mật, thì từ sinh tử bên này qua dòng phiền não, đạt đến bờ bên kia cứu kính Niết Bàn.

Đắc Đại Thế! Đức Phật Uy Âm Vương đó, thọ bốn mươi vạn ức Na do tha Hằng hà sa số kiếp. Chánh pháp lưu lại ở đời, kiếp số như hạt bụi của cõi Diêm Phù Đề, tượng pháp lưu lại ở đời, kiếp số như hạt bụi của bốn thiên hạ. Đức Phật đó, lợi ích chúng sinh rồi, sau đó mới diệt độ.

Đức Phật lại gọi một tiếng : ‘Đại Thế Chí ! (Đắc Đại Thế tức là Đại Thế Chí) Vị Phật Uy Âm Vương đó, thọ đến bốn mươi vạn ức Na do tha Hằng hà sa số kiếp. Chánh pháp ở đời, số kiếp như số hạt bụi của cõi Diêm Phù Đề. Tượng pháp ở đời, kiếp số như hạt bụi của bốn thiên hạ. Đức Phật đó, sau khi lợi ích phổ độ giáo hóa hết thảy chúng sinh, rồi mới vào Niết Bàn.

Sau khi chánh pháp và tượng pháp diệt rồi, ở cõi nước đó, lại có Phật ra đời cũng hiệu là Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như thế lần lượt có hai vạn ức đức Phật, cũng đều cùng một danh hiệu. Sau khi đức Phật Uy Âm Vương đầu tiên diệt độ rồi, chánh pháp cũng diệt rồi, thì trong thời tượng pháp, hàng Tỳ Kheo tăng thượng mạn có thế lực lớn. Bấy giờ, có một Bồ Tát Tỳ Kheo tên là Thường Bất Khinh.

Đắc Đại Thế ! Do nhân duyên gì mà tên là Thường Bất Khinh ? Vì vị Tỳ Kheo đó, bất cứ gặp ai, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng : Ta rất kính các vị, chẳng dám khinh khi. Tại sao ? Vì các vị đều hành Bồ Tát đạo, đều sẽ thành Phật. Mà vị Tỳ Kheo đó, chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ lễ lạy, cho đến ở xa thấy bốn chúng, cũng đều cố đến gần, lễ lạy khen ngợi mà nói rằng : Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật.

Sau khi chánh pháp và tượng pháp của Phật Uy Âm Vương diệt rồi, ở trong cõi nước Đại Thành đó, lại có Phật ra đời, danh hiệu cũng là Uy Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như thế có hai vạn ức vị Phật, lần lượt xuất hiện ở trong nước Đại Thành. Những vị Phật đó, danh hiệu đều là Phật Uy Âm Vương. Sau khi Đức Phật Uy Âm Vương đầu tiên vào Niết Bàn, kế tiếp chánh pháp cũng diệt luôn, ở trong thời tượng pháp, hàng Tỳ Kheo cống cao ngã mạn, tranh danh đoạt lợi có thể lực lớn, coi ai cũng chẳng ra gì. Lúc đó, có một vị Bồ Tát Tỳ Kheo tên là Thường Bất Khinh.

Phật lại gọi một tiếng : Đại Thế Chí ! Bởi nhân duyên gì, mà vị Tỳ Kheo đó có tên là Thường Bất Khinh ? Vì bất cứ Ngài gặp Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đều đánh lễ, khen ngợi, vì Ngài muốn hành Bồ Tát đạo, học Bồ Tát quán chúng sinh, ta, người, đồng một thể, chẳng thấy có tướng ta, chẳng thấy có tướng người, chẳng thấy có tướng chúng sinh, chẳng thấy có tướng thọ mạng. Nếu Ngài chấp trước tướng ta, thì chẳng thể nào hướng về người khác cúi đầu đánh lễ. Ngài luôn nói rằng: “Tôi rất cung kính các vị ! Tôi tuyệt đối không dám khinh mạn các vị. Vì các vị đều hành Bồ Tát đạo, các vị sớm sẽ thành Phật.” Mà vị Thường Bất Khinh Tỳ Kheo đó, chẳng chuyên tâm đọc tụng tất cả kinh điển, mà vẫn

hành Bồ Tát đạo, tức là mỗi ngày đều hướng về bốn chúng đệ tử cúi đầu đánh lễ, cho dù Ngài đến nơi khác mà thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cách xa họ rất xa, Ngài đều đi đến gần họ để lễ lạy khen ngợi nói : “Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật.”

Ở trong bốn chúng, có người sinh tâm sân hận chẳng thanh tịnh, ác khẩu mắng chửi nói : Vị Tỳ Kheo vô trí này, từ đâu đến, mà tự nói là tôi chẳng khinh các vị, mà thọ ký cho chúng ta sẽ được thành Phật. Chúng ta chẳng nhận lời thọ ký hư vọng như thế. Trải qua nhiều năm như thế, thường bị mắng chửi mà chẳng sinh tâm sân hận. Thường nói như vậy : Các vị sẽ thành Phật. Khi nói lời đó, thì mọi người đều dùng gậy ngói đá đánh ném. Ngài bèn chạy trốn thật xa, mà vẫn lớn tiếng nói : Tôi chẳng dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật. Bởi thường nói lời như thế, cho nên hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng

mạn gọi Ngài là Thường Bất Khinh. Khi vị Tỳ Kheo đó sắp lâm chung, thì ở trong hư không, nghe đủ hai mươi ngàn vạn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa, của đức Phật Uy Âm Vương nói trước kia. Ngài nghe rồi thọ trì, bèn được căn mắt thanh tịnh, căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đều thanh tịnh như đã nói ở trên. Được sáu căn thanh tịnh rồi, thì càng tăng tuổi thọ đến hai trăm vạn ức Na do tha tuổi, rộng vì người nói Kinh Pháp Hoa này.

Ở trong bốn chúng có hàng Tỳ Kheo tăng thượng mạn, đối với Bồ Tát Thường Bất Khinh sinh tâm sân hận. Khi Tỳ Kheo Thường Bất Khinh hướng về họ lễ lạy, thì họ dùng chân đá đầu của Ngài, đó là vì họ ác tâm chẳng tịnh, tích tụ tham sân si ba độc, cố ý ác khẩu chửi mắng Tỳ Kheo Thường Bất Khinh. Họ nói : “Ông Tỳ Kheo này thật là quá ngu si ! Ông từ đâu đến ? Ông chẳng dám khinh chúng ta, lại thọ ký cho chúng ta, nói chúng ta sẽ thành Phật. Chúng ta chẳng cần ông thọ ký láo khoét như thế. Ông thật là người hồ đồ.”

Vị Tỳ Kheo Thường Bất Khinh tu pháp môn nhẫn nhục lễ lạy, khen ngợi bốn chúng như thế trải qua rất

nhều năm. Tuy Ngài thường bị họ đánh đập chửi mắng, nhưng Ngài chẳng bao giờ sinh tâm sân hận, Ngài thường nói : “Các vị sẽ thành Phật.” Khi nói những lời đó, thì nhiều người dùng gậy, ngói, đá, đánh ném vào thân thể Ngài. Ngài bèn chạy mau đến chỗ xa, lại lớn tiếng nói : “Tôi chẳng dám khinh các vị ! Các vị đều sẽ thành Phật !” Bởi Ngài thường nói câu đó, cho nên hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn bèn gọi Ngài là Thường Bất Khinh.

Vị Bồ Tát Tỳ Kheo Thường Bất Khinh đó, lúc Ngài sắp viên tịch, thì ở trong hư không, nghe được hai mươi ngàn vạn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa, của Phật Uy Âm Vương nói trước kia. Ngài chẳng những nghe rồi mà còn thọ trì, bèn được căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn thanh tịnh như đã nói ở trên. Ngài đắc được sáu căn thanh tịnh rồi, chẳng những chẳng mệnh chung, mà ngược lại càng tăng thêm tuổi thọ, đến hai trăm vạn ức Na do tha tuổi, thường thường vì người diển nói Kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn khinh khi vị đó, đặt tên là Thường Bất Khinh, thấy vị đó đắc được sức đại thần thông, sức nhạo thuyết biện tài, tâm lương thiện. Nghe vị đó nói pháp, đều tin thọ đi

theo. Vị Bồ Tát đó, lại giáo hóa hàng ngàn vạn ức chúng, khiến cho họ trụ nói đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Sau khi mạng chung, được gặp hai ngàn ức vị Phật, đều hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong pháp đó thường nói Kinh Pháp Hoa này. Bởi nhân duyên đó, lại được gặp hai ngàn ức vị Phật, đồng hiệu là Vân Tụ Tại Đăng Vương. Ở trong pháp của các đức Phật đó, đều thọ trì đọc tụng, vì bốn chúng nói kinh điển này, cho nên được mắt thường thanh tịnh, tai mũi lưỡi thân ý các căn đều thanh tịnh. Ở trong bốn chúng nói pháp tâm chẳng sợ hãi.

Đắc Đại Thế ! Đại Bồ Tát Thường Bất Khinh đó, cúng dường hết thầy các vị Phật như thế, cung kính tôn trọng khen ngợi, trông các căn lành. Về sau, lại gặp ngàn vạn ức đức Phật, cũng ở trong pháp của các vị Phật đó, diễn nói kinh này, công đức thành tựu sẽ được thành Phật.

Khi Bồ Tát Thường Bất Khinh đắc được sáu căn thanh tịnh, thì thường vì người diễn nói Kinh Pháp Hoa. Trước kia, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, tăng thượng mạn, lại có những người đánh đập mắng chửi khinh khi Ngài, đặt cho Ngài cái tên là Thường Bất Khinh. Họ thấy Bồ Tát Thường Bất Khinh có thần thông lớn, lại đọc tụng lâu Kinh Pháp Hoa, còn vì người mà nói Kinh Pháp Hoa, được biện tài vô ngại, lại được thân tâm lương thiện, chẳng sinh tâm sân hận, có sức nhẫn nhục và sức trí huệ Bát Nhã. Khi họ nghe vị Bồ Tát Thường Bất Khinh nói Kinh Pháp Hoa, thì họ đều im lặng tin nhận, đi theo Bồ Tát Thường Bất Khinh cùng nhau tu đạo.

Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh giáo hóa hàng ngàn vạn ức chúng sinh, đều khiến cho họ trụ nơi Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau khi đời thứ nhất mạng chung rồi, thì có hai ngàn ức vị Phật xuất hiện ra đời, đều hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật. Ở trong pháp của hai ngàn ức vị Phật đó, Bồ Tát Thường Bất Khinh vẫn nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Nhờ nhân duyên đó, lại gặp hai ngàn ức vị Phật xuất hiện ra đời, đều đồng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương Phật. Ở trong pháp của hai ngàn ức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, và hai ngàn ức Phật Vân Tự Tại Đăng Vương, Bồ Tát Thường Bất Khinh đời đời kiếp kiếp, đều thọ trì đọc tụng và vì bốn chúng đệ tử rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này, đắc được mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý,

các căn thường thanh tịnh chẳng nhiễm. Ở trong bốn chúng nói pháp tâm chẳng sợ hãi.

Phật lại gọi một tiếng : ‘Đắc Đại Thế ! Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh đó, đã từng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi chư Phật như đã nói ở trên, và ở trước chư Phật gieo trồng các căn lành. Sau đó, lại có ngàn vạn ức vị Phật ra đời. Ngài cũng ở trong pháp của chư Phật diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Nhờ công đức Ngài diễn nói bộ kinh này thành tựu, cho nên Ngài được thành Phật.’”

Đắc Đại Thế ! Ý ông thế nào ? Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó là người nào vậy ? Chính là thân ta. Nếu trong đời quá khứ, ta chẳng thọ trì đọc tụng kinh này, chẳng vì người khác diễn nói, thì không thể sớm được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì trước kia, ta ở chỗ các đức Phật thọ trì đọc tụng kinh này, vì người diễn nói, nên sớm được Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đắc Đại Thế ! Lúc đó bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ,

dùng tâm sân hận khinh tiện ta, cho nên trải qua hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng. Ngàn kiếp ở trong địa ngục A Tỳ, thọ đại khổ não, hết tội đó rồi, lại gặp Bồ Tát Thường Bất Khinh, giáo hóa cho họ đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đắc Đại Thế ! Ý ông thế nào ? Bốn chúng thường khinh khi Bồ Tát Thường Bất Khinh, đâu phải là ai khác, nay ở trong hội này, đó là Bạt Đà Bà La cả thầy năm trăm vị Bồ Tát, Sư Tử Nguyệt cả thầy năm trăm vị Tỳ Kheo, Ni Tử Phật cả thầy năm trăm vị cư sĩ nam, đều chẳng thối chuyển nói đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đắc Đại Thế ! Nên biết Kinh Pháp Hoa này, lợi ích rất lớn cho các đại Bồ Tát, khiến cho đạt đến quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bởi thế, các đại Bồ Tát sau khi Như Lai diệt độ, thường

hay thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, kinh này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Đức Phật lại gọi một tiếng : “Đắc Đại Thế ! Theo ý của ông thấy thì thế nào ? Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh là người nào vậy ? Ông ta chính là tiền thân của ta (Phật Thích Ca Mâu Ni). Nếu như thuở xưa, ta chẳng thọ trì và đọc tụng Kinh Pháp Hoa này, hoặc chẳng vì người khác giải nói kinh này, thì ta không thể nào, sớm được thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi vì ta thuở xưa ở chỗ các Đức Phật, hay thọ trì đọc tụng bộ kinh này, và vì người khác giải nói, cho nên ta sớm được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“Đắc Đại Thế ! Những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng đệ tử, dùng tâm sân hận và khinh khi ta là vô trí, cho nên ở trong hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe được Phật pháp, cũng chẳng thấy được Tăng. Ngàn kiếp ở trong địa ngục A Tỳ, chịu hành hình khổ não, sau khi thọ xong tội báo, thì lại đầu thai làm người, gặp Bồ Tát Thường Bất Khinh để giáo hóa họ, khiến cho họ phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

“Đắc Đại Thế ! Theo ý của ông thế nào ? Bốn chúng thường khinh khi Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở

đó là ai vậy ? Chính là Bạt Đà Bà La cả thầy năm trăm vị Bồ Tát, Sư Tử Nguyệt cả thầy năm trăm vị Tỳ Kheo, Ni Tư Phật cả thầy năm trăm vị cư sĩ nam, đều đang ở trong pháp hội này. Họ đã đắc được cảnh giới không thối chuyển đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

“Đắc Đại Thế ! Ông nên biết bộ Kinh Pháp Hoa này, lợi ích hết thầy tất cả các đại Bồ Tát, hay khiến cho các Ngài đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho nên các đại Bồ Tát, sau khi Như Lai diệt độ, luôn luôn thọ trì đọc tụng giải nói biên chép bộ Kinh Pháp Hoa này. Lúc ấy, Đức Phật muốn tường thuật lại, bèn dùng kệ để nói.”

**Quá khứ có Phật
Hiệu Uy Âm Vương
Thần trí vô lượng
Dẫn dắt tất cả.
Trời người rông thân
Cùng đến cúng dường
Phật đó diệt rồi
Lúc pháp sắp diệt.
Có một Bồ Tát
Tên Thường Bất Khinh
Khi đó bốn chúng**

**Chấp trước nói pháp.
Bồ Tát Bất Khinh
Đi đến chỗ họ
Bèn nói lời rằng:
Tôi chẳng khinh Ngài.
Các Ngài hành đạo
Đều sẽ thành Phật
Mọi người nghe rồi
Khinh khi mắng chửi.
Bồ Tát Bất Khinh
Chịu đựng nhẫn nhục
Tội nghiệp hết rồi
Khi sắp lâm chung.
Nghe được kinh này
Sáu căn thanh tịnh
Nhỏ sức thần thông
Tăng thêm tuổi thọ.
Lại vì mọi người
Rộng nói kinh này
Những người chấp pháp
Đều nhờ Bồ Tát.**

**Giáo hóa thành tựu
Khiến trụ Phật đạo
Bất Khinh mạng chung
Gặp vô số Phật.
Nhờ nói kinh này
Được vô lượng phước
Dần đủ công đức
Sớm thành Phật đạo.
Bất Khinh thuở đó
Tức là thân ta.**

Đức Phật nói : “Vô lượng đời trong quá khứ, có một vị Phật ra đời hiệu là Phật Uy Âm Vương. Thần thông của vị Phật đó vô lượng, trí huệ cũng vô lượng. Ngài tiếp dẫn tất cả chúng sinh, làm lãnh tụ tất cả chúng sinh, để dẫn dắt họ sớm thành Phật đạo. Lúc đó, tất cả các trời người và các rồng thần, cùng đến cúng dường vị Phật đó. Vị Phật đó hoàng dương Phật pháp, trải qua thời gian lâu dài mới vào Niết Bàn. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, khi tượng pháp sắp diệt, thì có một vị Bồ Tát xuất hiện ra đời tên là “Thường Bất Khinh,” tức là luôn luôn chẳng khinh khi bất cứ ai. Ngài đối với tất cả chúng sinh như cung kính đối với Phật. Vào lúc pháp sắp diệt hết, thì có nhiều bốn chúng đệ tử nghiệp chướng thêm nặng, thân tuy xuất

gia mà chẳng tu đạo. Vì họ đều sinh tâm cống cao ngã mạn, tâm tăng thượng mạn, xem người khác chẳng ra gì. Bởi Phật pháp sắp muốn diệt tận, cho nên tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, đều dụng công phu ngoài da, chấp trước nơi pháp, cho nên sinh tâm tăng thượng mạn.

Lúc đó, Bồ Tát Thường Bất Khinh đến chỗ bốn chúng tăng thượng mạn nói rằng : ‘Tôi chẳng dám khinh mạn các vị, vì các vị hiện đang thực hành Bồ Tát đạo, cho nên tương lai đều sẽ thành Phật’. Hàng bốn chúng tăng thượng mạn nghe những lời đó rồi, thì khinh khi phỉ báng mắng chửi Ngài. Tuy Bồ Tát Thường Bất Khinh chịu đựng sự đánh đập mắng chửi, cho đến dùng gậy, ngói, đá, đánh đập Ngài, song Ngài cũng chẳng sinh tâm sân hận, nhẫn thọ mọi sự thử thách, luôn cúi đầu đánh lễ. Sau khi vị Bồ Tát Thường Bất Khinh trả hết nghiệp cũ, khi lâm chung, thì nghe được đạo lý Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn, đắc được sáu căn thanh tịnh, sáu căn hỗ tương dụng với nhau. Bởi đắc được đại thần thông, đại trí huệ, đại thế đại lực, cho nên tuổi thọ lại tăng lên rất nhiều. Sau đó, Ngài lại vì hết thấy mọi người rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này.

Ở trên nói về chúng sinh chấp trước pháp, và tăng thượng mạn, thọ hết quả báo trong địa ngục rồi, lại được đầu thai làm người, được gặp Bồ Tát Thường Bất Khinh, có đại oai thần lực như thế, nên đều nhờ Bồ Tát giáo hóa thành tựu, khiến cho họ trụ nơi Phật đạo. Sau khi Bồ Tát

Thường Bất Khinh mạng chung, lại có vô số chư Phật xuất hiện ra đời, mà Bồ Tát Thường Bất Khinh trong đời đời kiếp kiếp, vẫn diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này, cho nên Ngài đắc được vô lượng phước báu trang nghiêm, dần dần đầy đủ công đức Phật đạo, sớm được thành Phật. Ta nói Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó là ai ? Chính là ta (Phật Thích Ca).

**Bốn bộ chúng đó
Những người chấp pháp
Nghe Bất Khinh nói
Ông sẽ thành Phật.
Bồi nhân duyên đó
Gặp vô số Phật
Bồ Tát hội này
Chúng năm trăm người.
Và bốn bộ chúng
Thiện nam tín nữ
Nay ở trước ta
Nghe kinh pháp này.
Ta ở đời trước
Khuyên những người đó
Nghe thọ kinh này**

Là pháp bậc nhất.
Khai thị dạy người
Khiến trụ Niết Bàn
Đòi đòi thọ trì
Kinh điển như thế.
Úc ỨC vẠN KIẾP
Không thể nghĩ bàn
Nên mới được nghe
Kinh Pháp Hoa này.
Úc ỨC vẠN KIẾP
Không thể nghĩ bàn
Chữ Phật Thế Tôn
Diễn nói kinh này.
Bỏ thế hành giả
Sau Phật diệt độ
Nghe được kinh này
Chỗ sinh nghi hoặc.
Hãy nên một lòng
Rộng nói kinh này
Đòi đòi gặp Phật
Sớm thành Phật đạo.

Bốn chúng phỉ báng chuỗi mắng Bồ Tát Thường Bất Khinh, một số người chấp trước pháp mà sinh tâm tăng thượng mạn, nghe thấy Bồ Tát Thường Bất Khinh nói họ sẽ thành Phật. Bởi nhờ nhân duyên đó, được thấy vô lượng vô số chư Phật. Hiện tại Bạt Đà Bà La năm trăm vị Bồ Tát ở trong pháp hội này, tức là một trong bốn chúng khinh khi phỉ báng Bồ Tát Thường Bất Khinh thuở đó, hiện tại các vị đó đã chứng được bất thối chuyển, khéo giữ giới luật. Và có những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, thuở xưa tăng thượng mạn, hiện nay họ đều ở trước ta phát tâm đại bồ đề, vì ta thuở xưa khiến cho họ gieo trồng xuống hạt giống bồ đề, cho nên hiện tại đến nghe ta nói pháp.

Kiếp trước ta khuyên hết thầy mọi người, khiến cho họ phát bồ đề tâm, tu vô thượng đạo. Ta đời đời kiếp kiếp đều giảng bộ Kinh Pháp Hoa này, mà họ đều đã nghe qua. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh diệu bậc nhất, ta khai thị giáo hóa mọi người, khiến cho họ trụ ở Niết Bàn an vui, chứng được diệu quả thường lạc ngã tịnh. Ta lại giáo hóa tất cả chúng sinh, đời đời kiếp kiếp, thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này. Ta cũng đời đời kiếp kiếp, thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, thời gian ức ức vạn kiếp chẳng có số lượng, cho đến thời gian không thể nghĩ bàn, mới nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này. Cho đến ức ức vạn kiếp, và thời gian không thể nghĩ bàn, mười phương ba đời tất cả chư Phật Thế Tôn, đều luôn luôn nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Bởi

thế, các vị những người tu đạo Bồ Tát, sau khi ta diệt độ, nghe được Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn này, thì ngàn vạn đừng sinh tâm nghi hoặc. Các vị phải chuyên tâm vì tất cả chúng sinh rộng nói bộ kinh này. Các vị đời đời kiếp kiếp, đều có thể gặp được tất cả chư Phật, sớm thành tựu Phật đạo, thành tựu bồ đề.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM THẦN LỰC CỦA NHƯ LAI THỨ HAI MƯỜI MỐT

Thần là tự tại lực, chẳng tạo làm thêm. Thần ở đây thuộc về bên trong, lực thuộc bên ngoài. Vì bên trong có thần, nên bên ngoài có lực, nếu chẳng có thần thì chẳng có lực. Như Lai là một trong mười hiệu của Phật. Như là tĩnh, lai là động. Như cũng là tịch mặc, lai cũng là năng nhân. Năng nhân tức là làm được việc nhân từ của Phật. Tịch mặc tức là thành tựu tự tại thần lực của Phật. Thần lực của Như Lai, tức là thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn của Phật.

Ví như trong kinh này có nói, Đức Phật Thích Ca phân thân mười phương, đó là thần lực của Như Lai. Như Lai Đa Bảo đến pháp hội chứng minh Kinh Pháp Hoa, đó là thần lực của Như Lai. Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, đó là thần lực của Như Lai. Phẩm Pháp Sư Công Đức, sáu căn

hỗ tương sử dụng, đó là thần lực của Như Lai. Cho nên, thần lực của Như Lai vô lượng vô biên, nói theo nghĩa rộng thì, hết thảy tất cả đều là thần lực của Như Lai thành tựu.

Bấy giờ, số đại Bồ Tát nhiều như hạt bụi của ngàn thế giới, từ dưới đất vọt lên, đều ở trước đức Phật, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật, mà bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con đợi sau khi Phật diệt rồi, chỗ đức Thế Tôn phân thân ở các cõi nước diệt độ rồi, chúng con sẽ rộng nói kinh này.

Sau khi Đức Phật nói xong Phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh, thì có các vị đại Bồ Tát, nhiều như hạt bụi của ngàn thế giới, từ dưới đất vọt lên cùng đến ở trước Đức Phật, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan của Đức Thế Tôn mà nói với Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Chúng con đợi tương lai, khi Phật vào Niết Bàn rồi, sau khi phân thân của đức Thế Tôn ở bất cứ cõi nước nào diệt độ rồi, chúng con sẽ rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này.”

Các vị đại Bồ Tát từ dưới đất vọt lên, trong quá khứ đều là đệ tử của Đức Phật Thích Ca, hiện tại đến hội Pháp Hoa làm ủng hộ chúng, để ủng hộ đạo tràng.

Tại sao ? Vì chúng con cũng muốn tự mình được chân tịnh đại pháp, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, cúng dường kinh này.

Vì sao ? Bởi vì chúng con cũng muốn chính mình đắc được chân tịnh đại pháp này, tức cũng là pháp quyền thật không hai. Chúng con muốn thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép và cúng dường truyền bá kinh này.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở trước tất cả đại chúng Văn Thù Sư Lợi, vô lượng trăm ngàn vạn ức đại Bồ Tát, xưa kia trụ ở thế giới Ta Bà, và các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người, hiện sức đại thần thông, bày tướng lảo rọng dài lên đến cõi trời Đại Phạm.

Lúc đó, Đức Thế Tôn ở trước tất cả đại chúng Bồ Tát Văn Thù, vô lượng trăm ngàn vạn ức các Bồ Tát xưa kia, đều trụ ở thế giới Ta Bà và tất cả Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni, tất cả cư sĩ nam, cư sĩ nữ, trời rồng tám bộ chúng,

người, và chẳng phải người, hiện ra sức đại thần thông, phô bày tướng lưới rộng dài lên đến sắc giới cõi trời Đại Phạm.

Tất cả lỗ chân lông, đều phóng ra vô lượng vô số màu sắc quang minh, chiếu soi khắp mười phương thế giới. Chư Phật ngồi trên tòa sư tử dưới các cây báu, cũng lại như thế, bày tướng lưới rộng dài, phóng ra vô lượng quang minh.

Trên thân của Phật, mỗi lỗ chân lông đều phóng ra vô lượng vô số màu sắc quang minh, trong mỗi thứ quang minh, lại hiện ra đủ thứ màu sắc, chói sáng rực rỡ. Thứ màu sắc quang minh đó, chiếu soi khắp hết thảy mười phương thế giới. Chư Phật (phân thân của Phật Thích Ca) ngồi trên tòa sư tử dưới cội bồ đề, cũng bày tướng lưới rộng dài như thế. Trên thân của chư Phật, mỗi lỗ chân lông, cũng phóng ra vô lượng vô biên màu sắc quang minh, hổ tương chiếu soi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và chư Phật ở dưới cây báu, đều hiện thần lực trọn trăm ngàn năm, sau đó mới nhiếp tướng lưới lại, đồng thời phát ra tiếng cười

nói nhỏ nhẹ, và tiếng gảy móng tay. Hai âm thanh đó, vang đến khắp thế giới của chư Phật trong mười phương, mặt đất đều sáu thứ chấn động.

Đức Phật Thích Ca và chư Phật ở dưới cội bồ đề, hiện thân lực trọn trăm ngàn năm, sau đó mới nhiếp tướng lưới lại. Mười phương chư Phật đồng thời phát ra tiếng cười nói nhỏ nhẹ, và tiếng gảy móng tay. Tiếng cười nói nhỏ nhẹ gọi là ý, tiếng gảy móng tay là âm ý. Nếu người nhập định, lỡ tai kia gảy móng tay ba cái, thì người đó có thể xuất định.

Hai âm thanh đó, vang truyền khắp thế giới của chư Phật trong mười phương. Mặt đất của mỗi thế giới đều sáu thứ chấn động. Chấn, hống, kích (thuộc về tiếng), động, dũng, khởi (thuộc về hình). Trong mỗi thứ chấn động, lại có ba thứ hiện tượng đó là động, biến động, đẳng biến động. Cộng lại hết thấy là mười tám thứ chấn động, tức cũng là cảnh giới: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn hỗ tương sử dụng, biểu thị sáu căn, sáu trần, sáu thức, mười tám giới.

Chúng sinh ở trong đó, trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A tu la, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người,

chẳng phải người, nhờ thần lực của Phật, nên đều thấy thế giới Ta Bà này. Ở dưới vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các cây báu, đều có chư Phật ngồi trên tòa sư tử, và thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni, với đức Đa Bảo Như Lai, ngồi trên tòa sư tử ở trong bảo tháp.

Chúng sinh ở trong đó, có chư thiên, loài rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A tu la, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, ác quỷ. Nhờ đại oai thần lực không thể nghĩ bàn của Phật Thích Ca, nên họ đều nhìn thấy thế giới Ta Bà. Ở dưới vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các cây báu, đều có tòa sư tử, trên mỗi tòa sư tử đều có Phật ngồi ở đó. Lại thấy Phật Thích Ca Mâu Ni, và Đức Đa Bảo Như Lai, đều ngồi trên tòa sư tử ở trong bảo tháp, nhìn thấy rõ ràng.

Lại thấy vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị đại Bồ Tát, và hàng bốn chúng cung, kính vây quanh đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Họ thấy như vậy rồi, thấy đều đại hoan hỷ được chưa từng có.

Họ lại thấy vô lượng vô biên đại Bồ Tát, từ dưới đất vọt lên, và tất cả bốn chúng đều cung kính vây quanh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau khi họ nhìn thấy như vậy rồi, thì thầy đều sinh tâm đại hoan hỷ nói : “Chúng ta chưa bao giờ thấy qua cảnh giới này, thật là không thể nghĩ bàn.”

Lúc đó, chư Thiên ở trong hư không lớn tiếng xướng lên rằng : Qua đây vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ thế giới, có cõi nước Ta Bà, trong đó có vị Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Hôm nay vì các đại Bồ Tát nói kinh đại thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm. Các vị nên thâm tâm tùy hỷ, cũng nên lễ lạy cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Lúc đó, chư thiên ở trong hư không lớn tiếng nói : “Xin đại chúng chú ý ! Qua đây có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ thế giới, có cõi nước tên là Ta Bà. Trong cõi nước đó, có Phật ra đời hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện tại, vì vô lượng vô biên đại Bồ Tát, diễn nói kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Vì diệu pháp này thanh tịnh như hoa sen. Hoa sen sinh ở trong

bùn mà chẳng nhiễm, hoa quả đồng thời rất thanh minh thần Thánh, cho nên lấy hoa sen làm tên kinh. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là vua trong các kinh. Bộ kinh này, là pháp giáo hóa đại Bồ Tát, bộ kinh này được mười phương chư Phật hộ niệm. Nếu hay thọ trì bộ kinh này, thì được mười phương chư Phật hộ niệm, mà đắc được cảnh giới trí huệ như biển. Các vị đại chúng nên thâm tâm tùy hỷ công đức, cũng nên lễ lạy cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni, thì chắc chắn có công đức vô lượng.”

Các chúng sinh đó, nghe tiếng nói ở trong hư không rồi, đều chấp tay hướng về thế giới Ta Bà mà nói rằng : Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật, đem các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, phan lọng, và các thứ đồ nghiêm thân, châu báu vật quý giá, đều từ xa rải xuống thế giới Ta Bà.

Các chúng sinh đó, nghe tiếng nói ở trong hư không rồi, đại chúng đều chấp tay lại hướng về thế giới Ta Bà mà nói rằng : “Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật ! Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật !” Sau đó, họ dùng các thứ hoa, các thứ hương, các thứ chuỗi ngọc, các thứ phan

lọng và các thứ mũ hoa, y tốt, đồ trang sức thân thể, với các châu báu vật quý, từ xa rải xuống thế giới Ta Bà.

Các thứ vật rải xuống đến từ mười phương, giống như mây tụ lại, biến thành màn báu, che khắp phía trên các đức Phật. Lúc đó, mười phương thế giới thông đạt vô ngại như một cõi Phật.

Các thứ vật rải xuống thế giới Ta Bà từ mười phương thế giới đến, giống như mây tụ lại biến thành màn báu, che khắp phía trên các Đức Phật ở thế giới Ta Bà. Lúc đó, mười phương thế giới đều thông đạt vô ngại, hợp thành một thế giới. Một thế giới và mười phương thế giới chẳng có phân biệt, thông đạt với nhau chẳng có chướng ngại.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng thượng hạnh Bồ Tát : Thần lực của chư Phật như thế, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Nếu ta dùng thần lực đó, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, vì chúc lụy nói công đức của kinh này, thì không thể nói hết được.

Lúc đó, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo đại Bồ Tát ở trong thượng hạnh Bồ Tát, cũng có thể nói Phật bảo đại chúng Bồ Tát từ dưới đất vọt lên : “Sức tự tại thần thông của chư Phật, như sức thần thông vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn vừa nói ở trên. Nếu ta dùng sức thần thông ấy, trong vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp thời gian, ta vì tất cả chúng sinh chúc lỹ. Dạy bạn làm việc gì đó là chúc, việc làm chẳng nhàm chẳng mệt mỏi là chúc lỹ. Khiến cho các Ngài truyền bá Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh Pháp Hoa, công đức đặc được, ta không thể nói hết được.

Tóm lại, hết thấy tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả việc thâm sâu của Như Lai, đều diễn nói hiển bày ở trong kinh này.

Nói tóm lại, hết thấy tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai, tất cả việc thâm sâu của Như Lai, đều diễn nói ra ở trong Kinh Pháp Hoa, chỉ bày cho các vị. Nói rõ hiển bày ra, chẳng giống như lúc trước giữ gìn diệu pháp. Hiện tại nói toạc ra hết, vì muốn cho các vị biết pháp thật tướng của đại thừa.

Bởi thế, sau khi Như Lai diệt rồi, các ông nên một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, theo như pháp mà tu hành.

Đức Phật Thích Ca nói : “ Vì lẽ đó, cho nên sau khi Như Lai diệt độ rồi, các ông nên chuyên tâm nhất chí để thọ trì Kinh Pháp Hoa này.” Bất cứ là đọc tụng, hoặc vì người giải nói, hoặc biên chép, đều phải y theo đạo lý nói ở trong Kinh Pháp Hoa mà tu hành.

Dù ở trong cõi nước nào, nếu có người thọ trì đọc tụng, giải nói biên chép, theo như trong kinh nói mà tu hành.

Bất cứ cõi nước nào, nếu như có người thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép kinh này, y chiếu theo đạo lý nói trong Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì có công đức không thể nghĩ bàn, đắc được cảnh giới sáu căn dụng với nhau.

Hoặc nơi nào có kinh này, hoặc ở trong vườn, hoặc ở trong rừng, hoặc ở dưới cây, hoặc ở phòng Tăng, hoặc ở nhà cư sĩ, hoặc ở trong Phật điện, hoặc ở hang núi khoáng dã, đều nên xây tháp cúng dường.

Bộ Kinh Pháp Hoa này ở chỗ nào, bất cứ là ở trong vườn, hoặc ở trong rừng, hoặc ở dưới gốc cây lớn, hoặc ở trong phòng của chư Tăng ở, hoặc ở trong nhà của cư sĩ, hoặc ở trong điện Phật, hoặc ở trong hang núi, hoặc ở nơi khoáng dã, đều nên xây tháp để cúng dường. Tóm lại, phàm là nơi nào có Kinh Pháp Hoa, đều phải khởi tâm cung kính lễ lạy, hoặc chấp tay, hoặc đánh lễ, đó là lễ nghi mà Phật tử nên biết.

Vì sao ? Nên biết nơi đó tức là đạo tràng. Chư Phật tử nơi đó mà đắc được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chư Phật tử nơi đó mà chuyển bánh xe pháp, chư Phật tử nơi đó mà vào Niết Bàn.

Tại sao chỗ nào có Kinh Pháp Hoa, thì nên xây bảo tháp cúng dường ? Nên biết nơi đó là đạo tràng thành đạo của Như Lai. Mười phương chư Phật từ Kinh Pháp Hoa, mà đắc được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Mười phương chư Phật từ Kinh Pháp Hoa mà chuyển bánh xe pháp, mười phương chư Phật từ Kinh Pháp Hoa mà vào Niết Bàn, chứng được thường lạc ngã tịnh bốn đức Niết Bàn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Đức Phật từ bi muốn tường thuật lại nghĩa lý ở trên vừa nói, bèn dùng kệ để nói.

**Chư Phật bậc cứu đời
Trụ nơi đại thần thông
Vì khiến chúng sinh vui
Hiện vô lượng thần lực.**

Bổn hoài của chư Phật là cứu đời, độ tất cả chúng sinh là khổ được vui. Chư Phật trụ ở sức đại thần thông, mới có thể cứu độ chúng sinh, nếu giống như một số người, thì dùng phương pháp gì để cứu độ chúng sinh ? Vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, được an vui cứu kính, cho nên mới hiện vô lượng sức thần thông.

**Tướng lưới đến Phạm Thiên
Thân phóng vô lượng quang
Vì người cầu Phật đạo
Hiện việc ít có này.**

Chư Phật hiện tướng lưới rộng dài đến cõi trời Phạm Thiên. Thân của chư Phật phóng ra vô lượng màu

sắc quang minh, vì chúng sinh cầu Vô thượng Phật đạo, mới hiện ra việc ít có như thế.

**Tiếng chư Phật cười nói
Và tiếng gảy móng tay
Đều vang khắp mười phương
Đất sáu thứ chấn động.**

Tiếng chư Phật cười nói nhỏ nhẹ và tiếng gảy móng tay, hai thứ âm thanh này tuy rất nhỏ, song có thể vang khắp mười phương cõi nước, mặt đất của các nước đều phát sinh sáu thứ chấn động.

Tiếng cười nói và tiếng khảy móng tay, là cảnh cáo chúng sinh đừng "túy sinh mộng tử" (sống say chết mộng), phải mau tỉnh ngộ, thọ trì Kinh Pháp Hoa. Bằng không, thì thời gian chẳng chờ đợi, trong nháy mắt thì vô thường đã đến. Lãng phí một đời, chẳng biết khi nào mới có cơ hội đọc tụng kinh này. Cổ đức có nói :

“Thân người khó được nay đã được,
Phật pháp khó nghe nay đã nghe;
Thân này đời này không độ,
Còn đợi khi nào mới độ thân này !”

**Sau Phật diệt độ rồi
Vì hay trì kinh này**

**Chú Phật đều hoan hỷ
Hiện vô lượng thần lực.**

Sau khi Phật vào Niết Bàn, vì hay thọ trì Kinh Pháp Hoa này, cho nên mười phương chư Phật đều sinh tâm hoan hỷ. Do đó, hiện ra vô lượng sức thần thông.

**Bởi chúc lữ kinh này
Khen ngợi người thọ trì
Ở trong vô lượng kiếp
Không thể nói hết được.**

Đức Phật chúc lữ tất cả Bồ Tát, và tất cả chúng sinh phải thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, truyền bá kinh này, khen ngợi người thọ trì Kinh Pháp Hoa, trải qua vô lượng vô biên cũng khen ngợi chẳng hết được.

**Công đức của người đó
Vô biên không cùng tận
Như mười phương hư không
Chẳng biết được bờ mé.**

Người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, được công đức chẳng có bờ mé, cũng chẳng cùng tận. Công đức đó vĩnh viễn tồn tại, giống như mười phương hư không tìm chẳng được bờ mé.

Có người nói : “Tức nhiên hư không chẳng có bờ mé, vậy công đức mà chúng ta thọ trì Kinh Pháp Hoa đại khái cũng chẳng có !” Bạn hiểu được gì cũng chẳng có, thì hiểu được gì cũng đều có. Đây chẳng phải nói tựa như hư không gì cũng chẳng có, mà là nói tựa như hư không chẳng có bờ mé, là tỉ dụ vô cùng vô tận. Trong chân không vốn có diệu hữu, bạn nhìn chẳng thấy diệu hữu thì cho rằng chẳng có. Kỳ thật là có, bất quá bạn chẳng minh bạch mà thôi.

**Người hay trì kinh này
Tức là đã thấy ta
Cũng thấy Phật Đa Bảo
Và các Phật phân thân.
Lại thấy ta hôm nay
Giáo hóa các Bồ Tát.**

Nếu người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì thấy được chân thân của Phật trong quá khứ, cũng thấy được Phật Đa Bảo đã diệt độ trong quá khứ, và tất cả Phật phân thân của ta. Lại thấy ta hiện tại ở trong bảo tháp giáo hóa hết thầy các Bồ Tát.

**Người hay trì kinh này
Khiến ta và phân thân**

**Phật Đa Bảo diệt độ
Hết thảy đều hoan hỷ.**

Người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, hay làm cho ta và chư Phật phân thân của ta, cùng với Phật Đa Bảo diệt độ từ lâu, đều sinh tâm đại hoan hỷ. Bởi vì người đó tinh tấn đọc tụng, giải nói, biên chép, truyền bá kinh này.

**Mười phương Phật hiện tại
Và quá khứ vị lai
Cũng thấy cũng cúng dường
Cũng khiến được hoan hỷ.**

Mười phương chư Phật hiện tại, và quá khứ vị lai chư Phật cũng thấy được, cũng cúng dường, cũng khiến cho chư Phật ba đời, đều được hoan hỷ.

**Chư Phật ngồi đạo tràng
Đắc được pháp bí yếu
Người hay trì kinh này
Chẳng lâu cũng sẽ được.**

Mười phương chư Phật ngồi ở bồ đề đạo tràng, ngộ được tạng pháp bí yếu. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, tương lai chẳng bao lâu, cũng sẽ đắc được pháp bí yếu của chư Phật.

**Người hay trì kinh này
Nói nghĩa của các pháp
Danh từ và lời lẽ
Nhạo thuyết không tận cùng.
Như gió trong hư không
Tất cả chẳng chướng ngại.**

Người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, đối với nghĩa lý của chư Phật thuyết pháp, như danh từ và lời lẽ ở trong kinh, đều đắc được cảnh giới nhạo thuyết vô ngại biện tài. Giống như gió ở trong hư không, chẳng bị vật gì làm chướng ngại được.

**Sau Như Lai diệt rồi
Hiểu kinh của Phật nói
Nhân duyên và thứ lớp
Theo nghĩa nói như thật.**

Sau khi Phật vào Niết Bàn, phải hiểu kinh điển của Phật nói, nhân duyên và thứ lớp. Tùy thuận nghĩa lý trong kinh, giải nói như thật, không thể làm trái ngược tâm ý của Phật. Cổ đức có nói :

“Y văn giải nghĩa tam thế Phật oan
Ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết.”

Do đó đủ biết, đối với nghĩa của kinh không thể hiểu lầm, phải nên cẩn thận.

**Như ánh sáng nhật nguyệt
Phá trừ sự tối tăm
Người đó tại thế gian
Diệt được tối chúng sinh.**

Giống như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hay chiếu sáng phá trừ tất cả những nơi tối tăm. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa ở trong thế gian hành đạo, thì sẽ trừ sạch tâm đen tối của chúng sinh. Đen tối ở trong tâm là gì ? Tức là vô minh. Vì vô minh nên ngu si, có ngu si thì có phiền não. Cho nên Phật pháp là pháp bảo phá vô minh. Phá vô minh rồi thì chẳng còn ngu si, trí huệ sẽ hiện tiền. Có trí huệ thì hiểu rõ sự lý, mới không làm việc điên đảo. Cho nên sau khi Đức Phật đắc đạo dưới cội bồ đề rồi, Ngài bèn nói : “Hết thảy chúng sinh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, song vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng đắc.”

**Dạy vô lượng Bồ Tát
Rốt ráo trụ một thừa
Cho nên người có trí
Nghe rồi được công đức.**

Giáo hóa vô lượng Bồ Tát, khiến cho họ phát tâm bồ đề, hành Bồ Tát đạo, rốt ráo trụ ở một thừa, tức là thành Phật. Bởi thế, phàm là người có trí huệ, nghe được thọ trì Kinh Pháp Hoa, có công đức lợi ích như thế, nên siêng năng thọ trì.

**Sau ta diệt độ rồi
Nên thọ trì kinh này
Người đó trụ Phật đạo
Chắc chắn không còn nghi.**

Đức Phật nói với đại chúng trong pháp hội rằng :
“Sau khi ta diệt độ rồi, mọi người nên thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, kinh này là kinh thành Phật. Người thọ trì Kinh Pháp Hoa này, thì sẽ trụ ở trong Phật đạo hoàn toàn chẳng còn nghi ngờ, tương lai chắc chắn sẽ thành Phật.”

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM CHÚC LŨY THỨ HAI MƯỜI HAI

Tại sao phải có Phẩm Chúc Lũy ? Vì kinh điển của Phật nói, là pháp giáo hóa tất cả chúng sinh. Pháp này phải có người hoằng dương truyền bá mới có diệu dụng, cho nên Đức Phật phân phối cho tất cả Bồ Tát, các vị A La Hán, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, khiến cho họ tương lai phải truyền bá bộ Kinh Pháp Hoa này.

Tại sao phải truyền bá kinh này ? Vì bộ kinh này là bộ kinh quan trọng nhất, là bộ kinh thành Phật. Phàm là chúng sinh chẳng có gieo trồng căn lành, thì khi nghe được một chữ, hoặc một câu, một bài kệ, một phẩm của kinh này, thì đều gieo trồng căn lành. Chúng sinh đã gieo trồng căn lành, thì bất cứ là nghe được một chữ, một câu, một bài kệ, một phẩm của kinh này, thì sẽ tăng trưởng căn lành. Chúng sinh đã tăng trưởng căn lành, mà nghe được một chữ, một câu, một bài kệ, một phẩm của kinh này, thì sẽ đắc được căn lành công đức thành thực. Chúng

sinh đã thành thực, nghe được một chữ, một câu, một bài kệ, một phẩm, một bộ của kinh này, thì sẽ đắc được giải thoát, giải thoát thì sẽ thành Phật.

Bất cứ loài chúng sinh nào, nghe được pháp âm của kinh này, hoặc hiểu nghĩa lý của kinh này, đều đắc được lợi ích và công đức. Cho nên, kinh này gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, vì có sự diệu như thế nên là vua trong các kinh.

Nói đơn giản, chúc lữ tức là truyền bá, nghĩa là từ nơi này mà truyền bá đến xứ khác, giống như đạo lý nước từ sông ngòi chảy vào biển cả. Ví như chỗ này chẳng có kinh Phật, thì có thể đến chỗ khác thỉnh kinh Phật về, để cho đại chúng đọc tụng. Người biết đạo lý Phật pháp, thì trong sự vô hình có thể cải ác hướng thiện, đó là truyền bá. Hoặc mọi người phát tâm ấn tống kinh, truyền bá đến nơi khác, tặng cho mọi người đọc tụng, để có cơ hội hiểu biết Phật pháp. Công đức đó lớn vô cùng, chắc chắn sẽ khai mở trí huệ, do đó có câu :

“Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển.”

Mọi người hãy chú ý ! Không thể ấn tống một quyển kinh cho mình dùng, để mình khai trí huệ, mà là ấn tống kinh điển số nhiều, khiến cho mọi người đều có cơ hội khai mở trí huệ. Có trí huệ rồi, thì phân biệt được thiện ác, hiểu rõ thị phi, tuyệt đối chẳng làm việc điên đảo.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca tử pháp tòa đứng dậy, hiện sức đại thần thông, dùng tay phải rờ đầu vô lượng đại Bồ Tát, mà nói rằng : Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Nay đem phó chúc cho các ông, các ông nên một lòng truyền bá pháp này, khiến cho chúng sinh được nhiều lợi ích của pháp.

Đức Phật nói Phẩm Thần Lực của Như Lai rồi, bèn nói tiếp Phẩm Chúc Lũy, bèn từ tòa ngồi đứng dậy hiện ra sức thần thông rất lớn, duỗi tay phải ra rờ đầu vô lượng vị đại Bồ Tát. Đó là biểu thị sự gia trì, tưới nước pháp đại trí huệ. Đối với các vị đại Bồ Tát mà nói rằng : “Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Diệu pháp này là Kinh Pháp Hoa, mà ta đang giảng nói cho các ông nghe.” Phật lại nói : “Hôm nay ta phó chúc cho các ông đại chúng, các ông nên thọ trì đọc tụng pháp này, rộng vì chúng sinh diễn nói pháp này, khiến cho khắp tất cả chúng sinh đều nghe biết pháp này.”

Rờ đầu các vị đại Bồ Tát như thế ba lần, bèn nói rằng : Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu tập pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Hôm nay phó chúc cho các ông, các ông nên thọ trì, đọc tụng, rộng nói pháp này, khiến cho tất cả chúng sinh đều được nghe biết.

Đức Phật Thích Ca rờ đầu các vị đại Bồ Tát như thế ba lần, bèn nói như vậy : ‘‘Ta ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tu học pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác khó được này. Hôm nay ta phó chúc cho các ông đại chúng, các ông nên thọ trì, đọc tụng pháp này, khiến cho khắp tất cả chúng sinh đều nghe biết pháp này.’’

Vì sao ? Vì Như Lai có đại từ bi, chẳng có san tham, cũng chẳng có sợ hãi, có thể ban cho chúng sinh trí huệ của Phật, trí huệ của Như Lai, trí huệ tự nhiên. Như Lai là đại thí chủ của tất cả

chúng sinh. Các ông cũng nên theo học pháp của Như Lai, chỗ sinh tâm san tham.

Vì nhân duyên gì ? Vì Như Lai có tâm đại từ bi (từ hay ban vui, bi hay cứu khổ), chẳng có san tham không xả, cũng chẳng có sợ hãi. Lại hay bố thí cho tất cả chúng sinh trí huệ của Phật, tức cũng là trí huệ của bậc Đại Giác. Trí huệ của Như Lai tức là đại viên cảnh trí. Trí huệ tự nhiên tức là trí huệ tự tánh vốn có sẵn. Phật đem hết thảy pháp của Ngài bố thí cho tất cả chúng sinh, cho nên Như Lai là đại thí chủ của tất cả chúng sinh.

Phật lại nói : “Các ông đại chúng nên theo học pháp của Như Lai, ngàn vạn đừng sinh tâm san tham không xả bỏ.” Giống như tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già, trong quá khứ, tôn giả là đại thiện trí thức có năm vị đệ tử, nhưng tôn giả chẳng nói pháp cho đệ tử nghe, cho nên trông xuống hạt giống một đời ngu si. Khi Đức Phật thu nhận đệ tử, quy định phải niệm bốn câu kệ để làm phương châm :

Thân miệng ý nghiệp chẳng làm ác,
Đừng làm tổn hại các hữu tình thế gian,
Chánh niệm quán tri dục cảm không,
Nên xa lìa các sự khổ vô ích.”

Tôn giả chẳng nhớ đặng. Sau Phật dạy tôn giả niệm hai chữ “Chối quết”, tôn giả niệm rất lâu mới nhớ được.

Phật lại dạy tôn giả niệm hai chữ “Trừ ược.” Lại niệm rất lâu. Một ngày nọ, khi tôn giả quét thì đột nhiên khai ngộ. Tôn giả quét sạch rác rến dơ bẩn trong tâm, chẳng còn phiền não, sau chứng được quả vị A La Hán, trở thành vị đại đệ tử "trì nghĩa đệ nhất".

Ở đời vị lai sau này, nếu có người thiện nam, người thiện nữ, tin trí huệ của Như Lai, thì nên vì họ diễn nói Kinh Pháp Hoa này, khiến cho họ được nghe biết, vì muốn khiến cho họ đắc được trí huệ của Phật.

Khi ở đời vị lai sau này, như có người nam, người nữ, tu năm giới hành thập thiện, tin sâu trí huệ của Như Lai, thì ông nên vì họ diễn nói Kinh Pháp Hoa này, khiến cho họ được nghe Kinh Pháp Hoa, thấu rõ nghĩa lý của Kinh Pháp Hoa. Vì khiến cho họ đắc được trí huệ của Phật.

Nếu có chúng sinh chẳng tin nhận thọ trì kinh này, thì nên đem pháp thâm sâu khác của Như Lai, mà khai thị giáo hóa họ, khiến cho họ được lợi ích sinh tâm

hoan hỷ. Nếu các ông làm được như thế, tức là đã báo được ân đức của chư Phật.

Nếu như có chúng sinh, chẳng những họ chẳng tin Kinh Pháp Hoa, mà họ cũng chẳng thọ trì pháp môn Kinh Pháp Hoa. Vậy các ông nên đem pháp thâm sâu khác của Như Lai, mà khai thị cho họ, giáo hóa họ, khiến cho họ đắc được lợi ích, mà sinh tâm hoan hỷ. Các ông đại chúng làm được như thế, thì đó là đã báo đáp được ân đức của mười phương chư Phật.

Lúc đó, các vị đại Bồ Tát nghe đức Phật nói như thế rồi, thấy đều đại hoan hỷ, khắp toàn thân đều thêm cung kính, khom mình cúi đầu, chấp tay hướng về đức Phật đồng nói rằng : Như lời đức Thế Tôn dạy, chúng con sẽ phụng hành, xin đức Thế Tôn đừng có lo lắng.

Khi các vị đại Bồ Tát đó nghe Đức Phật nói như thế rồi, thấy đều đại hoan hỷ, toàn thân đều hoan hỷ, rất cung kính đức Phật, bèn khom mình cúi đầu chấp tay hướng về Đức Phật. Đại chúng khác miệng cùng lời nói rằng : “Đức Thế Tôn ! Chúng con xin tuân lời của Ngài dạy,

đều y giáo phụng hành, nhất định chẳng quên, xin Đức Thế Tôn an tâm, đừng lo lắng về chuyện này.”

Các vị đại Bồ Tát bạch như thế ba lần, đều cùng nhau nói : Như lời đức Thế Tôn dạy, chúng con đều sẽ phụng hành, xin đức Thế Tôn đừng có lo lắng.

Các đại chúng Bồ Tát bạch như thế ba lần. Đại chúng cùng nhau nói rằng : “Đức Thế Tôn ! Như lời của Ngài dạy, chúng con nhất định y pháp phụng hành. Xin nguyện Đức Thế Tôn đừng có lo lắng.”

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khiến cho các đức Phật phân thân đến từ mười phương, đều trở về nước của các Ngài mà nói rằng : Các đức Phật hãy trở về chỗ của mình. Tháp của đức Phật Đa Bảo cũng trở về chỗ cũ.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khiến cho các Đức Phật phân thân đến từ mười phương, đều trở về cõi nước của các Ngài. Tháp của Phật Đa Bảo đến chứng minh Kinh Pháp Hoa hiện tại, cũng trở về thế giới ở phương dưới.

Khi nói lời đó, thì vô lượng phân thân chư Phật trong mười phương, ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, và đức Phật Đa Bảo, cùng với vô biên A tăng kỳ đại chúng Bồ Tát thượng hạnh, Ngài Xá Lợi Phất, hàng Thanh Văn bốn chúng, và tất cả thế gian, trời, người, A tu la, nghe lời đức Phật nói, thấy đều đại hoan hỷ.

Khi Đức Phật nói lời đó, thì vô lượng phân thân chư Phật trong mười phương, ngồi trên tòa sư tử dưới cây bồ đề, và Đức Phật Đa Bảo, cùng với vô biên A tăng kỳ đại chúng Bồ Tát thượng hạnh, Xá Lợi Phất và hàng Thanh Văn bốn chúng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, và tất cả thế gian trời, người, A tu la, nghe lời Phật nói rồi, thấy đều đại hoan hỷ.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN SÁU

PHẨM BỐN SỰ CỦA BỒ TÁT DƯỢC VƯƠNG THỨ HAI MƯỜI BA

Bồ Tát Dược Vương chuyên tu khổ hạnh. Thứ khổ hạnh này, là thứ khổ hạnh khó thực hành nhất, một số người chẳng làm được. Vị Bồ Tát này, thuở xưa danh hiệu là Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến. Theo tên mà suy nghĩa thì, Ngài và tất cả chúng sinh kết duyên lành, cho nên chúng sinh đều hoan hỷ gặp Ngài.

Vị Bồ Tát này từng phát tâm đốt thân cúng dường Phật. Sự cúng dường này chẳng phải một số người làm được. Có người khởi vọng tưởng : “Ngài chẳng biết đau chẳng ?

- “Tôi tin rằng Ngài biết đau, nhưng Ngài nhẫn thọ, kiên thành đem thân thể cúng dường Phật. Tôi lại tin rằng Ngài chẳng biết đau. Tại sao ? Vì Ngài đã quên mất thân của mình, tinh thần tập trung quán tưởng, thân thể là

do bốn đại năm uẩn giả hòa hợp huyền thân mà thôi, chẳng có chỗ nào đáng ưa thích cho nên chẳng biết đau.

Tóm lại, bất luận là biết đau hay không biết đau, Ngài xả được thân để cúng Phật, đó là chân cúng dường. Vị Bồ Tát này từ bi nhất, chúng sinh có bệnh tật, thì Ngài nhất định vì họ giải trừ bệnh khổ, cho nên tất cả chúng sinh đều hoan hỷ gặp Ngài.

“Bổn sự” là nói rõ sự tích tu hành của kiếp trước. Phẩm này nói về tinh thần của Bồ Tát Dược Vương, vì pháp mà quên mình, cho nên thành tựu viên thông vô ngại phẩm đức và trí huệ. Phẩm này là phẩm thứ hai mươi ba trong Kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ, Bồ Tát Tú Vương Hoa bạch Đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Dược Vương đến thế giới Ta Bà như thế nào ? Đức Thế Tôn ! Bồ Tát Dược Vương đó, có bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Na do tha sự khổ hạnh khó làm ? Lành thay đức Thế Tôn ! Xin Ngài hãy nói ra một ít.

Lúc đó, Bồ Tát Tú Vương Hoa bạch Đức Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Con ở trong hội Lăng Nghiêm nghe được Bồ Tát Dược Vương giảng pháp viên thông, song chẳng hiểu Ngài đến thế giới Ta Bà như thế nào, có nhân duyên gì ? Xin Đức Thế Tôn từ bi vì con giải nói.”

“Đức Thế Tôn ! Vị Bồ Tát Dược Vương đó, phát nguyện cứu hộ tất cả bệnh tật của tất cả chúng sinh, trong bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Na do tha kiếp, nhất định có nhiều sự khổ hạnh khó làm. Xin Đức Thế Tôn vì đại chúng trong pháp hội, hãy nói việc của Bồ Tát Dược Vương tu khổ hạnh để cho đại chúng biết.”

Chư thiên, rồng, thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, chẳng phải người. Lại có các Bồ Tát từ cõi nước khác đến, và chúng Thanh Văn ở đây nghe được, đều rất hoan hỷ.

Trời rồng tám bộ và quỷ thần. Lại có các vị đại Bồ Tát từ mười phương đến, và chúng Thanh Văn ở trong pháp hội này, nghe được Bồ Tát Tú Vương Hoa thỉnh vấn Phật như thế, đều rất hoan hỷ.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa : Thuở xưa, trải qua vô lượng số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, có vị Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó, có tám mươi ức vị đại Bồ Tát, bảy mươi hai Hằng hà sa chúng đại Thanh Văn. Đức Phật đó, thọ mạng bốn vạn hai nghìn kiếp, Bồ Tát thọ mạng cũng đồng nhau.

Lúc đó, Đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng :
“Thuở xưa trải qua vô lượng hằng hà sa số kiếp, có một vị Phật ra đời, hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Vị Phật đó có tám mươi ức đại Bồ Tát, lại có bảy mươi hai Hằng hà sa số đại Thanh Văn chúng. Vị Phật đó sống lâu đến bốn vạn hai nghìn kiếp, các vị Bồ Tát trong cõi nước đó, cũng sống lâu đến như vậy.”

Nước đó, chẳng có người nữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la, cũng chẳng có các hoạn nạn. Mặt đất bằng lưu ly, bằng phẳng như bàn tay, cây báu trang nghiêm, màn báu che phía trên. Lại có hoa báu, phan báu, thòng rũ xuống, bình báu lử hưởng khắp trong cõi nước đó.

Trong cõi nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đúc, chẳng có người nữ, đều là người nam. Vì sao ? Vì do hoa sen hóa sinh ra, cho nên thân thể của họ thanh tịnh. Chẳng có bốn đường ác, cũng chẳng có tám nạn. Tám nạn là gì ? Tức là:

- 1). Nạn khổ não.
- 2). Nạn lửa lớn.
- 3). Nạn nước lớn.
- 4). Nạn thú dữ.
- 5). Nạn đao binh.
- 6). Nạn loài quý.
- 7). Nạn công cùm.
- 8). Nạn trộm cướp.

Lại có thể nói là :

- 1). Địa ngục.
- 2). Ngạ quỷ.
- 3). Súc sinh.
- 4). Sinh về Bắc Câu Lưu Châu (châu này quá sung sướng, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, chẳng gặp Tăng).
- 5). Trời Trường Thọ (trời Vô Tướng thuộc sắc giới, nơi của ngoại đạo ở).
- 6). Đui, điếc, câm ngọng (sáu căn không đủ).
- 7). Thế trí biện thông (thông minh bị thông minh lừa).

8). Sinh ra trước Phật, hay sau Phật (sinh ra chẳng gặp Phật). Chúng sinh ở trong cõi đó chẳng có những khổ nạn ấy.

Mặt đất cõi nước đó, bằng phẳng như bàn tay, chẳng có gò, đồi, chỗ lồi lõm. Tại sao ? Vì chúng sinh trong cõi đó, đều tâm bình khí hòa, cho nên mặt đất bằng phẳng. Nếu tâm người không bình, thì sẽ hiện ra sơn hà đại địa. Mặt đất cõi đó chẳng những bằng phẳng, mà đất đều bằng chất lưu ly. Lại có cây bằng bảy báu, ngay thẳng thành hàng, trang nghiêm cõi nước, lại có màn báu lọng báu che ở phía trên, còn có hoa báu, phan báu, thông rữ xuống, và có bình báu, lư hương báu, khắp cõi nước đó, nơi nào cũng có cảnh giới trang nghiêm như thế.

Bảy báu làm đài, mỗi cây thì có mỗi đài. Từ cây đến đài cách một đường tên. Dưới các cây báu đó, đều có các vị Bồ Tát và các vị Thanh Văn ngồi. Ở trên các đài báu, mỗi đài đều có trăm ức chư Thiên diễn tấu âm nhạc, ca xướng, khen ngợi Phật để cúng dường.

Dùng bảy báu làm đài, mỗi cây thì có mỗi đài. Cây cách đài một đường mũi tên (một trăm hai mươi bộ). Dưới các cây báu đó, đều có Bồ Tát và hàng Thanh Văn đang ngồi tĩnh tọa ở đó. Trên mỗi đài báu, đều có hàng

trăm ức chư thiên diễn tấu âm nhạc, ca xướng, tán thán Phật để dâng lên cúng dường.

Bấy giờ, đức Phật đó vì Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, và các chúng Bồ Tát, các chúng hàng Thanh Văn, diễn nói Kinh Pháp Hoa. Vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đó, thích tu khổ hạnh, bèn ở trong pháp của đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu Phật đạo.

Lúc đó, Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, vì Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, các vị đại Bồ Tát, và các chúng hàng Thanh Văn, diễn nói Kinh Pháp Hoa. Vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đó, hoan hỷ tu khổ hạnh. Ngài ở trong pháp của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức tinh tấn kinh hành, chẳng giải đãi, thường ngồi thiền ở dưới gốc cây, chuyên tâm cầu Phật đạo.

Trọn một vạn hai ngàn năm rồi, thì đắc được tam muội hiện tất cả sắc thân. Được tam muội đó rồi, thì tâm rất hoan hỷ, bèn nghĩ như vậy : Ta được tam muội

hiện tất cả sắc thân, đều là do nghe Kinh Pháp Hoa. Nay ta nên cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức, và Kinh Pháp Hoa.

Đã trọn một vạn hai nghìn năm rồi, thì đắc được tam muội hiện nhất thiết sắc thân, tức cũng là biến hiện được tất cả sắc thân, giáo hóa tất cả chúng sinh. Tóm lại, thấy người thì biến ra người để giáo hóa họ, thấy chó thì biến ra chó để giáo hóa. Bất cứ chúng sinh gì, cũng đều biến hiện ra được thân đồng loại, để giáo hóa độ thoát, khiến cho tất cả chúng sinh liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui.

Bồ Tát đắc được tam muội hiện nhất thiết sắc thân rồi, thì trong tâm rất hoan hỷ, bèn nghĩ như vậy :”Ta chúng được chánh định này, đều là do nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên nay ta nên cúng dường Đức Phật Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đó là nhờ Phật gia trì, nên khiến cho ta chuyên tâm thọ trì bộ kinh này.”

Lập tức, nhập vào tam muội đó, ở trong hư không mưa xuống hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, bột hương kiên hắc chiên đàn, đầy khắp ở trong hư

**không, như mây giăng bủa, lại mưa xuống
hương thơm hải thử ngàn chiêm đàn.
Hương đó lục thù giá trị như một thế giới
Ta Bà, dùng để cúng dường đức Phật.**

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, lập tức nhập vào tam muội Hiện nhất thiết sắc thân. Ở trong hư không mưa xuống hoa mạn đà la (hoa tiểu bạch) và hoa ma ha mạn đà la (hoa đại bạch). Lại mưa hương bột kiên hắc chiêm đàn, đầy khắp hư không, giống như mây giăng bủa dày đặc. Lại mưa xuống hương thơm hải thử ngàn chiêm đàn. Thứ hương này quý giá vô cùng, sản xuất tại bờ biển phía bắc Nam Diêm Phù Đề này. Thứ hương này, nặng khoảng lục thù (hai mươi bốn thù là một lượng), thì giá trị đồng như giá trị của một thế giới Ta Bà. Tóm lại, dùng một thế giới Ta Bà (ba ngàn đại thiên thế giới) mới đổi lấy sáu thù hương hải thử ngàn chiêm đàn, dùng thứ hương này để cúng dường Đức Phật.

**Cúng dường như thế rồi, tử tam muội
dậy, bèn tự nghĩ rằng : Tuy ta dùng thần
lực cúng dường đức Phật, chẳng bằng
dùng thân cúng dường, bèn thoa các thứ
hương thơm chiêm đàn, hương huân lục,
hương suất lâu bà, hương tất lực ca, trầm**

thủy giao hưởng. Lại uống thêm bậc, các thứ dầu thơm của hoa.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến dùng các thứ hoa quý và hương thơm cúng dường Phật rồi, bèn từ tam muội Hiện tất cả sắc thân xuất định, tự nghĩ như vậy : "Hiện tại tuy ta dùng sức thần thông cúng dường Phật, song chẳng bằng dùng thân của mình để cúng dường Phật." Lập tức, uống tất cả các thứ dầu thơm như : Hương chiên đàn, hương huân lục, hương suất lâu bà, hương tất lực ca, hương trầm thủy, giao hưởng, khiến cho bên trong thân thể ngũ tạng lục phủ, đều được thanh tịnh. Lại uống dầu thơm thêm bậc, chế tạo từ các thứ hoa, khiến cho thân được thanh tịnh.

Trọn một ngàn hai trăm năm rồi, lại dùng dầu thơm thoa thân, ở trước đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, dùng y báu trời mà quấn vào thân mình, lại tưới các thứ dầu thơm, dùng sức thần thông nguyện lực mà tự đốt thân, ánh sáng chiếu soi khắp tám mươi ức Hằng hà sa thế giới.

Uống các thứ dầu hoa thơm như thế, trải qua một ngàn hai trăm năm rồi, lại dùng các thứ dầu thơm thoa

lên thân mình, ở trước Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, bèn dùng y báu trời quần vào thân mình. Lại tưới các thứ đầu thơm lên y trời, sau đó dùng thần thông nguyện lực, dùng lửa tam muội thiêu đốt thân mình, ánh sáng chiếu khắp đến tám mươi ức Hằng hà sa thế giới.

Chư Phật ở trong các cõi nước đó, đồng thời khen ngợi rằng : Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Đó mới là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai. Nếu dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan lọng bằng lụa cõi trời, và hưởng hải thủ ngạn chiên đàn, cúng dường các thứ đồ vật như thế, không thể bằng được, nếu đem đất nước vợ con bố thí, cũng chẳng bằng được.

Các Đức Phật ở trong tám mươi ức Hằng hà sa thế giới, thấy Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đốt thân cúng dường Phật như thế, chư Phật bèn cùng nhau khen ngợi nói : “Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Đó mới là chân chánh tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Đức Phật.”

Vào đời Tùy, Trí Giả đại sư, một ngày nọ, đọc đến hai câu kinh văn này, thì hốt nhiên nhập định, đắc được Nhất toàn Đà la ni (hết thảy kinh điển ở trong thời gian rất ngắn, hoàn toàn minh bạch hết, thông đạt vô ngại). Lúc đó, Trí Giả đại sư thấy pháp hội Linh Sơn vẫn còn chưa tan. Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn ngồi trên pháp tòa, đang diễn nói Kinh Pháp Hoa.

Hoặc dùng các thứ hương hoa, chuỗi ngọc, và hương đốt, hương bột, hương xoa, hoặc dùng lọng báu, và phan báu trời, cùng với hương hải thủ ngạn chiên đàn. Dùng các thứ đồ vật như thế, cúng dường Đức Phật, công đức chẳng bằng đốt thân cúng dường. Nếu như, dùng đất nước vợ con để bố thí, công đức cũng chẳng bằng đốt thân cúng dường. Do đó, đủ biết công đức đốt thân cúng Phật, không thể nào sánh được.

Thiện nam tử ! Đó là bố thí bậc nhất, ở trong các sự bố thí, là trên hơn hết, vì dùng pháp cúng dường các đức Như Lai. Nói lời đó rồi, thầy đều yên lặng. Thân Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, đốt cháy trải qua một ngàn hai trăm năm mới cháy hết.

Chư Phật lại đồng thời lại tán thán nói :”Thiện nam tử ! Ông đốt thân bố thí cúng dường Phật, mới là bố thí bậc nhất. Ở trong tất cả sự bố thí, thì sự bố thí này là trên hơn hết.” Dùng sắc thân để cúng dường Phật tức là nhân duyên thành tựu pháp thân. Chư Phật khen ngợi Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rồi, thấy đều yên lặng.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, dùng lửa thật tam muội thiêu đốt thân mình, trải qua một ngàn hai trăm năm thân mới cháy hết. Tinh thần đốt thân cúng Phật, thật là vĩ đại nhất. Sau này, cũng có nhiều người thực hành, như đốt ngón tay cúng Phật, như Lão Hòa Thượng Hư Vân, từng đốt ngón tay cúng Phật.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến, theo như pháp cúng dường rồi. Sau khi mạng chung, lại sinh vào trong nước của đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, sinh ra trong nhà vua Tịnh Đức, ngồi kiết già, hốt nhiên hóa sinh, bèn vì vua cha mà nói kệ rằng :

Vị Bồ Tát đó, sau khi làm xong chân pháp cúng dường như thế rồi, khi mạng chung, bèn sinh trở lại nước của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, sinh ra trong nhà vua Tịnh Đức, ngồi kiết già hốt nhiên hóa sinh ra một em

bé, gọi ông vua Tịnh Đức là cha, lập tức vì vua Tịnh Đức nói bài kệ:

**Nay đại vương nên biết!
Con tu hành chốn kia
Lập tức được tam muội
Hiện tất cả sắc thân.
Siêng hành đại tinh tấn
Bỏ sự thương tiếc thân
Cúng dường đức Thế Tôn
Để cầu vô thượng trí.**

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến (tên đời trước của Ngài, đời kế tiếp cũng là tên của Ngài), nói với vua Tịnh Đức rằng : ‘Đại vương ! Ngài nên biết, con đã từng tu hành ở chỗ Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, chẳng khi nào giải đãi. Nghe Đức Phật diễn nói Kinh Pháp Hoa, con y theo đạo lý trong kinh mà tu trì, cho nên lập tức chứng được tam muội hiện tất cả sắc thân.

Con siêng năng tu hành pháp môn này, dững mãi tinh tấn, thân tinh tấn, tâm tinh tấn. Xả bỏ sự thương thân mạng, con thành tâm dùng lửa tam muội thiêu đốt thân con, để cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh

Đức. Tại sao phải làm như thế ? Vì muốn cầu vô thượng đạo, tức cũng là trí huệ của Phật, đại viên cảnh trí.”

Nói bài kệ đó rồi, bèn bạch vua cha rằng : Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, hiện nay vẫn còn, trước hết con cúng dường đức Phật rồi, đắc được Đà la ni hiểu tất cả ngôn ngữ của chúng sinh, lại nghe Kinh Pháp Hoa này, gồm có tám trăm ngàn vạn ức Na do tha, chân ca la, tân bà la, a môn bà, bài kệ.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói bài kệ ở trên rồi, lại nói với vua Tịnh Đức rằng : “Phụ vương ! Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức hiện nay, vẫn còn ở trong thế giới này. Trước hết, con cúng dường Đức Phật đó, bèn đắc được Đà la ni hiểu tất cả ngôn ngữ của chúng sinh. Tức cũng là pháp môn bất cứ ngôn ngữ nào chẳng học mà tự hiểu, chẳng thấy mà tự biết. Con còn nghe Kinh Pháp Hoa, kinh đó gồm có tám ngàn vạn ức Na do tha (ức số) bài kệ, lại có Chân ca la (số mục thứ mười sáu), Tân bà la (số mục thứ mười tám), A môn bà (số mục thứ mười hai, tức có khoảng năm mươi hai thứ đại số mục) bài kệ.”

Đại vương ! Nay con sẽ trở lại cúng dường đức Phật đó. Nói rồi bèn ngồi trên đài bảy báu, thẳng lên hư không cao bảy cây đa la, đến chỗ đức Phật rồi, cúi đầu đánh lễ, chấp tay lại dùng kệ để khen ngợi đức Phật.

“Đại vương ! Hiện nay con sẽ trở lại chỗ Đức Phật, để tiếp tục cúng dường vị Phật đó.” Nói xong rồi bèn ngồi lên đài làm bằng bảy báu, từ từ thẳng lên hư không, cao khoảng bảy cây đa la (mỗi cây cao hơn 60 thước). Hướng về chỗ Đức Phật, sau khi đến nơi rồi, lập tức năm thể sát đất đánh lễ Phật, chấp tay lại dùng kệ để khen ngợi Phật.

**Dung nhan rất xinh đẹp
Quang minh chiếu mười phương
Trước con từng cúng dường
Nay trở lại gặp Phật.**

Dung nhan của Phật rất xinh đẹp lạ thường, có ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp. Quang minh của Phật chiếu sáng khắp mười phương thế giới. Đời trước con đã từng cúng dường Phật, hiện tại con lại đến gần gũi Phật.

Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói kệ đó rồi, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Đức Thế Tôn ! Ngài vẫn còn ở đời ư !

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói bài kệ ở trên xong rồi, lại nói với Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức rằng : “Đức Thế Tôn ! Đức Thế Tôn ! Ngài vẫn còn ở đời ư ? Kiếp trước con đã gặp Ngài, đời này lại gặp Ngài nữa, con và Đức Thế Tôn còn nhân duyên.”

Bấy giờ, đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến : Thiện nam tử ! Giờ ta vào Niết Bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến, ông nên xếp đặt giường tòa, trong đêm nay ta sẽ vào Niết Bàn.

Lúc đó, Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng : “Thiện nam tử ! Giờ ta vào Niết Bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến ! Bây giờ ông có thể xếp đặt giường tòa, chuẩn bị sẵn sàng, vào nửa đêm nay, ta sẽ vào đại bát Niết Bàn.”

Khi Phật ra đời thì đều vào ban ngày, biểu thị ánh sáng mặt trời chiếu sáng thế giới. Khi Phật vào Niết Bàn

thì đều vào nửa đêm, biểu thị thế giới sẽ phải đen tối. Chẳng phải nói là, sau khi Phật vào Niết Bàn thì thế giới sẽ đen tối, mà là nói vào thời mạt pháp, khi Phật pháp diệt rồi, thì tâm con người bị vô minh che đậy, chẳng có trí huệ quang minh.

Lại bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng : Thiện nam tử ! Ta đem Phật pháp phó chúc cho ông, và các Bồ Tát đại đệ tử, cùng với pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng đem ba ngàn đại thiên thế giới bảy báu, các cây báu, đài báu, và cung cấp chư Thiên hầu hạ, thảy đều giao phó cho ông. Sau khi ta diệt độ, hết thảy xá lợi cũng phó chúc cho ông, nên truyền bá, rộng thiết lập cúng dường, nên xây hàng ngàn ngôi tháp. Phật Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức dạy Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến như thế rồi, vào khoảng cuối đêm bèn vào Niết Bàn.

Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức lại bảo Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng : “Thiện nam tử ! Hết thầy Phật pháp của ta, đều giao phó chúc cho ông và các vị Bồ Tát đại đệ tử, cùng với pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lại đem ba ngàn đại thiên thế giới bằng bảy báu, lại có cây báu và đài báu, lại có chư Thiên cung cấp hầu hạ, đều hoàn toàn phó chúc cho ông. Ông phải hạnh khổ, sau khi ta diệt độ, thiêu hóa được xá lợi, cũng đều phó chúc cho ông, ông vì ta mà xử lý hậu sự. Nên truyền bá Phật pháp, lưu rộng xá lợi xây tháp cúng dường, nên xây hàng ngàn bảo tháp làm nơi cúng dường xá lợi.” Phật phó chúc rồi, vào khoảng cuối đêm bèn vào Niết Bàn.

Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến thấy đức Phật diệt độ, thì rất buồn rầu, tâm não luyện mộ đức Phật, bèn dùng gỗ hải thủ ngàn chiên đàn cúng dường thân Phật, để hỏa thiêu thân của Ngài. Sau khi lửa tắt, thu lấy xá lợi, phân chia ra tám vạn bốn ngàn bình báu, xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp, cao ba thế giới, biểu sát trang nghiêm, thông rừ các phan lọng, và treo các linh báu.

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến thấy Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức vào Niết Bàn, thì rất buồn thảm áo não nghĩ rằng : “Tại sao mình không giữ Phật ở lại đời ? Nếu thỉnh Phật ở lại đời, thì Phật hứa sẽ không vào Niết Bàn.” Ngài luyện mộ nhớ Đức Phật, không đành lìa khỏi Phật. Sau khi Phật vào Niết Bàn, bèn dùng gỗ hải tử ngạn chiên đàn, loại gỗ quý nhất để làm giàn thiêu hoá di thể của Phật. Sau khi thiêu hóa xong di thể của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, thu được rất nhiều xá lợi, phân ra đựng trong tám vạn bốn ngàn bình báu, lại xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp báu, cúng dường xá lợi ở trong bình báu. Tháp đó cao ba thế giới. Ở trước bảo tháp có biểu sát rất trang nghiêm, treo tất cả phan lọng và các linh báu, vang ra âm thanh vi diệu xa gần đều nghe.

Nói đến đây, tôi nhớ tới chuyện của Ngài Ấn Quang đại sư, Ngài ngồi niệm Phật rồi thị tịch tại núi Linh Nham ở Tô Châu, khi hỏa thiêu thì dùng gỗ chiên đàn để thiêu di thể. Lúc đó, người tham dự chẳng biết là bao nhiêu. Từ trên núi xuống dưới chân núi khoảng ba dặm, mà đây đây mọi người đều đến đưa đám. Sau khi thiêu xong thì lượm được rất nhiều xá lợi năm màu.

Ngài Ấn Quang chẳng những dụng công tu hành, mà còn tinh thông kinh điển. Ngài tu ở trên núi Phổ Đà mười tám năm. Trong thời gian đó, Ngài chuyên tâm duyệt đọc Đại Tạng Kinh. Khi duyệt đọc thì ngồi ngay

thăng, cung kính cầm quyển kinh. Khi vào nhà cầu thời cởi y áo giày dép, thay đổi áo khác giày khác để vào. Trở ra thì mặc vào lại. Vì cung kính như thế, cho nên đã khai ngộ. Sau khi khai ngộ thì chuyên môn niệm “Nam Mô A Di Đà Phật,” sáu chữ hồng danh.

Về sau thành lập đạo tràng ở trên núi Linh Nham ở Tô Châu, đề xướng pháp môn niệm Phật, pháp môn này rất dễ tu trì. Ngài Ấn Quang về mặt học vấn và đạo đức đều là thượng thừa, chẳng hổ là một bậc cao Tăng. Đáng tiếc giọng nói quá nặng (người ở Xiêm Tây Cáp Dương), một số người chẳng hiểu lời của Ngài nói. Cho nên, Ngài rất ít giảng kinh thuyết pháp. Song, Ngài dùng văn tự để tuyên dương Phật pháp. Do đó, có câu :

“Lời nói khuyên người một thời,
Sách vở khuyên người trăm đời.”

Do đó, lưu lại văn sao của Ngài Ấn Quang, người sau được ích lợi không ít.

Một năm nọ, Ngài Ấn Quang đến Nam Kinh giảng kinh, cũng có thể người tin Phật rất ít, mấy ngày đầu còn có người nghe kinh, về sau dần dần giảm bớt. Cuối cùng chỉ còn một người ngồi ở đó nghe. Ngài Ấn Quang từ pháp tòa nhìn xuống đạo tràng rộng lớn, mà chỉ có một người nghe kinh, tâm nghĩ, "một người nghe kinh cũng phải giảng kinh".

Sau khi giảng xong, rời khỏi pháp toà đến trước người đó bèn hỏi : “Cư sĩ ! Ông có hiểu tôi giảng kinh chăng ?”

- Người đó đáp : “Tôi chăng hiểu Ngài giảng cái gì ?”

- Ngài Ấn Quang trả lời : “Nếu ông không hiểu, sao lại đến nghe kinh ?”

- Người đó đáp : “Tôi là người quản lý ở đây, đợi khi thầy giảng xong, thì tôi thu xếp bàn ghế lại.”

Từ đó, Ngài Ấn Quang phát nguyện, chăng giảng kinh ở Nam Kinh nữa.

Một năm nọ, Ngài Ấn Quang đến Thượng Hải giảng Kinh A Di Đà, có đăng tin tức trên báo, khiến cho người có duyên đến nghe kinh gieo trồng căn lành, tích tụ công đức. Lần pháp hội đó, rất long trọng trang nghiêm, rất nhiều người đến nghe kinh đều là tín đồ kiên thành.

Đương thời, có một nữ cư sĩ (chăng phải là Phật tử) ở trong mộng thấy có người mặc áo giáp màu vàng, bảo với cô ta rằng : “*Con hãy đến Thượng Hải để nghe Bồ Tát Đại Thế Chí giảng Kinh A Di Đà.*” Cô ta nhớ rất rõ ràng. Ngày thứ hai sáng sớm xem báo, thì thấy tin tức họ cung thỉnh Ngài Ấn Quang giảng Kinh A Di Đà. Cô ta vì tâm háo kỳ, mà đến chỗ đó để cầu kiến Ngài Ấn Quang. Khi thấy Ngài Ấn Quang thì tự động đánh lễ, bèn nói với Ngài Ấn Quang rằng : “*Con chăng phải là Phật giáo đồ, vì đêm hôm qua con nằm mộng thấy, có người bảo con*

đến chỗ này nghe Bồ Tát Đại Thế Chí giảng Kinh A Di Đà. Xin hỏi Ngài ! Không chừng Ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí.”

- Lúc đó, Ngài Ấn Quang dơ tay thị ý : “*Việc này, con biết, ta biết, đừng nói cho ai biết.*” Vị nữ cư sĩ đó, bèn quy y Tam Bảo, cuối cùng vẫn giữ tin này bí mật, chẳng thố lộ với bất cứ ai. Ba năm sau, khi Ngài Ấn Quang viên tịch trên núi Linh Nham, thì vị cư sĩ này, mới tuyên bố cảnh giới này ở trước công chúng. Lúc đó, mọi người mới biết Ngài Ấn Quang là hóa thân của Bồ Tát Đại Thế Chí, Bồ Tát thừa nguyện trở lại. Đời sau, tôn xưng là Tổ Sư thứ mười ba phái Liên Tông. Tuy nhiên, đệ tử quy y với Ngài khắp thiên hạ, nhưng chẳng có đệ tử truyền pháp. Tại sao ? Vì Ngài thệ nguyện chẳng lập chùa, chẳng thu đệ tử xuất gia.

Bấy giờ, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến lại tự nghĩ rằng : Tuy ta cúng dường như thế, tâm vẫn cảm thấy chưa đủ. Nay ta nên cúng dường xá lợi, bèn nói với các Bồ Tát đại đệ tử, và trời rồng Dạ Xoa, hết thảy tất cả đại chúng, các ông nên một lòng nghĩ nhỏ, nay ta cúng dường xá lợi của Phật Nhật Nguyệt Tinh Minh Đức.

Lúc đó, vị Bồ Tát đó lại nghĩ rằng : “Tuy kiếp trước ta đốt thân cúng dường Phật, mà tâm vẫn cảm thấy chưa đủ chân thành. Hôm nay phải cúng dường xá lợi của Phật.” Bèn nói với các vị Bồ Tát đại đệ tử và trời rồng tám bộ chúng rằng : “Các ông đại chúng nên một lòng nghĩ nhớ, nay ta phải cúng dường xá lợi của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức.”

Nói lời đó rồi, bèn ở trước tám vạn bốn ngàn bảo tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, trải qua bảy vạn hai ngàn năm, dùng để cúng dường, khiến cho vô số chúng cầu Thanh Văn, vô lượng A tăng kỳ người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều khiến cho trụ vào tam muội hiện tất cả sắc thân.

Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến nói xong lời đó rồi, lập tức ở trước tám vạn bốn ngàn bảo tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm của mình, trải qua bảy vạn hai ngàn năm để cúng dường.

Có người hỏi : “Kỳ lạ ! Vị Bồ Tát đó, kiếp trước đốt thân cúng dường trải qua một ngàn hai trăm năm. Tại sao lần này đốt tay phải trải qua bảy vạn hai ngàn năm ? Tôi chẳng hiểu đạo lý bên trong, xin Thầy từ bi khai thị.”

- Nói cho bạn biết ! Vị Bồ Tát đó, kiếp trước dùng sắc thân để cúng Phật, lần này dùng hóa thân để cúng Phật, muốn thiêu bao lâu cũng được, chẳng có hạn chế thời gian, bạn hiểu chứ !

Tại sao vị Bồ Tát đó lại đốt cánh tay, để cúng dường Phật xá lợi ? Vì muốn cảm hóa những chúng sinh chẳng có tâm chân thành, phát khởi tâm chân thành để cúng dường Phật xá lợi, vì muốn khiến cho vô lượng A tăng kỳ người phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đó mà đốt cánh tay để làm ảnh hưởng chúng sinh phát tâm bồ đề, đều khiến cho chúng sinh trụ tại cảnh giới tất cả sắc thân tam muội.

Bấy giờ, các vị Bồ Tát, trời, người, A tu la thấy, đều thấy vị Bồ Tát đó chẳng còn cánh tay, thì rất buồn rầu bi ai, bèn nói rằng : Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến này, là thầy của chúng ta, giáo hóa chúng ta, mà nay đốt đi cánh tay, thân chẳng còn đầy đủ.

Lúc đó, các vị đại Bồ Tát, hàng trời người và A tu la, quỷ thần thấy, đều thấy vị Bồ Tát đó chẳng còn hai cánh tay, thì mọi người đều buồn rầu bi ai, khác miệng cùng lời nói : ‘‘Vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến là thầy của chúng ta, giáo hóa chúng ta, khiến cho chúng

ta hiểu Phật pháp, khiến cho chúng ta tu trì Phật pháp, nhưng Ngài phát nguyện đốt cánh tay cúng Phật, hiện nay thân tướng chẳng còn đầy đủ.”

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến ở trong đại chúng lập thệ nguyện rằng : Ta xả bỏ cánh tay, tất sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thật không hư, thì khiến cho cánh tay của ta hoàn lại như cũ, thệ nguyện vừa xong, thì cánh tay tự nhiên hoàn lại. Bởi do Bồ Tát đó phước đức trí huệ sâu dày, nên được như thế.

Lúc đó, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến ở trong đại chúng lập thệ nguyện rằng :”Ta đốt cánh tay cúng Phật, thì tương lai nhất định được thân sắc vàng tía của Phật. Nếu như là chân thật không hư, thì khiến cho cánh tay của tôi đốt, lập tức khôi phục lại như cũ. Phát nguyện như thế rồi, thì tự nhiên sinh ra cánh tay mới như ban đầu, chẳng có gì khác biệt. Đó là nhờ duyên gì ? Vì Bồ Tát đó có phước đức lớn, trí huệ lớn sâu dày, lại thành thật, cho nên mới có cảnh giới cảm ứng không thể nghĩ bàn như thế.”

Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới sáu thứ chấn động, trời mưa xuống hoa báu, tất cả trời người được chưa từng có.

Lúc đó, ba ngàn đại thiên thế giới đều có sáu thứ chấn động. Trời mưa hoa báu xuống, tất cả trời người đều cho là việc ít có, từ khi sinh ra chưa từng gặp qua cảnh giới này.

Đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa : Ý của ông thế nào ? Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đâu phải là ai xa lạ, nay là Bồ Tát Dược Vương này vậy, vị đó xả thân bố thí như thế, vô lượng trăm ngàn vạn ức Na do tha số lần.

Đức Phật bảo Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng : “Ông cảm thấy khổ hạnh đó như thế nào ? Ông có biết vị Bồ Tát đó là ai chăng ? Là Bồ Tát Dược Vương này vậy. Vị Bồ Tát đó xả thân cho Phật, bố thí cho chúng sinh, nhiều vô lượng trăm ngàn vạn ức Na do tha, số lượng này không thể nói hết được, bất quá, nay ta chỉ nói vị đó đốt thân và đốt cánh tay cúng dường Phật mà thôi.”

Tú Vương Hoa ! Nếu có người phát tâm muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, mà có thể đốt một ngón tay, cho đến một ngón chân, cúng dường tháp Phật, còn hơn là người dùng đất nước vợ con, và ba ngàn đại thiên thế giới, núi rừng sông ngòi, các châu báu, mà cúng dường.

Đức Phật lại gọi một tiếng : “Tú Vương Hoa ! Nếu như có chúng sinh, phát tâm muốn được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hoặc phát tâm đốt một ngón tay, hoặc phát tâm đốt một ngón chân, để cúng dường Phật, để cúng dường tháp của Phật, thì công đức cúng dường đó, hơn là công đức của người đem đất nước vợ con ra bố thí, cũng hơn công đức dùng ba ngàn đại thiên thế giới, núi rừng sông ngòi, và các châu báu vật quý đem cúng dường Phật.”

Hoặc lại có người, dùng bảy báu đầy ba ngàn đại thiên thế giới, để cúng dường Phật và đại Bồ Tát, Bích Chi Phật, A La Hán, công đức của người đó đặc được, chẳng bằng thọ trì Kinh Pháp Hoa này,

cho đến một bài kệ bốn câu, thì phước này thắng hơn phước kia.

Đức Phật lại nói : “Nếu như có người dùng bảy báu đây đầy ba ngàn đại thiên thế giới, để cúng dường chư Phật, chư Bồ Tát, chư Bích Chi Phật, các vị A La Hán, công đức cúng dường bốn bậc Thánh như thế, chẳng bằng thọ trì một bài kệ bốn câu trong Kinh Pháp Hoa, công đức được thù thắng hơn. Tóm lại, bất cứ cúng dường bốn bậc Thánh như thế nào, cũng chẳng bằng công đức thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa.”

Tú Vương Hoa ! Ví như nước trong sông ngòi, kinh rạch, thì biển là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong các kinh của Như Lai nói, là sâu rộng lớn nhất.

Phật lại nói : “Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Ví như nước ở trong tất cả sông ngòi, kinh rạch, thì biển cả là bậc nhất. Bộ kinh này cũng như thế, trong các kinh điển mười phương chư Phật nói, thì thâm diệu rộng lớn bậc nhất.”

Lại như : Núi đất, núi đen, núi Thiết Vi nhỏ, núi Thiết Vi lớn, và núi mủi báu, ở trong các núi, thì núi Tu Di là bậc nhất.

Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong các kinh là trên hết.

Lại như : Núi đất, núi đen, núi Thiết Vi nhỏ, núi Thiết Vi lớn, và núi mười báu, ở trong các núi, thì núi Tu Di là bậc nhất. Bộ Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong tất cả kinh điển, là trên hơn hết, chẳng có bộ kinh nào cao hơn. Bộ kinh này là kinh thành Phật, chỉ cần y pháp tu hành, thì có hy vọng thành Phật.

Lại như ở trong các ngôi sao, thì mặt trăng là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong ngàn vạn ức các kinh pháp, thì kinh này chiếu sáng nhất.

Lại giống như ở trong các ngôi sao, thì mặt trăng chiếu sáng nhất. Bộ Kinh Pháp Hoa này cũng lại như thế, ở trong ngàn vạn ức các kinh điển, thì kinh này chiếu sáng nhất.

Lại như mặt trời chiếu phá mọi sự tối tăm, kinh này cũng lại như thế, hay phá trừ tất cả sự tối tăm bất thiện.

Lại giống như mặt trời hay phá trừ tất cả đen tối, Kinh Pháp Hoa cũng như thế, hay phá trừ tất cả sự đen tối

bất thiện. Tóm lại, thọ trì Kinh Pháp Hoa sẽ đắc được đại trí huệ, quang minh này hay phá trừ đen tối vô minh.

Lại như trong các ông vua, thì vua chuyển luân thánh vương là bậc nhất. Kinh này cũng lại như thế, ở trong các kinh là tôn quý hơn hết.

Lại giống như trong các ông vua, thì địa vị của vua chuyển luân thánh vương là bậc nhất, chẳng ai có thể sánh. Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, ở trong các kinh điển là tôn quý hơn hết.

Lại như trời Đế Thích, là vua cõi trời Ba Mươi Ba. Kinh này cũng lại như thế, là vua trong các kinh.

Giống như trời Đế Thích, là vua cõi trời Ba Mươi Ba, quản hạt ba mươi hai cõi trời, Kinh Pháp Hoa cũng như thế, là vua ở trong tất cả kinh điển.

Lại như vua Đại Phạm Thiên, là cha của tất cả chúng sinh. Kinh này cũng lại như thế, là cha của tất cả các bậc hiền

Thánh học vô học, và những người phát tâm Bồ Tát.

Lại như vua Đại Phạm Thiên, là cha của tất cả chúng sinh. Vì sao xưng là cha của tất cả chúng sinh ? Vì thế giới có thành trụ hoại không bốn trung kiếp (mỗi trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp). Đến thời kỳ kiếp không, thì Thiên chúng của cõi Sơ thiên, tự nhiên tự nạn đến cõi trời Nhị thiên. Đến thời kỳ kiếp thành lập, thì Thiên chúng tự nạn ở cõi Nhị thiên lại trở về cõi trời Sơ thiên. Người đầu tiên trở lại là vua Đại Phạm Thiên. Vì người sau này càng ngày càng đến nhiều, cho nên vua Đại Phạm Thiên đối với đại chúng tuyên bố : “Ta là cha của các người, các người phải tôn kính ta, phải nghe lời ta, không thể làm trái ngược ý chỉ của ta.”

Bà la môn ở Ấn Độ cho rằng : Tổ tiên của họ là từ miệng trời Phạm Thiên sinh ra, cho nên có thần Thánh ưu việt không thể xâm phạm, đáng hưởng thọ đặc quyền, cho đó là việc thiên kinh địa nghĩa. Do đó, ở Ấn Độ tạo ra hiện tượng giai cấp chằng bành đẳng, đến nay vẫn còn như thế, khiến cho kẻ nô lệ vĩnh viễn không được đối đãi bình đẳng.

Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, là cha của tất cả bậc hiền Thánh, bậc hữu học (sơ, nhị, tam quả A La Hán), bậc vô học (tứ quả A La Hán), và những người phát tâm Bồ Tát tu đạo Bồ Tát.

Lại như, trong tất cả những người phạm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì Bích Chi Phật là bậc nhất. Kinh này cũng lại như thế, ở trong các kinh của Phật nói, hoặc Bồ Tát nói, hoặc Thanh Văn nói, thì kinh này là bậc nhất.

Lại giống như ở trong tất cả phạm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, thì Bích Chi Phật là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa cũng như thế. Ở trong tất cả kinh pháp của chư Phật nói, hoặc kinh điển của Bồ Tát nói, hoặc kinh điển của hàng Thanh Văn nói, thì kinh này là bậc nhất.

Có người hay thọ trì kinh này cũng lại như thế, ở trong tất cả chúng sinh cũng là bậc nhất.

Nếu như có người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa cũng như thế, ở trong tất cả chúng sinh là bậc nhất. Bộ kinh này là pháp môn ai ai cũng có thể tu, ai kiên thành tu trì, thì người đó là bậc nhất. Tu hành phải cước đạp thật địa, cung hành thực tiễn, không nên cứ tìm tiện nghi, phải

thấu rõ việc thiên hạ, không thể nào không làm mà có thu hoạch. Người xưa nói :

“Trông trọt một phần,
Thì thu hoạch một phần.”

Dụng công một ngày, thì tiếp cận gần cảnh giới của Phật một dặm đường.

Ở trong tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, thì Bồ Tát là bậc nhất. Kinh này cũng lại như thế, là bậc nhất ở trong tất cả kinh pháp.

Ở trong tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, thì Bồ Tát là bậc nhất. Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, ở trong tất cả các kinh pháp, thì kinh này là bậc nhất, cho nên gọi là vua trong các kinh.

Như Phật là vua của các pháp, kinh này cũng lại như thế, là vua trong các kinh.

Lại giống như Phật là vua của tất cả các pháp, Kinh Pháp Hoa là vua của tất cả các kinh. Đức Phật cử ra những ví dụ đó, để nói rõ tính quan trọng của Kinh Pháp Hoa, khiến cho người thọ trì Kinh Pháp Hoa, biết được

công đức rộng lớn của Kinh Pháp Hoa, chẳng gì sánh bằng.

Tú Vương Hoa ! Kinh này hay cứu hộ tất cả chúng sinh, kinh này hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa các khổ não, kinh này làm lợi ích rất lớn cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều được mãn nguyện.

Phật lại gọi một tiếng : “Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Bộ Kinh Pháp Hoa này dụng đồ rất rộng lớn, hay cứu độ tất cả chúng sinh lìa khỏi phiền não, hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa khổ được vui, lại hay lợi ích cho tất cả chúng sinh được mãn nguyện. Tóm lại, phàm là người thọ trì Kinh Pháp Hoa, bất cứ cầu gì cũng được mãn nguyện.” Song, phải chánh nguyện chứ chẳng phải tà nguyện, điểm này phải rõ ràng. Dưới đây sẽ cử ra mười hai điều lợi ích.

Như hồ nước mát mẻ, hay khiến cho tất cả những người khát khao được hết khát, như người lạnh được lửa, như người trần truồng được quần áo, như người buôn bán gặp chủ, như con gặp mẹ, như người qua sông gặp thuyền, như người

bệnh gặp được thuốc, như tối gặp được đèn, như người nghèo gặp của báu, như dân gặp được vua, như khách buôn gặp được biển, như đước sáng trừ tối tăm.

Công dụng của Kinh Pháp Hoa giống như hồ nước trong sạch mát mẻ, hay khiến cho người khát giải trừ sự khát uy hiếp. Giống như người lạnh lẽo gặp được lửa để sưởi ấm. Giống như người trần truồng gặp được quần áo. Trước khi chưa thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì như là trần truồng; sau khi kiên thành thọ trì kinh này, thì đồng như được quần áo. Giống như người buôn bán làm ăn gặp chủ nhân, giống như đứa con mất mẹ đã lâu, bây giờ gặp được mẹ thì vui mừng không thể tả được, tức cũng là gặp được pháp thân người mẹ. Giống như muốn đi qua sông mà gặp được thuyền. Kinh Pháp Hoa là thuyền pháp lớn, đưa chúng sinh qua biển sinh tử, giống như người bệnh tật gặp thầy thuốc, thuốc vào thì hết bệnh. Chúng ta là người mắc bệnh ba độc, Kinh Pháp Hoa là thầy thuốc giỏi, hay cứu bệnh khổ phiền não của chúng ta.

Kinh Pháp Hoa giống như chỗ tối tăm có đèn chiếu sáng, chiếu phá vô minh ở trong tâm, khiến cho trí huệ quang minh hiện tiền. Giống như người nghèo được bầy báu vô giá; giống như dân gặp được ông vua anh minh nhân từ, giống như khách buôn được châu báu ở trong biển, giống như đước lớn hay phá trừ tất cả đen tối.

Kinh Pháp Hoa cũng lại như thế, hay khiến cho chúng sinh lìa tất cả sự khổ, tất cả bệnh khổ, giải thoát tất cả sự trói buộc sinh tử.

Bộ Kinh Pháp Hoa này, có mười hai thứ diệu dụng này, hay khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi tất cả sự khổ não, và tất cả mọi bệnh tật, lại hay giải trừ tất cả sự trói buộc sinh tử của chúng sinh, khiến cho được tự tại.

Nếu người nào được nghe Kinh Pháp Hoa này, hoặc tự biên chép, hoặc khiến cho người biên chép, thì công đức đặc được, dùng trí huệ của Phật suy lường, cũng chẳng biết được bờ mé là bao nhiêu.

Nếu như người có căn lành được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi, mà phát tâm biên chép kinh này, hoặc là tự mình biên chép, hoặc nhờ người khác biên chép, thì công đức đặc được đều đồng nhau. Công đức này dù dùng trí huệ của Phật để suy lường là bao nhiêu, cũng chẳng cách chi biết được bờ mé của công đức.

Nếu biên chép quyển kinh này, mà dùng hương hoa, chuỗi ngọc, hương đốt,

hương bột, hương xoa, phan lọng, y phục, các thứ đèn, đèn tô, đèn dầu, các đèn dầu thơm, đèn dầu thiem bạc, đèn dầu tu mạn na, đèn dầu ba la la, đèn dầu bà lợi sư ca, đèn dầu ba ma lợi, để cúng dường, thì công đức đặc được cũng vô lượng.

Nếu như có người khi biên chép bộ kinh điển này, mà dùng đủ thứ hoa tươi, hương quý, chuỗi ngọc, để cúng dường kinh này, hoặc dùng các thứ hương đốt, hương bột, hương xoa, để cúng dường kinh này, hoặc dùng các thứ phan báu, hoa báu, y phục báu, để cúng dường kinh này. Hoặc dùng các thứ đèn để cúng dường, nào là đèn dầu tô, đèn dầu, đèn dầu thơm, đèn dầu thiem bạc, đèn dầu tu mạn na, đèn dầu ba la la, đèn dầu bà lợi sư ca, đèn dầu na bà ma lợi, công đức đặc được cũng vô lượng vô biên, không thể biết được.

Tú Vương Hoa ! Nếu có người nghe được Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Được Vương này, thì cũng đặc được vô lượng vô biên công đức.

Đức Phật gọi một tiếng : “Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Nếu người có căn lành, dù chỉ nghe được Phẩm Bốn Sự

của Bồ Tát Dược Vương, thì cũng đắc được vô lượng vô biên công đức.”

Nếu có người nữ, nghe được phẩm bốn sự của Bồ Tát Dược Vương, mà hay thọ trì, thì khi hết thân nữ này, về sau chẳng thọ lại nữa.

Nếu có người nữ, nghe được Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương, mà hay thọ trì phẩm này, thì đời vị lai chẳng làm thân người nữ. Song, nếu thích làm thân nữ thì chẳng có gì để nói.

Nếu sau khi Nhữ Lai diệt độ, trong năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe được kinh này, theo như trong kinh nói mà tu hành, thì sau khi mạng chung, sẽ được vãng sinh về thế giới An Lạc, cõi của đức Phật A Di Đà, được chúng đại Bồ Tát vây quanh chỗ ở.

Sau khi Phật vào Niết Bàn, trong năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe được Kinh Pháp Hoa, mà phát tâm y theo đạo lý trong kinh nói để tu hành, tức là tu nhẫn nhục, từ bi, pháp không, ba pháp môn. Sau khi

mạng chung, thì sẽ vãng sinh về thế giới An Lạc, tức cũng là thế giới Cực Lạc, được gặp Phật A Di Đà, “hoa nở thấy Phật” có Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát vây quanh chỗ ở.

Sinh trên đài báu trong hoa sen, chẳng bị tham dục làm phiền não, cũng chẳng bị sân hận ngu si làm phiền não, cũng chẳng bị sự kiêu mạn, đố kỵ, các cấu, làm phiền não, được thần thông của Bồ Tát, và vô sinh pháp nhẫn.

Người hóa sinh trên đài báu trong hoa sen, chẳng còn bị tham dục làm phiền não, chẳng còn bị sân hận ngu si làm phiền não, chẳng còn bị ngu si làm phiền não. Giải trừ ba độc thanh tịnh, tức là thân tâm khinh an. Ba độc này có mối quan hệ với nhau. Sinh tâm tham dục mà chẳng đắc được, thì bèn khởi nóng giận. Khi nóng giận thì sẽ mất đi lý trí, tức là ngu si. Trí huệ chẳng hiện tiền thì chẳng rõ thị phi, chẳng biết thiện ác. Vô minh hiện tiền thì làm việc điên đảo, tạo thành nghiệp thân khẩu ý chẳng thanh tịnh. Phạm mười điều ác rồi, thì vĩnh viễn đọa vào ba đường ác trong luân hồi, chẳng có kỳ hạn thoát khỏi.

Khống chế tham sân si như thế nào ? Thì phải siêng tu giới định huệ, hay giữ giới luật thì chẳng có tâm tham,

hay giữ định lực thì chẳng có tâm sân, hay học trí huệ thì chẳng ngu si. Ví như một bồn nước đục (vô minh) muốn cho nó thanh tịnh lắng trong, thì cho vào một chút phèn trắng (giới pháp), đừng quấy động (định lực), từ từ sẽ lắng xuống và hiện ra thanh tịnh (trí huệ), hay phản chiếu vạn vật.

Nếu minh bạch nghĩa lý Kinh Pháp Hoa, thì cũng chẳng bị kiêu mạn, đố kỵ, các cấu bấn gây phiền não. Nếu người nào có hai thứ tâm lý biến thái này, thì vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ, chẳng thể được trí huệ. Tu đạo trước hết phải đừng có tâm cống cao ngã mạn, chẳng có tâm đố kỵ chướng ngại, học tinh thần từ bi hỷ xả của Bồ Tát.

Trong tâm chẳng có dơ bấn, thì sẽ đắc được thần thông của Bồ Tát và vô sinh pháp nhẫn. Vô sinh pháp nhẫn là gì ? Nói đơn giản là chẳng thấy có chút pháp sinh, chẳng thấy có chút pháp diệt, nhẫn ở nơi tâm.

Nhẫn tức là nhẫn nại, đối diện với cảnh nghịch mà chẳng sinh tâm sân hận. An trụ trên lý pháp mà chẳng động tâm. An trụ tâm vào chân như thật tướng, thì cảm thấy chẳng có tư hào tình niệm của phàm phu, có thể xả bỏ, cũng chẳng có kiến giải của Thánh nhân, có thể thủ lấy. Lúc đó, cảm thấy mười pháp giới chẳng có chút pháp sinh, cũng chẳng có chút pháp diệt, chẳng có sinh diệt, song trên pháp lý đều là như như bất động. Vì như như bất động, cho nên chẳng có sinh diệt, từ đó thấy tất cả các pháp đều chẳng có sinh diệt. Thật sự thấy được chân như

thật tướng, mới đắc được sự nhẫn đó, mà vĩnh viễn chẳng bị cảnh bên ngoài làm mê hoặc, giao động tâm.

Tóm lại, buông bỏ được tất cả, chẳng có chấp trước tức là vô sinh pháp nhẫn. Chúng được vô sinh pháp nhẫn, tức là pháp thân Bồ Tát. Phàm là người thượng phẩm thượng sinh về thế giới Cực Lạc, một khi đến Tịnh Độ thì lập tức hoa nở thấy Phật, lập tức được vô sinh pháp nhẫn, có đại trí huệ, có đại thần thông, trợ giúp Phật giáo hóa chúng sinh, khiến cho sớm được lìa khổ được vui, sinh về Tịnh Độ.

Đắc được nhẫn đó rồi, thì căn mắt thanh tịnh, nhờ căn mắt thanh tịnh, nên thấy được bảy trăm vạn hai ngàn ức Na do tha, Hằng hà sa các đức Phật Như Lai.

Đắc được vô sinh pháp nhẫn rồi, thì căn mắt thanh tịnh, tức cũng là đắc được pháp nhẫn. Dùng pháp nhãn thanh tịnh, có thể thấy được bảy trăm vạn hai ngàn ức Na do tha, Hằng hà sa các Đức Phật.

Lúc đó, các đức Phật cùng nhau khen ngợi nói : Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Ông ở trong pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, hay thọ trì đọc tụng

suy gẫm kinh này, vì người khác nói, phước đức đặc được vô lượng vô biên, lửa không thể thiêu đặng, nước không thể ngập chết đặng, công đức của ông ngàn đức Phật cùng nói, cũng không hết được.

Lúc đó, chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở trong mười phương cõi nước, đều cùng nhau khen rằng :“Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Ông ở trong pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, hay thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này, tư duy kinh này. Lại vì người khác giải nói kinh này, công đức đặc được vô lượng vô biên. Lửa lớn không thể thiêu đặng, nước lớn không thể ngập chết. Công đức của ông dù ngàn vị Phật cùng nhau nói, cũng nói không hết được.”

Ông nay đã phá được các ma tặc, dẹp tan quân sinh tử, các oán địch khác cũng đều tiêu diệt.

Hiện tại ông đã phá trừ được tất cả ma tặc. Ma hay chướng ngại chánh đạo, hay hại huệ mạng, tặc là sáu tên tặc, tức là sáu căn cướp đi pháp tài. Lại phá hoại được quân sinh tử, chẳng còn thọ khổ trong luân hồi, còn các oán địch khác thì thấy đều tiêu diệt, chẳng còn đến nhiều hại nữa.

Thiện nam tử ! Trăm ngàn các đức Phật dùng sức thần thông cùng bảo hộ ông. Ở trong tất cả thế gian trời người chẳng có ai bằng ông, ngoài Như Lai ra, các hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát, trí huệ thiên định, cũng chẳng có ai bằng ông.

“Thiện nam tử ! Trăm ngàn các Đức Phật, cùng dùng sức đại thần thông, cùng bảo hộ ông. Ở trong tất cả thế gian trời người chẳng có ai cao hơn ông. Trừ Như Lai ra, dù tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến trí huệ và thần thông của Bồ Tát, cũng chẳng bằng ông được.” Tóm lại, địa vị của Bồ Tát đó đã gần bậc Diệu Giác.

Tú Vương Hoa ! Bồ Tát đó thành tựu sức công đức trí huệ như thế.

Phật lại gọi một tiếng : “Tú Vương Hoa Bồ Tát ! Vị Bồ Tát nghe kinh tu trì đó, vãng sinh Tịnh Độ thành tựu sức công đức trí huệ như thế.” Do đó, có thể biết, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép bộ Kinh Pháp Hoa này, thì có cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Nếu có người nghe Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương, mà tùy hỷ khen ngợi, thì người đó, hiện đời trong miệng thường tỏa ra hương thơm hoa sen xanh, lỗ lông nơi thân thường tỏa ra hương thơm ngưu đầu chiên đàn, công đức đặc được như trên đã nói.

Nếu có người nghe Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương, mà tùy hỷ tán thán :“Lành thay !” Thì người đó hiện đời trong miệng thường tỏa ra hương thơm hoa sen xanh, lỗ lông nơi thân thường tỏa ra hương thơm ngưu đầu chiên đàn, công đức đặc được như trên đã nói.

Bởi thế, Tú Vương Hoa ! Ta đem Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương này, phó chúc cho ông. Sau khi ta diệt độ, trong năm trăm năm sau, hãy rộng truyền bá khắp cõi Diêm Phù Đề, đừng khiến cho đoạn tuyệt, đừng để ác ma, dân ma, chư Thiên, rồng, Dạ Xoa, Cửu Bàn Trà, hết thấy được phướng tiện đó.

Phật nói :“Bởi vì thế, Tú Vương Hoa Bồ Tát ! Ta đem phẩm Bản Sự của Bồ Tát Dược Vương này, phó chúc cho ông. Sau khi ta diệt độ, trong năm trăm năm sau, ông phải truyền bá phẩm này, lưu truyền ở cõi Diêm Phù Đề, đừng khiến cho đoạn tuyệt thất truyền, đừng khiến cho con ma, cháu ma, thần ma, dân ma, trời, rồng, tám bộ chùng, thầy được phương tiện đó.”

Tú Vương Hoa ! Ông nên dùng sức thần thông giữ gìn kinh này. Vì sao ? Vì kinh này là thuốc hay cho những người bệnh ở cõi Diêm Phù Đề. Nếu người có bệnh mà được nghe kinh này, thì bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Phật lại gọi một tiếng :“Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Ông nên dùng sức thần thông để giữ gìn bộ kinh này. Vì sao ? Vì bộ kinh này là thuốc hay, trị được bệnh của con người ở cõi Diêm Phù Đề. Người có bệnh si ái, thì kinh này trị được bệnh si ái. Nếu như có người mắc bệnh mà nghe được Kinh Pháp Hoa, thì liền tiêu trừ bệnh hoạn, thậm chí không già không chết.”

Tú Vương Hoa ! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, thì nên dùng hoa

sen xanh, và đựng đầy hương bột cúng dường rải lên trên người đó. Rải lên rồi, bèn nghĩ rằng : Người này chẳng bao lâu sẽ lấy cớ ngồi ở Đạo tràng, phá các quân ma, thổi pháp loa, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng sinh, lìa khỏi biển sanh già bệnh chết. Bởi thế, người cầu Phật đạo, thấy người thọ trì kinh điển này, thì nên sinh tâm cung kính như thế.

Phật lại gọi một tiếng : ‘Bồ Tát Tú Vương Hoa ! Nếu ông thấy có người thọ trì kinh này, thì nên dùng hoa sen xanh và đựng đầy hương bột cúng dường rải lên trên họ. Rải rồi thì nghĩ rằng : ‘Người này chẳng bao lâu nữa sẽ lấy cớ làm tòa, ngồi dưới cội bồ đề phá các quân ma, hàng phục ma nữ, thành Chánh Giác, thổi đại pháp loa, đánh trống pháp lớn, vì tất cả chúng sinh mà thuyết pháp, độ thoát tất cả chúng sinh, lìa khỏi biển khổ sanh già bệnh chết. Bởi thế phàm là người cầu Phật đạo, thấy người thọ trì kinh này, thì nên sinh tâm cung kính như thế.

Khi đức Phật nói Phẩm Bản Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì có tám vạn bốn

ngàn vị Bồ Tát, đắc được Đà la ni tất cả ngôn ngữ của chúng sinh.

Khi Đức Phật nói Phẩm Bốn Sự của Bồ Tát Dược Vương, thì có tám vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, đắc được Đà la ni tất cả ngôn ngữ của chúng sinh.

**Đức Đa Bảo Như Lai ở trong bảo tháp khen Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng :
Lành thay ! Lành thay ! Tú Vương Hoa !
Ông thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, mới có thể hỏi đức Thích Ca Mâu Ni
việc như thế, lợi ích vô lượng tất cả chúng
sinh.**

Đức Đa Bảo Như Lai ở trong bảo tháp, cũng khen ngợi Bồ Tát Tú Vương Hoa rằng :“Lành thay ! Lành thay ! Tú Vương Hoa ! Ông thành tựu công đức không thể nghĩ bàn, mới có thể hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni, về việc khổ hạnh khó hành của Bồ Tát Dược Vương đốt thân, đốt cánh tay, hay lợi ích vô lượng tất cả chúng sinh.”

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

KỆ HỒI HUỞNG CÔNG ĐỨC

**Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liên phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.**

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- *Chú đại bi giảng giải.*
- Chú lắng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lắng nghiêm giảng giải tập 2.
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.*
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (hết).

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp Kinh Hoa Nghiêm giảng giải và Chú Lắng Nghiêm giảng giải.



Nếu có người đem tất cả đồ vui thích, bố thí cho sáu đường chúng sinh, trong bốn trăm vạn ức A tăng kỳ thế giới. Lại khiến cho họ đắc quả A La Hán, công đức của người đó, chẳng bằng người thứ năm mươi, nghe một bài kệ Kinh Pháp Hoa, mà tùy hỷ công đức, trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cũng chẳng bằng một phần, cho đến tính đến thí dụ, cũng không thể biết được.